CON NGƯỜI: Từ đâu tới, Sinh hoạt ra sao và Rồi sẽ đi về đâu.

(MAN: Whence, How and Whither)

Tác giả: ANNIE BESANT và C. W. LEADBEATER

Bản dịch:www.thongthienhoc.com

CON NGƯỜI: Từ đâu tới, Sinh hoạt ra sao và Rồi sẽ đi về đâu.

Ghi lại cuộc khảo cứu bằng thần nhãn.

Nhà xuất bản Thông Thiên Học, Adyar, Madras 20, Ấn Độ

Ấn bản lần thứ nhất 1913

In lại năm 1923

- **1954**
- **1960**
- **1967**

In tại Ấn quán Vasanta,

Hội Thông Thiên Học, Adyar, Madras 20

LỜI NÓI ĐẦU

Người ta không còn coi là hoàn toàn điên rồ đối với ý tưởng cho rằng có thể quan sát bằng thần nhãn. Nói chung thì người ta vẫn không chấp nhận và quả thật không chấp nhận tới một mức độ lớn lao nào đó. Tuy nhiên càng ngày càng có thiểu số đang tăng trưởng dần gồm những người rất thông minh, tin rằng thần nhãn là chuyện có thật và coi đó là một quyền năng hoàn toàn tự nhiên mà theo lộ trình tiến hóa thì sẽ trở nên phổ biến khắp thế giới. Họ không coi đó là một năng khiếu mầu nhiệm, cũng không phải là sự phát triển quá độ do có tính linh cao cấp, thông minh xuất chúng hoặc tính tình thanh khiết; bất kỳ đặc tính nào nêu trên hoặc mọi đặc tính ấy đều có thể biểu lộ nơi một người tuyệt nhiên không có năng khiếu thần nhãn. Họ biết rằng đó là một quyền năng tiềm tàng nơi mọi người và bất cứ ai có khả năng cũng như sẵn lòng trả giá thì đều có thể phát triển được nó đi trước thời hạn đối với cơ tiến hóa nói chung.

Việc sử dụng thần nhãn để khảo cứu về quá khứ chẳng có gì là mới lạ. Giáo lý Bí Truyền của H.P.Blavatsky là một ví dụ điển hình của cách sử dụng ấy. Liệu tác phẩm được tạo ra như thế có đáng tin cậy hay chăng, thì đây lại là một vấn đề dành cho các thế hệ tương lai quyết định vì họ có được quyền năng hiện nay đang sử dụng vì mục đích ấy. Chúng tôi biết rằng có một số lớn bạn đọc vốn là môn sinh tin tưởng rằng quyền năng ấy là sự thật và lại biết chúng tôi vốn trung thực, cho nên họ ắt thấy quyển sách này vừa thú vị lại vừa soi sáng. Quyển sách này đã được viết ra dành cho họ. Cũng như số môn sinh càng ngày càng gia tăng thì số bạn đọc ắt cũng gia tăng bấy nhiêu. Chúng tôi không thể hi vọng nhiều hơn mức ấy. Mãi hằng thế kỷ sau này, khi người ta có thể viết ra nhiều quyển sách hay hơn dựa vào những cuộc khảo cứu tương tự thì quyển sách này ắt sẽ được coi là một tác phẩm tiên phong thú vị, xét vì nó đã được viết ra vào thời kỳ ấy.

Hiển nhiên là ta không thể trình bày những bằng chứng về tính chính xác tổng quát của nó, mặc dù đôi khi người ta có thể thực hiện nhiều khám phá xác nhận một phát biểu rải rác đâu đó. Ta không thể chứng minh cho công chúng sự thật về việc khảo cứu bằng thần nhãn cũng giống như ta không thể chứng minh màu sắc cho kẻ mù lòa. Chừng nào còn đọc quyển sách này, thì công chúng còn không hoàn toàn cả tin vào nó; một số người có thể nghĩ rằng đó là một chuyện bịa đặt hay ho; những người khác có thể coi là nó thật tẻ nhạt. Hầu hết ắt coi tác giả hoặc là tự lừa

bịp mình hoặc là đi lừa bịp người khác, tùy theo vị thẩm phán vốn có hảo tâm hoặc ác tâm.

Chúng tôi xin nói với các môn sinh: Các bạn hãy chấp nhận nó chừng nào nó giúp các bạn nghiên cứu được và soi sáng cho những gì mà các bạn đã biết. Trong tương lai có thể có sự mở rộng và sửa chữa vì chúng tôi chỉ trình bày một vài mảnh vụn của một lịch sử bao la và nhiệm vụ này rất nặng nề.

Công trình khảo cứu được thực hiện ở Adyar vào mùa hè năm 1910; trong bầu không khí nóng bức của mùa hè, nhiều môn sinh đã vắng mặt và chúng tôi có thể nói là đã nhập thất để không bị làm phiền, mỗi tuần hết năm buổi chiều tối; chúng tôi quan sát và nói chính xác điều mà mình nhìn thấy, có hai hội viên là bà Van Hook và Don Fabrigio Ruspoli đã tử tế chép lại mọi điều chúng tôi nói, đúng hệt từng chữ một, hai bản biên chép này vẫn còn được lưu giữ.

Chúng được thêu dệt thành câu chuyện hiện nay một phần được viết ra trong vòng mùa hè năm 1911, khi chúng tôi dành vài tuần lễ cho mục đích ấy và tác phẩm được hoàn thành vào tháng tư và tháng năm, năm 1912, cũng được dành thời gian cho nó trong nhịp sống hối hả gấp rút. Cái loại công việc này không thể được hoàn thành trong bối cảnh thường xuyên bị gây rối làm phiền và cách duy nhất để hoàn tất nó là có lúc phải trốn đời, mà Ki tô hữu Công giáo La mã gọi là "đi vào tĩnh tâm".

Chúng tôi đã theo phác họa Thông Thiên Học tổng quát về cơ tiến hóa, và điều này được trình bày trong "phần sơ bộ" ở Chương I. Nó chi phối toàn thể và là kế hoạch nền tảng của tác phẩm này. Suốt quyển sách ta coi như hiển nhiên có sự thật là một Huyền giai đang dẫn dắt và đào luyện cơ tiến hóa, một số thành viên của Huyền giai này tất nhiên có xuất hiện trong suốt câu chuyện. Để đưa bản thân mình trở về những thời kỳ xa xưa nhất, chúng tôi để cho tâm thức của chính mình hiện diện nơi đó và dễ dàng khởi sự từ đó hơn bất kỳ thứ nào nhưng vì người ta không thể nhận ra được những thời kỳ nào khác. Có thể nói chúng đưa chúng tôi tới mức đặt chân lên thời kỳ Dãy hành tinh thứ nhứt và thứ nhì.

Kể từ phần sau này của Dãy hành tinh thứ ba mãi cho tới về sau, chúng tôi truy nguyên lịch sử của nhân loại bằng cách theo dõi một nhóm cá thể, trừ phi nhóm này có bận rộn chuyện gì khác trong bất kỳ giai đoạn tiến hóa quan trọng nào, chẳng hạn như lúc bắt đầu chi chủng thứ ba và thứ tư của Căn chủng thứ Năm; khi xảy ra trường hợp ấy thì chúng tôi lờ đi và dõi theo dòng tiến hóa chính yếu. Trong bản ghi chép này, chúng tôi không thể đưa ra nhiều chi tiết tương đối về các nhân vật vì dòng lịch sử vốn tràn lan rộng lớn. Tuy nhiên nhiều chi tiết trong cuộc đời

đã được xuất bản trên Tạp chí Nhà Thông Thiên Học dưới tiêu đề tổng quát là "Hé lộ Bức màn Thời gian" – những sự hé lộ giúp ta có thể thoáng thấy được quá khứ của nhiều cá thể. Chúng tôi hy vọng rằng một ngày kia sẽ xuất bản được một quyển sách thuộc loại này tên là Các tiền kiếp của Alcyone, nó có đính kèm theo nhiều bảng phổ hệ đầy đủ cho thấy mỗi kiếp các nhân vật chính đã được nhận diện ra cho đến nay quan hệ với nhau ra sao. Nếu có người thực hiện thì công trình thuộc loại này có thể tha hồ tiến hành.

Vì ta không thể viết lịch sử mà ta không nêu tên và vì luân hồi là một sự thật – do đó sự thật là cùng một cá thể lại tái xuất luôn qua các thời đại nối tiếp nhau, cá thể ấy đóng nhiều vai trò với nhiều tên gọi khác nhau – cho nên chúng tôi đã gọi tên nhiều cá thể để nhận diện được họ trong suốt những vở tuồng mà họ có thủ vai diễn. Đối với chúng tôi thì Irving cũng là Irving, cũng giống như Macbeth, Richard III, Shyhock, Charles I, Faust, Romeo, Matthias; và trong bất kỳ câu chuyện nào về cuộc đời mình thì y vẫn được gọi là diễn viên Irving, cho dù y đóng vai nào đi chăng nữa. Xuyên suốt câu chuyện ấy y vẫn có được cá tính liên tục. Cũng giống như một người trong câu chuyện dài mà một kiếp sống chỉ coi như một ngày, người ấy đóng cả trăm vai mà suốt đời chỉ vẫn là chính mình cho dù y là đàn ông hay đàn bà, nông dân, ông hoàng hay tu sĩ. Chúng tôi vẫn dành cho y một tên gọi đặc biệt để cho người ta nhận ra y bên dưới mọi chiêu bài mà y khoác lấy để thích hợp với vai diễn mà y đang đóng. Hầu hết các tên gọi ấy mang tên các chòm sao hoặc ngôi sao. Chẳng hạng như chúng tôi đặt tên cho Julius Caesar là Corona, đặt tên cho Plato là Pallas, đặt tên cho Lão tử là Lyra; bằng cách này chúng tôi có thể thấy các đường lối tiến hóa khác nhau ra sao, những kiếp trước nào đã tạo ra một Caesar hoặc một Plato. Nó khiến cho câu chuyện mang tính nhân bản và dạy cho môn sinh sự thật về luân hồi.

Tên gọi của những Đấng thường xuyên xuất hiện trong câu chuyện này thời đó chỉ là những thiện nam tín nữ bình thường, nhưng hiện nay là các vị Chơn sư; thì việc đặt tên ấy khiến cho các Đấng cao cả tỏ ra có thực hơn đối với một số người, các Ngài đã leo lên tới nơi mà các Ngài đang đứng trên nấc thang cuộc đời từ chỗ mà chúng ta hiện nay đang leo lên, các Ngài cũng đã từng biết tới cuộc sống gia đạo bình thường, những niềm vui và những nỗi buồn, những thành công và thất bại vốn là kinh nghiệm của loài người. Các Ngài đâu phải là các vị thần linh đã toàn bích từ biết bao thời đại vô tận, mà chỉ là những thiện nam tín nữ đã phát triển được Thượng Đế trong nội tâm và đã đi theo một con đường gian nan vất vả để đạt tới trình độ siêu phàm nhập thánh. Các Ngài là thành quả đầy hứa hẹn của điều mà

chúng ta sẽ thành tựu, là những đóa hoa huy hoàng trên cái cây mà chúng ta mới chỉ là nụ hoa chớm nở.

Thế là chúng tôi đã hạ thủy con tàu xuống biển cả công luận đầy bão tố để cho nó giáp mặt với định mệnh và tìm thấy số phận của mình.

ANNIE BESANT

C. W. LEADBEATER

MỘT SỐ NHÂN VẬT CHÍNH TRONG CÂU CHUYỆN

BỐN ĐẤNG KUMARA: Bốn vị Hỏa đức Tinh quân hiện vẫn còn sống ở Shamballa.

MAHAGURU: Là Đức Bồ Tát vào thời ấy, Ngài đã xuất hiện dưới dạng Vyasa, Thoth tức (Hermes), Zarathushtra, Orpheus, cuối cùng là Phật Thích Ca và trở thành Đức Thế Tôn.

SURYA : Đức Di Lạc Bồ Tát hiện nay, Đại sư tối cao của thế giới.

MANU : Bàn Cổ, người Lãnh đạo một Giống dân chính. Nếu có thêm tiếp đầu ngữ là Bàn Cổ Gốc hoặc Bàn Cổ Mầm Mống thì đó là một chức sắc còn cao cả hơn nữa, chủ trì một chu kỳ tiến hóa lớn hơn tức một Cuộc tuần hoàn hoặc một Dãy hành tinh. Trong sách Ấn Độ người ta dùng biệt hiệu Vaivasvata để chỉ vị Bàn Cổ Gốc của Dãy hành tinh Trái đất cũng như Bàn Cổ của Giống dân chính thứ Năm Aryan .

VIRAJ : Đức Văn minh Đại đế, một chức sắc cao cấp ngang hàng với Đức Bàn Cổ hoặc Đức Bồ tát.

SATURN : Hiện nay là một Chơn sư mà một số sách Thông Thiên Học coi là Chơn sư xứ Venice.

JUPITER : Hiện nay là một Chơn sư cư trú ở vùng đồi Nilgiri.

MARS : Hiện nay là Chơn sư M. trong tác phẩm Thế giới Huyền bí.

MERCURY : Hiện nay là Chơn sư K.H. trong tác phẩm Thê giới Huyền bí.

NEPTUNE : Hiện nay là Chơn sư Hilarion -

OSIRIS : Hiện nay là Chơn sư Serapis -

BRIHASPATI : Hiện nay là Chơn sư Jesus -

VENUS : Hiện nay là Chơn sư Ragozci, (Rakovzky) Chơn sư Hung gia lợi, Bá tước Saint Germain vào thế kỷ 18.

URANUS : Hiện nay là Chơn sư D.K.

VULCAN : Hiện nay là một Chơn sư mà kiếp lâm phàm mới đây nhất của Ngài được gọi là Ngài Thomas More.

ATHENA : Hiện nay là một Chơn sư mà thế giới gọi là Thomas Vaughan, 'Eugenius Philalethes'.

ALBA ... Ethel Whyte

ALBIREO ... Maria-Luisa Kirby

ALCYONE ... J. Krishnamurti

ALETHEIA ... John van Manen

ALTAIR ... Herbert Whyte

ARCOR ... A. J. Wilson

AURORA ... Count Bubna-Licics

CAPELLA ... S. Maud Sharpe

CORONA ... Julius Caesar

CRUX ... The Hon. Otway Cuffe

DENEB ... Lord Cochrane (Tenth Earl of Dundonald)

EUDOXIA ... Louisa Shaw

FIDES ... G. S. Arundale

GEMINI ... E. Maud Green

HECTOR ... W. H. Kirby

HELIOS ... Marie Russak

HERAKLES ... Annie Besant

LEO ... Fabrizio Ruspoli

LOMIA ... J. I. Wedgwood

LUTETIA ... Charles Bradlaugh

LYRA ... Lao-Tze

MIRA ... Carl Holbrook

MIZAR ... J. Nityananda

MONA ... Piet Meuleman

NORMA ... Margherita Ruspoli

OLYMPIA ... Damodar K. Mavalankar

PALLAS ... Plato

PHOCEA ... W. Q. Judge

PHOENIX ... T. Pascal

POLARIS... B. P. Wadia

PROTEUS... The Teshu Lama

SELENE... C. Jinarajadasa

SIRIUS... C. W. Leadbeater

SIWA... T. Subba Rao

SPICA... Francesca Arundale

TAURUS ... Jerome Anderson

ULYSSES... H. S. Olcott

VAJRA ... H. P. Blavatsky

VESTA ... Minnie C. Holbrook

MỤC LỤC

DẪN NHẬP:

CHƯƠNG

I : Sơ bộ

II : Các Dãy hành tinh thứ Nhất và thứ Nhì.

III : Thời sơ khai trên Dãy Nguyệt tinh.

IV : Cuộc tuần hoàn thứ Sáu trên Dãy Nguyệt tinh.

V : Cuộc tuần hoàn thứ Bảy trên Dãy Nguyệt tinh.

VI : Thời kỳ sơ khai trên Dãy hành tinh Trái đất.

VII : Những giai đoạn đầu của Cuộc tuần hoàn thứ Tư.

VIII : Căn chủng thứ Tư.

IX : Tà thuật ở Châu Atlantis.

X : Nền văn minh Atlantis.

XI : Hai nền văn minh dân Atlante - ở Peru.

XII : Hai nền văn minh dân Atlante - ở Peru.

XIII : Hai nền văn minh dân Atlante – ở Chaldea.

XIV : Mở đầu Căn chủng thứ Năm.

XV : Xây dựng Thành thị Lớn.

XVI : Nền văn minh sơ khởi của dân Aryan và đế quốc Aryan,

XVII : Phân chủng thứ Nhì, người Ả Rập.

XVIII : Phân chủng thứ Ba, người Ba Tư.

XIX : Phân chủng thứ Tư, người Kelte.

XX : Phân chủng thứ Năm, người Teuton

XXI : Dòng dõi của Căn chủng và đám con cháu di cư vào Ấn Độ.

XXII : Linh ảnh của vua A Dục.

XXIII : Khởi đầu Căn chủng thứ Sáu.

XXIV : Tôn giáo và các Đền thờ.

XXV : Giáo dục và Gia đình.

XXVI : Dinh thự và Phong tục tập quán.

XXVII : Kết luận.

Lời kết.

Phụ lục.

DẪN NHẬP .

Vấn đề nguồn gốc của con người, sự tiến hóa và số phận của nó là một đề tài hay ho vô tận. Y từ đâu mà ra, cái sinh linh Thông tuệ huy hoàng này ít ra cũng xuất hiện trên trái đất để trở thành đỉnh cao của loài sinh vật hữu hình? Y đã tiến hóa lên tới được địa vị ngày nay ra sao? Phải chăng y đã đột nhiên từ trên giáng xuống, từ một thiên thần rực rỡ trở thành kẻ tạm thời thuê mướn một căn nhà bằng đất sét; hay là y đã leo lên từ bên dưới trải qua những thời đại dài dằng dặc mờ mịt truy nguyên nguồn gốc tổ tiên tầm thường của mình từ loài đất bùn nguyên thủy, qua tới loài cá, loài bò sát, loài động vật có vú lên mãi tới giới nhân loại? Và đâu là số phận tương lai của y? Phải chăng y cứ tiếp tục tiến hóa lên mãi, càng ngày càng leo lên cao để rồi lại đi xuống cái đường dốc dài dằng dặc suy thoái cho đến khi y rớt vào cái vực thẳm sự chết, bỏ lại đằng sau một hành tinh băng giá, nấm mồ chôn hằng hà sa số các nền văn minh, hay là sự leo lên hiện nay của y chẳng qua chỉ là trường học dạy cho một Quyền năng tâm linh bất tử đến khi nó trưởng thành sẽ có định mệnh chưởng quản cây quyền trượng của thế gian, của một Thái dương hệ, một tập hợp Thái dương hệ, đó là một Đấng Thượng Đế chân chính đang hình thành?

Người ta đã giải đáp nhiều cho những thắc mắc này, một phần hoặc trọn vẹn, trong các Kinh điển của những tôn giáo thời xưa, dưới dạng những truyền thuyết mơ hồ được truyền thừa bởi các cổ nhân uy dũng qua cuộc thám hiểm của những nhà khảo cổ học hiện đại, qua công trình nghiên cứu của các nhà địa chất học, vật lý học, sinh học, thiên văn học thời nay. Kiến thức hiện đại nhất đã minh chứng cho những sử liệu xưa cũ nhất khi gán cho trái đất của ta và cư dân trên đó một thời kỳ tồn tại lâu dài và phức tạp mầu nhiệm; người ta đã sục sạo hằng trăm triệu năm mới rút ra được thời gian cho các quá trình chậm chạp và cần mẫn của thiên nhiên; con người nguyên thủy có nguồn gốc được đẩy lùi mãi cho tới tận khi châu Lemuria, nay là nơi mà Thái bình dương đang gợn sóng; còn Úc châu mới được tái phát hiện gần đây được coi là vùng đất xưa nhất; người ta định vị châu Atlantis là nơi mà hiện nay sóng của Đại tây dương đang vỗ, còn châu Phi được nối liền với châu Mỹ qua một cầu nối bằng đất liền sao cho vòng nguyệt quế của một nhà khám phá đã được nhổ ra từ cọng lông mày của Columbus và người ta coi ông là nối tiếp những thế hệ đã chết từ lâu rồi khi tìm được đường từ Âu châu đi tới lục địa mặt

trời lặn. Poseidonis không còn chỉ là chuyện hoang đường mà các lễ sư mê tín dị đoan người Ai Cập kể lại cho một triết gia Hy Lạp; Minos ở đảo Crete được khai quật từ ngôi mộ cổ xưa, là một con người lịch sử chứ không phải thần thoại; Babylon đã từng một thời cổ sơ thì lại được chứng tỏ là kẻ thừa kế hiện đại của một loạt những thành thị rất văn minh được chôn vùi trong hết địa tầng nầy tới địa tầng khác, sáng lấp lánh qua đêm đen thời gian. Truyền thông đang vẫy gọi kẻ thám hiểm hãy khai quật ở vùng Turkestan ở Trung Á và đang thì thào về những di tích người khổng lồ một mắt chỉ chờ đợi nhát xẻng khai quật của họ.

Giữa những sự xung đột ý kiến như thế, sự xung đột về lý thuyết, sự khẳng định và bác bỏ những giả thuyết bao giờ cũng mới thì rất có thể người ta có cơ may đọc tới phần ghi chép của hai người quan sát, hai kẻ thám hiểm bước trên một con đường rất xưa cũ mà rất ít người thời nay bước trên đó khi đã đến lúc ổn định. Khoa học ngày nay đang thám hiểm những phép lạ của cái gọi là 'trí nội giới' và tìm thấy nó có những quyền năng kỳ diệu, những điều bất ngờ kỳ lạ, những hồi ức kỳ lạ. Khi lành mạnh và thăng bằng chế ngự được bộ óc thì nó tỏ ra là một thiên tài, khi mất thăng bằng với bộ óc lông bông và hết biết đường mà tính thì nó tỏ ra là điên cuồng. Một ngày nào đó khoa học ắt ngộ ra được rằng cái mà nó gọi là trí nội giới thì Tôn giáo gọi là Linh hồn và sự hiển lộng quyền năng của nó còn tùy thuộc vào những công cụ vật lý và siêu vật lý mà nó điều khiển được. Nếu những công cụ này đã được kiến tạo tinh vi, lành mạnh và linh hoạt hoàn toàn bị nó kiểm soát thì các quyền năng về thị giác, thính giác, ký ức trào dâng cuồn cuộn từ trí nội giới ắt trở thành các quyền năng bình thường và khả dụng của Linh hồn, nếu Linh hồn phấn đấu tiến về Tinh thần – Linh Ngã – bị che giấu trong vật chất của Thái dương hệ thì Chơn ngã thay vì cứ bám lấy thể xác lúc bấy giờ sẽ gia tăng được quyền năng và trí thức; sẽ ở trong tầm tay của nó mà không thể đạt được bằng phương pháp khác.

Các nhà siêu hình học xưa và nay, tuyên bố rằng Quá khứ, Hiện tại và Tương lai bao giờ cũng tồn tại cùng lúc nơi Tâm thức thiêng liêng và chỉ mang tính lần lượt khi chúng bước vào biểu lộ, nghĩa là chịu ảnh hưởng của Thời gian vốn quả thật là sự nối tiếp các trạng thái tâm thức. Ý thức hữu hạn của ta vốn tồn tại nơi Thời gian cho nên tất yếu bị sự lần lượt ấy chi phối; ta chỉ có thể lần lượt suy nghĩ. Nhưng do kinh nghiệm trong các trạng thái giấc mơ, tất cả chúng ta đều biết rằng những sự đo lường qua thời gian biến thiên theo sự thay đổi tâm trạng, mặc dù vẫn còn sự liên tục; chúng ta cũng biết rằng những sự đo lường theo thời gian thậm chí còn biến thiên nhiều hơn nữa trong thế giới tư tưởng, và khi ta kiến tạo những hình tư tưởng thì ta có thể trì hoãn, xúc tiến, lập lại tùy ý để cho các hình tư tưởng nối tiếp

nhau mặc dù chúng bao giờ cũng vẫn bị sự nối tiếp ấy chi phối. Nếu theo đuổi đường lối tư duy ấy thì ta cũng chẳng khó khăn gì khi quan niệm ra một tâm trí được nâng lên tới quyền năng siêu việt, tâm trí của NGÔI LỜI – một Đấng như được miêu tả trong Phúc âm của Thánh John, i, 1 - 4 – bao hàm nơi bản thân mọi hình tư tưởng được thể hiện chẳng hạn như trong một Thái dương hệ, những hình tư tưởng ấy được sắp xếp theo thứ tự biểu lộ như được đề nghị, nhưng tất cả đều đã có sẵn ở đó, tất cả đều có thể được duyệt lại cũng giống như chúng ta có thể duyệt lại các hình tư tưởng của chính mình, mặc dù chúng ta chưa hề đạt tới mức quyền năng thiêng liêng; bậc Đạo sư Muhammad đã nêu bật được điểm ấy như sau: "Ngài chỉ nói với nó: 'Hãy hiện tồn' và thế là 'nó hiện tồn' [1]. Thế nhưng, cũng giống như đứa trẻ trong một ngày bao hàm nơi bản thân các tiềm năng của tổ tiên, cũng vậy chúng ta là con cháu của Thượng Đế, bao hàm nơi bản thân các tiềm năng của Đấng thiêng liêng. Vì thế cho nên khi chúng ta dứt khoát xoay chuyển linh hồn xa rời dục lạc để tập trung chú tâm vào Tinh thần – Tinh thần là thực chất mà Linh hồn chỉ là bóng dáng của nó nơi thế giới vật chất – thì Linh hồn có thể đạt được "Ký ức của Thiên nhiên", vốn thể hiện các Tư tưởng của NGÔI LỜI trong thế giới vật chất, có thể nói đó là những phản ánh của Tâm trí Ngài. "Ký ức Thiên nhiên" có quá khứ dưới dạng những ký ảnh hằng sống, nó cũng có Tương lai mà Linh hồn mới phát triển nửa chừng, khó lòng đạt được, vì Tương lai ấy chưa biểu lộ, chưa hiện thể, mặc dù hoàn toàn "có thực". Khi đọc những ký ảnh này, Linh hồn có thể truyền chúng xuống cho thể xác, ghi khắc nó lên bộ óc để rồi ghi chép nó lại bằng ngôn từ và văn tự. Khi Linh hồn hòa lẫn với Tinh thần – như trong trường hợp "những con người đã được toàn bích", những Đấng đã hoàn tất cơ tiến hóa nhân loại, những Chơn linh đã được "giải thoát" hoặc "cứu độ" [2] thì sự tiếp xúc với Ký ức thiêng liêng ắt là ngay tức khắc, trực tiếp, bao giờ cũng sẵn có và không sai lầm. Trước khi đạt tới mức đó thì sự tiếp xúc ắt bất toàn, phải qua trung gian, phải chịu sự sai lầm về quan sát và truyền dẫn.

Những người viết ra quyển sách này đã được dạy phương pháp tiếp xúc ấy, nhưng vì gặp nhiều khó khăn liên quan tới trình độ tiến hóa chưa hoàn chỉnh cho nên chỉ làm hết sức mình để quan sát và truyền dẫn, mặc dù thừa biết rằng có nhiều khiếm khuyết khiến cho công trình của mình bị hạn chế. Thỉnh thoảng các bậc Huynh trưởng cũng giúp sức cho các tác giả đó đây dưới dạng những phác họa tổng quát cũng như ngày tháng khi cần thiết. Cũng giống như trường hợp các tác phẩm hữu quan vốn có trước tác phẩm này trong phong trào Thông Thiên Học, đây là "kho tàng cất giấu trong những nồi đất" và trong khi thành thật biết ơn sự trợ giúp đã

được ban cho đầy hảo ý, các tác giả xin nhận trách nhiệm là mọi sai lầm là hoàn toàn thuộc về bản thân mình.

CHƯƠNG I

SƠ BỘ

Con người từ đâu tới và y sẽ đi về đâu? Để trả lời một cách trọn vẹn nhất thì chúng ta chỉ có thể nói rằng: Trên cương vị là một Thực thể tâm linh, Con người từ Thượng Đế mà ra và sẽ trở về với Thượng Đế; nhưng nguồn gốc và cứu cánh mà chúng ta đang bàn tới ở đây biểu thị một qui mô khiêm tốn hơn nhiều. Đó chỉ là một trang trong câu chuyện đời được sao chép lại ở đây nói về việc những Đứa con Nhân loại một số được sinh ra vào vật chất thô trược; còn điều gì nằm bên ngoài sự sinh ra ấy, Hỡi Đêm đen còn chưa ai xuyên thấu được? – và theo dõi những sự tăng trưởng của những đứa con nhân loại ấy từ thế giới này sang thế giới kia tới một mức trong tương lai gần nhưng còn cách hiện nay tới vài thế kỷ - còn điều gì nằm ngoài cái đám mây ló dạng trong buổi bình minh ấy; Hỡi Ban ngày còn chưa lộ ra?

Thế nhưng tựa đề không hoàn toàn sai, vì kẻ từ Thượng Đế mà ra và trở về với Thượng Đế không chính xác là 'Con người'. Cái Tia của Ánh rực rỡ thiêng liêng vốn xuất phát từ Đấng thiêng liêng vào lúc bắt đầu một sự biểu lộ, cái "mảnh vụn Chơn ngã của chính ta, bị biến đổi nơi thế giới sự sống thành ra một Tinh thần bất tử" [3], vốn hơn hẳn Con người. Con người chẳng qua chỉ là một giai đoạn phát triển của nó; khoáng vật, thực vật, động vật, chẳng qua chỉ là những giai đoạn sinh hoạt phôi thai của nó trong lòng Thiên nhiên trước khi nó được sinh ra làm Người. Con người là giai đoạn trong đó Tinh thần và Vật chất phấn đấu để thống trị và khi cuộc đấu tranh đã qua rồi thì Tinh thần đã trở thành Chúa tể của Vật chất, làm Chủ được sự sống và sự chết; lúc bấy giờ Tinh thần bước vào cơ tiến hóa Siêu nhân, không còn là Con người nữa, mà nói cho đúng hơn là một bậc Siêu nhân.

Vậy thì ở đây ta chỉ bàn tới y trên cương vị là Con người; Con người trong giai đoạn phôi thai nơi các giới khoáng vật, thực vật và động vật; Con người khi phát triển trong giới nhân loại; Con người và các thế giới của mình, Chủ thể tư duy và môi trường tiến hóa của y.

Để dễ theo dõi câu chuyện được tường trình trong quyển sách này, bạn đọc cần dừng lại một vài phút để xem xét quan niệm tổng quát về một Thái dương hệ mà kho tài liệu Thông Thiên Học đã phác họa [4] và dựa vào những nguyên lý tổng

quát của cơ tiến hóa được triển khai trong Thái dương hệ. Việc này cũng chẳng khó khăn gì hơn theo dõi kho thuật ngữ chuyên môn của mọi ngành khoa học hoặc những điều miêu tả về vũ trụ, chẳng hạn như trong khoa thiên văn học và người ta chỉ cần chú ý một chút thì cũng có thể dễ dàng quán triệt được nó. Trong mọi việc nghiên cứu có nội dung sâu sắc thì bao giờ ta cũng quán triệt được những điều sơ bộ khô khan. Bạn đọc vô ý vô tứ ắt thấy chúng tẻ nhạt bèn bỏ qua chúng, thế là trong suốt thời gian đọc sau đó, y ít nhiều ở trong tâm trạng hoang mang bối rối; y đang xây dựng căn nhà mà không có nền móng và phải liên tục chống đỡ nó. Bạn đọc kỹ lưỡng giáp mặt với những khó khăn này một cách dũng cảm quán triệt nó một lần cho dứt khoát, thế là những kiến thức thu được giúp y dễ dàng tiến bước và những chi tiết mà y gặp phải sau này sẽ dễ dàng được xếp vào đúng chỗ. Những người nào thích cái kiểu vô ý vô tứ tốt hơn nên bỏ qua Chương hiện nay và tiếp tục nhảy sang Chương II, còn những bạn đọc khôn ngoan thì nên dành ra một tiếng đồng hồ để quán triệt những điều sau đây.

Nhà đại Hiền triết Plato, một trong những bậc thầy về trí tuệ trên thế giới với những ý tưởng cao siêu chế ngự được nền tư tưởng Âu Tây, có đưa ra phát biểu súc tích sau đây: "Thượng Đế hình học hóa". Chúng ta càng biết nhiều về Thiên nhiên thì càng ngộ ra được sự thật này, Những chiếc lá càng được xếp đặt theo thứ tự nhất định liên tiếp,1/2, 1/3, 1/5, 3/8, 5/13 v.v... Những rung động tạo thành các nốt nhạc lần lượt của một âm giai có thể được phác họa tương ứng theo một chuỗi đều đặn. Một số bệnh tuân theo một chu kỳ nhất định về ngày tháng; năm thứ 7, thứ 14, thứ 21, đánh dấu những cuộc khủng hoảng có kết quả là tiếp tục sống trên cõi trần hoặc là chết. Thật là hoài công mà tiếp tục nhân lên những ví dụ như thế.

Vậy thì chẳng có điều gì đáng ngạc nhiên qua sự kiện mà ta tìm thấy trong thứ tự thuộc Thái dương hệ của ta, con số Bảy được cứ lập đi lập lại mãi. Chính vì vậy mà nó được coi là 'con số linh thiêng' và một hình dung từ hay hơn đó là: một 'con số có ý nghĩa'. Sinh hoạt của mặt trăng tự nhiên được chia ra thành hai lần bảy ngày trưởng và một con số tương tự ngày tiêu; còn các tuần trăng cho ta các tuần lễ gồm bảy ngày. Và ta thấy số bảy này là số gốc của Thái dương hệ, phân chia các bộ môn của nó ra thành bảy và những bộ môn này lại chia ra thành bảy bộ môn phụ, các bộ môn phụ này lại chia thành bảy bộ môn phụ khác v.v... Học viên tôn giáo ắt nghĩ tới bảy Đấng Ameshaspentas của Bái Hỏa giáo, bảy Chơn linh trước ngay Thượng Đế của Kitô giáo; các nhà Thông Thiên Học nghĩ tới NGÔI LỜI tam phân tối cao của Thái dương hệ với các Thừa tác viên là các "Đấng Chưởng quản bảy Dãy hành tinh" [5] vây quanh Ngài, mỗi Đấng chủ trì một bộ môn riêng trong Thái

dương hệ giống như một vị Phó vương đối với Hoàng đế. Ở đây chúng ta chỉ quan tâm chi tiết tới một bộ môn. Thái dương hệ bao gồm mười bộ môn, bởi vì trong khi có gốc rễ là bảy, nó lại phát triển mười bộ môn; do đó các Thần bí gia gọi số bảy là 'con số toàn bích'. Ông A.P. Sinnett đã gọi tên những bộ môn này rất hay là các Hệ thống Tiến hóa và nhân loại đang tiến hóa và sẽ tiến hóa bên trong nội bộ mỗi Hệ thống này. Bây giờ chúng ta chỉ hạn chế vào Hệ thống của chúng ta thôi, mặc dù ta không được quên rằng các Hệ thống khác vẫn đang tồn tại và các Đấng Thông tuệ tiến hóa rất cao có thể chuyển từ Hệ thống này sang Hệ thống khác. Thật vậy, các đấng thỉnh giảng ấy đã đến với trái đất chúng ta vào một giai đoạn trong cơ tiến hóa của nó để dẫn dắt và trợ giúp cho nhân loại mới sinh ra.

Một Hệ thống Tiến hóa phải trải qua bảy giai đoạn tiến hóa lớn; mỗi giai đoạn gọi là một Dãy hành tinh. Tên gọi này bắt nguồn từ sự thật một Dãy hành tinh bao gồm bảy Bầu hành tinh có tương quan lẫn nhau; đó là một dây xích gồm bảy mắt xích, mỗi mắt xích là một bầu hành tinh. Trong Sơ đồ I có trình bày bảy Hệ thống Tiến hóa xung quanh mặt trời trung ương; vào bất cứ thời kỳ nào thì cũng chỉ có một vành thuộc mỗi Hệ thống là hoạt động; mỗi vành thuộc mỗi một trong bảy Hệ thống Tiến hóa bao gồm bảy bầu hành tinh; ta không được hình dung bảy bầu hành tinh này riêng rẽ mà ở đây ta vẽ nó thành ra một vành giống như chiếc nhẫn để tiết kiệm chỗ. Còn các bầu hành tinh thuộc một vành ấy được trình bày trong Sơ đồ II kế tiếp.

Trong Sơ đồ II ta chỉ có một Hệ thống Tiến hóa được hình dung thành bảy giai đoạn tiến hóa nghĩa là bảy Dãy hành tinh liên tiếp, bây giờ ta trình bày nó liên quan tới năm trong bảy cõi tức là các loại vật chất tồn tại trong Thái dương hệ; vật chất thuộc mỗi loại bao gồm các nguyên tử thuộc một loại nhất định; mọi chất rắn, chất lỏng, chất hơi và chất dĩ thái của một loại hình vật chất đều là các khối tập hợp những nguyên tử thuộc cùng một loại [6], vật chất này được gọi tên theo tâm trạng tương ứng với nó: trên cõi trần, xúc động, trí tuệ, trực giác, tinh thần [7].

Trong Dãy hành tinh thứ nhất, ta thấy có sắp xếp bảy bầu thế giới A, B, C, D, E, F, G: [8]. A và G là thế giới gốc rễ và thế giới mầm mống vốn ở trên cõi tinh thần, vì tất cả đều giáng từ trên cao xuống thấp, từ cõi tinh vi tới cõi thô trược rồi lại leo lên tới cõi cao hơn được phong phú thêm nhờ thành quả của cuộc viễn du, những thành quả này được dùng làm mầm mống cho Dãy hành tinh kế tiếp; B và F ở trên cõi trực giác, một bầu thu lượm còn bầu kia đồng hóa; C và E ở trên cõi thượng trí với mối quan hệ tương tự; D là bước ngoặc; điểm thăng bằng giữa vòng cung đi lên và vòng

cung đi xuống, nó ở trên cõi hạ trí. Các cặp bầu hành tinh này trong mỗi Dãy hành tinh có liên hệ mật thiết với nhau, nhưng một đằng là bức phác họa thô thiển, còn một đằng là bức tranh hoàn chĩnh. Trong Dãy hành tinh thứ nhì, các bầu hành tinh đều giáng thêm một bậc xuống thấp hơn tới vật chất và bầu D ở trên cõi xúc động.Trong Dãy hành tinh thứ ba chúng lại giáng xuống thêm một giai đoạn nữa và bầu D đạt tới cõi trần. Trong Dãy hành tinh thứ tư và chỉ trong Dãy hành tinh thứ tư thôi tức Dãy ở ngay chính giữa bảy Dãy hành tinh, Dãy dính mắc sâu nhất vào vật chất thô trược nhất, bước ngoặc của Dãy này là bầu hành tinh D và ta có ba bầu hành tinh C, D và E ở trên cõi trần. Có thể nói là trong cuộc du hành trở về thì việc thăng lên giống như việc giáng xuống: Dãy hành tinh thứ năm cũng giống như Dãy hành tinh thứ ba, chỉ có một bầu hành tinh trên cõi trần; Dãy hành tinh thứ sáu giống như Dãy hành tinh thứ nhì có bầu hành tinh D trên cõi xúc động; Dãy hành tinh thứ bảy giống như Dãy hành tinh thứ nhất có bầu hành tinh D trên cõi trí tuệ. Khi kết thúc Dãy hành tinh thứ bảy thì Hệ thống tiến hóa đã được triển khai hết và gặt hái được thành quả.

CÁC LÀN SÓNG SINH HOẠT LIÊN TIẾP

BẢY DÃY HÀNH TINH

CÁC GIỚI

- ĐỘNG VẬT
- THỰC VẬT
- KHOÁNG VẬT

– TINH HOA NGŨ HÀNH III

– TINH HOA NGŨ HÀNH II

– TINH HOA NGŨ HÀNH I

SƠ ĐỒ IV

Để cho thuận tiện thì chúng ta có thể đặt tên bảy Hệ thống Tiến hóa trong Thái dương hệ theo tên bầu hành tinh D của mỗi hệ thống, đây là bầu hành tinh mà ta biết rõ hơn hết; đó là Hỏa vương tinh, Kim tinh, Trái đất, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên vương tinh, Hải vương tinh (Xem Sơ đồ I). Trong Hệ thống Tiến hóa có bầu Trái đất của ta, Dãy hành tinh có trước Dãy hành tinh địa cầu là Dãy hành tinh thứ ba trong một loạt và bầu hành tinh trên cõi trần của nó tức bầu D, chính là cái hiện nay là Mặt trăng của ta, vì Dãy hành tinh thứ ba được gọi là Dãy Nguyệt tinh, còn Dãy hành tinh thứ nhì và thứ nhất chỉ được gọi bằng số; Dãy hành tinh Địa cầu tức Dãy hành tinh Trái đất là Dãy thứ tư trong một loạt liên tiếp, do đó ba trong số bảy bầu hành tinh của nó biểu lộ trên cõi trần, bầu hành tinh C tức hành tinh thứ ba được gọi là Hỏa tinh, còn bầu hành tinh thứ năm tức bầu E được gọi là Thủy tinh. Hệ thống Tiến hóa Hải vương tinh với Hải vương tinh là bầu hành tinh D, cũng có ba bầu hành tinh thuộc Dãy hành tinh đang biểu lộ trên cõi trần – C và E là hai hành tinh trên cõi trần liên quan tới nó, trong kho tài liệu Thông Thiên Học đã có nhắc tới sự tồn tại của chúng trước khi Khoa học nhận ra chúng – vì thế cho nên Hệ thống Tiến hóa Hải vương tinh đã đạt tới Dãy hành tinh thứ tư trong một loạt Dãy hành tinh. Hệ thống Tiến hóa Kim tinh đang đạt tới cuối Dãy hành tinh thứ năm và do đó Kim tinh đã mất đi Vệ tinh của mình tức là bầu D của Dãy hành tinh trước nó [9] . Có thể là Herschil đã thấy Hỏa Vương tinh, nhưng nghe đâu hiện nay nó đã biến mất vì nó đang ở vào Dãy hành tinh thứ sáu, nhưng về vấn đề này chúng tôi không có thông tin trực tiếp hoặc gián tiếp. Mộc tinh chưa có người ở nhưng các vệ tinh của Mộc tinh thì có, vì chúng là các thiên thể thô trược trên cõi trần.

Các Sơ đồ III và IV biểu diễn mối quan hệ giữa bảy Dãy hành tinh trong nội bộ một Hệ thống Tiến hóa, cho ta thấy diễn trình tiến hóa chuyển từ Dãy hành tinh này sang Dãy hành tinh khác. Ta nên nghiên cứu Sơ đồ III trước, vì đó chỉ là phần đơn giản hóa Sơ đồ IV, Sơ đồ IV là bản sao của một Sơ đồ do một Chơn sư vẽ ra; mặc dù mới thoạt nhìn thì Sơ đồ này trông khá rối rắm, nhưng khi ta hiểu ra được thì nó minh họa nhiều điều.

Sơ đồ III xếp bảy Dãy hành tinh thuộc một Hệ thống Tiến hóa thành ra các cột ngay sát cạnh nhau để cho Làn sóng Sinh hoạt của đấng thiêng liêng được biểu diễn bằng những mũi tên có thể được vẽ ra đi từ giới này sang giới kia trong khi tiến lên. Mỗi tiết diện trong một cột biểu diễn một trong bảy giới của Thiên nhiên: ba giới tinh hoa ngũ hành, giới khoáng vật, giới thực vật, giới động vật, giới nhân loại [10]. Tiếp theo sau Làn sóng Sinh hoạt bảy ta thấy đó là làn sóng duy nhất đi xuyên suốt qua bảy giới trong nội bộ Hệ thống Tiến hóa; nó nhận vào Dãy hành tinh thứ nhất nơi Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhất, rồi phát triển ở đó trong suốt chu kỳ sinh hoat của Dãy hành tinh; nó chuyển sang Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhì, nơi Dãy hành tinh thứ nhì và phát triển ở đó trong suốt chu kỳ sinh hoạt ấy; nó xuất hiện nơi Giới Tinh hoa ngũ hành thứ ba trên Dãy hành tinh thứ ba rồi nhập vào Giới Khoáng vật trên Dãy hành tinh thứ tư; thế rồi nó lần lượt phát triển qua các Giới Thực vật và Động vật trên các Dãy hành tinh thứ năm và thứ sáu để rồi đạt tới Giới Nhân loại trên Dãy hành tinh thứ bảy. Như vậy toàn thể Hệ thống Tiến hóa này cung cấp một môi trường tiến hóa cho một Làn sóng Sinh hoạt thiêng liêng từ khi nó làm linh hoạt vật chất mãi cho tới khi nó tiến lên tới mức thành người [11]. Các làn sóng sinh hoạt khác hoặc là bắt đầu trong một Hệ thống Tiến hóa khác rồi nhập vào hệ thống tiến hóa này ở trình độ tiến hóa đủ đạt được ở hệ thống trước kia hoặc là nhập vào hệ thống này quá trễ cho nên chưa đạt tới giới nhân loại trong hệ thống này.

Ta phải bắt đầu nghiên cứu Sơ đồ IV bằng cách ngộ được rằng các vòng tròn được tô màu không phải là bảy Dãy hành tinh gồm các bầu hành tinh (theo như ta mong đợi) mà là bảy Giới trong Thiên nhiên thuộc mỗi Dãy hành tinh liên tiếp, do đó tương ứng với các tiết diện trong các cõi của Sơ đồ III. Ở đây ta có trọn cả một Hệ thống Tiến hóa có biểu thị vị trí của mỗi Giới thiên nhiên trong mỗi Dãy hành tinh. Học viên nên chọn ra một đường tiến hóa thuộc bất kỳ màu sắc nào của vòng tròn thứ nhất rồi truy nguyên nó cẩn thận tiến lên.

Ta hãy xét vòng tròn màu xanh lơ ở phía tột đỉnh bên tay trái được vạch ra bằng một mũi tên, nó biểu diễn Giới Tinh hóa ngũ hành thứ nhất trên Dãy hành tinh thứ nhất. Khi rời Dãy hành tinh thứ nhất để chuyển sang Dãy hành tinh thứ nhì. – vành kế tiếp gồm các vòng tròn có tô màu – dòng màu xanh lơ này chia chẻ ra khi đi tới đó; bộ phận chậm tiến nhất của nó không sẵn lòng tiếp tục đi lên Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhì, bèn bứt ra khỏi dòng tiến hóa chính, quay ngược trở lại nhập vào Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhất thuộc Dãy hành tinh thứ nhì để gia nhập vào dòng sinh hoạt mới (được tô màu vàng và đánh dấu bằng một mũi tên) nhập vào cơ tiến hóa trên Dãy hành tinh ấy để rồi hòa lẫn luôn vào đó. Còn dòng tiến hóa chính màu

xanh lơ lại tiếp tục đi lên tới Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhì thuộc Dãy hành tinh thứ nhì, tiếp nhận một số kẻ lạc hậu thuộc Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhì của Dãy hành tinh thứ nhất, đồng hóa hết đám đó rồi mang đám đó đi theo mình, ta ắt lưu ý rằng chỉ có một luồng màu xanh lơ rời khỏi Giới này vì các phần tử ngoại lai đã bị đồng hóa hết. Luồng màu xanh lơ lại chảy lên tới Dãy hành tinh thứ ba lại chia chẻ, bỏ đám lạc hậu rơi rớt lại tiếp tục tiến hóa qua Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhì thuộc Dãy hành tinh thứ ba, trong khi đại khối màu xanh lơ tiếp tục tạo thành Giới Tinh hoa ngũ hành thứ ba của Dãy hành tinh thứ ba; nó lại tiếp nhận một số phần tử lạc hậu của Giới Tinh hoa ngũ hành thứ ba, thuộc Dãy hành tinh thứ hai, đồng hóa hết chúng, mang chúng theo thành ra một dòng màu xanh lơ không bị pha loãng nhập vào Giới Khoáng vật thuộc Dãy hành tinh thứ tư; cũng giống như trước, nó bỏ lại một số phần tử lạc hậu bị rơi rớt để tiến hóa trong Giới Tinh hoa ngũ hành thứ ba thuộc Dãy hành tinh thứ tư và nó lại tiếp nhận một số phần tử lạc hậu thuộc Giới Khoáng vật của Dãy hành tinh thứ ba, lại đồng hóa chúng giống như trước. Giờ đây nó đã đạt tới mức tiến hóa thô trược nhất tức Giới Khoáng vật. Khi rời bỏ mức này ta vẫn còn theo dõi đường tiến hóa màu xanh lơ – nó leo lên Giới Thực vật của Dãy hành tinh thứ năm, bỏ lại một số phần tử lạc hậu rơi rớt vào Giới Khoáng vật của Dãy hành tinh này và tiếp theo một số phần tử lạc hậu thuộc Giới Thực vật của Dãy hành tinh thứ tư. Nó lại tiếp tục leo lên, bây giờ lên tới Giới Động vật thuộc Dãy hành tinh thứ sáu, bỏ lại một số phần tử thực vật chậm tiến rơi rớt lại nhằm hoàn tất trình độ tiến hóa trong Giới Thực vật của Dãy hành tinh thứ sáu và tiếp thu một số động vật chậm tiến của Dãy hành tinh thứ năm rơi rớt trở lại Giới Động vật đang tiến lên. Cuối cùng nó hoàn tất cơ tiến hóa dài dằng dặc bằng cách nhập vào Giới Nhân loại thuộc Dãy hành tinh thứ bảy bỏ lại những con động vật quá chậm tiến rơi rớt trở lại Giới Động vật thuộc Dãy hành tinh thứ bảy và tiếp thu một số nhân loại chậm tiến của Giới Nhân loại thuộc Dãy hành tinh thứ sáu, mang chúng theo cho đến khi cuối cùng ca khúc khải hoàn khi cơ tiến hóa nhân loại đã toàn bích để bắt đầu cơ tiến hóa siêu nhân đi theo một trong bảy đường tiến hóa được biểu thị bằng chiếc lông vũ màu xanh lơ ở cuối cùng. Trong Hệ thống Tiến hóa khác, những phần tử mà ta bỏ lại là những phần tử chậm tiến thuộc Giới Động vật của Dãy hành tinh thứ bảy sẽ tái xuất hiện trong Giới Nhân loại trong Dãy hành tinh thứ nhất của Hệ thống Tiến hóa mới mẻ này để rồi sẽ đạt mức hoàn hảo thành người trong Hệ thống Tiến hóa ấy. Chúng sẽ ở trong vòng tròn tương ứng với vòng tròn màu xám nâu, với chiếc lông vũ thuộc về Dãy hành tinh thứ nhất của Sơ đồ này.

Bằng cách đó, ta có thể theo dõi mỗi đường tiến hóa từ Giới này tiến lên Giới kia qua các Dãy hành tinh liên tiếp nhau. Vì vậy sự sống trong vòng tròn thứ hai màu cam biểu diễn Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhì, thuộc Dãy hành tinh thứ nhất – có một giai đoạn sinh hoạt thuộc một Dãy hành tinh đến sau nó, nói cách khác, nó đã nhập vào dòng tiến hóa dưới dạng Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhất thuộc Dãy hành tinh thứ bảy của một Hệ thống Tiến hóa trước kia (xem vòng tròn tột đỉnh bên tay trái có mũi tên thuộc Dãy hành tinh thứ bảy trong Sơ đồ của ta – nó đạt tới Giới Nhân loại thuộc Dãy hành tinh thứ sáu, rồi sẽ tiếp tục tiến lên. Sự sống trong vòng tròn thứ ba màu đỏ tía có hai Giới tiến hóa sau nó trong một Hệ thống Tiến hóa trước kia, ắt đạt tới Giới Nhân loại thuộc Dãy hành tinh thứ năm để rồi tiếp tục tiến lên. Cuộc sống trong Giới thứ tư tức Giới Khoáng vật đạt tới Giới Nhân loại của Dãy hành tinh thứ tư để rồi tiếp tục tiến lên. Sự sống trong Giới Thực vật đạt mức Giới Nhân loại thuộc Dãy hành tinh thứ ba để rồi tiếp tục tiến lên; sự sống trong Giới Động vật đạt tới Giới Nhân loại thuộc Dãy hành tinh thứ nhì, sự sống trong giới Nhân loại đạt mức Giới Nhân loại trong Dãy hành tinh thứ nhất.

Học viên nào hoàn toàn quán triệt được sơ đồ này ắt thấy mình làm chủ được một thiên cơ mà y có thể nhét bất kỳ chi tiết nào vào trong những ô ấy mà không quên mất những nguyên tắc chung của cơ tiến hóa a tăng kỳ kiếp với những sự phức tạp rối rắm.

Có hai vấn đề còn lại: giới tiến hóa đằng sau giới tinh hoa ngũ hành và giới tiến hóa siêu nhân loại. Làn sóng Tiến hóa xuất phát từ THƯỢNG ĐẾ làm linh hoạt vật chất trước nhất nơi Giới Tinh hoa ngũ hành thấp nhất tức giới thứ nhất; vì thế cho nên khi cũng luồng ấy từ Dãy hành tinh nhập vào Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhì thuộc Dãy hành tinh thứ nhì thì vật chất vốn thuộc về Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhất thuộc Dãy hành tinh thứ nhì phải được làm linh hoạt bằng một Làn sóng Sinh hoạt mới xuất phát từ THƯỢNG ĐẾ và tiếp tục như thế đối với mỗi giới thuộc các Dãy hành tinh khác. [12]

Khi người ta đã vượt qua Giới Nhân loại và con người đứng nơi ngưỡng cửa cuộc sống siêu nhân loại để trở thành một Tinh thần đã được giải thoát thì bảy con đường mở ra trước mắt Ngài cho Ngài chọn: Ngài có thể nhập vào Niết Bàn với sự toàn tri và toàn năng cực lạc, với những hoạt động vượt xa mức hiểu biết của chúng ta để rồi biết đâu trong một thế giới tương lai nào đó Ngài trở thành một Đấng Hóa thân thiêng liêng; điều này đôi khi được gọi là 'nhập Pháp thân' (Dharmakaya). Ngài có thể nhập vào 'Chu kỳ Tâm linh', cụm từ này bao hàm nhiều ý nghĩa ta chưa

biết được trong số đó có lẽ là 'Báo thân' (Sambhogakaya). Ngài cũng có thể trở thành một bộ phận của kho chứa thần lực tâm linh mà các Tác nhân của THƯỢNG ĐẾ rút ra trong khi làm việc nghĩa là nhập 'Ứng thân' (Nirmanakaya). Ngài có thể vẫn còn là một thành viên của Huyền giai cai quản và giám sát thế giới mà Ngài đã đạt được mức toàn bích trong đó. Ngài có thể chuyển sang Dãy hành tinh kế tiếp, giúp vào việc kiến tạo các hình tướng của nó. Ngài có thể nhập vào đường tiến hóa rực rỡ của các Thiên thần; Ngài có thể hiến mình để trực tiếp phụng sự đấng THƯỢNG ĐẾ, được Thượng Đế sử dụng làm Thừa tác viên và Thiên sứ của mình trong bất kỳ bộ phận nào của Thái dương hệ, Ngài chỉ sống để thi hành ý chí của Thượng Đế và thực thi công trình của Thượng Đế trên khắp Thái dương hệ mà Thượng Đế cai trị. Cũng giống như một vị Tướng có Ban Tham mưu mà nhân viên tham mưu mang các thông điệp của vị tướng đi tới bất cứ nơi nào trên chiến trường, cũng vậy những nhân viên Tham mưu này của đấng chỉ huy tất cả, "những Thừa tác viên làm đẹp lòng Ngài" [13], điều này dường như được coi là một Con đường rất khó đi, có lẽ đó là sự hi sinh lớn nhất dành cho vị Cao đồ và vì vậy nó được coi là bao hàm sự phân biệt lớn lao. Một thành viên của Ban Tổng Tham mưu không có thể xác mà tự tạo ra thể xác bằng Kriyashakti tức là 'quyền năng tạo tác', sử dụng vật chất của bầu hành tinh mà mình được biệt phái tới. Ban Tham mưu bao gồm các Đấng ở nhiều mức khác hẳn nhau, từ quả vị La hán trở lên [14]. Có một số đấng đã hiến mình cho công tác này khi đạt quả vị La hán trên Dãy Nguyệt tinh; một số đấng khác là Chơn sư [15]; còn một số đấng khác đã vượt qua trình độ này trong cơ tiến hóa nhân loại.

Ngoài nhiều lý do khác mà chúng ta không biết được, nhu cầu cung ứng một Ban Tham mưu thì có lẽ bắt nguồn từ sự thật là trong những giai đoạn sơ khởi trong cơ tiến hóa một Dãy hành tinh – nhất là trên vòng cung đi xuống – hoặc ngay cả của một bầu hành tinh thì người ta cần nhiều sự trợ giúp từ bên ngoài hơn là giai đoạn sau này. Chẳng hạn như trên Dãy hành tinh thứ nhất thuộc Hệ thống Tiến hóa địa cầu, mức thành tựu được qui định là đạt được cuộc Điểm đạo Lớn thứ nhất và những ai trong nhân loại dạo đó đạt tới quả vị Chơn sư, thế mà quả vị này cũng chưa gần tới quả vị Phật, vì vậy cần phải cung ứng các chức sắc cao cấp từ bên ngoài. Lại nữa, các Dãy hành tính sau này cũng được trợ giúp, và Trái đất cũng phải cung cấp các Chức sắc cao cấp cho các Dãy hành tinh thời sơ khai của các Hệ thống Tiến hóa khác, cũng như cung cấp bình thường các chức sắc cho những bầu hành tinh và Cuộc tuần hoàn sau này trong Dãy hành tinh của chúng ta. Theo chỗ chúng tôi biết thì chính trong Huyền giai của chúng ta cũng có hai thành viên rời khỏi Trái đất, hoặc là gia nhập Bộ Tổng tham mưu, hoặc là được đấng Chưởng quản Huyền

giai chúng ta cho vị Chưởng quản Huyền giai của một bầu hành tinh nào khác bên ngoài Hệ thống Tiến hóa của ta mượn đỡ.

Trong bất kỳ Dãy hành tinh nào mà những người không đạt vào một thời kỳ nào đó mức qui định dành cho Nhân loại thuộc Dãy hành tinh ấy thì đều bị 'thất bại'; thất bại có thể là do còn trẻ tuổi nên thiếu thời gian hoặc thiếu nỗ lực đúng mức v.v..., nhưng cho dù bất cứ lý do nào thì những người thất bại cũng không thể đạt được mức mà họ tiến bộ đủ trong chu kỳ sinh hoạt còn lại của một Dãy hành tinh để đạt tới mức cần thiết khi nó kết liễu; họ đã bị rơi rớt khỏi cơ tiến hóa của nó trước khi cơ tiến hóa ấy đã hoàn tất và họ bắt buộc phải nhập vào Dãy hành tinh kế tiếp ở một mức được xác định bởi trình độ mà họ đã đạt được sao cho họ có thể hoàn tất được khóa học làm người của mình. Có những người khác thành công khi trải qua mức quyết định này tức là "Ngày phán xét" dành cho một Dãy hành tinh, nhưng họ chưa tiến bộ đủ nhanh để đạt tới mức trước mắt họ mở ra bảy Con đường. Những người này mặc dù không 'thất bại' nhưng cũng chưa hoàn toàn thành công, do đó họ chuyển sang Dãy hành tinh kế tiếp và dẫn đầu loài người ở trên đó khi nhân loại ấy đã đạt được trình độ mà các cơ thể ấy đã đủ tiến hóa để dùng làm hiện thể cho họ tiến bộ thêm nữa. Trong khi nghiên cứu chúng ta sẽ thấy đủ thứ lớp người này và đây chỉ là một tổng quan về lớp người ấy, chi tiết sẽ được trình bày rõ ràng hơn. Chúng ta lưu ý thấy rằng chỉ trong Dãy hành tinh thứ nhất thì mới không có đám người thất bại bị rơi rớt ra khỏi cơ tiến hóa. Cũng có một số người không thành công, nhưng nếu Dãy hành tinh ấy mà có Ngày Phán xét thì chúng tôi đã không quan sát được.

Trong chỉ một Dãy hành tinh, làn sóng tiến hóa quét từ bầu A sang bầu G, lần lượt sử dụng mỗi bầu hành tinh làm môi trường tăng trưởng; sự xoay vòng xung quanh Dãy hành tinh này được gọi rất đúng là một Cuộc tuần hoàn và làn sóng tiến hóa quét qua bảy Cuộc tuần hoàn trước khi chấm dứt chu kỳ sinh hoạt của Dãy hành tinh và công trình của nó đã hoàn tất. Thế rồi người ta thu thập các kết quả và tất cả tạo thành mầm mống cho Dãy hành tinh kế tiếp, ngoại trừ những Dãy đã hoàn tất khóa học làm người, trở thành các bậc Siêu nhân, tự nguyện phụng sự theo những cách khác hơn việc hướng dẫn Dãy hành tinh sắp tới đi theo dường lối của nó và các Ngài đã nhập vào một trong bảy Con đường khác.

Để kết thúc những điều sơ bộ này chúng tôi xin nói trên Cõi Chơn thần tức là cõi siêu tinh thần có tồn tại các Phân thân của Đấng thiêng liêng; các Con của Thượng Đế vốn phải nhập thế và trở thành Con của Nhân loại trong thế giới sắp tới. Họ bao

giờ cũng diện kiến Dung nhan của Cha và là các Đối thể Thiên thần của con người. Ở trên thế giới của riêng mình, Con của Đấng thiêng liêng này được gọi bằng thuật ngữ chuyên môn là 'Chơn thần', Nhất nguyên. Ngài là đấng mà ở trang 3 có nói là Ngài được "biến hóa thành ra Chơn thần bất tử trong thế giới sự sống". Tinh thần này là Chơn thần khoác lấy vật chất do đó có ba ngôi là Ý chí, Minh triết và Hoạt động; tinh thần ấy ắt chính là Chơn thần sau khi đã chiếm hữu các nguyên tử vật chất của các cõi tinh thần, trực giác và trí tuệ, và các cơ thể tương lai của Ngài xây dựng xung quanh các nguyên tử ấy. Nơi Chơn thần có trào dâng một suối nguồn sự sống không thể cạn kiệt; Tinh thần tức Chơn thần khoác lấy vật chất chính là biểu lộ của Ngài trong một thế giới. Khi Ngài làm chủ được vật chất nơi cõi thấp thì Ngài càng ngày càng kiểm soát được công trình tiến hóa, và mọi sự chọn lựa lớn lao vốn quyết định số phận của con người đều được Ngài thực hiện bằng Ý chí, đều được Minh triết của Ngài dẫn dắt và thành tựu qua Hoạt động của Ngài.

[1] Kinh Al Quran, xi. 17.

[2] Các thuật ngữ này được người Ấn giáo và Ki Tô giáo lần lượt dùng để biểu thị việc chấm dứt cơ tiến hóa thuần túy nhân loại.

[3] Chí tôn Ca, XV. 7.

[4] Môn sinh có thể tìm thấy điều này trong tác phẩm Giáo Lý Bí Truyền của H.P. Blavatsky; Phật giáo Bí truyền của A.P. Sinnett và Sự tăng trưởng của Linh hồn cũng của tác giả Sinnett, Minh Triết Cổ truyền của Annie Besant v.v. . . Có những điều khác nhau thứ yếu – chẳng hạn như việc H.P. Blavatsky và A.P. Sinnett gọi tên các bầu hành tinh thuộc dãy hành tinh trái đất khác nhau - nhưng các sự kiện chính yếu đều giống nhau.

[5] Các Đấng này được gọi là Hành tinh Thượng Đế, nhưng danh xưng này thường gây lẫn lộn cho nên ở đây ta bỏ không dùng nó.

[6] Xem Hóa học Huyền bí của Annie Besant và C.W. Leadbeater.

[7] Vật chất trên cõi trần là vật chất mà ta hằng ngày đụng chạm tới trong sinh hoạt lúc tỉnh thức. Vật chất xúc động là loại vật chất rung động theo các ham muốn và

xúc động của ta; trong những quyển sách cũ hơn ta gọi nó là chất trung giới, một tên gọi vẫn còn được giữ lại trong một chừng mực nào đó. Cũng như vật chất trí tuệ đáp với các tư tưởng, vật chất trực giác (tiếng Bắc phạn là buddhi) được dùng làm môi trường để truyền dẫn trực giác cao siêu và tình thương bao trùm vạn vật. Vật chất tinh thần (atma) là loại vật chất tác động của ý chí sáng tạo.

[8] Bầu hành tinh ở tột đỉnh phía bên tay trái là bầu A, bầu kế tiếp thấp hơn là bầu B, cứ tiếp tục như vậy cho tới bầu G là bầu hành tinh tột cùng phía bên tay phải.

[9] Ta có thể nhớ rằng Herschil đã nhìn thấy Vệ tinh của Kim tinh.

[10] Giới 'tinh hoa ngũ hành' là ba giai đoạn sinh hoạt khi giáng xuống thâm nhập vào vật chất – giáng hạ tiến hóa - và ta có thể hình dung bảy giới thiên nhiên tiến vòng cung đi xuống và vòng cung đi lên cũng giống như các Dãy hành tinh và bầu hành tinh:

Tinh hoa ngũ hành 1	Nhân loại.
Tinh hoa ngũ hành 2	Động v ật
Tinh hoa ngũ hành thứ 3	Thực vật
Khoáng vật	

[11] Bảy Làn sóng Sinh hoạt này cùng với sáu sự lưu nhập bổ sung dành cho Giới Tinh hoa ngũ hành thấp nhất nơi sáu Dãy hành tinh khác, vị chi là 13 Làn sóng Sinh hoạt, chính là những xung lực liên tiếp; mà đối với Hệ thống Tiến hóa này các nhà Thông Thiên Học cho rằng chúng tập hợp thành Làn sóng Sinh hoạt của Ngôi Hai, nghĩa là dòng Sự Sống làm cho hình tướng tiến hóa xuất phát từ Thượng Đế Ngôi Hai tức là Ngôi Vishnu của Ấn Độ và Ngôi Con trong Tam vị nhất thể của Ki Tô giáo.

[12] "Cha ta đã làm cho đến nay và Ta tiếp tục làm", trích từ Phúc âm theo Thánh John 17. Xem chương v miêu tả vấn đề này diễn ra trên Trái đất khi Chơn linh của Mặt trăng nhập thế trên đó.

[13] Thánh Vịnh, ciii, 21.

[14] La hán là những đấng đã trải qua cuộc Điểm đạo Lớn thứ tư.

[15] Các đấng đã trải qua cuộc Điểm đạo Lớn thứ năm.

Chương II

CÁC DÃY HÀNH TINH THỨ NHẤT VÀ THỨ NHÌ

Chúng ta phải giáp mặt với điều hầu như là khó khăn lớn duy nhất trong công trình khảo cứu của mình ngay từ đầu – đó là các chu kỳ tiến hóa thuộc Dãy hành tinh thứ nhất và thứ nhì trong Hệ thống Tiến hóa của ta. Một Chơn sư có mỉm cười nói về điều này như sau: "Được thôi, con có thể nhìn thấy nó nhưng chưa chắc gì con có thể miêu tả được nó bằng ngôn ngữ mà ai cũng hiểu được". Tình hình khác hẳn mọi thứ mà ta biết ở dưới này: các hình tướng tế nhị, tinh vi, biến dịch nhiều đến nỗi vật chất giống như "loại vật liệu tạo nên các giấc mơ", chính điều này cho thấy thật khó lòng miêu tả được những sự vật mà ta đã chứng kiến. Thế nhưng, cho dù việc mô tả là bất toàn, song ta vẫn cứ phải cố gắng miêu tả để cho sự tăng trưởng và phát triển sau này có thể hiểu được; cho dù việc mô tả thật tồi tệ nhưng có còn hơn không.

Ta không thể tìm ra được 'sự khởi đầu' đích thực trong sợi dây xích vô tận gồm những sự vật sống động thì ta có thể nghiên cứu một mắt xích hầu như tự nó là hoàn chỉnh. Thế nhưng, kim loại tạo ra mắt xích đã ngủ yên đâu đó trong lòng trái đất rồi được đào xới lên từ mỏ nào đó, được nung chảy trong một lò nung nào đó, được gia công trong một phân xưởng nào đó, được một nhân công nào đó định hình trước khi nó xuất hiện thành một mắt xích trong một dây xích. Đối với Hệ thống Tiến hóa của ta thì cũng vậy. Nếu không có những Hệ thống Tiến hóa trước kia thì nó làm sao mà tồn tại được vì các cư dân cao cấp của nó đâu có bắt đầu tiến hóa ở Hệ thống này. Chỉ cần nói rằng một số Điểm linh quang của Thượng Đế, các Tinh thần vĩnh hằng, đã trải qua vòng cung đi xuống ở đâu đó nơi khác – dấn mình vào vật chất càng ngày càng thô trược trải qua các Giới Tinh hoa ngũ hành để đạt tới mức thấp nhất – trước khi leo lên Giới Khoáng vật của Dãy hành tinh thứ nhất, đó là sự phát triển lâu dài của họ nơi vật chất đang tiến hóa; và chúng ta – nhân loại ở trái đất hiện nay đã học những bài học tiến hóa đầu tiên của mình trong Giới Khoáng vật nơi Dãy hành tinh thứ nhất ấy. Chúng tôi đề nghị hãy truy nguyên tâm thức bắt đầu từ sự sống nơi Khoáng vật thuộc Dãy hành tinh thứ nhất tới tận sự sống nơi con người trên Dãy hành tinh thứ tư. Bản thân chúng ta là một bộ phận của loài người trên trái đất cho nên ta dễ truy nguyên tâm thức này hơn so với việc

truy nguyên một điều gì đó hoàn toàn xa lạ với chính chúng ta. Đó là vì muốn làm như vậy, chúng ta chỉ cần khơi dậy trong Ký ức Vĩnh hằng những cảnh tượng mà chính chúng ta đóng vai trò trong đó, chúng ta liên kết mật thiết với nó, do đó dễ dàng đạt tới nó hơn.

Ta thấy có bảy trung tâm tạo thành Dãy hành tinh thứ nhất; như ta đã nói trung tâm thứ nhất và thứ bảy ở trên cõi Tinh thần [1] ; trung tâm thứ nhì và thứ sáu ở trên cõi trực giác [2]; trung tâm thứ ba và thứ năm ở trên cõi Thượng trí; trung tâm thứ tư ở trên cõi Hạ trí. Chúng ta gọi chúng theo kiểu các bầu hành tinh sau này là các trung tâm A và G, B và F, C và E rồi tới trung tâm D là bước ngoặc của chu kỳ. Trong Cuộc tuần hoàn thứ nhất của Dãy hành tinh thứ tư – ở một chừng mực nào đó, đây là bản sao thô thiển của Dãy hành tinh thứ nhất. Phần Bình luận Huyền bí mà Giáo Lý Bí Truyền có trích dẫn nói rằng Trái đất là một "bào thai trong vật chất của Không gian" khiến ta lại chợt nhớ tới dụ ngôn này. Dãy hành tinh là các thế giới tương lai trong khuôn viên của tư tưởng, sau này các thế giới ấy được sinh ra trong vật chất thô trược hơn. Chúng ta khó lòng gọi các trung tâm này là 'bầu hành tinh', chúng giống như các trung tâm ánh sáng trong một biển ánh sáng, đó là cái tụ điểm ánh sáng mà ánh sáng cuồn cuộn chảy qua đó, chúng được tạo ra từ chính chất liệu ánh sáng và chỉ có ánh sáng thôi; thế nhưng, bị biến đổi bởi cơn lũ ánh sáng cuồn cuộn chảy qua chúng; chúng là các vành xoáy cuộn, thế nhưng các vành ấy cũng chỉ là ánh sáng chỉ phân biệt được qua sự chảy xoáy qua sự khác nhau về chuyển động giống như các xoáy nước phân biệt với nước giữa biển nước, còn đây là các xoáy ánh sáng giữa biển ánh sáng. Các trung tâm thứ nhất và thứ bảy đều là những biến thái của vật chất tinh thần, trung tâm thứ bảy triển khai toàn bích được những nét phác họa tổng quát mà ta thấy được nơi trung tâm thứ nhất, đấng Họa sĩ thiêng liêng đã hoàn tất được bức tranh từ bản phác họa thô thiển. Ở đó có một nhân loại, một loài người rất vinh quang là sản phẩm của một cơ tiến hóa nào đó trước kia và hoàn tất khóa học làm người ở đây trên Dãy hành tinh này (xem vòng tròn ở trên cùng bên tay phải thuộc Dãy hành tinh thứ nhất của Sơ đồ IV). Ở đây mỗi thực thể đều thu đạt được cơ thể thấp nhất của mình – trong bầu hành tinh thứ tư của mỗi Cuộc tuần hoàn – Dãy hành tinh chỉ cung cấp được cơ thể thô trược nhất là cơ thể bằng vật chất trí tuệ. Mức thành tựu qui định cho Dãy hành tinh này – việc không thành tựu hàm ý là cần phải tái sinh trên Dãy hành tinh kế tiếp – là cuộc Điểm đạo lớn thứ nhất tức điều tương ứng với nó ở đây. Theo chỗ chúng tôi quan sát thì trên Dãy hành tinh thứ nhất này không có ai bị rơi rớt thất bại và có một số - dường như trong các Dãy hành tinh sau này cũng luôn luôn xảy ra trường

hợp ấy – vượt xa mức qui định; trong Cuộc tuần hoàn thứ bảy thì các thành viên của nhân loại vốn đã trở thành Điểm đạo đồ ắt nhập vào một trong bảy Con đường nêu trên.

Trên Dãy hành tinh này dường như có mặt đủ mọi trình độ ngã thức nhưng việc thiếu vắng các mức vật chất thấp mà chúng ta đã quen thuộc khiến cho phương pháp tiến hóa ở đây làm nổi bật lên một sự khác nhau đáng kể đối với người quan sát: mọi thứ chẳng những khởi sự mà còn tiến bộ ở 'bên trên', không có bên dưới và không 'hình tướng' theo nghĩa thông thường của từ ngữ này mà chỉ có các trung tâm sinh hoạt vốn không có hình tướng ổn định; không có các cõi hồng trần và cõi xúc động – nơi cả ba bầu đầu tiên thậm chí còn không có cả cõi hạ trí – từ đó các xung lực có thể trồi lên, nhấn chìm những thứ cao siêu đáp ứng với việc làm linh hoạt và sử dụng hình tướng đã tồn tại sẵn trên các cõi thấp. Cách tiếp cận gần gũi nhất với tác động ấy diễn ra trên bầu D khi các hình tư tưởng giống như loài thú vươn lên thu hút sự chú ý của các trung tâm tinh vi trôi nổi bên trong chúng; thế rồi sự sống của Tinh thần càng tuôn trào mạch động vào các trung tâm, chúng bám trụ vào các hình tư tưởng làm linh hoạt các hình tư tưởng khiến cho các hình tư tưởng trở thành người.

Thật khó mà nêu rõ các Cuộc tuần hoàn liên tiếp sau này; chúng dường như cái này mờ nhạt đi chìm vào cái kia giống như cảnh tượng tan biến [3] và chỉ được đánh dấu qua việc tăng hoặc giảm chút ít về ánh sáng. Sự tiến bộ rất chậm chạp khiến người ta nhớ lại Chu kỳ Satya Yuga của kinh điển Ấn Độ trong đó một kiếp sống kéo dài nhiều ngàn năm mà chẳng thay đổi được bao nhiêu [4] .

Các thực thể phát triển rất chậm khi các tia sáng đã được từ hóa tác động lên họ; điều này giống như sự thụ thai, giống như sự tăng trưởng trong nội bộ một quả trứng hoặc nụ hoa tăng trưởng bên trong đài hoa. Điều thú vị chính yếu của Dãy hành tinh này là sự tiến hóa của các Đấng Quang Huy (các Thiên thần) vốn quen cư ngụ trên các cõi cao; trong khi các cơ tiến hóa hạ đẳng dường như đóng vai trò thứ yếu. Nhân loại bị ảnh hưởng nhiều bởi các đấng này, hầu hết chỉ do các ngài hiện diện và do bầu hào quang mà các ngài tạo ra đôi khi ta có thể thấy một Đấng Quang Huy khoác lấy một hình hài người, coi đó như một trò chơi hoặc một con thú cưng. Dòng tiến hóa thiên thần vĩ đại trợ giúp cho loài người qua chính sự tồn tại của nó; những rung động mà các Chơn linh huy hoàng này dựng nên tác động lên các loại người hạ đẳng, củng cố và làm linh hoạt họ. Khi xét Dãy hành tinh này nói chung thì ta thấy chủ yếu đó là môi trường tiến hóa của Giới Thiên thần, còn

giới nhân loại chỉ có môi trường tiến hóa thứ yếu; nhưng biết đâu đó có thể là vậy chỉ vì chúng ta là người cho nên chúng ta xem xét thế giới theo quan điểm đặc biệt của mình.

Trên bầu hành tinh thứ tư thỉnh thoảng ta thấy có một Đấng Quang Huy cố tình trợ giúp cho một con người, chuyển dời vật chất từ cơ thể chính mình sang cơ thể con người, như vậy là làm gia tăng tính đáp ứng và sự thương cảm của con người. Những đấng phò trợ ấy thuộc về lớp Rupa Devas tức là Sắc giới Thiên thần họ thường sống nơi cõi hạ trí.

Khi trở lại giới khoáng vật, ta thấy chúng ta chính là một số khoáng vật vốn sẽ trở thành người trên Dãy Nguyệt tinh và một số trở thành người trên Dãy Địa cầu. Tâm thức thiu thiu ngủ nơi các khoáng vật này phải được khơi hoạt dần dần và phát triển qua những giai đoạn dài dằng dặc để trở thành tâm thức con người.

Giới thực vật hơi tỉnh táo hơn một chút, nhưng vẫn còn rất trì độn và ngáy ngủ; sự tiến hóa bình thường ở đây sẽ đưa tâm thức làm linh hoạt tiến lên giới động vật trên Dãy hành tinh thứ nhì và tiến lên giới nhân loại, trên Dãy hành tinh thứ ba.

Hiện nay, trong khi chúng ta cần nói tới các giới này là khoáng vật và thực vật thì thật ra chúng chỉ là bao gồm các tư tưởng – tư tưởng của khoáng vật, tư tưởng của thực vật với các Chơn thần có thể nói là đang mơ mộng trong đó, đang trôi nổi bên trên đó, phóng xuống những đợt sự sống xao xuyến nhập vào các hình tướng thanh mảnh như không khí, dường như các Chơn thần này thỉnh thoảng bắt buộc phải chú ý tới chúng, cảm xúc thông qua chúng, cảm giác thông qua chúng khi có một sự tiếp xúc nào đó với ngoại giới bắt buộc kẻ đang ngáy ngủ phải tỉnh lại. Các hình tư tưởng này giống như các mô hình trong Tâm trí của đấng Chưởng quản bảy Dãy hành tinh, sinh hoạt bên trong nội bộ Ngài, là sản phẩm của công phu thiền định của Ngài, đó là một thế giới của tư tưởng và ý tưởng, chúng ta thấy rằng các Chơn thần nào đã có được các nguyên tử trường tồn trong một hệ thống tiến hóa trước kia và đang trôi nổi bên trên những hình tư tưởng ấy, đều gắn bó với chúng và trở nên mơ hồ có ý thức bên trong và thông qua chúng. Mặc dù ý thức này chỉ mơ hồ thôi nhưng vẫn có những sự khác nhau, ta khó lòng có thể gọi mức thấp nhất là ý thức khi sự sống trong các hình tư tưởng thuộc loại ấy giống như cái mà ngày nay ta gọi là đất đá. Ta khó lòng có thể nói các Chơn thần nào tiếp xúc với chúng mà lại biết được điều gì xung quanh chúng ngoại trừ áp lực được rút ra từ chúng qua một sự khơi động sinh hoạt tẻ nhạt, biểu lộ thành sức đề kháng đối với áp lực, như vậy khác hẳn sự sống còn tẻ nhạt hơn nữa trong các phần tử hóa chất chưa gắn liền với

các Chơn thần và chưa cảm thấy áp lực nào. Trong cấp độ kế tiếp nơi các hình tư tưởng giống như cái mà ngày nay người ta gọi là kim loại, ý thức về áp lực vốn mạnh mẽ hơn và sức đề kháng với áp lực lại xác định hơn một chút; hầu như có một nỗ lực bung ra bên ngoài chống lại áp lực, một phản ứng gây ra sự bành trướng. Khi cái phản ứng theo tiềm thức này tỏa ra theo nhiều hướng thì nó hình thành cái mô hình tư tưởng của một tinh thể. Chúng tôi nhận thấy rằng khi tâm thức của chính mình ở trong khoáng vật ấy thì chúng tôi chỉ cảm thấy phản ứng theo tiềm thức, nhưng khi chuyển ra ngoài và cố gắng cảm thấy phản ứng từ bên ngoài thì nó thể hiện nơi tâm thức chúng tôi thành ra sự mơ hồ bất mãn với áp lực ấy và một nỗ lực tẻ nhạt phấn kích nhằm chống lại và đẩy lùi áp lực. Một trong số chúng tôi nhận xét rằng: "Tôi cảm thấy mình là một loại khoáng vật bất mãn. Có lẽ sự sống Chơn thần khi tìm cách biểu lộ ra đã mơ hồ cảm thấy sự thiếu khoái lạc và bất đắc chí; chúng tôi cũng cảm thấy điều này khi thoát ra bên ngoài khoáng vật, cảm thấy điều đó nơi bản thân giống như cảm thấy điều đó nơi cái bộ phận tâm thức vốn ở bên ngoài hình tướng cứng rắn vào lúc ấy. Nếu chúng tôi liếc nhìn nhanh về tương lai thì chúng tôi có thể thấy rằng các Chơn thần gắn liền với các tinh thể ấy không nhập vào Dãy hành tinh kế tiếp dưới dạng sự sống thực vật thấp nhất mà chỉ dưới dạng sự sống thực vật cao cấp, rồi khi trải qua giai đoạn này bèn nhập vào Dãy Nguyệt tinh ở mức trung gian dưới dạng những con thú có vú để rồi biệt lập ngã tính nơi đó, sinh ra làm người vào Cuộc tuần hoàn thứ năm.

Một trong những sự kiện gây bối rối nhất cho các quan sát viên đó là "những tư tưởng về khoáng vật" này, không cố định mà lại lưu động; một ngọn đồi mà người ta trông mong là bền vững sẽ xoay chuyển hoặc nổi lềnh bềnh hoặc biến đổi hình dạng; không có đất đá rắn chắc mà chỉ có một hoạt cảnh biến động. Chẳng cần đức tin cũng di chuyển được các núi non này vì chúng tự di chuyển.

Vào cuối Dãy hành tinh thứ nhất thì mọi sinh linh đạt tới mức qui định - như ta đã nói trước kia, mức này tương ứng với cuộc Điểm đạo thứ nhất – nhập vào một trong bảy Thánh đạo mà một trong bảy con đường ấy dẫn tới công trình trên Dãy hành tinh thứ nhì với vai trò là những đấng kiến tạo hình tướng cho loài người, đóng vai trò đối với Dãy hành tinh thứ nhì cũng giống như vai trò mà các Nguyệt tinh quân thủ diễn sau này trên trái đất [5]. Bà H.P Blavatsky gọi họ là Asuras nghĩa là các Đấng linh động; về sau thuật ngữ này được hạn chế dùng để chỉ các sinh linh mà chỉ có trí năng phát triển chứ xúc dộng chưa phát triển [6]. Những người nào không thành công khi đạt tới mức ấy, ắt nhập vào Dãy hành tinh thứ nhì vào lúc giữa chừng để tự mình tiến hóa thêm và dẫn đầu nhân loại đến lúc kết thúc Dãy hành

tinh ấy bèn được giải thoát thuộc về một trong các Tinh quân; đến lượt một số Tinh quân này làm việc trên Dãy hành tinh thứ ba để kiến tạo hình tướng loài người [7].

Nhân loại sơ khai của Dãy hành tinh thứ nhì được rút ra từ giới động vật của Dãy hành tinh thứ nhất; giới động vật của Dãy hành tinh thứ nhì được trích ra từ giới thực vật của Dãy hành tinh thứ nhất; trong khi giới thực vật của Dãy hành tinh thứ nhì xuất phát từ giới khoáng vật của Dãy hành tinh thứ nhất. Ba giới tinh hoa ngũ hành trên vòng cung đi xuống thuộc Dãy hành tinh thứ nhất cũng chuyển sang Dãy hành tinh thứ nhì lấp đầy giới khoáng vật và hai giới tinh hoa ngũ hành, còn giới tinh hoa ngũ hành thứ nhất của Dãy hành tinh thứ nhì được tạo ra từ một xung lực sinh hoạt mới mẻ của THƯỢNG ĐẾ.

Trong Dãy hành tinh thứ nhì, việc giáng thêm nữa xuống vật chất khiến cho ta có một bầu hành tinh trên cõi xúc động, một bầu hành tinh bằng chất trung giới và vật liệu thô trược hơn khiến cho sự vật cố kết hơn một chút và dễ hiểu hơn. Bây giờ ta có A và G trên cõi trực giác, B và F trên cõi thượng trí, C và E trên cõi hạ trí và D trên cõi xúc động. Trên bầu hành tinh thấp nhất thì các sự vật hơi giống hơn so với những sự vật mà ta thường quen thuộc mặc dù vẫn còn rất kỳ lạ và quái đản. Vậy là những sự vật với dáng vẻ nói chung thuộc loài thực vật tự do di chuyển như loài động vật, mặc dù xét theo biểu kiến có rất ít (nếu có) cảm tính. Chúng không bám trụ vào vật chất trên cõi trần cho nên rất linh động. Nhân loại còn non trẻ ở đây sinh hoạt tiếp xúc mật thiết với các Đấng Quang Huy, các ngài vẫn khống chế môi trường tiến hóa; các Sắc giới Thiên thần và Dục giới Thiên thần (Rupa Devas và Kama Devas) ảnh hưởng mạnh mẻ, (nhưng phần lớn là vô ý thức) tới cơ tiến hóa của loài người. Sự đam mê biểu lộ nơi nhiều người giờ đây đã có các thể xúc động trên bầu D và mầm mống của nó đã rõ rệt trên các loài thú. Những sự khác nhau trở nên đáng kể qua năng lực đáp ứng với những rung động mà Đấng Quang Huy phóng ra một cách hữu thức và vô thức, nhưng sự thay đổi rất từ từ và sự tiến bộ chỉ chậm chạp thôi. Về sau khi tâm thức trực giác đã khai mở thì có sự liên lạc giữa Hệ thống tiến hóa này với Hệ thống tiến hóa bao gồm Kim tinh hiện nay là bầu hành tinh trên cõi trần của nó; Hệ thống tiến hóa ấy là một Dãy hành tinh tiên tiến hơn chúng ta, một số đấng từ đó đã giáng xuống Dãy hành tinh thứ nhì của ta; nhưng chúng tôi cũng chẳng biết liệu họ thuộc về nhân loại trên Hệ thống Kim tinh hay là thành viên của bộ "Tổng tham mưu."

Trong Cuộc tuần hoàn thứ nhất có một đặc điểm đáng chú ý trên bầu D là có lộ ra những đám mây vật chất lớn màu sắc rực rỡ; trong Cuộc tuần hoàn kế tiếp, chúng

trở nên thô trược hơn, có màu sắc lộng lẫy hơn, đáp ứng nhiều hơn với những rung động cung cấp hình hài cho chúng mà ta cũng khó lòng nói chắc được đó là loài thực vật hay động vật. Nhiều công trình diễn ra trên các cõi cao cấp sinh lực cho vật chất tinh vi để sử dụng trong tương lai lại tỏ ra có ít tác dụng đối với những hình tướng hạ đẳng. Cũng giống như hiện nay, người ta dùng tinh hoa ngũ hành để xây dựng các thể xúc động và thể trí tuệ; cũng vậy vào lúc ấy các Sắc giới Thiên thần và Dục giới Thiên thần tìm cách phân biệt với nhau rốt ráo hơn bằng cách sử dụng các đám mây vật chất và sinh hoạt trong đó. Họ giáng xuống từng cảnh một, thâm nhập vào vật chất thô trược hơn nhưng không sử dụng giới nhân loại bằng cách này. Ngay cả hiện nay thì một vị Thiên thần cũng có thể làm linh hoạt trọn cả một vùng quê, còn lúc bấy giờ thì tác động như vậy rất chung chung; vật chất xúc động và vật chất hạ trí tạo thành cơ thể của các Thiên thần này vốn biến đổi và hòa lẫn vào nhau; nhân tiện xin nói các nguyên tử trường tồn của giới thực vật, giới khoáng vật và ngay cả giới động vật đều có gốc rễ nơi cơ thể của những Thiên thần ấy, chúng đều tăng trưởng và tiến hóa. Các Thiên thần dường như không đặc biệt chú ý tới các nguyên tử trường tồn cũng giống như bản thân chúng ta không quan tâm tới sự tiến hóa của các con vi trùng bên trong cơ thể ta, song le thỉnh thoảng thì Thiên thần cũng có chú ý tới một con thú và trong tình huống đó thì năng lực đáp ứng của nó gia tăng nhanh chóng.

Khi nghiên cứu tâm thức loài thực vật trong Dãy hành tinh thứ nhì – trong Dãy hành tinh ấy chúng ta hiện nay là người thì thời đó còn sinh hoạt trong thế giới thực vật – ta thấy có ý thức mơ hồ về các lực tác động lên nó và có một ý thức thôi thúc nào đó hướng về sự tăng trưởng. Nơi một số người có cảm giác muốn tăng trưởng, ham muốn tăng trưởng, một trong những nhà khảo cứu nhận xét như sau: "Tôi đang cố gắng để đơm hoa kết trái". Nơi một số người khác thì lại có chút ít sự chống đối với đường lối tăng trưởng bị áp đặt và có một sự mò mẫm mơ hồ đi theo một phương hướng khác do chính mình lựa chọn. Một số người dường như cố gắng sử dụng bất cứ lực nào tiếp xúc với mình và trong ý thức phôi thai ấy thì họ cho rằng tất cả xung quanh đều tồn tại để phục vụ cho bản thân. Một số cố gắng bung ra theo một hướng thu hút mình, bị bất đắc chí và mơ hồ cảm thấy phấn kích; có một người tạo một bộ phận của một Thiên thần theo quan sát thấy đã bị cản trở như thế vì Thiên thần dĩ nhiên là sắp xếp mọi chuyện để thích ứng với bản thân chứ không thích ứng với bất kỳ bộ phận cấu thành nào của cơ thể của mình. Mặt khác, theo quan điểm mù mờ của giới thực vật thì hành trang của Thiên thần ắt là không thể hiểu nổi cũng giống như hiện nay chúng ta chẳng hiểu nổi thời tiết và

thường thấy là thời tiết gây rắc rối. Vào khoảng lúc kết thúc Dãy hành tinh thì các loài thực vật tiến hóa cao hơn tỏ ra có chút ít trí tuệ, quả thật là trí khôn của một trẻ sơ sinh, nhận ra được sự tồn tại của những con thú ở bên ngoài, thích một số con thú ở gần cận mình và co cụm lại đối với những con thú khác. Có một sự khao khát để được cố kết nhiều hơn, đây hiển nhiên là kết quả của việc sự sống giáng xuống vật chất thêm nữa để có được sự thô trược nhiều hơn, Ý chí hoạt động trong Thiên nhiên để giáng xuống những mức độ thô trược hơn. Nếu không bám trụ được vào vật chất trên cõi trần thì các hình tướng trên cõi xúc động rất bất ổn và có khuynh hướng trôi nổi vật vờ thiếu mục đích.

Trong Cuộc tuần hoàn thứ bảy của Dãy hành tinh này, có một số khá lớn nhân loại bị rơi rớt thất bại vì đã tụt hậu quá xa nên không tìm được những hình tướng thích hợp; sau này họ sẽ tiếp tục trên hành tinh thứ ba, Dãy Nguyệt tinh dưới dạng con người. Những người khác đạt tới mức mà hiện nay được qui định bởi cuộc Điểm đạo thứ ba (mức được qui định là thành công của Dãy hành tinh thứ nhì) và nhập vào một trong bảy Con đường; cũng như trước kia có một Con dường dẫn tới công trình trên Dãy hành tinh kế tiếp. Những người nào không thất bại nhưng cũng chẳng thành công hoàn toàn thì tiếp tục chuyển sang Dãy hành tinh thứ ba nhập vào nó ở một Cuộc tuần hoàn thích hợp khi có trình độ mà mình đã đạt được trước kia. Đám tiên tiến nhất trong giới động vật biệt lập ngã tính trên Dãy hành tinh thứ nhì và bắt đầu cơ tiến hóa làm người trên Dãy Nguyệt tinh, lướt qua các giới hạ đẳng rất nhanh rồi trở thành người; bấy giờ họ dẫn dắt cơ tiến hóa trên Dãy hành tinh ấy cho đến khi những lớp người đã nêu trên – trước hết là những kẻ thất bại, rồi tới những kẻ không thành công hoàn toàn – ghé vô từ Dãy hành tinh thứ nhì để lần lượt sau đó trở thành nhóm lãnh đạo. Đám tiên tiến nhất trong Giới Thực vật thuộc Dãy hành tinh thứ nhì nhập vào Giới Động vật thuộc Dãy Nguyệt tinh vào Cuộc tuần hoàn thứ tư với vai trò là loài động vật có vú chứ không đi băng qua loài trích trùng và loài động vật hạ đẳng, như cá và bò sát; trong Cuộc tuần hoàn thứ nhất thì đám còn lại của giới thực vật thuộc Dãy hành tinh thứ nhì giáng lâm dưới dạng những con thú hạ đẳng. Tâm thức của Giới Khoáng vật thuộc Dãy hành tinh thứ nhì chuyển sang Giới thực vật thuộc Dãy Nguyệt tinh, còn Giới Khoáng vật của Dãy Nguyệt tinh được lấp đầy bằng Giới Tinh hoa ngũ hành cao nhất thuộc Dãy hành tinh thứ nhì. Cũng như trước kia, Giới tinh hoa ngũ hành thấp nhất của Dãy hành tinh thứ ba được lấp đầy bằng một làn sóng sinh hoạt mới của THƯỢNG ĐẾ.

Ở đây ta có thể nhắc tới một nguyên tắc quan trọng: mỗi một trong bảy cảnh tạo thành một cõi lại được chia nhỏ ra thành bảy; vì thế cho nên một cơ thể trong khi

thành phần cấu tạo chưa đủ vật chất thuộc mọi cảnh, lại chỉ bộc lộ hoạt động qua sự tế phân tương ứng với con số của Dãy hành tinh hoặc Cuộc tuần hoàn mà nó đã trải nghiệm rồi hoặc đang trong quá trình trải nghiệm. Một người hoạt động trong Cuộc tuần hoàn thứ nhì của Dãy hành tinh thứ nhì ắt chỉ có thể vận dụng các tế phân thứ nhất và thứ nhì thuộc mỗi cảnh của vật chất trung giới và vật chất trí tuệ chứa trong thể xúc động và thể trí tuệ của mình; trong Cuộc tuần hoàn thứ ba, y ắt có thể vận dụng các tế phân thứ nhất, thứ nhì, và thứ ba mặc dù đối với tế phân thứ ba thì chưa hoàn chỉnh như khi sinh hoạt trong Cuộc tuần hoàn thứ ba, thuộc Dãy hành tinh thứ ba và v.v... Như vậy mãi về sau này, trong Dãy hành tinh Trái đất, con người thuộc Cuộc tuần hoàn thứ nhì đã hoạt động xuyên qua các tế phân thứ nhất và thứ nhì của mỗi một cảnh cũng như hoạt động chút ít trong tế phân thứ ba và thứ tư vì y đang sinh hoạt trong Dãy hành tinh thứ tư; vì thế cho nên trong khi bản thân y có đủ vật chất của mọi cảnh nhưng chỉ hai tế phân thấp nhất thuộc hai phân cảnh thấp nhất là hoạt động trọn vẹn và tâm thức của y chỉ hoạt động trọn vẹn thông qua hai tế phân này. Mãi cho tới Giống dân thứ bảy thuộc Cuộc tuần hoàn thứ bảy thì con người mới có được một cơ thể rực rỡ trong đó mọi hạt vật chất đều rộn ràng đáp ứng với bản thân y và ngay cả lúc đó sự đáp ứng vẫn chưa được toàn bích như trong các Dãy hành tinh sau này.

[1] Cõi Niết Bàn.

[2] Cõi Bồ Đề

[3] Ta có thể nhớ rằng các Giống dân thứ Nhất và thứ Nhì trong thế giới hiện nay cũng chứng tỏ một điều gì đó mang đặc tính ấy, mặc dù ở một mức độ thấp hơn hẳn.

[4] Người Ấn Độ chia thời gian ra thành các chu kỳ bao gồm bốn Yuga tức Thời đại, nối tiếp nhau; Satya Yuga, thời đại đầu tiên trong loạt ấy là chu kỳ dài nhất và mang tính tâm linh nhất. Khi thời đại thứ tư kết liễu thì một chu kỳ mới lại khai trương bắt đầu bằng một thời đại Satya.

[5] Các Barhishad Pitris trong Giáo lý Bí truyền.

[6] Các Asuras đóng vai trò Barhishad Pitris trên Dãy hành tinh thứ nhì đóng vai trò Agnishvatta Pitris trên Dãy hành tinh thứ ba và tạo thành một trong các lớp cao cấp nhất của nhóm Manusaputras siêu nhân giáng lâm trên trái đất theo Giáo lý Bí truyền. Phải nhớ rằng những giai đoạn này đều là siêu nhân; xét theo biên kiến nó biểu thị những giai đoạn siêu nhân của con đường thứ năm trong số bảy Con đường được liệt kê ở trang 14. Trong Giáo lý Bí truyền có gây ra một điều khó khăn cũng dùng danh xưng Asuras này để chỉ những người đã rời bỏ Dãy Nguyệt tinh ngay từ bầu hành tinh đầu tiên của Cuộc tuần hoàn thứ bảy và gây rối trên trái đất bằng cách từ chối không sáng tạo. Bạn nào đã đọc quyển Phổ hệ con người ắt phải dùng điều này để chỉnh đốn lại sự kiện ấy dựa theo những chi tiết được trình bày sau này, vì chính tôi cũng bị nhầm lẫn do việc dùng từ Asuras theo hai nghĩa khác nhau trong Giáo lý Bí truyền. Con người chưa bao giờ có thể tồn tại như vậy nhiều hơn mức hai Dãy hành tinh liên tiếp. Muốn xuất hiện như vậy thì họ ắt trở thành siêu nhân – Annie Besant.

[7] Trong thuật ngữ của Giáo lý Bí truyền, thì họ trở thành các Barhishad Pitris.

Chương III

THỜI SƠ KHAI TRÊN DÃY NGUYỆT TINH

Trích từ CON NGƯỜI\TỪ ĐÂU TỚI,

(MAN:Whence, How and Whither)

Bản dịch: www.thongthienhoc.com

THỜI SƠ KHAI TRÊN DÃY NGUYỆT TINH

Trên Dãy Nguyệt tinh – dãy thứ ba trong một loạt liên tiếp – ta có sự chìm sâu hơn vào vật chất và bầu hành tinh trung gian ở trên cõi trần; A và G trên cõi thượng trí, B và F trên cõi hạ trí, C và E trên cõi xúc động, còn D trên cõi hồng trần. Bầu trung gian này là hoạt cảnh náo nhiệt nhất trong Dãy hành tinh vẫn còn sống sót dưới dạng Mặt trăng, nhưng Mặt trăng chỉ là di tích của nó sau khi đã mất mát nhiều vật liệu, có thể nói là cái lõi bên trong của nó, sau khi lớp vỏ đã tan rã, là một bầu thiên thể có kích thước nhỏ bé hơn nhiều đang trên đường hoàn toàn bị tiêu diệt – thật vậy đó là một xác chết.

Khi theo dõi tâm thức tiến hóa mà ta đã thấy là giới khoáng vật trên Dãy hành tinh thứ nhất là giới thực vật trên Dãy hành tinh thứ nhì, ta thấy đỉnh cao của làn sóng tiến bộ mang ta bên trong nó nhập vào Dãy hành tinh thứ ba lúc giữa kỳ, xuất hiện trên bầu D, tức Mặt trăng vào Cuộc tuần hoàn thứ tư dưới dạng loài động vật có vú. Những động vật có vú này là các tạo vật kỳ diệu, nhỏ bé nhưng cực kỳ linh động, loài tiên tiến nhất có hình dáng giống như khỉ và nhảy được rất xa. Theo thông lệ thì các tạo vật thuộc Cuộc tuần hoàn thứ tư thoạt tiên có lớp da giống như vảy và sau này có lớp da giống như da nhái; thế rồi loại tiên tiến hơn phát triển các lông xù tạo ra một lớp lông thô trược và rất cứng rắn. Không khí hoàn toàn khác với bầu khí quyển hiện nay của ta, nặng nề và ngạt thở, nhắc ta nhớ tới khí nghẹt ở vùng ẩm ướt nhưng nó rõ rệt là thích ứng với cư dân trên Mặt trăng. 56Những tâm thức mà chúng tôi đang theo dõi mang xác những con động vật có vú nhỏ, thân hình thuôn thuôn, chân ngắn, là một sự hỗn hợp của loài chồn, loài cầy và loài chó hoang, với cái đuôi ngắn cũn cỡn khẳng khiu hoàn toàn vụng về và chưa toàn mỹ;

mắt chúng màu đỏ và trong đêm tối cũng có thể thấy được hang động của mình, khi đi ra ngoài hang thì chúng nhấc người lên trên hai chân sau, dùng cái đuôi ngắn ngủn mạnh mẽ tạo thành cái vạc ba chân, ngoái đầu qua bên này bên kia để đánh hơi. Những con thú này rất thông minh và ít ra ở vùng đó thì mối quan hệ giữa loài thú và loài người trên mặt trăng dường như thân thiện hơn mối quan hệ giữa loài người và loài thú hoang trên trái đất; các tạo vật này không phải là gia súc nhưng khi thấy loài người xuất hiện thì chúng chẳng hề bỏ chạy tán loạn. Ở những nơi khác, khi loài người chỉ là những kẻ dã man, ăn thịt kẻ thù khi bắt được chúng và ăn thịt thú vật khi thiếu thịt người, thì loài tạo vật hoang dã nhút nhát hơn co giò bỏ chạy khi loài người tới gần.

Sau giai đoạn đầu tiên của sinh hoạt động vật này là tới lượt các tạo vật sống nhiều trên cây, tay chân có khớp kép, bàn chân dãn ra, bàn chân đã biến đổi rất kỳ diệu, có một chỗ nhô ra giống như ngón chân cái, vuông góc với cẳng chân, giống như cựa của con gà trống có trang bị một móng vuốt khum khum. Loài thú này chạy nhanh dọc theo tán lá bên dưới cành cây nên dùng nó để bám trụ khiến cho phần còn lại của bàn chân trở nên vô dụng, nhưng khi di chuyển trên mặt đất thì nó vẫn bước trên cái bàn chân dãn ra và cái cựa thoài về phía sau cao hơn mặt đất cho nên không cản trở sự vận chuyển.

Có những con thú khác phát triển cao hơn những con này và thông minh hơn nhiều, có hình dạng giống như khỉ, quen sống nơi loài người định cư, gắn bó quyến luyến với loài người thời ấy, phục vụ loài người dưới nhiều dạng khác nhau. Những con này biệt lập ngã tính trên bầu D của Cuộc tuần hoàn thứ tư, khi chuyển sang bầu E, F và G chúng phát triển được thể xúc động và thể trí tuệ của con người; còn thể thượng trí mặc dù đã được tái lập trọn vẹn nhưng chưa tăng trưởng được bao nhiêu. Như ta thấy, những con này sẽ rời Dãy Nguyệt tinh vào giữa Cuộc tuần hoàn thứ bảy, thế là nó đã trải qua ba Cuộc tuần hoàn phát triển làm người trên Dãy Nguyệt tinh. Trong đám này ta thấy biệt lập ngã tính trong một cộng đồng nhỏ sống ở vùng quê có các Chơn sư hiện diện, quan sát được là Mars và Mercury, hiện nay các ngài lãnh đạo Hội THÔNG THIÊN HỌC và sẽ trở thành Đức Bàn Cổ và Bồ Tát [1] của Căn chủng thứ sáu trên trái đất trong Cuộc tuần hoàn thứ tư hiện nay của Dãy hành tinh trái đất.

Sau khi các con thú chết đi, các cơ thể cuối cùng trên bầu hành tinh D thì tâm thức của những con thú mà chúng tôi đang theo dõi hầu như yên ngủ trải qua phần còn lại của Cuộc tuần hoàn thứ tư và ba bầu đầu tiên của Cuộc tuần hoàn thứ năm, vì

mất thể xúc động và thể trí tuệ sơ khai chỉ một thời gian ngắn sau khi thể xác đã chết và lại chưa có thể thượng trí cho nên chúng vẫn yên ngủ trong một loại thiên đường với những giấc mơ êm đềm, không tiếp xúc với thế giới đang biểu lộ, vực sâu ngăn cách chúng với những thế giới này không có gì bắc cầu nối liền lại. Trên bầu D thuộc Cuộc tuần hoàn thứ năm, chúng lại được nhập thể xuất hiện dưới dạng những tạo vật lớn giống như khỉ, nhảy chồm tới được 40 bộ Anh và dường như có thể nhảy vút lên trên không rất cao. Vào thời giống dân thứ tư trên bầu hành tinh D chúng trở thành gia súc, đóng vai trò canh gác tài sản của chủ, chơi với trẻ con trong nhà cũng giống như con chó canh nhà trung thành hiện nay, cõng trẻ con trên lưng hay ẳm chúng trong vòng tay và phát triển lòng luyến ái mạnh mẻ đối với các chủ nhân ông là loài người; đám trẻ con thường thích thú nằm gọn lỏn trong lớp lông dày cộm mềm mại của chúng, vui hưởng những cú chồm tới của đám vệ sĩ trung thành. Sau đây là một hoạt cảnh có thể đóng vai trò kiểu mẫu cho sự biệt lập ngã tính của những tạo vật ấy.

Có một người trên mặt trăng cùng với vợ và con cư ngụ trong một túp lều; sau này ta biết những người ấy với tên gọi là Mars và Mercury, Mahaguru và Surya [2]. Một số tạo vật giống như khỉ này sinh hoạt xung quanh túp lều, tận trung với những chủ nhân ông như những con chó trung thành, trong số đó chúng tôi lưu ý thấy những con trong tương lai là Sirius, Herakles, Alcyone, và Mizar – chúng tôi trình bày tên trong tương lai của chúng với mục đích để nhận diện mặc dù chúng vẫn còn chưa phải là người. Thể vía và thể trí của chúng đã phát triển do tác động trí thông minh con người của các chủ nhân ông, giống như thể vía và thể trí của loài gia súc hiện nay phát triển theo trí thông minh của chính chúng ta; Sirius chủ yếu là tận tụy với Mercury, Herakles tận tụy với Mars; Alcyone và Mizar là những con phục vụ gắn bó đam mê với Mahaguru và Surya.

Có một đêm xảy ra chuyện báo động; túp lều bị vây quanh bởi những kẻ dã man được hỗ trợ bằng đám gia súc hung hăng và dữ tợn giống như những con thằn lằn và cá sấu có lông, những con thú canh trung thành nhảy xổ ra xung quanh túp lều của chủ, chiến đấu tuyệt vọng để bảo vệ nó; Mars xông ra đẩy lùi những kẻ tấn công vì biết dùng một số vũ khí mà chúng không có, nhưng trong khi Mars đẩy lùi được chúng thì một tạo vật giống như thằn lằn lao vút đằng sau lưng Mars xâm nhập vào túp lều, tóm được đứa trẻ Surya rồi bắt đầu đánh cướp nó đi. Sirius xông vào nó, vật nó xuống, quẳng đứa trẻ cho Alcyone, Alcyone ẳm đứa trẻ vào lều trong khi Sirius đánh xáp lá cà với con thằn lằn; sau một cuộc chiến đấu tuyệt vọng, Sirius giết được địch thủ rồi ngã lăn ra hôn mê bất tỉnh, thân thể te tua. Trong khi đó một

kẻ dã man lẻn vào phía sau lưng Mars đâm lụi vào lưng Mars, nhưng Herakles nhảy xổ ra lao mình vào giữa chủ nhân ông với vũ khí đâm lén, hứng trọn cú đâm vào ngực rồi lăn ra hấp hối. Những kẻ dã man giờ đây chạy trốn theo mọi hướng, Mars cảm thấy một tạo vật nào đó đang gục xuống lưng mình bèn lảo đảo hoàn hồn quay lại. Mars nhận ra con thú trung thành bảo vệ mình đang phủ phục trên kẻ phục vụ mình hấp hối rồi áp đầu vào lòng của mình.

Con khỉ tội nghiệp ngước mắt lên với lòng sùng tín mạnh mẽ nhìn thẳng vào mặt chủ và khi đã thực hiện hành vi phụng sự ấy với mong muốn nhiệt thành cứu chủ, đã hiệu triệu được một luồng đáp ứng từ ngôi Ý chí của Chơn thần qua một đợt quyền năng cháy bỏng dâng lên và chính trong lúc hấp hối ấy con khỉ biệt lập ngã tính, thế là nó chết khi vừa mới trở thành người.

Con khỉ bị thương nặng là Sirius vì bị kẻ thù là con thằn lằn cắn cho nát người ra nhưng vẫn còn sống, nó được mang vào trong túp lều; nó còn sống được một thời gian đáng kể, thân tàn ma dại và chỉ cà lếch được một cách khó nhọc. Thật là xúc động khi thấy lòng trung thành câm nín của nó đối với bà chủ; đôi mắt nó dõi theo bà khi bà đi tới bất cứ nơi đâu, đứa trẻ Surya nựng nịu nó âu yếm, còn những con khỉ đồng loại của nó là Alcyone và Mizar bu lấy quanh nó; dần dần thì trí thông minh của nó được tình thương nuôi dưỡng phát triển mạnh hơn, cho đến khi hạ trí vút lên cao thu hút sự đáp ứng của thượng trí từ trên hạ xuống khiến cho thể thượng trí lóe lên hiện hữu chẳng bao lâu trước khi nó chết. Alcyone và Mizar còn sống sót sau khi nó chết được một thời gian, nhất tâm tận tụy với Mahaguru và Surya với những đặc trưng nổi bật nhất cho đến khi thể xúc động với bản năng là một lửa thuần khiết cũng hiệu triệu được một sự đáp ứng từ cõi trực giác và chúng cũng biệt lập ngã tính rồi qua đời.

Những trường hợp này là ví dụ điển hình của ba loại phương pháp lớn về biệt lập ngã tính [3] trong đó sự sống trên cao tuôn xuống thông qua một ngôi trong Tinh thần Ba ngôi: thông qua Ý chí, thông qua Minh triết và thông qua Trí năng hoạt động. Hành động vươn lên và hiệu triệu được Ý chí; Tình thương vươn lên và hiệu triệu được Minh triết; Trí tuệ vươn lên và hiệu triệu được Trí huệ. Đây là "ba Phương thức Đứng đắn" để biệt lập ngã tính. Có những phương thức khác mà chốc nữa chúng tôi sẽ đề cập tới vốn là phản ảnh của ba phương thức này nơi vật chất thô trược hơn, nhưng đó là "các Phương thức Sai lạc" và gây ra nhiều đau khổ.

Từ đây trở đi, các tâm thức mà chúng ta đặc biệt đang theo dõi đã dứt khoát là con người và có cùng một thể thượng trí vẫn còn được sử dụng; chúng cư ngụ ở bầu E

với tư cách là con người, nhưng không đóng vai trò xác định nào trong sinh hoạt bình thường. Chúng trôi nổi trong bầu khí quyển giống như cá lội trong nước, nhưng chúng chưa đủ tiến bộ để chia xẻ những hoạt động bình thường của nó. Thể xúc động mới được tạo ra trên bầu E do một loại khối u nhú ra xung quanh nguyên tử trường tồn của thể vía; những kẻ mới biệt lập ngã tính không sinh ra thành trẻ con của các cư dân mà có thể nói là nhân tiện nó không có dáng vẻ cố hữu, ta không thể nói chúng thật sự tiến bộ thành con người chừng nào chúng chưa bắt đầu đổ bộ trở lại trên bầu D vào Cuộc tuần hoàn thứ sáu. Chắc chắn có một sự củng cố và cải thiện nào đó nơi thể xúc động trôi nổi trong bầu khí quyển của bầu E, nơi thể hạ trí cũng trôi nổi trong bầu khí quyển của bầu F và nơi thể thượng trí cũng trôi nổi trong bầu khí quyển của bầu G. Sự cải thiện này được biểu lộ qua sự giáng xuống các bầu khí quyển thuộc các bầu A, B và C trong Cuộc tuần hoàn thứ sáu, trong đó vật chất được thu hút vào mỗi thể thuộc loại tốt hơn và cố kết hơn. Nhưng ta đã nói rằng sự tiến bộ thật sự chỉ diễn ra trên bầu D khi người ta một lần nữa khoác lấy vật chất trên cõi trần.

Trong số những con thú tiên tiến thuộc Cuộc tuần hoàn thứ năm này vốn sống tiếp xúc với những người nguyên thủy, có một số con thú đáng chú ý vì sau này chúng túm tụm lại thành ra một loại hình dựa trên việc sử dụng một phương pháp biệt lập ngã tính giống nhau. Như ta có nói, chúng biệt lập ngã tính theo một trong những phương thức "Sai trái". Chúng cố gắng bắt chước con người mà chúng trà trộn vào đó để lấy uy tín là mình cao siêu hơn các con thú đồng loại, chúng nghênh ngang, đầy tự đắc và thường tỏ ra khoe mẻ. Chúng là những tạo vật giống như khỉ, rất giống những con thú đã được quan sát trước kia, nhưng rõ rệt là khéo léo hơn, có nhiều óc tưởng tượng hơn, hoặc ít ra thì có khả năng bắt chước và chúng đóng vai con người cũng giống như là trẻ con đóng vai người lớn. Chúng biệt lập ngã tính qua lòng tự đắc tột độ ấy, nó kích thích năng lực bắt chước tới một mức độ bất bình thường và gây ra xúc cảm chia rẽ tột độ, chú trọng tới "bản ngã" vừa mới chơm nở của con thú cho đến khi nỗ lực phân biệt với những con khác hiệu triệu một sự đáp ứng từ những cảnh cao và bản ngã được hình thành. Nhưng nỗ lực vươn lên trên đồng loại mà không ngưỡng mộ hoặc yêu thương bất cứ sinh linh nào cao hơn mình, chỉ vươn lên ngỏ hầu có thể mục hạ vô nhân, chẳng làm gì để biến đổi sự đam mê đầy thú tính thành ra các xúc động của con người và không đặt nền tảng nào cho sự phát triển hài hòa trong tương lai về bản chất xúc động và trí tuệ. Chúng vốn độc lập, duy ngã, tự túc, mỗi con chỉ biết nghĩ về chính mình, không màng tới sự hợp tác hoặc kết hợp vì một mục đích chung. Khi chúng chết đi sau khi đã biệt

lập ngã tính trong thời khoảng giữa lúc chết và lúc tái sinh trên bầu D vào Cuộc tuần hoàn thứ 6, chúng cũng mơ mộng nhiều giống như những con thú khác đã biệt lập ngã tính, nhưng có một sự khác biệt – một sự khác biệt có tầm quan trọng lớn lao đối với các đường lối tăng trưởng – đó là trong những trường hợp trước kia, con người mới sinh ra tập trung tâm trí đầy yêu thương lên chủ nhân ông mà mình tôn thờ ở bầu D, do đó xúc động của họ được củng cố và cải tiến; còn những con thú biệt lập ngã tính do tự đắc thì chỉ tập trung tâm trí lên bản thân và sự ưu việt của chính mình cho nên xúc động không tăng trưởng thành tình thương.

Có một loại thú vật khác biệt lập ngã tính vì ngưỡng mộ những người mà chúng tiếp xúc và chúng cũng tìm cách bắt chước họ, không phải vì chúng muốn chơi trội với đồng loại mà vì chúng coi con người cao cấp hơn mình và muốn giống như con người. Chúng không yêu thương con người nhiều lắm mà cũng chẳng muốn phục vụ con người, nhưng chúng rất muốn được loài người dạy dỗ và rất sẵn lòng vâng lệnh, bắt nguồn từ việc cảm thấy ngưỡng mộ loài người là loài cao cấp hơn. Chúng được chủ huấn luyện trước hết để thực hiên một vài mánh khóe thế rồi để phục vụ lặt vặt và bằng cách này chúng tăng trưởng theo một ý nghĩa nào đó nhằm hợp tác với chủ nhân ông; chúng cố gắng lấy lòng chủ để cho chủ ủng hộ mình, không phải vì chúng đặc biệt quan tâm tới chủ mà vì sự hợp tác được phép ấy bắt nguồn từ sự ủng hộ của chủ giúp cho chúng tiến gần hơn tới những đấng cao cả mà chúng muốn làm việc với các ngài. Khi chúng biệt lập ngã tính do sự tăng trưởng trí thông minh thì trí năng đã sẵn sàng tuân phục kỷ luật, hợp tác, hiểu được những lợi ích của nỗ lực kết hợp và sự cần thiết của việc vâng lời. Trong khi tồn tại giai đoạn trung gian chúng mang theo ý thức về công trình kết hợp, việc sẵn lòng vâng lệnh rất có ích cho chúng trong tương lại.

Một loại khác phát triển theo đường lối bất hạnh nhất khi tâm trí trở nên sắc sảo và đầy cảnh giác do sợ hãi. Những con thú săn mồi hoặc bị loại người dã man chiếm hữu và thường bị đối xử độc ác, có thể đạt được biệt lập ngã tính bằng cách cố gắng tránh né sự độc ác, bằng cách hoạch định phương thức trốn thoát khi bị săn đuổi; chúng phát triển sự quỉ quyệt đầy mánh khóe và những năng lực tương tự, chúng tỏ ra có một tài khéo méo mó được trưởng dưỡng qua sự sợ hãi với nhiều lần đa nghi, thiếu tin cậy và ưa thù oán. Khi tâm trí đã được củng cố như vậy, đến một mức nào đó qua việc tiếp xúc với loài người, mặc dù theo những đường lối bất hảo nhất thì kết quả vẫn là biệt lập ngã tính; có trường hợp chúng tôi quan sát thấy một bạn tình của tạo vật bị giết chết gây ra một đợt trào dâng lòng hận thù và lòng báo oán miệt mài khiến cho nó biệt lập ngã tính; có trường hợp chúng tôi lại thấy một

con thú giống như mèo rừng biệt lập ngã tính do lòng nồng nhiệt mong muốn gây đau khổ để thị uy đối với những con vật khác; nhưng ở đâu đó lại là một sự kích thích bắt chước theo ảnh hưởng đầy ác ý của con người. Trong những trường hợp này, thời khoảng dài dằng dặc giữa lúc biệt lập ngã tính và tái sinh đầy ắp những cơn mơ mộng về việc trốn thoát thành công về những vụ trả thù phản bội và những trò độc ác gây ra cho những kẻ đã bạc đãi chúng trong kiếp làm thú cuối cùng. Hậu quả bất hạnh này trút trách nhiệm lên kẻ nào đã gây ra nó và tạo ra một mối nhân duyên trong những kiếp tương lai; có lẽ cũng chẳng phải là vô lý khi coi mọi sự biệt lập ngã tính ấy là quá sớm sủa – "khoác lấy hình dạng người quá sớm". Chúng ta sẽ lại thấy các loại hình này trong Cuộc tuần hoàn thứ sáu, triển khai tính người mới mẻ của mình theo những đường lối đã xác định qua phương thức biệt lập ngã tính độc đáo của riêng mình. Dường như thể chỉ có ba loại biệt lập ngã tính do luồng thần lực từ trên cao giáng xuống là hợp theo Thiên cơ, còn sự biệt lập ngã tính do cưỡng chế từ bên dưới đi lên là hành vi sai trái của con người.

Trước khi theo dõi cả những con thú này lẫn các bạn của chúng tôi thuộc loại hình khác bước vào sinh hoạt trên bầu D trong Cuộc tuần hoàn thứ sáu, chúng ta có thể liếc nhìn nền văn minh cao cấp của những đô thị thuộc Dãy Nguyệt tinh trong Cuộc tuần hoàn thứ năm rải rác trên bầu D có nhiều cộng đồng người sống những kiếp rõ rệt là sơ khai, một số người giống những người ở trong túp lều vừa nêu trên vốn tử tế, mặc dù kém phát triển và vẫn dũng mãnh chiến đấu khi bị tấn công. Còn những người khác lại dã man ưa cãi cọ và gây chiến liên tục, xét theo biểu kiến chỉ vì lòng khát máu và độc ác. Ngoài đủ thứ cộng đồng này ra, một số thì lớn, một số thì nhỏ, một số sống đời du mục, một số sống nơi đồng cỏ, còn những người văn minh hơn sống ở thành thị, buôn bán và chịu sự cai trị của chính quyền an cư lạc nghiệp, chưa có nhiều người sống theo kiểu mà ta gọi là một quốc gia; chỉ có một thành thị và một vùng rộng lớn – đôi khi rất bao la xung quanh nó với làng mạc rải rác tạo thành một Nhà nước riêng biệt; cái Nhà nước này tiến hành thỏa hiệp lung tung với nhau để giao thương hoặc phòng thủ hỗ tương.

Ta có thể dùng một mẫu để làm điều minh họa. Ở gần điều tương ứng với xích đạo có một thành thị lớn – nhưng nó giống như nghĩa địa nhiều hơn – xung quanh có đất để trồng trọt. Thành thị này được xây dựng thành ra các khu phố riêng biệt, tùy theo lớp cư dân. Người nghèo ban ngày sống ngoài đường, còn đêm đến hoặc khi trời mưa thì bò trườn bên dưới những mái nhà phẳng khiến ta nhớ tới những mộ thạch dẫn vào những hang động thuôn thuôn hoặc những căn buồng đục sâu vào trong vách đá. Chúng giống như những rảnh bên dưới mặt đất chạy dài và ăn

thông với nhau, đó là một mê lộ chính qui mà cửa vào được làm bằng một phiến đá khổng lồ tựa trên những hòn đá thẳng đứng nhỏ hơn được dùng làm cột trụ. Những căn phòng này tụ tập lại với nhau – hàng ngàn phòng – chạy dọc theo hai bên một đường phố tròn dài dằng dặc tạo ra vành đai của bên ngoài thành thị.

Giai cấp thượng lưu sống trong những nhà có mái vòm bên trong vòng đai được xây dựng ở mức cao hơn, phía trước có sân thượng rộng rãi tạo ra một vành đai thẳng đứng vòng tròn giống như đường phố bên dưới, các mái vòm được chống đỡ tựa lên những cột trụ mảnh mai nhưng kiên cố, khắp cột trụ đều được chạm trỗ chứng tỏ đây là một nền văn minh rất tiên tiến. Vô số mái vòm này nối liền với nhau ở mép dưới tạo ra một loại thành thị cộng đồng, một vành đai và lại có một sân thượng vòng tròn bên trên núp trong trung tâm của thành thị là điểm cao nhất, ở đó nhà cửa cao hơn có ba mái vòm, mái này vượt trên mái kia, mái trên nhỏ hơn mái dưới. Các mái vòm phía trên có những nấc thang bên trong một cột trụ bắc từ sàn dưới đất lên cuốn xung quanh cột trụ ở trung tâm. Dường như thể những thứ này đã được đẽo ra từ đỉnh của một hòn đá sống động. Ở những mái vòm trên cao dường như không có đục lỗ cho ánh sáng và không khí tràn vào. Mái vòm cao nhất có một loại võng treo từ trung tâm rũ xuống và đây là phòng cầu nguyện; dường như bất cứ ai lúc đang cầu nguyện đều không được tiếp đất.

Đây hiển nhiên là loài người cao cấp nhất trên mặt trăng về sau họ thành các Nguyệt tinh quân đạt tới quả vị La hán là mục tiêu qui định cho cơ tiến hóa của Dãy Nguyệt tinh. Họ đã văn minh rồi và trong một phòng chúng tôi thấy một đứa trẻ đang viết chữ bằng loại chữ viết mà chúng tôi hoàn toàn không hiểu được.

Những người thuộc nhân loại Nguyệt tinh nhập lưu vào Thánh đạo trong Cuộc tuần hoàn này ắt tiếp xúc với một đoàn thể các Đấng cao cả hơn là Huyền giai vào thời đó, các ngài đã từ Dãy hành tinh thứ nhì giáng lâm để trợ giúp cho cơ tiến hóa của Dãy hành tinh thứ ba. Các Ngài sống ở vùng núi cao hầu như không ai bén mãng đến được; nhưng những người đã nhập lưu vào Thánh đạo đều nhận ra được sự hiện diện của các Ngài và nhân loại thông minh vào thời đó nói chung cũng chấp nhận đây là một sự thật. Đệ tử của các Ngài đến với các Ngài khi xuất hồn và đôi khi một trong các Ngài giáng xuống vùng bình nguyên trà trộn một thời gian giữa nhân quần. Những người ở trong căn nhà trung tâm của thành thị mà ta vừa miêu tả có tiếp xúc với các Ngài và chịu ảnh hưởng của các Ngài về những vấn đề có tầm quan trọng nghiêm chỉnh.

[1] Tước hiệu chính thức của các vị Lãnh đạo một Căn chủng trên cương vị là Vua và Lễ sư, nhà Cai trị và Đạo sư.

[2] Xem 'Vén màn Bí mật Thời gian' trong Tạp chí Nhà Thông Thiên Học năm 1910 – 1912. Mahaguru là Đức Phật Thích Ca, Surya là Đức Di Lặc. Tại sao những con thú ấy lại có liên hệ mật thiết với những đấng là chủ nhân của chúng ở trên trái đất lúc bấy giờ còn xa vời vợi? Phải chăng chúng là loài cây cỏ được các ngài chăm sóc giống như chúng ta uốn nắn cây cỏ hiện nay trong những trường hợp cao cấp hơn – vì Đức Phật Thích Ca và Đức Di Lặc đã là người trên Dãy hành tinh thứ nhì – hoặc trong những trường hợp thấp kém hơn là loài thú vật và loài cây cỏ vốn có ái lực với nhau.

[3] Về vấn đề này xem 'Các Phương thức biệt lập Ngã tính' của C.W. Leadbeater trong tác phẩm Sự sống Nội giới quyển II tiết 6.

Chương IV

CUỘC TUẦN HOÀN THỨ SÁU TRÊN DÃY NGUYỆT TINH

Ta lại xét đến bầu D, nhưng bây giờ là Cuộc tuần hoàn thứ sáu, và những con thú đã biệt lập ngã tính sinh ra trên đó thành loại người chất phác và nguyên thủy, nhưng không dã man và thô bạo. Họ không đẹp trai theo ý thức thẩm mỹ hiện nay của ta – tóc bù xù, môi dày, mũi tẹt. Họ sống trên một hòn đảo và hiếm thức ăn đến nỗi trong kiếp đầu tiên trọn vẹn làm người, Herakles xuất hiện trên diễn trường dấn thân vào một cuộc chiến đấu dữ dội với một kẻ dã man khác để tranh giành xác chết của một con thú trông rõ rệt là chẳng có gì đáng ham. Việc đấu tranh giữa những người sống trên đảo dường như là bất bình thường và chỉ xảy ra khi thực phẩm khan hiếm, nhưng thỉnh thoảng có nhiều cuộc đấu tranh để đẩy lùi sự xâm lược của người ở đất liền nơi những kẻ dã man đặc biệt ăn thịt người tàn bạo, độc ác, quỉ quái khiến cho đồng loại hiền lành hơn rất khiếp sợ. Những kẻ láng diềng khó thương này vượt qua eo biển trên những chiếc bè trông rất thô sơ, tràn lên đảo, đi đến đâu là gieo rắc sự hủy hoại đến đó. Dân trên đảo coi chúng là quỉ, tuy nhiên họ vẫn chiến đấu ngoan cường để tự vệ. Dân trên đảo cũng giết những người bị bắt làm tù binh, nhưng không hành hạ tù binh còn sống hoặc ăn thịt tù binh đã chết như đám người dã man trên đất liền.

Những người dã man trên đất liền là những kẻ đã biệt lập ngã tính do lòng sợ hãi trong Cuộc tuần hoàn thứ năm, trong đám đó ta có thể nhận ra Scorpio; lòng thù ghét của y đối với Herakles vốn nổi bật xiết bao trong những kiếp tương lai có thể bắt nguồn từ đây vì ngay cả ở mức nhân loại rất nguyên thủy này, đôi bên đã thuộc về các bộ tộc chống đối nhau dữ dội. Trong kiếp thứ nhì của Herakles sống nơi cộng đồng này, Scorpio cầm đầu một đạo quân tấn công vào một bộ tộc trên đảo mà nay ta đang đề cập tới, còn Herakles thuộc về phe đi cứu viện, tấn công đám người dã man khi chúng rút lui và thành công khi đè bẹp chúng, cứu được một tù binh bị thương thuộc loại tiến hóa cao hơn nhiều và đang bị cầm giữ để hành hạ.

Trong đám người sống trên đảo vào dạo ấy, chúng tôi thấy có Sirius cũng như Alcyone và Mizar, dường như không có bất cứ mối quan hệ đặc biệt nào – sinh hoạt mang tính cộng đồng và người ta sống lẫn lộn với nhau – vượt quá mức được hình thành qua sự thu hút cá nhân trong bất kỳ kiếp nào. Thời khoảng giữa lúc chết và

lúc tái sinh rất ngắn, cùng lắm cũng chỉ vài năm và người dã man tái sinh cũng trong cộng đồng ấy. Kiếp thứ nhì tỏ ra tiến bộ hơn nhờ sự trợ giúp từ bên ngoài làm cho sự tiến hóa nhanh hơn.

Có một người lạ mặt đổ bộ lên hòn đảo, một người thuộc loại cao cấp hơn với nước da sáng sủa hơn – da màu xanh lơ tươi sáng – so với dân trên đảo da màu nâu sẫm như bùn, dân trên đảo bu quanh lấy y vừa tò mò vừa ngưỡng mộ. Người này đến để khai hóa cho dân trên đảo, họ vốn ngoan ngoãn và dễ bảo, việc khai hóa ấy nhằm hội nhập dân trên đảo vào Đế quốc mà người này đã được biệt phái đi từ thủ đô đế quốc. Y bắt đầu bằng cách làm cho dân trên đảo phải sửng sốt. Y đổ nước vào một cái bát làm bằng vỏ trái cây, móc từ trong túi ra một quả banh nhỏ trông giống như một hạt giống rồi bỏ vào trong nước; nó bắt lửa và y đốt lên một số lá khô thế là bây giờ ta có một ngọn lửa cháy bừng; đám người dã man lần đầu tiên nhìn thấy lửa bèn nhanh chóng ù té chạy leo lên cây, trố đôi mắt hãi hùng ra nhìn đăm đăm xuống cái tạo vật kỳ lạ chói sáng đang cháy bập bùng ấy. Người này từ từ dụ dỗ họ xuống và họ rụt rè tới gần khi khám phá ra rằng chẳng có gì đáng sợ và ban đêm thì lửa thật dễ chịu, họ chẳng chút e dè quyết định rằng y là Thần linh và tiến hành tôn thờ y cũng như tôn thờ lửa. Thế là y đã xác lập được ảnh hưởng và y còn dạy họ thêm việc cày cấy đất đai để cho họ trồng một loài thực vật giống như một loại cây xương rồng nhưng lá màu đỏ; nó tạo ra loài củ ở dưới đất khá giống như củ khoai mài; y cắt cụt những cuốn cây mập mạp và lá cây, phơi nắng rồi chỉ cho họ cách dùng những thứ ấy chế ra một loại canh đặc. Ruột bên trong của cây hơi giống như rễ xương rồng, còn nước cốt khi nặn ra cho ta một loại đường ngọt. Herakles và Sirius là bạn thân nên qua cách hiểu biết vụng về dốt nát của mình đã bàn luận về những phương thức của người lạ mặt này và cả hai đều cảm thấy bị người ấy thu hút rất nhiều.

Trong khi đó một đám người dã man từ đất liền đã tấn công một bộ tộc sống rất xa nơi định cư của bộ tộc mà ta đang xét; họ giết hầu hết đàn ông, bắt đi một số đàn ông làm tù binh cùng với mọi người phụ nữ ở tuổi kết hôn được và trẻ con, rồi giết hết những người phụ nữ già nua; trẻ con bị bắt đi giống như loài súc vật – chỉ được coi là những thực phẩm ngon đặc biệt. Một người bị thương trốn thoát đến được ngôi làng để báo tin và khẩn cầu đám chiến sĩ trong làng hãy cứu giúp những tù binh bất hạnh; Herakles và đội quân xuất chinh không sợ hỗn chiến và lăn xả vào đám người dã man khi chúng đang ăn uống no say, thành công khi giết sạch trọn băng cướp bóc ấy ngoại trừ Scorpio vốn đang vắng mặt. Trong một túp lều họ tìm thấy một người bị thương mà xét theo màu da thì hiển nhiên thuộc cùng một giống

dân với người lạ mặt đã đổ bộ lên đảo; người bị thương bị giam cầm nhằm tra tấn rồi sau đó sẽ được dùng làm đại lễ. Y được nhấc bổng lên trên cái nắp làm bằng những ngọn giáo bắt chéo vào nhau, (tạm coi những chiếc cọc vót nhọn và dài như vậy) và y được mang về đảo cùng với hai ba người tù binh được cứu thoát và những phụ nữ còn sống. Mặc dù đang bị thương đau đớn, y vẫn reo mừng khi nhận ra người lạ mặt là một người bạn thân thương xuất xứ từ một thành thị với mình và được tiếp nhận vào túp lều của người lạ mặt. Y cư ngụ ở đó cho đến khi khỏe mạnh trở lại và thuật lại cách thức mà y được biệt phái đi tiêu diệt bộ tộc dã man sống ở bờ biển của đất liền, đội quân của y đã bị bao vây và thay vì tiêu diệt y thì đám người dã man đã bắt sống bản thân y và một số sĩ quan tùy tùng. Họ bị giết chết bằng những cuộc tra tấn khủng khiếp nhưng y được dung dưỡng trong một thời gian để phục hồi sức khỏe vì quá yếu nên hứa hẹn sẽ mua vui cho thiên hạ qua việc đề kháng dai dẳng với sự tra tấn và thế là y đã được cứu cho thoát chết. Herakles phụng dưỡng y theo một kiểu thô thiển giống như con chó trung thành, ngồi hằng giờ lắng nghe những người bạn – Mars và Mercury – nói chuyện với nhau bằng một thứ tiếng mà y chẳng biết gì. Mercury đại khái có biết về y thuật cho nên bạn của y nhanh chóng phục hồi khi được y chăm sóc, các vết thương lành lặn trở lại và hồi sức dễ dàng.

Dân trên đảo trở nên văn minh hơn một chút, do ảnh hưởng của Mercury cho nên khi Mars hồi sức và quyết định trở về thành thị thì Mercury quyết tâm ở lại một thời gian với bộ tộc thuần thành mà mình đang giáo dục. Người ta biệt phái một đoàn quân đi hộ tống Mars vượt qua vành đai nguy hiểm nơi có đám dã man ăn thịt người, một đoàn tùy tùng nhỏ đi theo Mars tới tận thành thị, Herakles khăng khăng phục vụ cho Mars và nhất định không chịu rời bỏ y. Thành thị rất vui mừng chào đón Mars trở về vì dân chúng tưởng đâu y đã chết rồi, tin đồn là đạo quân của Mars đã bị tiêu diệt còn bản thân y đã may mắn thoát chết trong đường tơ kẻ tóc đã gây ra sự kích động tột độ và người ta ngay tức khắc chuẩn bị cho một đoàn quân viễn chinh mới.

Thành thị rõ rệt là văn minh, ở những khu phố sang trọng có những tòa nhà đẹp đẽ và rộng lớn cùng với vô số cửa hàng. Có nhiều loài gia súc, một số dùng để kéo xe và để cưỡi đi. Người ta tiến hành giao thương với các thành thị khác và có một hệ thống kênh đào nối liền thành thị với nhiều đô thị khác ở cách xa. Bản thân thành thị được chia thành nhiều khu phố, với nhiều lớp người khác nhau cư ngụ ở những khu phố khác nhau; trung tâm thành thị là những lớp người đặc biệt cao cấp với nước da màu xanh lơ, bậc trị vì và những nhà quí phái cao cấp nhất có tiếp xúc với

một nhóm người sống ẩn dật ở một vùng nào đó hầu như chẳng ai bén mãng tới được. Bản thân những người này – sau này ta biết một số người là Nguyệt tinh quân – là học trò của những Đấng còn cao cả hơn nữa, các đấng này từ một bầu khác giáng lâm xuống đó, một số nhân loại trên Mặt trăng đã thành công vượt mức quả vị La hán và thượng cấp của họ hiển nhiên xuất phát từ một loài người đã đạt tới trình độ còn cao siêu hơn nữa.

Chính những vị này đã ra lệnh cho đấng Cai trị thành thị - vốn là thủ đô của một Đế quốc rộng lớn - phải tiêu diệt những người dã man ở vùng bờ biển thuộc đất liền; cuộc viễn chinh này do Viraj lãnh đạo – y trông giống một người da đỏ ở Bắc Mỹ - và Mars là thuộc hạ của Viraj với một lực lượng hùng hậu. Đám người dã man vô kỷ luật và vũ trang tồi tàn không thể có cơ may chống lại một đội binh tinh nhuệ như thế, cho nên bị tiêu diệt hoàn toàn; một lần nữa Scorpio là thủ lãnh của một băng đảng, y và đám tùy tùng chiến đấu tuyệt vọng cho đến phút cuối cùng. Herakles đi theo Mars để phục vụ cho y và chiến đấu dưới quyền y; khi chiến trận đã qua rồi thì người ta quyết định di cư đám người dã man dễ bảo từ đảo lên đất liền để hội nhập chúng thành một thuộc địa của Đế quốc. Sirius và Herakles tái ngộ với nhau và vui mừng khôn xiết với năng lực nhỏ bé của mình góp vui với Mars và Mercury ở một mức cao cấp hơn. Mercury dẫn dân chúng lên đất liền rồi cho họ định cư ở đó để cày cấy đất đai rồi quay về thành thị cùng với Mars; Herakles thuyết phục Sirius – vốn đã sẵn lòng – đi theo họ. Thế là cả hai trở thành cư dân ở thành thị rồi sống ở đó cho tới già, dứt khoát gắn bó với chủ nhân ông của riêng mình mà mình đã coi là bậc Thần linh, thuộc về một giống dân thần thánh và toàn năng.

Sự tận diệt những người dã man – mặc dù được thực hiện một cách ngoan ngoãn theo mệnh lệnh mà chẳng ai dám chống đối – được đám binh sĩ và ngay cả hầu hết các sĩ quan coi như chỉ là một bộ phận của một kế hoạch chính trị nhằm chinh phục với mục đích để mở mang bờ cõi của Đế quốc; những bộ tộc này kỳ đà cản mũi cho nên phải bị quét sạch. Theo một quan điểm cao siêu hơn thì cơ tiến hóa đã đạt tới một giai đoạn mà những người dã man này không thể vượt qua được mức đó để tiếp tục tiến bộ trên Dãy Nguyệt tinh, những cơ thể chỉ thích hợp với trình độ tiến hóa thấp kém không thể sẵn có được nữa. Vì thế cho nên khi đám người dã man chết đi hoặc bị tiêu diệt thì chúng không tái sinh mà chuyển sang một tình trạng yên ngủ; nhiều cơ thể thuộc loại thấp kém tương tự cũng bị tiêu diệt do những thảm họa về động đất khiến cho trọn cả vùng ấy trở nên hoang tàn, dân số của bầu hành tinh giảm sút rất nhiều. Đó là "Ngày Phán xét" của Dãy Nguyệt tinh tách rời những kẻ có thể và những kẻ không thể tiến bộ thêm nữa trên Dãy hành tinh ấy, từ

lúc đó trở đi, mọi chuyện đều được xúc tiến theo hướng đẩy nhanh cơ hội càng nhanh càng tốt cho những kẻ còn lại; đó là việc chuẩn bị cho đám cư dân còn lại tiến hóa trên một Dãy hành tinh khác.

Vào lúc này, ta có thể lưu ý rằng năm thì đại khái cũng có kỳ gian giống như hiện nay, mối quan hệ của bầu hành tinh với mặt trời cũng tương tự, nhưng lại xét về các chòm sao.

Toàn thể bộ tộc được Mercury khai hóa một phần thoát khỏi việc bị rơi rớt trong khi ở lại thành thị; Herakles và Sỉrius cùng với đám gia nhân và tùy tùng của Mars và Mercury.[1]

Cũng vừa mới lướt qua được đường phân giới nhờ gắn bó với các thủ lãnh của riêng mình; họ kết hôn – tạm dùng từ này để chỉ những mối liên hệ lỏng lẻo vào thời đó – đối với đám cư dân thuộc giai cấp hạ lưu ở thành thị, hết kiếp này sang kiếp khác ở trong giai cấp hạ lưu của một dân tộc văn minh hơn vào thời ấy mà chẳng tiến bộ được bao nhiêu, trí thông minh rất kém và phát triển rất chậm. Người ta quan sát thấy có một kiếp Sỉrius là một tiểu thương mà cửa hiệu chỉ vẻn vẹn là một cái lỗ rộng mỗi bề 10 bộ Anh, trong đó y bán đủ thứ hàng hóa, Mãi mười hai kiếp sau đó người ta còn thấy Herakles là một phụ nữ làm ruộng khá tốt đủ để nấu nướng những con chuột và những món ăn khác thay vì ăn sống, sống chung với một đám anh chị em mà cũng là chồng của mình – Capella, Pindar, Beatrix, Lutetia. Dạo đó phụ nữ rất hiếm cho nên tục đa phu rất phổ biến.

Mãi rất nhiều kiếp sau này, người ta mới thấy rõ sự cải tiến những thành viên của các nhóm nêu trên không còn là người nguyên thủy nữa và đã có những lớp người khác thấp kém hơn họ, nhưng họ cũng chỉ là những người chủ thuê mướn rất ít lao động, các chủ tiệm và nông gia, họ không vượt nhiều qua được các mức ấy ở trên Dãy Nguyệt tinh. Có một kiếp khiến chúng tôi đặc biệt chú ý là phương thức canh nông kỳ quặc khi Sirius là vợ của một tiểu nông có sử dụng các nông nô. Mùa gặt khá giống như một cơn ác mộng. Nhiều loài thực vật thuộc về cái mà hiện nay ta gọi là họ nấm nhưng rất khổng lồ và quái dị. Có những cái cây chỉ mỗi một năm đã mọc cao vút với tính cách bán động vật. Cành cây bị cắt ra oằn oại giống như những con rắn quấn tròn xung quanh những người cầm rìu và co rút lại khi chết đi. Nhựa đỏ như máu phọt ra khi có những nhát rìu chặt vào và kết cấu của cây giống như là thịt, cây này ăn thịt và trong khi nó tăng trưởng thì nó bắt giữ bất kỳ con thú nào chạm vào nó, quấn những cành cây xung quanh con thú giống như vòi bạch tuộc và hút cốt tủy con thú cho đến chết khô. Mùa gặt loại cây này được cho là rất nguy

hiểm, chỉ những người rất khỏe mạnh và tài khéo mới tham gia việc gặt hái. Khi cây bị đốn ngã và cành bị tỉa đi thì chúng bị bỏ cho chết khô; bấy giờ lúc mọi cử động đã ngưng bặt thì người ta mới bóc lớp vỏ để làm thành một loại da, còn thịt cây được nấu lên để ăn.

Nhiều loại sinh linh mà chúng ta phải gọi là cây cối có tính cách bán động vật và bán thực vật; có một thứ có cái tán trông giống như một cái dù lớn, với một khe ở giữa khiến cho hai nửa tán được trang bị các răng nhọn có thể tách ra; nó thò những cái nanh vuốt ấy há hốc miệng ra treo lơ lửng trên mặt đất và bất kỳ con thú nào chui đầu vào đó ắt bị tóm gọn, hai nửa khép chặt lại; thế rồi cuộn cây thẳng đứng ra, hai nửa đang khép kín lại tạo thành bề mặt của cái dù che trong khi con thú bên trong cái tán ấy dần dần bị hút cho khô kiệt. Những cành này có thể bị cắt đứt khi những hàm răng ấy ở phía bên trên và khép lại, tài khéo chính là ở chỗ nhảy vút ra khỏi tầm chụp của nó khi cái tán cây vồ xuống chụp lấy kẻ tấn công mình.

Đời sống của loài côn trùng cũng thật là đông đảo và lớn lao, chúng chủ yếu được dùng làm thực phẩm cho loài cây ăn thịt. Một số côn trùng dài tới 2 bộ Anh với những dáng vẻ rất dễ sợ và cư dân cũng rất sợ chúng. Nhà cửa được xây theo hình chữ nhật bao quanh những sân vườn rất rộng lớn; nhà cửa được che phủ bằng hệ thống mắt lưới vững chắc và vào mùa mà những côn trùng lớn đi lởn vởn xung quanh thì trẻ con không được phép đi ra ngoài hàng rào mắt lưới ấy.

Những người biệt lập ngã tính trong Cuộc tuần hoàn thứ năm do lòng tự đắc phần lớn sinh ra làm dân thành thị; hết kiếp này sang kiếp khác, họ có khuynh hướng níu kéo nhau do có cùng thị hiếu và cùng óc khinh miệt người khác, cho dù cái tính đặc dị chiếm ưu thế là tự đắc gây ra nhiều chuyện cãi cọ và thường là dẫn đến chia tay trong đám họ. Sự chia rẽ càng ngày càng được tăng cường, thể trí được củng cố một cách bất hảo và càng ngày càng là một lớp vỏ khép kín với những lớp vỏ khác. Vì họ ức chế những đam mê đầy thú tính cho nên thể xúc động không được mạnh mẽ, những cơn đam mê đầy thú tính bị bỏ đói do sự tu khổ hạnh lạnh lùng và hà khắc thay vì được chuyển hóa thành ra các xúc động của con người; chẳng hạn như sự đam mê tình dục bị hủy diệt thay vì đổi thành tình thương. Hậu quả là hết kiếp này sang kiếp khác, họ càng ngày càng ít xúc cảm và xét về thể chất có khuynh hướng vô giới tính, trong khi đó họ phát triển chủ nghĩa cá nhân tới cao độ, chính sự phát triển này gây ra việc thường xuyên cãi nhau và quậy phá. Họ tạo thành các cộng đồng nhưng các cộng đồng ấy cứ bị tan vỡ hoài vì chẳng ai chịu nghe lời ai, ai cũng muốn mình là kẻ cai trị. Về phần những người tiến hóa hơn nếu có thử toan

tính giúp đỡ hoặc dẫn dắt họ thì chỉ làm bùng phát lòng ghen tỵ và sự bất mãn vì bị coi là âm mưu muốn xỏ mũi họ hoặc coi thường họ. Lòng kiêu ngạo càng ngày càng gia tăng, họ trở nên lạnh lùng và tính toán, không biết thương xót và cũng chẳng biết ăn năn. Khi đợt sóng triều sinh hoạt chảy tràn sang bầu thứ 5 – làm bằng vật chất xúc động – thì họ vẫn còn hoạt động một thời gian ngắn, thể xúc động bị nhỏ bớt đi cho đến khi nó teo tóp lại; và trên bầu hành tinh thứ 6, thể trí bị cứng rắn lại mất đi tính mềm dẻo gây ra một tác dụng bị còi cọc kỳ cục tuyệt nhiên là chẳng hấp dẫn chút nào – thật vậy nó nhắc người ta nhớ tới hình ảnh kỳ lạ của một người đã bị mất hết cẳng chân từ đầu gối trở xuống và cái quần tây được khâu lên tuốt phía trên cẳng chân.

Cái loại hình trong Cuộc tuần hoàn trước kia biệt lập ngã tính qua lòng hâm mộ vốn ngoan ngoãn dễ bảo cũng có khuynh hướng hầu hết sinh ra làm dân thành thị và thoạt đầu tạo thành lớp người lao động cao cấp, vươn lên vượt qua giai cấp trung lưu lên tới giai cấp thượng lưu và phát triển được trí thông minh tới một mức rất đáng kể. Họ không quá kiêu ngạo như loại trước – lòng kiêu ngạo làm cho hào quang của những người này thấm đượm màu da cam – cho nên có hào quang màu hoàng kim trong sáng. Họ không thiếu lòng xúc động nhưng trong khi lòng xúc động ấy khiến cho họ hợp tác và vâng lời những người khôn ngoan hơn bản thân mình thì chúng lại mang tính ích kỷ hơn là yêu thương. Họ thấy rõ rằng sự hợp tác mang lại những kết quả tốt đẹp hơn sự tranh đấu cho nên họ hợp tác vì ích lợi của chính mình hơn là vì muốn gieo rắc hạnh phúc cho những người khác. Họ thông minh hơn nhiều so với những người mà chúng ta đặc biệt theo dõi, tính trật tự và kỷ luật giúp cho họ tiến hóa được nhanh, nhưng họ gây cho ta ấn tượng là đã phát triển thể trí (do thấy rõ những điều có ích lợi nhiều nhất cho bản thân) những phẩm chất lẽ ra bắt nguồn nơi thể xúc động vì đặt nền tảng trên và được nuôi dưỡng bởi tình thương và lòng sùng tín. Vì thế cho nên thể xúc động của họ phát triển không đúng mức mặc dù không đến nỗi teo tóp như trong loại hình mà ta đã đề cập tới trước kia. Nhưng khi tạm trú trên bầu E họ cũng lợi dụng được tình hình chút ít và cải thiện được thể trí của mình rất nhiều trên bầu F.

Các bầu E, F và G có ích nhiều nhất cho nhóm chân ngã đã biệt lập ngã tính theo một trong ba 'Phương thức Đúng đắn' và vì thế cho nên phát triển một cách viên mãn thay vì phiến diện như trong trường hợp những kẻ biệt lập ngã tính theo 'Phương thức Sai lạc' xét về trí thông minh, nhưng xét cho cùng thì sau này các chơn ngã ấy cũng phải phát triển xúc động mà vào thời kỳ đầu mình đã lơ là hoặc làm cho nó thui chột. Về lâu về dài, thì mọi quyền năng đều phải phát triển viên

mãn và khi ta chăm chú dõi theo cơ tiến hóa cuồn cuộn quét từ tình trạng vô tri cho tới mức toàn tri thì sự tiến bộ hoặc những phương thức vào bất kỳ giai đoạn đặc thù nào đều mất đi tầm quan trọng bao la mà ta thấy chúng có vẻ lù lù hiện ra qua màn sương mù vô minh và đoán mò của chúng ta.

Khi ba bầu hành tinh trên vòng cung tiến hóa đi lên của Cuộc tuần hoàn thứ sáu lần lượt bước vào hoạt động thì các chơn ngã tiên tiến hơn đã tiến bộ được rất nhiều về xúc động và trí tuệ. Vì chỉ những kẻ nào đã trải qua thời kỳ quyết định tức "Ngày Phán xét" trên Dãy Nguyệt tinh thì mới hiện thân trên ba hành tinh này, cho nên không có những kẻ lạc hậu đáng tuyệt vọng gây chướng ngại cho cơ tiến hóa; sự tăng trưởng là đều đều và nhanh hơn trước kia. Khi Cuộc tuần hoàn đã qua rồi thì người ta bắt đầu chuẩn bị cho tình huống ngoại lệ của Cuộc tuần hoàn thứ bảy cuối cùng, trong đó tất cả các cư dân và hầu hết chất liệu của Dãy Nguyệt tinh đều được chuyển di sang kẻ thừa kế của mình mà trong Dãy hành tinh Trái đất thì quả đất là bầu hành tinh trung tâm thứ tư.

[1] Đám gia nhân của Mars là: Herakles, Siwa, Corona, Vajra, Capella Pindar, Beatrix, Lutetia, Theodoros, Ulysses, Aurora. Đám gia nhân của Mercury là: Sirius, Alcyone, Mizar, Orion, Achilles, Hector, Albireo, Olympia, Aldebaran, Leo, Castor, Rhea.

Chương V

CUỘC TUẦN HOÀN THỨ 7 TRÊN DÃY NGUYỆT TINH

Cuộc tuần hoàn thứ 7 của một Dãy hành tinh khác với các cuộc tuần hoàn trước kia ở chỗ lần lượt từ bầu hành tinh 1 chuyển sang trạng thái tịch lặng trên đường tiến tới mức tan rã khi cư dân rời bỏ chúng lần cuối cùng. Khi đã đến lúc cuối cùng phải rời bỏ mỗi bầu hành tinh này thì việc đó khiến cho các cư dân có thể tiến hóa thêm nữa giống như trong các cuộc tuần hoàn trước kia chuyển sang bầu hành tinh kế tiếp còn những cuộc tuần hoàn khác vì điều kiện trên các bầu hành tinh sau này không thích hợp cho nên rời bỏ Dãy hành tinh hoàn toàn khi phải rời bỏ bầu hành tinh để rồi ở trong một tình trạng mà sau đây ta sẽ miêu tả việc chờ đợi tái hiện thân trên Dãy hành tinh tiếp theo. Như vậy dòng xuất phát từ mỗi bầu hành tinh trên cuộc tuần hoàn này chỉ để lại bất kỳ người nào đã đạt tới quả vị La hán - chia ra làm đôi: một số tiếp tục như thông lệ chuyển sang bầu hành tinh kế tiếp, còn một số dong tàu ra khơi trên biển cả mà bến bờ tiếp theo là Dãy hành tinh kế tiếp.

Thông thường thì một người được tự do rời khỏi dãy hành tinh – trừ phi bị rơi rớt lại do tạm thời là thuộc dạng tuyệt vọng – chỉ khi nào đã đạt tới quả vị được qui định cho nhân loại tiến hóa trên Dãy hành tinh ấy. Như ta đã biết, quả vị trên Dãy Nguyệt tinh tương đương với quả vị mà hiện nay ta gọi là cuộc Điểm đạo thứ tư La hán. Nhưng chúng tôi cũng rất kinh ngạc khi thấy rằng vào cuộc tuần hoàn thứ 7 có các nhóm di dân xuất phát từ các bầu A, B và C, trong khi đại đa số dân cư trên bầu D cuối cùng rời bỏ Dãy Nguyệt tinh khi làn sóng sinh hoạt rời khỏi bầu hành tinh này để chuyển sang bầu E. Chỉ còn lại một số tương đối nhỏ vẫn nấn ná để tiếp tục tiến hóa trên 3 bầu hành tinh còn lại (E, F và G) và có một số cuối cùng rời bỏ Dãy hành tinh khi mỗi bầu E, F và G rơi vào tình trạng bất động.

Dường như là trong cuộc tuần hoàn thứ 7, Đấng cao cả mà ta phong tước hiệu là Bàn Cổ Mầm mống của một Dãy hành tinh, chịu trách nhiệm về nhân loại và các dạng sinh linh thấp kém hơn đã tiến hóa trên Dãy hành tinh ấy. Một Đấng Bàn Cổ Mầm mống của Dãy hành tinh thu thập vào trong hào quang dũng mãnh vươn xa ra khắp nơi của mình mọi thành quả tiến hóa trên Dãy hành tinh, chuyển vận chúng vào trong cõi Liên Hành tinh tức là cõi Niết bàn dành cho cư dân của Dãy hành tinh đang hấp hối, nuôi dưỡng chúng bên trong bản thân mình để rồi cuối

cùng đến lúc đã định chuyển giao chúng cho vị Bàn Cổ Gốc rễ của Dãy hành tinh kế tiếp; chiếu theo kế hoạch của vị Bàn Cổ Mầm mống, Bàn Cổ Gốc rễ của Dãy hành tinh kế tiếp ấn định thời gian và nơi chốn để du nhập chúng vào trong quyền quản hạt của mình.

Bàn Cổ Mầm mống của Dãy Nguyệt tinh dường như có một kế hoạch bao la, theo đó Ngài tụ tập các tạo vật trên Dãy Nguyệt tinh sau khi chúng chết lần cuối cùng, phân chia chúng ra thành từng lớp, phân lớp và vi tế lớp một cách hoàn toàn xác định, xét theo biểu kiến là bằng một loại từ điển hóa nào đó; điều này lập nên những tốc độ rung động đặc thù và những cư dân nào có thể làm việc tốt nhất ở tốc độ rung động ấy được kết nhóm lại với nhau, những cư dân khác làm việc hữu hiệu nhất ở một tốc độ rung động khác cũng được kết nhóm tương tự v. v … khi Ngài phải xử trí hằng hà sa số sinh linh trên bầu D. Các nhóm này dường như tự động được thành lập trên cõi trời của bầu D, giống như những con số trên một cái đĩa rung động được lập nên do tác động của một nốt nhạc; nhưng ở 3 bầu hành tinh trước kia thì những đường phân giới rõ rệt xuất hiện dễ dàng hơn và người ta được một Đấng cao cả biệt phái đi hiển nhiên là hoạt động theo một kế hoạch xác định. Nhiệm vụ vĩ đại này của Đấng Bàn Cổ Mầm mống được trợ giúp bởi nhiều Đấng cao cả thi hành mệnh lệnh của Ngài và toàn thể kế hoạch qui mô rộng lớn ấy được thực thi một cách trật tự mang tính tất yếu hùng vĩ khôn tả. Ngoài ra Ngài dường như được chọn lựa các Chức sắc của Dãy hành tinh kế tiếp, trong cơ tiến hóa dài dằng dặc ấy các chức sắc này sẽ vượt qua đồng loại để trở thành Chơn Sư, Bàn Cổ, Bồ Tát trong nhiều Cuộc tuần hoàn và nhiều Giống dân khác nhau. Hiển nhiên là Ngài tuyển lựa nhiều hơn mức cần thiết cũng như một người làm vườn chọn lựa nhiều cây cối để đặc biệt trồng trọt và sau này lại tuyển lựa thêm nữa. Hầu hết (nếu không phải là tất cả) việc chọn lựa này được thực hiện trên bầu D và chúng ta sẽ trở lại vấn đề ấy khi ta xét tới bầu D. Trong khi chờ đợi chúng ta hãy xét tới các bầu A, B và C.

Trên bầu A của Dãy Nguyệt tinh, ta thấy có một bộ phận nhân loại không được tuyển sang bầu B mà bị bắt buộc phải rời bỏ Dãy hành tinh bởi vì không thể tiến bộ thêm nữa trên Dãy hành tinh này. Đấng Cao cả chịu trách nhiệm về bầu hành tinh không thể giúp cho một số người tiến hóa theo như Ngài mong muốn – thật vậy Ngài thấy một số vật liệu con người quá cứng nhắc nên không thể tiến hóa thêm được nữa, thế là Ngài tống nó lên tàu ra khơi khi chu kỳ sinh hoạt của bầu A đã kết liễu. Ta gọi đám người được tống lên thuyền này (bởi vì số lượng không lớn lắm) bao gồm đám bạn bè có hào quang màu da cam, họ đã khiến cho thể trí đạt tới mức không thể phát triển thêm được nữa trên Dãy Nguyệt tinh nếu không có ác ý; họ đã

khép kín bên trong lớp vỏ thể trí của mình và đã bỏ đói mầm mống của thể xúc động đến nỗi họ không thể an toàn hạ mình thêm được nữa vả lại họ quá kiêu ngạo nên đâu có muốn hạ mình. Thể thượng trí là một lớp vỏ cứng ngắc chứ không phải là một hình tướng linh hoạt đang bành trướng cho nên để họ chuyển sang bầu B ắt chỉ gây ra sự cứng rắn chết người cho hạ trí. Họ rất khôn lõi nhưng hoàn toàn ích kỷ và đã cắt đứt khỏi sự tiến bộ thêm nữa trong lúc này ngoại trừ sự tiến bộ mà gây hại. Đấng Cao cả chịu trách nhiệm rõ ràng là bất mãn với đám người màu da cam này cho nên làm hết sức mình để tống họ lên tàu ra khơi; khi thoáng nhìn vô tương lai chúng tôi thấy mình sẽ gặp lại một số những người này ở Châu Atlantis dưới dạng các Hắc diện Tinh quân, các tu sĩ Tà đạo, các thủ lãnh nổi loạn chống lại Minh vương v.v…Trong khi chờ đợi, họ cứ yên nghỉ trên cõi Liên Hành tinh và cứ qui ngã lấy mình làm cái rốn của vũ trụ.

Nhóm người mà ta có nêu trước kia với hào quang có màu hoàng kim, trí năng có kỷ luật, cùng với các cư dân còn lại của Dãy hành tinh được chuyển sang bầu B, bao gồm một số người đã đạt quả vị La Hán trên bầu A và trở thành Chơn Sư trên bầu B. Nhóm có hào quang màu hoàng kim cũng được tống lên tàu ra khơi rời bỏ bầu B vì họ cũng không nuôi dưỡng được khía cạnh xúc động đúng mức để tạo ra được một thể xúc động phát triển tốt đẹp khả hữu tiến hóa trên bầu C. Việc họ sẵn lòng vâng lời khiến cho họ có một tương lai sáng sủa hơn nhóm người có hào quang màu da cam và chúng ta sẽ gặp họ trở lại ở Châu Atlantis dưới dạng các tu sĩ của đền thờ chánh đạo và dần dần tạo ra được các thể xúc động thuộc loại tốt. Cả hai nhóm người được tống tiển lên tàu ra khơi sẽ nhập vào cơ tiến hóa của trái đất trong Cuộc tuần hoàn thứ tư, vì họ quá tiến hóa cho nên không thể tham gia vào các giai đoạn tiến hóa trước kia của Dãy trái đất. Dường như là mỗi bầu hành tinh cần phải phát triển được những phẩm chất cần thiết cho chúng biểu hiện trọn vẹn được một cơ thể bằng vật liệu của bầu hành tinh kế tiếp; vì vậy những người có hào quang màu vàng không thể tiến thêm nữa mà phải được tống lên tàu đi sang cõi Liên Hành tinh.

Từ bầu C lại có một nhóm nhỏ người đã đạt quả vị La Hán rời bỏ đi; các Ngài đã phát triển được trí tuệ và xúc động đến mức cao độ, cho nên không cần tiến hóa thêm nữa trên Dãy Nguyệt tinh vì vậy các Ngài rời bỏ Dãy Nguyệt tinh theo một trong bảy Con đường như thông lệ. Một nhóm các đấng này đặc biệt liên quan tới chúng ta, vì các Ngài là thành phần của một phân bộ "Nguyệt Tinh quân" – nhóm mà Giáo Lý Bí Truyền gọi là Barhishad Pitris – vốn giám sát cơ tiến hóa hình tướng trên Dãy Trái đất. Khi rời bỏ bầu C, các ngài đi tới vùng không gian đang xây dựng Dãy Trái

đất để rồi sau này có một số đấng khác gia nhập vốn cũng hiến thân cho công trình này. Bầu A của Dãy Trái đất bắt đầu được hình thành khi làn sóng sinh hoạt rời bầu A của Dãy Nguyệt tinh. Khi kiếp sống của một bầu hành tinh đã kết liểu thì chơn linh của một hành tinh lại có một kiếp lâm phàm mới, có thể nói là di chuyển sự sống cùng với bản thân mình sang bầu tương ứng của Dãy hành tinh kế tiếp. Sau khi rời bỏ Dãy hành tinh trước, các cư dân không phải chờ đợi lâu trước khi ngôi nhà mới của mình đã sẵn sàng; song sự chuẩn bị ngôi nhà ấy đã bắt đầu khi chơn linh của bầu thứ nhất rời bỏ nó khiến nó trở thành một thiên thể chết trong khi ngài nhập vào một chu kỳ sinh hoạt mới và một bầu hành tinh mới bắt đầu hình thành xung quanh ngài. Các phần tử được kiến tạo theo lệnh của các Thiên thần còn loài người tuyệt nhiên chẳng dính dáng gì vào đó. Chơn linh của một bầu hành tinh có lẽ tiến hóa theo đường lối của lớp Thiên thần này cho nên các thành viên của lớp thiên thần ấy thực thi nhiệm vụ kiến tạo các bầu hành tinh xuyên suốt Thái dương hệ. Một làn sóng sinh hoạt lớn xuất phát từ Thượng Đế kiến tạo nên một nguyên tử trong Thái dương hệ qua trung gian của một Thiên thần giống như thế rồi tới các phần tử được kiến tạo, rồi tới các tế bào v.v... Các sinh vật cũng giống như các loài ký sinh trên bề mặt của chơn linh trái đất, có lẽ ngài cũng chẳng màng tới chúng và bình thường ra thì chẳng ý thức gì về sự tồn tại của chúng, mặc dù có thể hơi hơi cảm thấy chúng khi chúng đào những mỏ rất sâu xuống đất. Khi rời bỏ bầu C của Dãy Nguyệt tinh, các vị La Hán chọn con đường dẫn tới Dãy Trái đất (như ta có nói) chuyển sang vùng mà bầu A của Dãy Trái đất đang được hình thành, nó bắt đầu bằng Giới Tinh hoa ngũ hành thứ nhất vốn trào dâng từ giữa lòng bầu hành tinh – Cơ xưởng của Thượng Đế Ngôi Ba – giống như nước phún lên từ một giếng phun khi ta khoan giếng, rồi chảy tràn ra mọi phía. Nó xuất phát từ tâm của Hoa sen, giống như nhựa cây tràn lên chiếc lá. Các Nguyệt Tinh quân không đóng vai trò tích cực trong giai đoạn này mà dường như chỉ giám sát sự kiến tạo một thế giới đang hình thành. Mãi biết bao nhiêu thời kỳ sau này thì gia nhập lực lượng ấy mới có một số Nguyệt Tinh quân xuất phát từ bầu G của Dãy Nguyệt tinh; những vị này tạo ra hình tướng nguyên thủy trên bầu A – Giáo Lý Bí Truyền diễn tả là cung cấp Bào ảnh của mình để tạo ra hình tướng nguyên thủy – để rồi sau đó các Sinh linh giáng lâm chiếm lấy các hình tướng. Các bầu B và C cũng được kiến tạo tương tự xung quanh các chơn linh của riêng mình khi các chơn linh này rời bỏ các bầu B và C của Dãy Nguyệt tinh. Trái đất vật lý của ta được hình thành khi cư dân rời bỏ bầu D của Dãy Nguyệt tinh; Chơn linh của bầu này rời bỏ Dãy Nguyệt tinh, thế là Mặt trăng bắt đầu tan rã, một phần lớn chất liệu của nó được chuyển sang để xây dựng

Trái đất. Khi các cư dân rốt cuộc bắt đầu rời bỏ Mặt trăng thì các bầu A, B và C của Dãy Trái đất đã được hình thành rồi, nhưng bầu D tức Quả đất không thể được tạo lập tới mức cao độ cho tới khi bầu thân thích của nó là bầu D của Dãy Nguyệt tinh tức Mặt trăng trước kia đã chết đi.

Các nhóm – như ta có nói chỉ có số lượng ít thôi – rời bỏ Dãy hành tinh từ bầu A và bầu B, thì ta ắt thấy rằng họ đã tiến bộ vượt bực về trí năng nhưng lại biệt lập ngã tính trong cuộc tuần hoàn thứ 5. Chư vị La hán rời bỏ bầu C đã biệt lập ngã tính trong Cuộc tuần hoàn thứ tư trong đám dân chúng ở thành thị, do đó các ngài đã được khai hóa trở nên văn minh khi áp lực thúc đẩy cho các ngài tiến hóa nhanh, khi ở xung quanh gồm những người tiến hóa cao thì các ngài lại được kích thích cho tiến hóa nhanh hơn nữa. Để sẵn sàng lợi dụng được tình huống ấy thì hiển nhiên là khi các ngài còn phát triển dưới dạng những con thú trong Dãy hành tinh trước thì các ngài ắt đã đạt được trình độ cao hơn mức những kẻ biệt lập ngã tính cũng trên Dãy hành tinh ấy nhưng ở các vùng quê chất phác. Dường như thể nhân loại thuộc một Dãy hành tinh chỉ có thể tiến bộ và nhập vào Thánh đạo khi sự biệt lập ngã tính của các con thú trên Dãy hành tinh ấy hầu như đã chấm dứt và khi trong tương lai chỉ có những trường hợp biệt lập ngã tính theo ngoại lệ. Khi cánh cửa dẫn vào giới nhân loại bị đóng sập đối với những con thú thì cánh cửa dẫn vào Thánh đạo mở ra cho loài người.

Như ta có nói, các nhóm rời bỏ Dãy hành tinh từ các bầu A, B và C chỉ có số lượng nhỏ thôi, đó là khối dân số trên mỗi bầu chuyển sang bầu kế tiếp theo thông lệ. Nhưng trên bầu D sự việc lại khác hẳn; ở đó, khi đã gần tới lúc bầu hành tinh bị tiêu diệt thì đại đa số dân chúng sau khi bỏ xác lần cuối cùng đều không sẵn sàng chuyển sang bầu E mà lại được tống lên tàu ra khơi đi tới cõi Liên Hành tinh tức cõi Niết Bàn của Dãy Nguyệt tinh để chờ đợi được chuyển dời sang Dãy hành tinh mới đang chuẩn bị sẵn cho mình. Nếu so sánh với nhóm khác được chất lên thuyền ra khơi trên đại dương không gian thì giờ đây ta có một hạm đội khổng lồ được hạ thủy cũng nơi đại dương không gian ấy. Hạm đội này nói chung rời bỏ Mặt trăng; chỉ còn lại một ít dân chúng được dành riêng ra vì những lý do mà hiện nay ta sẽ thấy xuất hiện và đám dân chúng này rời bỏ bầu E, F và G, theo từng nhóm nhỏ, chỉ đủ chất lên thuyền thôi nếu ta vẫn tiếp tục dùng dụ ngôn ấy.

Nhóm chơn ngã mà chúng tôi đang theo dõi coi là kiểu mẫu của nhân loại hạ đẳng trên Mặt trăng, có những dấu hiệu cải thiện rõ rệt trên bầu D: thể thượng trí đã nổi bật, trí thông minh phát triển nhiều hơn, lòng quyến luyến đối với thượng cấp trở

nên sâu sắc và được củng cố; thay vì là một cơn đam mê thì giờ đây nó trở thành một xúc động ổn định và là đặc trưng nổi bật nhất của họ. Ta có thể gọi nhóm này là những Phụng sự viên – bởi vì mặc dù bản năng này vẫn còn mù quáng và bán ý thức, thế nhưng giờ đây động cơ thúc đẩy chính yếu trong cuộc đời họ là phục vụ và làm đẹp lòng giới thượng cấp mà họ đang tận tụy; khi nhìn về tương lai thì ta thấy rằng đây vẫn còn là đặc trưng của họ trải qua hàng loạt kiếp sống dài dằng dặc diễn ra trên trần thế, và trong tương lai họ đã thực hiện được công trình tiên phong thô thiển. Họ yêu mến cấp trên và sẵn lòng vâng lời cấp trên "không cần nhằn mà cũng chẳng trì hoãn". Trong Cuộc tuần hoàn này có một sự thay đổi rõ rệt đã xảy ra với thể xác của họ; thể xác giờ đây màu xanh lơ nhạt thay vì màu nâu sẫm như bùn trước kia. Trong kiếp vừa qua trên Mặt trăng họ đã được tụ tập lại về mặt thể chất và có nhiều sự dàn xếp đang tiếp diễn trong một thời kỳ đáng kể trước lúc đó: việc tăng cường các mối quan hệ giữa các nhóm chơn ngã được tạo ra do việc dẫn dắt chúng tái sanh nơi các cộng đồng và quả thật là hầu hết một số rất lớn những nhân vật chính trong tác phẩm Vén màn Bí mật Thời gian đều xuất hiện nơi đây. Dường như rất có thể là nếu chúng ta nhận diện được thì những người còn lại cũng ở trong đám bạn bè sau này, vì tất cả đều là những người Phụng sự, sẵn sàng làm bất cứ điều gì được dạy bảo và đi tới bất cứ nơi đâu được biệt phái. Họ nổi bật lên do sự sống cao cả hơi tuôn đổ xuống một chút khiến cho một sợi dây (bằng vật chất trực giác nối liền nguyên tử trường tồn trực giác và nguyên tử trường tồn thượng trí) hơi nở lớn ra một chút; phía trên của nó nở lớn hơn phía dưới một chút giống như một cái phễu nhỏ; một số lớn những người thông minh hơn họ lại không hề có dấu hiệu này vì nó có liên quan tới mầm mống của lòng mong muốn phụng sự, vốn vắng mặt nơi những người tiên tiến hơn về phương diện khác. Nhóm này bao gồm nhiều loại hình và không hề bao gồm những người thuộc cùng một Cung hoặc một tính khí như ta mong đợi; có những người biệt lập ngã tính theo một trong ba Phương pháp Đúng đắn, thông qua các ngôi Ý chí, Minh triết và Trí tuệ hoạt động [1], mỗi ngôi đều được kích hoạt do sự tận tụy với một thượng cấp. Phương pháp biệt lập ngã tính chỉ xuất hiện do nguyên nhân là có sự tế phân trong nội bộ một nhóm và ảnh hưởng tới thời khoảng kéo dài giữa lúc chết và lúc tái sinh, chứ không ảnh hưởng tới đặc trưng mong muốn phụng sự. Nó ảnh hưởng tới tốc độ rung động của thể thượng trí mà trong nhiều trường hợp được hình thành do một nỗ lực phụng sự: (1) – qua hành vi tận tụy; (2) – qua sự bùng nổ lòng sùng tín thuần túy; (3) – qua lòng sùng tín gây ra sự cố gắng tìm hiểu và thẩm định vấn đề. Việc thực sự tạo nên thể thượng trí luôn luôn đột ngột; nó bước vào tồn tại giống như một tia

chớp lóe; nhưng tình huống trước kia đều khác nhau cho nên ảnh hưởng tới tốc độ rung động của cơ thể được hình thành. Một hành vi hi sinh nơi thể xác hiệu triệu được Ý chí và có một sự manh động nơi vật chất – tinh thần; lòng sùng tín hoạt động qua thể xúc động [2] hiệu triệu được Minh triết và có sự mạch động nơi vật chất trực giác; hoạt động nơi hạ trí hiệu triệu được Trí tuệ hoạt động và có một sự mạch động nơi vật chất thượng trí. Bây giờ ta ắt thấy nhóm người Phụng sự của chúng ta được chia nhỏ ra làm hai qua những sự khác khau này: Hai nhóm đầu tạo thành một nhóm phụ với thời khoảng trung bình 700 năm giữa hai kiếp tái sinh, còn nhóm thứ ba tạo thành một nhóm phụ nữa với thời khoảng trung bình 1.200 năm giữa hai lần tái sinh. Sự khác nhau này ắt xuất hiện trên Dãy Địa cầu ở một giai đoạn tiến hóa cao hơn và hai phân nhóm nêu trên đạt tới Trái đất trong cuộc tuần hoàn thứ tư với một thời khoảng cách nhau 400 ngàn năm, xét theo biểu kiến đã được dự trù để cho chúng cùng nhau sinh ra vào một thời kỳ nào đó khi cần tới những công trình phụng sự hợp tác của họ; Thiên cơ Vĩ đại chi ly đến mức như vậy. Sự phân chia này không ảnh hưởng tới mối quan hệ giữa các Chơn Sư và đệ tử, vì trong cả hai phân nhóm đều có đệ tử của mỗi một trong hai Chơn Sư vốn là Bàn cổ và Bồ tát của Căn chủng thứ 6. Như vậy dấu hiệu đặc trưng của trọn cả nhóm này là mầm mống muốn phụng sự đã được các Đấng cao cả có thẩm quyền nhận thức, còn sự khác nhau về biệt lập ngã tính ảnh hưởng tới thời khoảng giữa lúc chết và tái sinh lại chia nhỏ nhóm ra thành hai phân nhóm [3].

Đứng đầu nhóm này có nhiều đấng mà nay ta biết đã là Chơn sư; cao hơn các ngài là nhiều đấng lúc bấy giờ đã chứng quả La Hán, các đấng này truyền đạt cho hạ cấp các mệnh lệnh nhận được từ các Đấng Cao cả hơn nữa. Đức Bàn Cổ của giống dân – Giống dân thứ 7 trên bầu hành tinh – đang chịu trách nhiệm, Ngài tuân theo mệnh lệnh và thi hành kế hoạch của đấng Bàn Cổ Mầm mống (Chủng Bàn Cổ) đấng này điều động mọi sự chuẩn bị để di dời đám dân số khổng lồ. Một số người tiên tiến mơ hồ biết được rằng sắp có những sự thay đổi lớn, nhưng mặc dù có tầm mức xa rộng những sự thay đổi này quá chậm chạp cho nên không thu hút nhiều sự chú ý; một số người hợp tác vô ý thức nhưng hữu hiệu trong khi lại nghĩ rằng mình đang thực hiện những kế hoạch lớn của chính mình. Chẳng hạn như có một người có một ý tưởng là xây dựng một cộng đồng lý tưởng và tụ tập một số người lại để hình thành cộng đồng ấy; y ra sức làm vừa lòng một Chơn sư vốn là bậc La hán trên Mặt trăng, y thu hút được người ta tụ tập xung quanh mình, tạo thành một nhóm nhất định với một mục tiêu chung, vậy là vô hình trung cũng phục vụ cho Thiên cơ Vĩ đại. Ở trình độ thấp kém thì chúng ta ngước lên nhìn các vị La hán cùng với những vị cao

cả hơn, coi các ngài là những vị Thần linh và theo hình thức khiêm tốn của mình cố gắng tuân theo bất cứ chỉ thị nào hợp lý của các ngài mà chúng ta có thể lĩnh hội được.

Khi các thành viên của nó chết đi lần cuối cùng thì nhóm Phụng sự viên này đã đạt tới mức cần thiết trên bầu D; nhóm này được tụ tập lại trên cõi trí tuệ, cõi trời; các thành viên của nó vẫn ở lại đó trong một thời gian rất lâu trước mắt họ luôn luôn có hình ảnh của những người mà họ yêu thương nhất là những Chơn ngã tiên tiến hơn mà họ đặc biệt tận tụy phục vụ. Chính lòng sùng tín ngây ngất này đã giúp cho họ phát triển rất nhiều, triển khai được những phẩm chất cao thượng của họ khiến cho sau này họ dễ tiếp thu hơn những ảnh hưởng tác động lên họ trong cõi Liên Hành tinh. Họ được bao gồm trong nhóm Chơn ngã nói chung mà H. P. Blavatsky gọi là 'Pitris Thái dương'còn A. P. Sinnett gọi là 'Các Pitris cấp 1'. Cũng có vô số những nhóm khác đạt tới cõi trí tuệ - không ai tái sinh khi đã đạt được một mức theo qui định dường như là có được một thể thượng trí đã được hình thành trọn vẹn – và họ được chia thành những nhóm lớn chịu tác động của lực từ điện mạnh mẽ nêu trên do Đức Chủng Bàn Cổ xạ xuống cho họ. Cũng giống như các sợi dây đàn được căng với những lực khác nhau đáp ứng với những nốt nhạc khác nhau, cũng vậy, các thể thượng trí của người ta – như ta vừa nêu ở đây không có ai, mà lại chẳng có thể thượng trí đã được hình thành trọn vẹn – đáp ứng với hợp âm mà Ngài trổi lên, thế là họ được phân chia ra những người nào trình diện qua cùng một vị Tinh quân Hành tinh được bổ nhiệm vào các nhóm khác nhau, những người bạn vẫn chia thành nhiều nhóm khác nhau, dường như không một mối quan hệ bình thường nào được đếm xỉa tới. Các Chơn ngã tự động được lọc lựa và phải chầu chực ở chỗ của riêng mình giống như một đám đông trong các xứ sở trên đất liền được lọc lựa xếp vào những phòng chờ đợi riêng để chờ đoàn tàu đặc nhiệm của mình đến đón – trong trường hợp này là chờ con tàu riêng của mình nếu ta vẫn dùng phép dụ ngôn trước kia.

Chúng tôi đặc biệt chú ý đến hai đoàn tàu vì bản thân chúng tôi cũng là thành viên của đoàn tàu ấy, một đoàn bao gồm Đức Bàn Cổ và Bồ Tát vị lai mà hiện nay đang là các Đế quân và Chơn sư cùng với nhiều người Phụng sự hiện nay đang ở cấp đệ tử hoặc gần tới mức làm đệ tử. Xét theo biểu kiến thì tất cả đều thuộc về phân nhóm với thời khoảng trung bình giữa hai kiếp sống trên trần thế là 700 năm. Một đoàn tàu khác bao gồm nhiều người hiện nay cũng là Chơn sư và đệ tử với có lẽ là một nửa số nhân vật được nhắc tới trong tác phẩm Vén màn Bí mật Thời gian, tất cả đều thuộc về phân nhóm với thời khoảng trung bình giữa hai kiếp là 1200 năm. Hai

đoàn tàu này bao gồm đa số (nếu không là tất cả) những vị vốn sẽ tạo thành Thiên đế để rồi được phân chia ra thành hai phân nhóm ta thấy Đức Bàn Cổ Vaivasvata và Đức Bồ Tát hiện nay cùng nhau xuất hiện trên bầu D, nhưng các ngài lại chuyển sang các bầu cao hơn của Dãy Nguyệt tinh.

Đại khối quần chúng bao gồm: (1) – Những người Phụng sự nêu trên, một đám ô hợp gồm nhiều cấp chỉ được kết hợp lại qua một đặc trưng chủng duy nhát. (2) – Rồi tới có nhóm lớn những Chơn ngã cao cấp đang tiến gần tới Thánh Đạo – trên đường Phụng sự, song le, quá xa so với nhóm vừa nêu cho nên không thể xếp vào nhóm ấy – nhưng họ vẫn chưa đủ gần Thánh đạo để đạt tới đó trong vòng sinh hoạt còn lại của Dãy hành tinh. (3) – Rồi tới một nhóm lớn những người rất tốt, nhưng lại không muốn Phụng sự, do đó họ chưa chịu hướng về Thánh đạo và tạo thành đại khối dân số châu Atlantis trong thời kỳ thịnh vượng. (4) – Một nhóm nhỏ Chơn ngã nổi bật kết họp với nhau do đặc trưng chung là có trí năng phát triển rất cao vốn là các thiên tài trong tương lai nhưng tính tình và đạo đức thì tạp loạn, nhóm này rõ rệt có số phận lãnh đạo trong tương lai, nhưng không tận hiến để Phụng sự mà cũng chẳng đoái hoài gì tới Thánh đạo. Rồi tới ba nhóm rất lớn: (5) – những người tốt bụng và thường là mộ đạo - các thương gia, quân nhân v.v… rất khéo léo, duy ngã, chủ yếu chỉ nghĩ tới sự phát triển và thăng tiến của cá nhân mình, chẳng biết gì về Thánh đạo do đó cũng chẳng muốn nhập lưu;(6)- nhóm tiểu tư sản yếu đuối sống cuộc sống bình bình, một nhóm người rất đông đảo mà chỉ nội tên gọi cũng đủ miêu tả được rồi; (7) - đám dân gian thất học, có hảo ý nhưng chậm tiến, lớp người thấp nhất có được thể thượng trí hình thành trọn vẹn.

Tất cả những người này đều ở trên cõi trời của Mặt trăng chờ đợi được biệt phái tới cõi Liên hành tinh. Khi những cơn địa chấn bắt đầu xé toạc Mặt trăng ra chuẩn bị cho lớp vỏ của nó bị đổ sụp thì có những loại hình khác cũng chuyển vào cõi trời; một số rất lớn các Pitris Thái dương, tức Pitris cấp 1- họ có thể tiến bộ thêm nữa nơi các bầu còn lại của Dãy Nguyệt tinh và ta sẽ còn gặp họ trở lại – cũng gia nhập cõi trời để chờ đến đúng lúc được chuyển dời sang bầu E.

Dưới nhóm Pitris cấp 1 này có một nhóm Chơn ngã đông đảo chưa hình thành trọn vẹn được thể thượng trí mà ông Sinnett gọi là Pitris cấp 2, có một mạng lưới đã được hình thành nối liền Chơn ngã với hạ trí, do dáng vẻ của mạng lưới ấy người ta gọi nhóm này là nhóm 'Rổ lưới'. Khi Mặt trăng bắt đầu sắp sửa tan rã thì đại đa số nhóm này bỏ xác lần cuối cùng trên Dãy Nguyệt tinh rồi tụ tập lại trên cõi xúc động. Chúng ngủ yên ở đó vì không thể hoạt động trong đó được; khi cõi xúc động của

Mặt trăng không còn cư dân nữa thì chúng mất thể xúc động, nhưng vẫn hướng nội, giống như các củ thực vật đang chờ chuyến tàu chuyên chở sang một xứ khác; sớm muộn gì chúng cũng được chất lên tàu chở tới cõi Liên hành tinh, ngủ yên ở đó trải qua bao thời đại cho đến khi Cuộc tuần hoàn thứ 3 của Dãy Địa cầu cung ứng một môi trường thích hợp cho chúng tăng trưởng. Tuy nhiên cũng có một số trong nhóm Rổ lưới tỏ ra có năng lực tiến hóa thêm nữa trên Dãy Nguyệt tinh, chúng sẽ chuyển sang các bầu cao hơn khi các bầu này bước vào hoạt động, rồi hình thành ở đó thể thượng trí, tăng cường lực lượng cho nhóm Pitris Thái dương tức Pitris cấp 1.

Lớp cuối cùng ở bên trên loài thú là loài người Thú mà bà Blavatsky gọi là Pitris Thái âm cấp 1 còn ông Sinnett gọi là Pitris cấp 3. Ta phân biệt được những người này qua những tuyến vật chất mảnh mai nối liền Chơn ngã còn phôi thai với hạ trí đang chớm nở. Cũng giống như nhóm Rổ lưới. Chúng tụ tập trên cõi xúc động khi bỏ xác lần cuối cùng trên Mặt trăng và vẫn vô ý thức trên cõi trí tuệ, sớm muộn gì chúng cũng được chất lên tàu chở đi và ngủ thiếp hàng bao nhiêu thời đại cho đến lúc cuối cùng đạt tới Dãy Địa cầu, bắt đầu công trình dài dằng dặc kiến tạo trên bầu A, hoạt động qua mọi giới lên mãi tới giới nhân loại để rồi vẫn còn là người trải qua những bầu tiếp theo trong Cuộc tuần hoàn ấy, cũng như qua các Cuộc tuần hoàn sau này. Một số những người thuộc nhóm tuyến này (ta tạm gọi họ như vậy để phân biệt) cũng được giữ lại khi đại đa số được chất lên tàu chở đi. Họ được biệt phái tới bầu E để tiến hóa thêm, rồi trở thành nhóm Rổ lưới như vậy gia nhập vào lớp người trên mình.

Cho dến nay chúng ta đã theo dõi số phận của đủ lớp Nhân loại Nguyệt tinh. Một bộ phận của nó bị rơi rớt (nhóm thất bại) trong Cuộc tuần hoàn thứ 6 và bị ngưng đọng mãi cho tơi khi Dãy hành tinh kế tiếp cung cấp môi trường thuận lợi cho chúng tiến hóa thêm nữa. Một số có hào quang màu da cam rời bỏ bầu A trong Cuộc tuần hoàn thứ 7. Một số có hào quang màu hoàng kim rời bỏ bầu B. Một số vị La hán rời bỏ các bầu A, B, và C, còn một số La hán chuyển từ bầu C biệt phái sang để hình thành Dãy Hành tinh Trái đất. Thế rồi ta lại có các lớp người rời bỏ bầu D; những người có thể thượng trí đã hình thành trọn vẹn, những người thuộc nhóm Rổ lưới, những người thuộc nhóm tuyến. Những người còn lại chuyển sang các bầu E, F và G, một số rời bỏ mỗi bầu này khi đã thực hiện được mọi sự tiến bộ khả hữu, vậy là có những người thuộc nhóm Rổ lưới, nhóm Pitris cấp cao và nhóm La hán xuất phát từ mỗi bầu. Hầu hết những con thú đều đi tới cõi Niết Bàn Liên Hành tinh tức

là cái Bè chính qui của Noah, một ít con thú có thể trở thành người thú được đón sang các bầu hành tinh tiếp theo.

Nguyên nhân quyết định các thể thượng trí khác nhau vốn ở nơi trình độ lúc xảy ra biệt lập ngã tính. Nơi bộ phận hạ đẳng của giới động vật có rất nhiều con thú gắn bó với một hồn khóm duy nhất khi chúng leo lên tiến về loài người thì số con thú giảm đi cho đến khi nơi loài thú cao cấp thì chỉ có từ 10 tới 20 con gắn bó với một hồn khóm. Việc tiếp xúc với con người có thể tạo ra sự biệt lập ngã tính ở một trình độ tương đối thấp; nếu con thú (chẳng hạn như con chó) đã tiếp xúc lâu dài với con người và thuộc về một nhóm nhỏ gồm 10 hoặc 20 con chó thì khi biệt lập ngã tính nó hình thành được một thể thượng trí hoàn chỉnh. Nếu có chừng 100 con chó trong nhóm ấy – giai đoạn chó bầy đàn – thì nó hình thành được thể thượng trí Rổ lưới; nếu có nhiều trăm con chó – giai đoạn chó thứ dân chẳng hạn như ở Constantinople hoặc Ấn Độ - thì ta thấy có biểu hiện thể thượng trí với những tuyến nối liền.

Cái trình độ này nhắc ta nhớ tới những sự khác nhau khá giống như vậy trong giới thực vật; các thành viên tiên tiến hơn của giới thực vật chuyển thẳng sang loài động vật có vú của giới động vật. Con thú tử tế hiền lành không trở thành một kẻ dã man tàn bạo và độc ác mà chỉ trở thành một người nguyên thủy chất phác. Các giới trong thiên nhiên chồng chéo lên nhau và những con thú thực sự dễ thương có thể là một người bạn đồng hành dễ chịu hơn một số con người.

Một thực thể có thể dừng chân trong một thời gian ngắn ở giai đoạn làm thú rồi chuyển sang một giai đoạn dài hơn trong lúc làm người hoặc ngược lại. Điều này dường như không thật sự quan trọng bởi vì rốt cuộc thì nó cũng tới đỉnh. Cũng như việc cư trú dài hay ngắn trên cõi trời vẫn tạo ra cùng một trình độ tiến hóa cho loài người. Có lẽ chỉ có con người mới điên rồ khi cảm thấy rằng vào lúc này thì mang xác người là tốt nhất lẽ ra thì là một cây đa hoặc một cây sồi có khi lại hay hơn là loài muỗi vo ve, là một con chó giữ nhà trung thành có khi lại hay hơn là một kẻ dã man ăn thịt người hoặc ăn lông ở lỗ.

Ta hãy trở lại các bầu E, F và G dường như được dùng làm một loại kho chín dú dành cho một số loài đặc biệt, khiến cho một số đạt tới Thành đạo hoặc quả vị La hán mà không thể thành tựu được trên bầu D, mặc dù nói cho công tâm thì có phương hướng đạt được; nó cũng khiến cho một số người gần đạt được trình độ cao hơn gia nhập vào hàng ngũ ấy. Đó là các trung tâm lực nhiều hơn là các bầu hành tinh. Dân số ở đó nhỏ thôi vì đại đa số loài người và loài thú đã được chất lên tàu ra khỏi bầu

D, rồi lại giảm thêm nữa khi lần lượt mỗi bầu hành tinh lại chất lên một con thuyền chở bớt đi trước nó chuyển sang tình trạng hoại không. Con thuyền xuất phát từ bầu E bao gồm một số người đã nhập lưu và đã trở thành La hán trên bầu E, một số nhóm thuộc loại Rổ lưới đã hoàn chỉnh được thể thượng trí, một số người thuộc loại tuyến đã trở thành nhóm Rổ lưới. Khi những người này rời bỏ bầu E thì dân cư còn lại bao gồm những người dưới quả vị La hán không thể chịu nổi sự căng thẳng của việc chín dú thêm nữa cho nên được chuyển sang bầu F. Những người rời bầu E được chuyển sang cõi Niết bàn Liên hành tinh và ở đó được lọc lựa ra thành từng lớp quả vị đã đạt được, giống như những bức thư trễ hẹn có dán thêm tem được lọc lựa ra thành từng đống phù hợp với loại hình của chúng.

Một tiến trình tương tự cũng tiếp diễn trên bầu F và thật là thú vị sâu sắc khi ta nhận thấy rằng Đức Phật Thích Ca và Đức Di lặc có trong nhóm người được chuyển tiếp, cả hai đều tốt nghiệp từ bầu E và bầu F để đạt được cuộc Điểm đạo lớn thứ nhất trên bầu G. Các ngài đã bị rơi rớt trong Cuộc tuần hoàn thứ 7 của Dãy hành tinh thứ nhì vì không chịu nổi quá trình chín dú trên các bầu E, F và G của Dãy hành tinh ấy, tình huống trên đã quá căng thẳng và chỉ thích hợp cho những vị nào có thể đạt được quả vị qui định cho Dãy hành tinh ấy, hoặc có thể chuyển từ lớp người đương thời sang lớp cao hơn. Các ngài nhập vào bầu D của Dãy Nguyệt tinh trong Cuộc tuần hoàn thứ tư dưới dạng những người nguyên thủy đồng hành với những con thú của Dãy hành tinh thứ nhì vốn hầu như đã sẵn sàng biệt lập ngã tính.

Trên bầu hành tinh F các ngài cùng nhau phát nguyện thành Phật, nhưng cách bố trí trên đó không giống như trên trái đất. Trên cõi trời – cõi Tịnh độ, Tây phương cực lạc của Phật giáo – lúc đó có một loại Hội đồng Thiên giới và Đấng cao cả nhận lời thệ nguyện của các ngài thọ ký cho các ngài thành Phật trên cương vị Đức Phật hiện hành thời kỳ ấy là Đấng mà kinh sách gọi là Nhiên đăng Phật (Dipankara). Các ngài đạt được quả vị La hán trên bầu G trước khi rời bỏ Dãy hành tinh này.

Đức Phật Nhiên đăng giáng lâm từ Dãy hành tinh thứ tư của hệ thống tiến hóa Kim tinh; bầu vật lý của Dãy hành tinh ấy là Vệ tinh của Kim tinh mà Herschel đã nhìn thấy, nhưng từ đó trở đi đã biến mất. Ngài là thành viên của Bộ Tổng Tham mưu mà ta đã từng nói tới ở trang 14 vốn có thể được biệt phái tới bất cứ Dãy Hành tinh nào đang cần được trợ giúp. Đức Nhiên đăng Phật được nối tiếp chức vị Phật do các Đức Phật thuộc Dãy hành tinh Trái đất; chẳng hạn như ta biết Đức Ca diếp Kashyapa là Bồ tát của Căn chủng thứ 3 đã đắc quả vị Phật trong Căn chủng thứ tư; còn chính Đức Thích Ca là Bồ Tát của Căn chủng thứ tư đã đắc quả vị Phật trong

Căn chủng thứ 5. Kế vị Ngài là Đức Di lặc Bồ tát của Căn chủng thứ 5 sẽ đắc quả vị Phật trong Căn chủng thứ 6. Kế vị Ngài sẽ là Đức Bồ tát vị lai của Căn chủng thứ 6 – hiện nay ta biết đó là Chơn sư KH - , ngài sẽ đắc quả Phật trong Căn chủng thứ 7.

Phải nhớ rằng một Đức Phật là một chức sắc giám sát nhiều hơn mức loài người; Ngài là Thiên nhân chi Đại sư (thầy dạy đạo của cả loài người lẫn chư thiên) cho nên sự thật là việc một loài người sẵn có ở một trình độ tiến hóa rất thấp cũng không loại bỏ được nhu cầu phải có một chức vụ cao cấp như thế.

Chúng tôi cũng lưu ý thấy Chơn sư Jupiter trong nhóm người nhập lưu trên bầu hành tinh G.

CÕI NIẾT BÀN LIÊN HÀNH TINH

Tâm trí con người choáng váng trước những thời kỳ bao la liên quan tới cơ tiến hóa cho nên người ta mới né tránh vào cái ý tưởng xưa và nay, theo đó thời gian không tồn tại cố định mà dài hay ngắn tùy theo hoạt động của tâm thức thuộc chúng sinh hữu quan [4].

Trong cõi Niết bàn Liên hành tinh thì các tâm thức đang thật sự hoạt động là tâm thức của Chủng Bàn Cổ (Bàn Cổ Mầm mống) của Dãy Nguyệt tinh và Căn Bàn Cổ (Bàn Cổ gốc rễ) của Dãy Trái đất. Ai dám bảo thời gian có thể ra sao đối với tâm thức của các Ngài?

Trong tâm trí của Đức Chủng Bàn Cổ có một Kế hoạch Lớn, Đức Căn Bàn Cổ tiếp nhận kế hoạch này từ Ngài rồi triển khai nó ra trong Dãy hành tinh mới mà mình chủ trì. Thành quả tiến hóa trong Dãy hành tinh mà cuộc sống vừa trôi qua được tụ tập lại bên trong hào quang của Đức Chủng Bàn Cổ để rồi được bố trí xếp thành bảng biểu, xếp thành hồ sơ (tạm dùng những thuật ngữ rút ra từ đời sống bình thường) theo trật tự hoàn hảo. Ngài tuôn đổ các luồng liên tục từ khí kích thích của mình lên trên những sinh linh thông tuệ thuộc đủ mọi cấp đang hướng nội, sống một cuộc đời nội giới chậm chạp và kỳ diệu, không có ý niệm về thời gian. Một luồng liên tục ắt chia chúng ra thành từng mảnh nhỏ để tác động lên chúng rồi dừng lại; chúng ngủ thiếp đi có lẽ một triệu năm từ từ đồng hóa luồng ấy, để rồi một luồng khác lại tác động lên chúng, và cứ thế mãi hết cả triệu năm này tới cả triệu năm khác. Khi chúng ta quan sát cái phong cảnh kỳ lạ ấy thì nhiều điểm tương tự nổi bật lên trong tâm trí chúng ta: những củ được xếp cẩn thận trong những

ngăn, thỉnh thoảng lại được một người làm vườn xem xét; những cái nôi trong một bệnh viện hằng ngày có một bác sĩ khám bệnh. Càng ngày càng tới gần lúc mà người làm vườn vĩ đại phải giao nộp những củ ấy để mang trồng trọt và đất trồng trọt là Dãy hành tinh Trái đất còn các củ là những linh hồn sống động.

[1] Atma, Buddhi, Manas.

[2] Hiện thể của dục vọng tức Kama

[3] Cố nhiên ta phải hiểu rằng thời khoảng 700 năm và 1200 năm chỉ là 'trung bình' và thời khoảng 'chính xác' của mỗi trường hợp đều tùy thuộc vào tuổi thọ và tình huống của kiếp trươc. Giữa các phân nhóm có sự khác nhau đáng kể này dường như thể các thành viên của phân nhóm này sinh hoạt trên cõi trời mãnh liệt hơn nhóm kia, do đó tạo ra về mặt số lượng cũng tương đương nhưng trong một thời gian ngắn hơn.

[4] Xem tập sách nhỏ đầy gợi ý, Hai Thế giới Mới của tác giả E. E. Fournier d'Albe.

CHƯƠNG VI

THỜI KỲ SƠ KHAI TRÊN DÃY HÀNH TINH TRÁI ĐẤT

Trong khi đó Dãy trái đất dần dần được hình thành, như ta biết [1].

Các Nguyệt tinh quân trông nom việc kiến tạo nó; đã đến lúc chất lên tàu ra khơi đi tới Dãy hành tinh mới những người đầu tiên cần phải tiến hóa trên đó trong những thời đại sắp tới. Đức Chủng Bàn Cổ quyết định nội dung của mỗi chuyến tàu và ra lệnh cho nó khởi hành, còn Đức Căn Bàn Cổ phân bố các chuyến tàu khi chúng thành công cặp bến trên bầu hành tinh A của Dãy trái đất.

Ở đây ta có thể phác họa ngắn gọn về Chính phủ Huyền bí của Dãy hành tinh, mặc dù chỉ sơ lược thôi để cho học viên có thể ngộ ra được một điều gì đó về tầm mức vĩ đại của cơ tiến hóa mà mình đang khảo sát.

Đứng đầu là Chủng Bàn Cổ của Dãy hành tinh trước kia tức Đức Chakshushas, ta đã thấy một điều gì đó về công trình vĩ đại của Ngài nơi Dãy Nguyệt tinh. Có nhiều Chức sắc trợ giúp ngài, báo cáo cho Ngài biết các thành viên của bất kỳ phân bộ đặc biệt nào đáp ứng được bao nhiêu với những ảnh hưởng mà Ngài tác động lên họ trong khi họ nhập vào cõi Niết Bàn Liên hành tinh. Cũng giống như kẻ kém tiến hóa nhất trong thời đại được biệt phái để hoàn thành nhiệm vụ cư ngụ trong những hình hài nguyên thủy nhất, còn kẻ tiên tiến hơn nối tiếp sau đó khi hình hài đã tiến hóa tới một mức cao hơn; cũng vậy xuất phát từ bất kỳ phân bộ đặc biệt nào được di tản từ Mặt trăng rồi tích trữ nơi cõi Niết Bàn Liên hành tinh, những kẻ nào tiến bộ chậm nhất do ảnh hưởng của Ngài trong thời gian tị nạn sẽ được biệt phái đi đầu tiên gia nhập vào lớp người chinh phục thế giới mới.

Đức Căn Bàn Cổ của Dãy trái đất là đấng Vaivasvata [2]; Ngài điều khiển toàn bộ thứ tự của cơ tiến hóa và là một Đấng cao cả xuất phát từ Dãy hành tinh thứ tư của hệ thống tiến hóa Kim tinh, hai trong những vị phụ tá của Ngài cũng xuất phát từ Dãy hành tinh ấy, còn vị phụ tá thứ ba là một bậc Cao đồ đã thành chánh quả vào buổi sơ khai của Dãy Nguyệt tinh [3].

Một Đức Căn Bàn Cổ của một Dãy hành tinh trước hết phải thành chánh quả trên dãy hành tinh mà Ngài đã từng làm người và trở thành một trong các tinh quân của nó; sau đó Ngài trở thành Bàn Cổ của một Giống dân rồi trở thành một Độc Giác

Phật, rồi trở thành Đấng Chúa Tể thế gian rồi trở thành Căn Bàn Cổ và Chủng Bàn Cổ của một Cuộc tuần hoàn và chỉ lúc bấy giờ Ngài mới trở thành Căn Bàn Cổ của một Dãy hành tinh, Ngài điều khiển các vị Bàn Cổ của Cuộc tuần hoàn vốn phân chia công việc cho các Bàn Cổ của Giống dân. Hơn nữa mỗi Dãy hành tinh cũng cho tốt nghiệp được một số nhân vật đã thành chánh quả tức tinh quân của Dãy hành tinh, một số vị này tận tụy với công việc của Dãy hành tinh mới dưới quyền điều khiển của Đức Căn Bàn Cổ của nó.

Như vậy đối với Dãy hành tinh Trái đất ta thấy có bảy lớp Nguyệt tinh quân làm việc dưới quyền của Đức Căn Bàn Cổ của chúng ta, bảy lớp này tốt nghiệp từ bảy bầu của Dãy Nguyệt tinh; họ tạo thành một trong hai loại hình lớn các Đấng phò trợ từ bên ngoài vốn có liên quan tới việc dẫn dắt cơ tiến hóa tổng quát của Dãy hành tinh Trái đất. Loại hình quan trọng thứ nhì các Đấng Phò trợ từ bên ngoài là các Đấng mà ta gọi là Hỏa Đức tinh quân, các ngài giáng lâm từ Kim tinh, xuống bầu hành tinh thứ tư vào Cuộc tuần hoàn thứ tư, lúc giữa Căn chủng thứ ba để xúc tiến cơ tiến hóa trí tuệ, để thành lập Quần Tiên Hội trên trái đất và tiếp quản chính quyền của quả địa cầu. Chính ảnh hưởng ghê gớm của các Ngài đã làm thúc đẩy nhanh chóng mầm mống sinh hoạt trí tuệ khiến cho chúng bộc phát tăng trưởng tiếp theo sau một đợt ào xuống dữ dội thông qua Chơn thần của cái mà ta gọi là Làn Sóng Sinh hoạt thứ ba, tạo nên thể thượng trí, khiến cho Chơn ngã được khai sinh hoặc giáng lâm đối với những sinh linh nào từ giới động vật ngoi lên giới nhân loại. Sự đáp ứng của hằng hà sa số cư dân trên trái đất đối với biến cố ấy mang tính ngay tức khắc, đến nỗi đôi khi người ta bảo rằng các Ngài đã 'ban cấp' hoặc 'phóng chiếu' tia lửa trí tuệ; nhưng thật ra tia lửa chỉ được quạt lên thành ngọn lửa chứ không được phóng chiếu; bản chất của tặng phẩm này là việc làm cho phát triển nhanh chóng mầm mống vốn đã có sẵn nơi nhân loại sơ sinh, đó là tác dụng của tia nắng mặt trời đối với một hạt giống chứ không phải là việc cung cấp hạt giống [4].

Nhờ có các Hỏa Đức tinh quân cho nên quyền năng của THƯỢNG ĐẾ mới được tập trung vào các Chơn thần giống như các tia nắng mặt trời có thể được một thấu kính hội tụ lại, và nhờ ảnh hưởng ấy mà tia lửa tức điểm linh quang đáp ứng mới xuất hiện. Các Ngài chính là các Manasaputras chân chính, các Con trí tuệ vì các Ngài xuất phát từ Cuộc tuần hoàn thứ năm tức Cuộc tuần hoàn trí tuệ của Kim tinh cho nên các Ngài được gọi là Con của lửa, Hỏa Đức tinh quân [5].

Đức Căn Bàn Cổ phân phối bảy loại Nguyệt tinh quân ra khắp Dãy hành tinh trái đất, đảm nhiệm các Cuộc tuần hoàn và các bầu hành tinh trong khi các vị Bàn Cổ

của các Giống dân đặc biệt chăm lo về cơ tiến hóa của các Gióng dân tức là một Căn chủng.

CUỘC TUẦN HOÀN THỨ NHẤT

Các Nguyệt tinh quân xuất phát từ bầu A, B và C của Dãy Nguyệt tinh là ba lớp người giám sát chứ không tham gia vào việc kiến tạo vật lý của các bầu hành tinh thuộc Dãy trái đất vì các bầu này lần lượt được tạo ra xung quanh Chơn linh của mỗi bầu mà ta đã mô tả trước kia [6]. Dường như họ giám sát công trình chi tiết của các Tinh Quân đến sau. Lớp thấp nhất xuất phát từ bầu G tạo ra các hình tướng nguyên mẫu bản sơ trên bầu A của Dãy trái đất trong Cuộc tuần hoàn thứ nhất rồi hướng dẫn nhóm Tuyến giáng lâm để lấp đầy các hình tướng ấy từ bầu F lại giám sát cơ tiến hóa của hình tướng trong Cuộc tuần hoàn thứ nhì; lớp xuất phát từ bầu E giám sát cơ tiến hóa tương tự trong Cuộc tuần hoàn thứ ba còn lớp xuất phát từ bầu D giám sát cơ tiến hóa tương tự trong Cuộc tuần hoàn thứ tư [7].

Hơn nữa chúng tôi thấy có một số Tinh quân xuất phát từ bầu E cũng hoạt động trên Hỏa tinh trong Cuộc tuần hoàn thứ tư, còn các Tinh quân xuất phát từ bầu D sau này mới hoạt động trên Trái đất.

Khi bắt đầu biệt phái những sinh linh đầu tiên thuộc cõi Niết Bàn Liên hành tinh thì chuyến tàu đầu tiên mang theo nhóm Tuyến cùng với đại đa số những con thú xuất phát từ bầu D của Dãy Nguyệt tinh; mỗi chuyến tàu nối tiếp nhau cách khoảng chừng 100 ngàn năm thế rồi luồng tiếp tế ấy ngưng lại tiếp theo sau là một thời kỳ bao la, trong khi đó những kẻ mới di cư, những kẻ tiên phong xung quanh lên Dãy hành tinh trái đất; theo đuổi cuộc hành trình dài của các Cuộc tuần hoàn thứ nhất và thứ nhì cũng như một phần Cuộc tuần hoàn thứ ba.

Thế giới lúc ấy thật kỳ lạ giống như những cuộn xoáy bị đánh nháo nhào lên, Trái đất vốn là vật rắn chắc nhưng lại nóng bỏng, đầy bùn lầy, dính xềnh xệch và nhiều phần lãnh thổ của nó dường như không bám chặc được vào đâu. Nó cứ sôi sùng sục và thay đổi độ dính kết liên tục; những thảm họa bao la nhận chìm đại đa số sinh linh thỉnh thoảng xảy ra một lần mà vào tình trạng phôi thai thì việc nhận chìm ấy cũng không có kết quả tồi tệ lắm, chỉ gia tăng và nhân bội lên các sinh linh sống dưới những hang động khổng lồ cũng giống như thể chúng sống trên mặt đất.

Cuộc tuần hoàn thứ nhất của Dãy Trái đất có các bầu hành tinh ở cùng mức với Cuộc tuần hoàn thứ bảy của Dãy Nguyệt tinh; Bầu A ở trên cõi thượng trí có một số vật chất hơi được kích hoạt một chút; bầu B ở trên cõi Hạ trí; bầu C trên cõi xúc động, bầu D trên cõi trần, bầu E lại ở trên cõi xúc động, bầu F ở trên cõi hạ trí, bầu G ở trên cõi thượng trí. Trong Cuộc tuần hoàn thứ nhì, toàn thể Dãy hành tinh giáng xuống một mức, có ba bầu ở trên cõi trần: G, D và E, tuy nhiên các sinh linh trên đó đều có hình tướng làm bằng chất dĩ thái giống như cái bao bánh bột, tạm mượn hình dung từ văn vẻ của Bà H.P. Blavatsky. Các bầu C và E mà nay ta gọi là Hỏa tinh và Thủy tinh vào thời ấy có vật chất của cõi trần nhưng ở trạng thái thể khí cháy bỏng.

Cơ thể con người trên Trái đất trong Cuộc tuàn hoàn thứ nhất giống như con a míp, giống như đám mây trôi nổi, hầu như bằng chất dĩ thái cho nên tị nhiệt, chúng sinh sôi nảy nở theo kiểu trực phân. Chúng dường như nối tiếp nhau thành các Giống dân nhưng không có từng kiếp lâm phàm riêng biệt, mỗi hình tướng chỉ kéo dài trong thời khoảng một Giống dân. Không có sự sinh ra và sự chết; chúng thừa hưởng tính bất tử giống như con a míp và được chăm sóc bởi các Nguyệt tinh quân đã đạt quả vị La hán trên bầu G. Có một số vật trôi nổi bằng chất dĩ thái có vẻ muốn ra sức mơ làm loài thực vật nhưng không được thành công lắm.

Loài khoáng vật ít nhiều rắn chắc hơn vì nó từ Mặt trăng, phần lớn là như mưa đá rớt xuống trái đất trong tình trạng chảy lỏng; nhiệt độ có lẽ vào cở 3.500 độ C. Vì đồng ở tình trạng hơi đồng và đồng bốc hơi trong lò điện ở nhiệt độ ấy. Ta thấy rõ có chất Silicon nhưng hầu hết các chất đều là tiền nguyên tố chứ chưa phải nguyên tố và dường như rất hiếm có những sự hòa hợp giống như ngày nay; bao quanh trái đất là những khối hơi khổng lồ chắn nhiệt cho nên trái đất nguội đi rất chậm. Ở vùng cực có loại đất bùn đang sôi sùng sục và nói chung nó cũng bị lắng đọng xuống để rồi sau vài ngàn năm sẽ xuất hiện một lớp váng màu xanh lục vốn là loài thực vật hoặc có lẽ nói cho chính xác hơn thì sau này nó sẽ trở thành loài thực vật.

CUỘC TUẦN HOÀN THỨ NHÌ

Trong Cuộc tuần hoàn thứ nhì thì nhiệt độ trên bầu D đã giảm đi đáng kể, đồng đã nguội đi và trở thành chất lỏng, có nơi trở thành chất đặc. Gần vùng Cực đã có đất liền, nhưng nếu ta đào lỗ thì lửa lại bùng lên giống như một số nơi ở hai bên cạnh

của vùng hình nón Vesuvius. Đám tạo vật hình bao bánh bột dường như chẳng đếm xỉa gì tới nhiệt mà thản nhiên trôi bồng bềnh, nhắc ta nhớ tới hình dáng của những thương binh cụt giò và bộ quân phục được cắt may xung quanh thân hình; một cơn gió thổi tạo ra một sự đánh dấu răng cưa, nó từ từ được lấp đầy trở lại giống như thịt của một người bị bệnh thủy thủng; phần trước của tạo vật ấy có một miếng để mút mà nó dùng để lùa thức ăn vào trong mình, nó bám lấy nhau và mút lấy mút để dường như thể mút một cái trứng qua một cái lỗ thủng nối vỏ trứng khiến cho kẻ bị mút bị chảy xệ ra rồi chết; ta lưu ý thấy có một cuộc đấu tranh trong đó mỗi bên cắm chặt miệng mút vào bên kia rồi mút lấy mút để. Chúng có một loại tay chân lả lướt giống như tay chân của một con hải cẩu, chúng biết tạo ra một tiếng động giống như tiếng kèn líu lo nghe vui tai để biểu diễn sự khoái lạc – khoái lạc nói chung là một loại cảm thấy dễ chịu còn đau đớn nói chung là khó chịu chứ không đến nỗi đau buốt, chỉ hơi hơi thích thú và không thích thú. Da chúng đôi khi có hình răng cưa và có nhiều sắc thái. Về sau này chúng tương đối ít vô định hình hơn và mang hình người nhiều hơn, bò lê trên mặt đất giống như những con sâu. Mãi về sau này ở gần vùng Bắc cực trên mỏm đất ở đó, các tạo vật này mới phát triển ra tay và chân, mặc dù vẫn không thể đứng thẳng được và đã thông minh hơn nhiều. Người ta quan sát thấy một Nguyệt tinh quân – một vị La hán đã thành chánh quả trên bầu F của Dãy Nguyệt tinh, ngài từ điển hóa một hòn đảo và chăn dắt một đám tạo vật trên đó, nhắc ta nhớ tới những con hải ngưu hoặc cá heo mặc dù chưa có cái đầu rõ rệt; ngài dạy cho chúng biết gặm cỏ thay vì mút lẫn nhau và khi chúng mút lẫn nhau thì chúng biết chọn bộ phận này để mút hơn bộ phận kia dường như thể đã phát triển dược vị giác. Cái chỗ lõm dùng làm miệng mút đâm sâu hơn thành ra một loại cái phễu và có một cái bao tử bắt đầu phát triển, nó nhanh chóng lộn từ trong ra ngoài nếu có chất lạ nào lọt vào bao tử mà nó không ưa. Các sinh vật này lộn ngược từ trong ra ngoài mà dường như chẳng nảy ra điều gì tồi tệ. Bề mặt trái đất vẫn còn rất bấp bênh, đôi khi chúng cũng bị bỏng hoặc cháy xém một phần; dĩ nhiên chúng chẳng thích như vậy, và nếu tình trạng diễn biến tồi hơn thì chúng cũng bị suy sụp. Bầu khí quyển nặng nề khiến cho phương pháp di chuyển thông dụng của chúng là trôi nổi và thấy vậy chứ còn dễ chịu hơn khi chứng kiến chúng oằn oại trên mặt đất khiến ta nhớ tới những con sâu róm dễ sợ. Việc sinh sôi nảy nở là bằng cách đâm chồi, một khối u xuất hiện tăng trưởng, một lúc sau thì nó bị ngắt rời để sống một kiếp độc lập.

Trí thông minh của chúng y như con nít, người ta thấy có một sinh vật rút mỏ vào con bên cạnh tính mút và khi mút hụt mục tiêu đã mút trúng phần ở bên dưới của

chính mình rồi cứ tiếp tục khoái chí mút đi mút lại cho đến lúc có lẽ là đến lúc hết hứng thú thì lại nhả chính mình ra. Có một sinh vật đồng loại lăn bộ phận bên dưới của mình trong bùn rồi nổi lên thẳng đứng thay vì nằm sóng soài và có vẻ rất hảnh diện về bản thân. Dần dần thì cái đầu mút có chứa cái phễu cũng bị thuôn thuôn đi khá nhiều và có một trung tâm nho nhỏ xuất hiện trong đó để rồi trong những thời đại vị lai xa xăm, nó có thể trở thành bộ óc. Có một khối u nhỏ xuất hiện tạo ra thói quen đi chúi về phía trước với khối u chỉa ra dường như mang theo cái miệng khiến cho các tác động thường xuyên ảnh hưởng lên miệng xúc tiến việc phát triển.

Trong thời kỳ này đời sống thực vật cũng phát triển và được trợ giúp bởi bầu khí quyển nặng nề khó thở; rừng rú cũng phát triển nhưng rất giống thảo nguyên cao tới 40 bộ Anh và cũng rậm rạp tương ứng. Chúng mọc ở dưới bùn lầy ấm áp và cực kỳ hưng thịnh.

Vào lúc cuối thời kỳ này thì một số vùng của trái đất đã hoàn toàn rắn chắc và chỉ hơi âm ấm thôi. Có nhiều đường nứt chằng chịt, xét theo biểu kiến là do trái đất bị co rút lại và mỗi ngọn đồi là một núi lửa đang hoạt động.

Hỏa tinh trở nên rắn chác hơn, nguội đi nhanh hơn vì kích thước nó nhỏ hơn nhưng sự sống trên Hỏa tinh rất giống sự sống trênTrái đất.

CUỘC TUẦN HOÀN THỨ BA

Trong Cuộc tuần hoàn thứ ba, Hỏa tinh hoàn toàn rắn chắc và một số con thú bắt đầu phát triển, mặc dù thoạt tiên trông chúng khá giống như những khúc gỗ cồng kềnh, những lọn gỗ đã được cưa xẻ. Chúng nhắc ta nhớ tới những bức phác họa mà trẻ con vẽ ra khi chưa học vẽ; nhưng theo thời gian có những sinh linh rõ rệt là người, mặc dù giống khỉ đột hơn là giống người.

Địa hình lúc bấy giờ khác hẳn địa hình của Hỏa tinh mà ta biết hiện nay. Không có vấn đề nước vì khoảng chừng 3/4 bề mặt là nước và chỉ có1/4 là đất liền. Vì thế cho nên không có kênh đào như ngày nay và tình hình vật lý nói chung rất giống như tình thế hiện nay trên Trái đất.

Những người bắt đầu bằng sự biểu lộ tuyến tính của thể thượng trí vào lúc này đã phát triển được một dạng Rỗ lưới thô sơ mà chúng tôi nhận thấy thô thiển hơn dạng Rỗ lưới đã được phát triển trên Mặt trăng. Khi đã đạt tới giai đoạn này thì

nhóm Rỗ lưới trên Mặt trăng bắt đầu tràn vào và những chuyến tàu ấy lại được Đức Chủng Bàn Cổ gửi đi tới Trái đất.

Khi xem xét cõi Niết bàn Liên hành tinh để truy nguyên việc nhóm Rỗ lưới giáng lâm xuống Hỏa tinh, chúng tôi đạt tới một điều thú vị. Những cái kệ để chứa những củ giống ấy rõ ràng làm bằng vật chất cõi Thượng trí; nhưng các củ giống được mang theo trong hào quang của Đức Chủng Bàn Cổ phải được đưa ngang qua cõi tinh thần cho nên Rỗ lưới làm bằng vật chất trí tuệ ở Mặt trăng phải bị tan rã và cần được tái tạo trở lại trước khi các thực thể này bắt đầu đời sinh hoạt trên trái đất. Chúng ắt ngủ im hằng thời đại trên cõi tinh thần để rồi lại khoác lấy Rỗ lưới, làm bằng vật chất trí tuệ tương đương trên trái đất. Giữa các Dãy hành tinh không có sự liên tục về chất trí tuệ. Cố nhiên ta có thể bỏ qua khoảng cách vì Dãy địa cầu chiếm cùng một vị trí trong không gian so với Dãy Nguyệt tinh nhưng, sự không liên tục về vật chất trí tuệ khiến ta cần phải làm phân rã rồi tái tổ hợp những thể thượng trí dạng Rỗ lưới.

Chúng tôi thấy một Đức Bàn Cổ ghé thăm Hỏa tinh với một chuyến tàu gồm nhóm Rỗ lưới nhắc chúng tôi nhớ tới những câu chuyện trong Kinh Puranas của Ấn Độ băng qua đại dương trong một chiếc tàu mang theo hạt giống của một thế giới mới cũng như những câu chuyện ghi chép lại về ông Noah của dân Hebrew, bảo tồn trong chiếc bè tất cã những gì cần thiết để cho Trái đất có trở lại cư dân sau trận lụt. Các huyền thoại được bảo tồn trong các Kinh điển của tôn giáo thường là những câu chuyện bao hàm những điều ghi chép về quá khứ, và Đức Bàn Cổ quả thật có giáng lâm xuống Hỏa tinh để ban một xung lực mới cho cơ tiến hóa. Khi đến Hỏa tinh Ngài lập nên một kiều dân gồm những người thuộc nhóm Rỗ lưới ở nơi ấy.

Khi truy nguyên nhóm người đặc biệt này tức là nhóm đầu tiên thuộc loại Rỗ lưới đến Dãy hành tinh Trái đất, chúng tôi thấy rằng họ xuất phát từ bầu G của Dãy Nguyệt tinh, và đã trở thành nhóm Rỗ lưới ở trên đó. Họ là nhóm kém tiến hóa nhất trong tập thể nhóm Rỗ lưới vì là nhóm cuối cùng đạt tới trình độ này; Đức Bàn Cổ hướng dẫn họ sinh trưởng trong những gia đình đầy triển vọng nhất thuộc Giống dân thứ ba trên Hỏa tinh và khi họ trưởng thành thì ngài dẫn họ đi tới vùng mà họ trở thành kiều dân nơi họ nhanh chóng phát triển thành ra dân số của Giống dân thứ tư. Ở vùng kiều dân này thiên hạ di chuyển theo một ý chí trung tâm giống như những con ong trong một tổ ong, ý chí trung tâm ấy là của Đức Bàn Cổ; ngài phóng ra những thần lực để điều khiển tất cả. Hai nhóm Rỗ lưới khác giống như loài ong dã đến với Hỏa tinh, những nhóm này đạt tới trình độ ấy trên bầu E và F

của Dãy Nguyệt tinh; họ đến nơi theo thứ tự ngược lại với thứ tự rời Mặt trăng, những người xuất phát từ bầu F tạo thành Giống dân thứ tư trên Hỏa tinh, còn những người xuất phát từ bầu E tạo thành Giống dân thứ năm. Họ phát triển một số tình cảm và trí thông minh nhờ sự chăm sóc bảo dưỡng của Đức Bàn Cổ; thoạt tiên sống trong hang động, chẳng bao lâu sau họ bắt đầu biết xây nhà và dạy cho thổ dân ở đó xây nhà dưới quyền của mình, ngay cả ở mức tiến hóa này thì nhóm Rỗ lưới đã thành những kẻ chỉ huy.

Những người này vốn thư hùng lưỡng tính, nhưng một giới tính này thường phát triển nhiều hơn giới tính kia và cần có hai cá thể để sinh sôi nảy nở. Các dạng sinh dục khác cũng tồn tại trong loại người thấp kém và có một số người phôi thai thuộc loại hải xà sinh sôi nảy nở bằng cách đâm chồi và những người khác bằng cách rịn mồ hôi ra trong khi một số khác lại có trứng. Nhưng các cách sinh sản này không có trong đám Rỗ lưới.

Trong Giống dân thứ năm, trật tự xã hội đã thay đổi vì người ta phát triển trí thông minh nhiều hơn; hệ thống đàn ông biến mất, nhưng chúng vẫn có chút ít cá tính và đúng hơn di chuyển thành từng bầy đàn do Đức Bàn Cổ chăm sóc. Những Rỗ lưới được đan bện kín mít hơn và biểu diễn điều có thể thực hiện qua sự sống đang phát triển nơi những kẻ chủ yếu là thân lập thân, không được trợ giúp do sự kích thích lớn lao trong Cuộc tuần hoàn thứ tư nhờ vào các Hỏa Đức Tinh quân. Loại người di chuyên theo bầy đàn đa số vẫn còn được đại diện trong đám chúng ta qua những người bám lấy những ý tưởng bảo thủ theo qui ước bởi vì người khác cũng bám lấy chúng và họ hoàn toàn bị bà Grundy khống chế. Đây thường là những người rất tốt, nhưng ngoan ngoãn như bầy cừu và có tính bầy đàn, họ sống đơn điệu dễ sợ. Trong nhóm họ cũng có sự khác nhau nhưng đó là sự khác nhau giữa những người mua trà thơm từng 1/4 cân Anh hoặc theo từng ounce mà chỉ có họ mới nhận ra được.

Ta quan sát thấy có loại Rỗ lưới dữ tợn, không sống trong cộng đồng mà đi lang thang trong rừng rậm thành từng cặp, đầu họ trút lên thành một điểm ở phía đằng sau khớp với cái cằm ở phía đằng trước và đầu họ tận cùng bằng hai điểm trông thật kỳ cục và chẳng hấp dẫn chút nào. Họ chiến đấu bằng cách húc đầu vào nhau như những con dê đỉnh đầu có xương rất cứng. Cũng có một loại còn thấp hơn nữa là loài bò sát kỳ lạ sống trên cây. Chúng to con hơn loại Tuyến nhưng kém thông minh hơn nhiều và khi có cơ hội là ăn thịt nhóm Tuyến.

Trên Hỏa tinh cũng có một số con thú ăn thịt; ta thấy một con thú khổng lồ giống như cá sấu kịch liệt tấn công một người, y cầm cây chùy xông vào nó nhưng đây

dường như là một vũ khí không hiệu lực lắm. Song le y vấp vào một tảng đá cho nên rơi tõm vào hàm con thú, thế là sớm đi đời nhà ma.

Cuộc tuần hoàn thứ ba trên Trái đất rất giống ở trên Hỏa tinh, thiên hạ nhỏ con hơn và rắn chắc hơn, nhưng theo quan điểm hiện nay của chúng ta thì loài người vẫn còn khổng lồ và giống như khỉ đột. Đa số nhóm Rỗ lưới xuất phát từ bầu D thuộc Dãy Nguyệt tinh đã đến Trái đất trong Cuộc tuần hoàn này và lãnh đạo cơ tiến hóa của loài người; nhóm Rỗ lưới xuất phát từ Hỏa tinh bị tụt hậu so với nhóm kia và toàn bộ giống như những con khỉ đột khá thông minh. Loài thú có rất nhiều vảy và ngay cả những tạo vật mà ta gọi là chim thì cũng có nhiều vảy hơn là lông vũ; tất cả đều dường như làm bằng một lố những mảnh vụn được ghép vào nhau nửa chim nửa bò sát trông chẳng hấp dẫn chút nào. Thế nhưng trái đất vẫn còn hơi giống một thế giới hơn là các bầu hành tinh trước kia, thật vậy giống hơn bất cứ bầu hành tinh nào mà chúng ta chứng kiến từ khi rời Mặt trăng để rồi kiến tạo những đô thị sau này. Công việc của các Nguyệt tinh quân – trong Cuộc tuần hoàn này, họ là những vị La hán xuất phát từ bầu E – giống như viên huấn luyện những con thú nhiều hơn là viên dẫn dắt loài người tiến hóa. Nhưng ta có thể lưu ý thấy rằng có thể nói là họ hoạt động theo từng tiểu đội với những thể xác khác nhau và những thể tinh vi khác nhau. Cảnh thứ ba của các cõi hồng trần; trung giới và trí tuệ đặc biệt phát triển, còn những loa tuyến của các nguyên tử trên những cảnh này lại được khơi hoạt [8] .

Các phương pháp sinh sôi nảy nở trên trái đất trong Cuộc tuần hoàn thứ ba là những phương pháp hiện nay chỉ hạn chế cho các giới hạ đẳng trong thiên nhiên. Trong các giống dân thứ nhất và thứ nhì vẫn chưa hoàn toàn rắn chắc thì sự trực phân vẫn còn xảy ra, nhưng trong Giống dân thứ ba trở đi thì các phương pháp như sau: nảy mầm ra, giống như loài rắn biển nơi nhóm sinh vật có tổ chức kém cõi hơn; xuất tiết các tế bào từ những cơ quan khác nhau trong cơ thể, nó sinh sản ra những cơ quan tương tự rồi tăng trưởng thành một bản sao tí hon của sinh vật tổ phu; đẻ trứng và con người phôi thai phát triển bên trong đó. Đây là nhóm thư hùng lưỡng tính và dần dần một giới tính chiếm ưu thế, nhưng chẳng bao giờ đủ mạnh để biểu diễn dứt khoát là phái nam hay phái nữ.

Việc làn sóng sinh hoạt di chuyển từ bầu này sang bầu khác vốn từ từ và có sự chồng chéo đáng kể; ta nên nhớ rằng bầu A của Dãy trái đất bắt đầu hình thành khi bầu A của Dãy Nguyệt tinh đang tan rã, việc Chơn linh của bầu xuất ra là dấu hiệu của sự chuyển đổi hoạt động [[9].].

Như vậy hoạt động sống vốn liên tục mặc dù các chơn ngã có thời gian nghỉ ngơi lâu dài. Một bầu chuyển sang giai đoạn hoại không khi THƯỢNG ĐẾ không còn chú tâm tới nó nữa và do đó Ánh sáng của Ngài được triệt thoái. Nó chuyển sang một loại hôn mê và chỉ còn lại tàn dư của các sinh linh; trong thời kỳ này số lượng các sinh linh ấy dường như không tăng lên. Nhưng khi các Giống dân đã bị diệt vong, các Chơn ngã cư ngụ nơi các giống dân ấy đã chuyển đi hết thì bầu hành tinh trở thành môi trường cho cuộc Nội Tuần hoàn, là nơi chốn mà các chơn ngã trong trạng thái chuyển tiếp có thể được di dời đến đó nhằm làm tăng trưởng nhanh chóng cơ tiến hóa theo kiểu săn sóc đặc biệt. Bầu hành tinh mà Đức THƯỢNG ĐẾ lại chú ý tới bắt đầu sinh hoạt, để rồi tiếp nhận các luồng Chơn ngã sẵn sàng tiến bước trên cuộc hành hương.

Có một điều khác nữa mà ta cần lưu ý là sự hồi qui của các loại hình ở mức tiến hóa cao hơn, trong đó chúng chỉ tạo thành những giai đoạn chuyển tiếp. Cũng giống như sự phát triển phôi thai con người thời nay, có xuất hiện các loại hình cá, bò sát và động vật hữu nhũ hạ đẳng vốn lập lại trong vài tháng sự tiến hóa a tăng kỳ kiếp trong quá khứ; cũng vậy trong mỗi Cuộc tuần hoàn ta thấy rằng có một thời kỳ lập lại xảy ra trước thời kỳ tiến bộ mới thêm. Cuộc tuần hoàn thứ ba triển khai tỉ mỉ và cần mẫn những gì Giống dan thứ ba trong Cuộc tuần hoàn thứ tư sẽ mô phỏng lại một cách tương đôi nhanh chóng, trong khi Giống dân thứ nhì cũng được phản ảnh tương tự nơi Cuộc tuần hoàn thứ nhì, và Giống dân thứ nhất được phản ảnh hai nơi Cuộc tuần hoàn thứ nhất. Một khi ta lĩnh hội được nguyên tắc chung thì việc nghiên cứu trở nên dễ dàng hơn vì bức phác họa đã rõ ràng chỉ cần điền thêm vào những chi tiết thích hợp.

1 Xem phần trước kia trang 65.

2 Ta không được lẫn lộn Đức Căn Bàn Cổ Vaivasvata với Đức Bàn Cổ Vaivasvata của Căn chủng Aryen. Đức Căn Bàn Cổ là một Đấng cao cả hơn nhiều mà ta thừa hiểu theo phát biểu về cơ tiến hóa dài dằng dặc của Ngài ngay trong đoạn này.

3 Ta phải nhớ rằng khi một người đã thành chính quả trên Dãy hành tinh mà mình tiến hóa ở đó thì ngài có thể ở lại trên đó tiếp tục tiến hóa thêm nữa trên cương vị là một Cao đồ, hiện nay trên bầu hành tinh của ta, Ngài có thể đạt tới quả vị cao hơn trong Quần Tiên Hội mà không cần rời bỏ trái đất.

4 Giáo Lý Bí Truyền quyển III trang 560, ấn bản năm 1897, quyển V trang 533 ân bản Adyar.

5 Trong Giáo Lý Bí Truyền các thuật ngữ Manasaputras chẳng những được dùng để chỉ các Đấng này mà còn được dùng để chỉ mọi Chơn ngã đã đủ tiên tiến để kích hoạt mầm mống trí tuệ nơi các sinh linh khác, giống như hiện nay ta có thể kích thích trí khôn của loài vật. Như vậy thuật ngữ này bao gồm một lớp sinh linh lớn lao thuộc đủ mọi trình độ tiến hóa.

6 Xem phần trước trang 65..

7 Mọi lớp này đều được bao hàm bằng tên gọi Barhishad Pitris trong Giáo Lý Bí Truyền.

8 Xem phần trước, trang 32.

9 Xem phần trước, trang 65.

CHƯƠNG VII

NHỮNG GIAI ĐOẠN MỞ ĐẦU CỦA CUỘC TUẦN HOÀN THỨ TƯ

Trích từ CON NGƯỜI: Từ đâu tới, Sinh hoạt ra sao và rồi sẽ Đi về đâu

(MAN: Whence, How and Whither)

Tác giả C. W. Leadbeater - Bản dịch www.thongthienhoc.com

Khi sơ bộ tổng quan về Cuộc tuần hoàn thứ tư, ta thấy hiển nhiên có một sự thay đổi quan trọng mang tầm mức xa rộng đối với môi trường xung quanh mà cơ tiến hóa nhân loại phải diễn ra trong đó. Trong ba Cuộc tuần hoàn trước kia, con người hầu như không đụng chạm gì tới tinh hoa ngũ hành mà chỉ các đấng Thiên thần hoặc chư thiên mới ảnh hưởng tới chúng; chúng tiến hóa do ảnh hưởng của Chư thiên. Con người không đủ tiến hóa để ảnh hưởng tới nó ở bất kỳ qui mô đáng kể nào. Nhưng trong Cuộc tuần hoàn này, ảnh hưởng của con người đóng vai trò rất quan trọng và những tư tưởng qui ngã của y tạo ra những luồng xoáy ốc nơi chất tinh hoa ngũ hành bao xung quanh y. Các tinh linh ngũ hành cũng bắt đầu tỏ ra thù địch với y hơn. Khi y xuất lộ từ trạng thái con thú biến thành con người đi chinh phục, bởi vì theo quan điểm của chúng thì y không còn là một con thú sống trà trộn trong loài thú mà là một thực thể độc lập ưa đi chinh phục, rất có thể là hung hăn gây hấn.

Có một đặc điểm quan trọng khác của Cuộc tuần hoàn thứ tư tức Cuộc tuần hoàn chính giữa bảy cuộc đó là việc cánh cửa biệt lập ngã tính bị khép lại đối với giới động vật và cửa Đạo được mở ra. Cả hai phát biểu này đều là tổng quát; đó đây vẫn có một con thú nhờ sự trợ giúp rất đặc biệt vẫn còn tiến hóa được tới mức khả dĩ đầu thai thành người, nhưng,trong hầu hết mọi trường hợp thì hiện nay ta không tìm ra được thể xác của người nào phát triển đủ thấp để cho nó thể hiện trong đó; cũng vậy một người đã được quả vị La hán hoặc cao hơn nữa trên Dãy Nguyệt tinh còn leo cao hơn nữa, nhưng, tất cả người nào dưới quả vị ấy mà đã hoàn tất được các thể thượng trí đều không gia nhập vào cơ tiến hóa thuộc Dãy hành tinh Trái đất mãi cho tới khi Căn chủng thứ Ba thời kỳ sau và Căn chủng thứ Tư thời sơ khai.

Trên Hỏa tinh trong Cuộc tuần hoàn thứ Tư, ta thấy có một số người dã man chưa đủ tiến bộ để rời bỏ hành tinh ấy đi tới Trái đất khi đa khối Chơn ngã đã tiếp tục trong Cuộc tuần hoàn trước. Trên mỗi bầu hành tinh đều có một số nguòi thất bại

không tiếp tục nữa và vẫn lạc hậu khi bầu hành tinh bắt đầu thời kỳ hoại không; và họ trở lại cũng bầu hành tinh này khi nó bắt đầu hoạt động trọn vẹn để tạo thành một lớp người rất lạc hậu; đây là nhóm Rỗ lưới thuộc một loại rất tồi, là những người dã man tàn bạo và độc ác, một số đã biệt lập ngã tính do sự sợ hãi và lòng giận dữ.

Trong Cuộc tuần hoàn thứ Tư, Hỏa tinh cảm thấy bị căng thẳng vì hiếm nước, chính các Nguyệt tinh quân – các vị La hán thành chánh quả trên bầu E – đã thiết kế ra hệ thống kênh đào, còn nhóm Rỗ lưới thi công hệ thống ấy dưới quyền chỉ huy của các Ngài. Biển cả trên Hỏa tinh không có muối, còn vùng bắc cực quanh năm tuyết phủ thì, khi chúng tan chảy ra ắt cung cấp được nước cần thiết để tưới ruộng, do đó khiến ta có thể cày cấy trồng trọt, vun trồng hoa mầu.

Căn chủng thứ Năm trên Hỏa tinh là dân da trắng đã tiến bộ rất đáng kể và nhóm Rổ lưới phát triển bên trong thành ra một thể thượng trí hoàn chỉnh. Họ tốt bụng, có hảo ý và tử tế, mặc dù không thể có ý tưởng nào vĩ đại, có được xúc cảm phổ biến là luyến ái hoặc có được sự hy sinh bản thân. Ngay ở thời kỳ rất sơ khai thì họ đã bắt đầu phân chia thức ăn thay vì đánh nhau giành thức ăn tức là phát triển ý thức xã hội đến một mức nào đó.

Các Căn chủng thứ Nhất và thứ Nhì trên Trái đất vẫn tiếp tục trước khi Hỏa tinh bị bỏ rơi hoang vắng; một số thực thể có thể tận dụng được tình huống nguyên thủy này (mà Hỏa tinh đang ở giai đoạn sau này) đều quá tiến bộ nên không đồng hóa được và sự chú ý trọn vẹn của THƯỢNG ĐẾ không xoay chuyển sang Trái đất trong những thời sơ khai. Các Nguyệt tinh quân – Chư La hán đã thành chánh quả trên bầu D của Dãy Nguyệt tinh – du nhập vào những Giống dân thời sơ khai này một số thực thể lạc hậu sao cho chúng được dùng làm những cổ xe đặc biệt dành cho đám lạc hậu, nhiều kẻ báo đáp lại sự chăm sóc mà chúng đã từng nhận được để rồi nhập vào Phân chủng thứ Nhất của Căn chủng thứ Ba, thành ra loại hình thấp nhất, chúng: có đầu hình quả trứng, có một con mắt ngay trên đỉnh đầu, trán nhô ra như một miếng dồi xúc xích, cằm nhô ra. Loại có đầu hình trứng tồn tại trong một thời gian rất lâu, nhưng bị biến hóa đi nhiều trong các phân chủng sau này của Căn chủng thứ Ba mà các kiểu mẫu vẫn còn thấy trong các thời sau này của Chân Lemuria. Những người có nước da màu xanh lơ tạo thành phân chủng thứ sáu hùng mạnh, còn những người da trắng tạo thành phân chủng thứ bảy, đó là những loại hình thanh bai hơn nhưng vẫn thuộc về giống dân Lưmuria và có nét đặc trưng là đầu hình trứng do trán bị thụt vào [1].

Trong thời Căn chủng thứ Nhất và thứ Nhì, dân số trái đất rất hạn chế và sự trợ giúp đặc biệt này xuất hiện có vẻ là vì trong bầu hành tinh thứ tư thuộc Dãy hành tinh thứ Tư thì "cánh cửa biệt lập ngã tính đã bị dóng lại". Vả lại, mọi điều có thể thực hiện nhằm làm thăng tiến cho bất cứ ai có thể thẳng tiến được trước khi các Hỏa đức Tinh quân giáng lâm vào giữa Căn chủng thứ Ba, lại khiến cho vực sâu ngăn cách giữa giới động vật và giới nhân loại hầu như không vượt qua được.

Vào cuối Căn chủng thứ Bảy, Hỏa tinh có một dân số rất hùng hậu để bổ sung cho Trái đất và đám này tràn vào Căn chủng thứ Ba, lãnh đạo Căn chủng này cho đến khi những Chơn ngã tiên tiến hơn xuất phát từ Dãy Nguyệt tinh đến tiếp quản quyền lãnh đạo. Nhóm Rỗ lưới này có thể Thượng trí giờ đây đã hoàn tất, đã tiến bộ đáng kể trên Hỏa tinh và bây giờ chúng dọn đường cho những người tiên tiến hơn chẳng bao lâu nữa sẽ giáng lâm. Chính chúng đã đánh nhau với đám tạo vật bò sát dã man, không có xương sống và thân hình nhớp nháp, đó là "những người dưới nước dễ sợ và tồi tệ trong các câu kinh của Thiền Định Chân Kinh, là di tích đã hiện thân trở lại của các Cuộc tuần hoàn trước kia, vốn là những "người dưới nước" nghĩa là lưỡng thể, những con thú có vẩy, nửa người nửa ngợm trên Hỏa tinh.

Nhiều phương thức sinh sôi nảy nở đặc trưng cho Cuộc tuần hoàn thứ Ba xuất hiện trở lại nơi Căn chủng thứ Ba này và được tiến hành đồng thời ở nhiều nơi khác nhau trên Trái đất. Đại đa số dân chúng trải qua những giai đoạn liên tiếp để trở nên hầu như là noãn sinh, nhưng có đủ thứ hoạt động phụ nho nhỏ trong đó những phương pháp trước kia vẫn tồn tại. Dường như đủ thứ phương pháp sinh sôi nảy nở đều thích hợp cho các Chơn ngã trong những giai đoạn tiến hóa khác nhau và vẫn còn được duy trì cho đám lạc hậu sau khi đại đa số dân chung đã vượt qua được những phương pháp ấy. Phương pháp noãn sinh rất lâu sau này mới bị bỏ hẳn; lớp vỏ càng ngày càng mỏng đi, con người bên trong lớp vỏ phát triển thành ra loại thư hùng lưỡng tính; để rồi trở thành bán thư bán hùng với một giới tính nổi bật rồi trở thành sinh vật đơn tính. Những sự thay đổi này bắt đầu vào khoảng cách đây16 triệu rưỡi năm và trải qua một thời gian từ 5 triệu rưỡi tới 6 triệu năm, các thể xác thay đổi rất chậm và quá trình này thường xuyên bị đảo ngược. Hơn nữa con số nguyên thủy rất nhỏ và cần có thời gian để nhân lớn lên. Khi loại hình cuối cùng trở nên hoàn toàn ổn định thì trứng được bão tồn bên trong cơ thể phái nữ và sự sinh dục vẫn còn có dạng tồn tại mãi đến nay.

Tóm lại: Chúng ta có Căn chủng thứ Nhất lập lại Cuộc tuần hoàn thứ Nhất với những đám mây dĩ thái trôi nổi dật dờ trong bầu khí quyển nặng nề nóng bỏng bao

quanh một bầu thế giới bị những thảm họa cứ lập đi lập lại làm tan nát; những đám mây dĩ thái này tăng trưởng bằng cách trực phân. Căn chủng thứ Nhì lập lại Cuộc tuần hoàn thứ Nhì thuộc loại bao bánh bột mà ta đã mô tả ở mục Cuộc tuần hoàn thứ Nhì; chúng sinh sôi nãy nở bằng cách đâm chồi. Căn chủng thứ Ba thời sơ khai lập lại Cuộc tuần hoàn thứ Ba có dạng con khỉ đột hình người và sự sinh dục thoạt tiên là bằng cách tiết xuất các tế bào tức hãn sinh (rịn ra như mồ hôi) trong Giáo Lý Bí Truyền. Rồi tới giai đoạn noãn sinh, rồi cuối cùng là đơn tính.

Ta cần xử trí một cách rất đặc biệt đối với một số loại trứng này; chúng được các Nguyệt tinh quân mang đi, từ điển hóa kỹ lưỡng và bảo tồn ở nhiệt độ không thay đổi nhiều cho đến khi hình người ở giai đoạn thư hùng lưỡng tính này bục ra; bấy giờ nó được nuôi dưỡng đặc biệt, được phát triển cẩn thận, và khi đã sẵn sàng thì được một trong các Nguyệt tinh quân chiếm hữu; nhiều vị Nguyệt tinh quân nhập thể để hoạt động được trên cõi trần và họ sử dụng những cơ thể được chuẩn bị kỹ lưỡng này trong một thời gian lâu dài; một số vị Thiên thần cũng chiếm hữu một số cơ thể đã được chuẩn bị. Điều này dường như chỉ xảy ra có vài thế kỷ trước khi phân chia giới tính.

Trong khi những người noãn sinh sau này đang chiếm hữu thì thành phần ưu tú nhất trong nhóm Rỗ lưới giáng lâm trực tiếp từ cõi Niết bàn Liên hành tinh, nhanh chóng nối tiếp sau đó là nhóm người thấp kém nhất trong đám đã có được các thể Thượng trí hoàn chỉnh trên Mặt trăng. Giữa nhóm cao nhất thuộc lớp người thứ nhất với nhóm thấp nhất thuộc lớp người thứ hai cũng chẳng khác nhau là bao. Đoàn thuyền đầu tiên thuộc nhóm thứ hai bao gồm những kẻ chẳng đáp ứng được bao nhiêu với ảnh hưởng của Đức Chủng Bàn Cổ, họ xuất phát từ các bầu G, F và E thuộc Dãy Nguyệt tinh, đa số xuất phát từ bầu G mà kẻ ngu đần nhất trong số đó cũng có được những thể Thượng trí hoàn chỉnh. Đoàn thuyền thứ nhì chở một số lớn người xuất phát từ bầu G, một thành phần (tiểu đội) ít hơn xuất phát từ bầu F và một phân đội còn ít hơn nữa xuất phát từ bầu E. Đoàn thuyền thứ ba tải đi nhóm ưu tú nhất xuất phát từ bầu G cùng với một số nhóm khá ưu việt xuất phát từ bầu F và nhóm khá giỏi xuất phát từ bầu E. Đoàn tàu thứ tư chở nhóm ưu việt xuất phát từ bầu F cùng với tất cả ngoại trừ thành phần ưu tú nhất của bầu E. Đoàn tàu thứ năm chở theo nhóm ưu việt của bầu E cùng với một ít người của bầu D. Những người này đều dường như được lọc lựa theo tuổi tác hơn là theo loại hình và thật vậy, ta thấy có đủ mọi loại hình. Ta lưu ý thấy có một cá thể là tù trưởng trong một bộ tộc dã man trên đất liền, y đã bắt Mars làm tù binh trên Mặt trăng, y đã biệt lập

ngã tính do sự sợ hãi. Cả đám này đều hiện thể qua những người noãn sinh vào khoảng vài trăm ngàn người.

Thế rồi cách này, từ 10 tới 11 triệu năm, khi sự phân chia giới tính đã hoàn toàn được xác lập, có một giai đoạn quan trọng khi một số vị Nguyệt tinh quân nhập thể giáng xuống Ngôi sao Bắc cực bảy cánh của Châu Lemuria, tạo ra những hình ảnh dĩ thái của chính mình để rồi được hiện hình trở nên rắn chắc hơn, nhân bội những thứ này lên cho các chơn ngã sắp tới sử dụng; các Nguyệt tinh quân này thuộc các loại khác nhau, "bảy người mỗi người một lô đất", ban cấp những cơ thể thích hợp cho bảy cung tức bảy loại hình tính khí của nhân loại để tạo ra các hình tướng trên các đỉnh của Ngôi sao.

Ở giai đoạn này có bốn lớp người, hối thúc nhau để đạt được các hình tướng con người tốt hơn. Đó là (1)- tập hợp nhóm Rổ lưới tốt nhất nêu trên với năm chuyến thuyền xuất phát từ các bầu G, F và E, có các thể Thượng trí hoàn chỉnh; rồi tới (2)- nhóm Rổ lưới xuất phát từ Hỏa tinh; rồi tới (3)- nhóm Tuyến lúc nào cũng đã từng ở đây; rồi tới (4)- nhóm cuối cùng bao gồm những kẻ chỉ mới bây giờ từ loài thú ngoi lên làm người. Bên dưới loài người là loài thú, cây cỏ và khoáng vật mà chúng ta không cần quan tâm.

Việc nhóm này giáng lâm vào các hình tướng dĩ thái do các Nguyệt tinh quân cung cấp là một điều gì đó mang tính phấn đấu, vì thường có nhiều kẻ cùng đòi hỏi chỉ một hình tuóng và kẻ nào thành công đoạt được hình tướng ấy thì chẳng bao giờ giữ được nó lâu hơn một vài lúc; cảnh tượng này nhắc ta nhớ tới ý tưởng của Hi Lạp cho rằng Chư thần linh tạo ra thế giới giữa những tiếng reo hò cười đùa, vì dứt khoát đó là một yếu tố hài hước khi các Chơn ngã tranh nhau các hình tướng mà không thể điều khiển chúng sau khi đã giành được. Đó là một trong những dịp giáng xuống vật chất, việc cơ thể con người cuối cùng hiện hình ra để hoàn tất sự sa đọa của con người. Dần dần thì họ đâm ra quen thuộc với những lớp áo da mới và đã định cư để sinh sôi nảy nở ra bảy loại hình tính tình lớn. Ở khắp nơi trên thế giới, các phương pháp sinh sản khác tiếp tục trong những thời gian lâu dài; những giai đoạn nối tiếp chồng chéo lên nhau rất nhiều do có sự khác nhau nhiều về tiến hóa và các lớp người giáng lâm từ những Cuộc tuần hoàn khác không có mặt nơi hai Căn chủng buổi ban sơ trên Trái đất; các bộ tộc noi theo những phương pháp ban sơ dần dần trở nên tuyệt chủng, trong khi những người nam và nữ chân chính sinh sôi nảy nở rất nhiều cho tới khi nhân loại theo như ta biết hiện nay dứt khoát được xác lập trên khắp thế giới.

Các hình tướng mà các Nguyệt tinh quân vứt bỏ trông khá đẹp đẽ, nhưng vì làm bằng chất dĩ thái cho nên chúng dễ bị biến đổi và các chơn ngã giáng lâm đã làm chúng méo mó đi rất nhiều; đám trẻ con do chúng sinh ra rõ rệt là xấu xí; có lẽ những người sử dụng chúng đã quen nghĩ tới cái đầu hình trứng và cái trán hình dồi xúc xích vì thế cho nên những thứ này xuất hiện trở lại.

Sau khi nhiều thế hệ con người đã xác lập (giáng xuống từ các hình tướng dĩ thái hiện ra) đã tiến hóa, chư La hán hối thúc những người nào rời bỏ các bầu A, B và C của Dãy Nguyệt tinh – bởi vì họ không thể tiến bộ thêm nữa ở trên đó – là họ nên giáng xuống và nhập thể nơi các cơ thể nay đã sẵn sàng để cho họ ở trong đó. Có ba chuyến thuyền bao gồm những người này: hơn 2 triệu người có hào quang màu da cam từ bầu A, chưa đầy 3 triệu người hào quang màu hoàng kim xuất phát từ bầu B và nhỉnh hơn 3 triệu người hào quang màu hồng xuất phát từ bầu C; vị chi vào khoảng 9 triệu người; họ được hướng dẫn những vùng khác nhau trên bề mặt trái đất để cho họ có thể tạo nên các bộ tộc. Những kẻ hào quang màu da cam khi thấy những cơ thể được dành cho mình từ chối không chịu nhập vào chẳng phải vì độc ác mà vì kiêu hảnh, khinh thường những hình tướng không hấp dẫn và có lẽ cũng vì xưa kia họ ghét giao hợp, nhưng những người có hào quang màu hoàng kim và màu hồng lại ngoan ngoãn dễ bảo và dần dần cải tiến được những cơ thể mình ở trong đó. Họ tạo thành phân chủng thứ tư của Căn chủng Lemuria, phân chủng đầu tiên có ý nghĩa là con người ngoại trừ việc còn mang tính phôi thai; và điều này được ghi dấu ngày tháng qua việc ban cấp hình hài. Thật thú vị khi lưu ý thấy rằng trong Giáo Lý Bí Truyền H. P. Blawatsky nói phân chủng thứ tư này là màu vàng, xét theo biểu kiến bà ghi nhận sự giáng lâm của những người có hào quang màu hoàng kim xuất phát từ bầu B của Dãy Nguyệt tinh; bà hầu như không đề cập tới màu da đã được xác lập của phân chủng thứ tư vì nó màu đen và màu đen tiếp tục ngay cả nơi các lớp hạ đẳng của phân chủng thứ sáu, trong đó các lớp thượng lưu có nước da màu xanh lơ hoàn toàn khả kính. Thế nhưng, ngay cả nơi những người này cũng có một sắc thái căn bản màu đen.

Vậy là vùng được phân phối cho bộ tộc hào quang da cam đã bị bỏ trống, những cơ thể mà lẽ ra họ đã sử dụng bị chiếm hữu bởi đám thực thể vui mừng xuất phát từ giới động vật tức là lớp thấp nhất vừa nêu trước kia, là loại hình người rất tồi tàn; dĩ nhiên những thứ này chẳng cảm thấy sự khác nhau bao nhiêu giữa bản thân và đám thú vật mà mình ngoi lên từ đó, vì thế mới có "tội lỗi của những kẻ chưa có trí".

Thật thú vị khi lưu ý nghiệp do những người hào quang da cam từ chối cư ngụ thỏa đáng trong công trình cung cấp cư dân cho thế giới. Về sau luật tiến hóa buộc họ cũng phải nhập thể và họ phải chiếm hữu những cơ thể thấp hơn, thô trược hơn, các Nguyệt tinh quân đã lên đường nhận nhiệm vụ khác; do đó họ trở thành một giống dân lạc hậu, quỷ quyệt nhưng xấu bụng và trải qua nhiều kinh nghiệm khó chịu; họ bị giảm dân số do thường xuyên xung đột với cộng đồng bình thường và phần lớn là đau khổ khi chịu cảnh trên đe dưới búa phải hòa lẫn vào đám thứ dân. Một ít người – những kẻ mạnh bạo, không biết ăn năn và vô lương tâm – trở thành các Hắc diện Tinh quân ở Châu Atlantis; ta thấy một số những người khác trong đám người da đỏ ở Bắc Mỹ có khuôn mặt thanh tú nhưng khó đăm đăm; một số ít vẫn còn tồn tại mãi cho tới tận thời nay – những kẻ tán tận lương tâm trong đám các vua tài chính, đám chính khách như Bismak, đám người chinh phục như Napoleon; nhưng họ dần dần biến mất vì đã học được những bài học cay đắng. Những kẻ luôn luôn thấy trong lòng thiếu thốn, lúc nào cũng ưa đánh lộn, luôn luôn chống đối mọi chuyện ở bất cứ nơi đâu thì theo nguyên tắc chung trong địa hạt luật lệ rốt cuộc họ phải bị nện cho nhừ tử; một số rất ít người có thể kết thúc nơi tà thuật, nhưng đa số cứ chịu áp lực rất lớn đều đều. Đây là con đường khó đi mà họ chọn lựa để tiến bước.

SỰ GIÁNG LÂM CỦA CÁC HOẢ ĐỨC TINH QUÂN

Ngôi sao Bắc cực vĩ đại của Châu Lemuria vẫn còn hoàn chỉnh và dãy Lưỡi liềm khổng lồ vẫn còn vắt ngang qua đường xích đạo kể cả đảo Madagascar. Biển cả chiếm chỗ hiện nay là sa mạc Gobi vẫn còn vỗ sóng vào lớp hàng rào núi non thoai thoải ở phía Bắc dãy Hi Mã Lạp Sơn, tất cả đều đang chuẩn bị cho giờ phút ly kỳ nhất trong lịch sử Trái đất: Sự giáng lâm của các Hỏa Đức Tinh Quân.

Các Nguyệt Tinh quân và Đức Bàn Cổ của Căn chủng thứ Ba đã làm tất cả những gì có thể được để đưa con người lên tới mức mà mầm mống trí tuệ có thể được xúc tiến và Chơn ngã có thể giáng xuống. Mọi kẻ lạc hậu đã được thôi thúc; trong hàng ngũ loài thú không còn con nào có thể ngoi lên thành người nữa. Cánh cửa để cho con thú di cư sang giới nhân loại chỉ đóng sập lại khi không còn triển vọng nữa, không còn cá thể đạt tới mức ấy mà không lập lại cái xung lực ghê gớm vốn chỉ được ban ra một lần trong Cơ tiến hóa của một hệ thống tiến hóa vào lúc ngay giữa chừng.

Thời điểm được chọn là một biến cố chiêm tinh vĩ đại khi xảy ra một sự hội tụ rất đặc biệt các hành tinh và tình hình từ điển trên Trái đất thuận lợi tối đa. Thời điểm đó cách nay khoảng 6 triệu rưỡi năm. Chẳng còn điều gì phải làm nữa, ngoại trừ những điều mà chỉ các Ngài mới làm được thôi.

Bấy giờ với tiến độ ồn ào do việc đẩy nhanh xuống từ một độ cao không tính toán nổi, xung quanh là những khối lửa cháy đỏ lấp đầy bầu trời với những lượt lửa bắn tung tóe, chiếc xe chở các Con của Lửa, các Hỏa Đức Tinh Quân xuất phát từ Kim tinh bay vút ngang qua bầu trời; nó dừng lại, bay lượn trên Bạch đảo vốn đang mỉm cười giữa lòng biển Gobi; Bạch đảo vốn xanh mướt rực rỡ với các đám hoa muôn màu muôn sắc khoe hương khi Trái đất đang hiến dâng những điều tốt dẹp nhất của mình để nghênh đón bậc Đế vương sắp giáng lâm. Ngài ở nơi đó là đấng Thanh Xuân mới 16 tuổi, Sanat Kumara, vị "Thanh niên Vĩnh hằng", bậc cai trị mới mẻ của Trái đất đã giáng lâm xuống cõi giới của mình cùng với các môn đồ là ba vị Kumaras và các đấng phụ tá Ngài. Có 30 Đấng đầy quyền uy, một lực lượng lớn lao hơn mức dự tính của Trái đất, mặc dù được xếp theo phẩm trật và khoác lấy những cơ thể vinh diệu mà các Ngài đã sáng tạo ra bằng Kriyashakti, đây là Quần Tiên Hội ban sơ, các nhánh của cây Đa duy nhất tua tủa nhiều cành, vườn ươm các bậc Cao đồ trong tương lai, trung tâm của mọi sinh hoạt huyền bí. Các Ngài đã và đang ngủ nơi vùng Thánh địa bất diệt mà Ngôi sao Chói rạng luôn luôn chiếu xuống đó. Đây là biểu tượng của Đấng Quân vương trên Trái đất, là cái Cực bất biến mà sự sống của Trái đất bao giờ cũng quay vòng quanh đó [2].

Một Vấn đáp giáo lý có nói trong số bảy vị Thiên tôn Kumaras thì có bốn Đấng hi sinh vì tội lỗi của thế gian, giáo huấn cho kẻ vô minh, ở lại cho tới cuối Chu kỳ thành trụ hiện nay… Đó là Đầu, Tim, Hồn và Hạt giống của tri thức bất tử. "H. P. Blavatsky còn nói thêm: "Cao hơn bốn Đấng này chỉ có một ĐẤNG đang trên Trần thế cũng như trên Trời – một Đấng còn bí nhiệm và đơn độc hơn nữa – đó là Phổ Ttịnh Đại Đế. [3]

Cho tới khi các đấng Tinh quân giáng lâm thì những chuyến tàu xuất phát từ cõi Niết bàn Liên hành tinh chỉ cập bến lẻ tẻ; nhưng giờ đây khi có được sự kích thích ghê gớm thì sự sinh sôi nảy nở cũng gia tăng nhanh chóng như mọi thứ khác và người ta cần tới những hạm đội hoàn chỉnh để đưa các Chơn ngã cư ngụ trong các thể xác; các Chơn ngã này tràn vào, còn Chơn ngã thuộc loại thấp hơn chiếm hữu mọi con thú có mầm mống trí tuệ đã biệt lập ngã tính vào lúc Giáng lâm; chỉ

trong một lúc các Hỏa Đức Tinh Quân đã tạo ra được cả triệu người mà giờ đây chúng ta dù có chăm sóc lâu dài cũng chỉ tạo ra từng đơn vị.

Thế là bây giờ chư La hán nhập thể giáng lâm từ các bầu A, B và C để trợ giúp cho Đức Bàn Cổ hình thành và khai hóa các phân chủng thứ 5, thứ 6 và thứ 7 của Căn chủng Lemuria. Phân chủng thứ tư vẫn tiếp tục loại người có đầu rất giống hình trứng với vóc dáng từ 24 tới 27 bộ Anh về chiều cao, thân hình lẳng khẳng và cồng kềnh, da màu đen; có một người mà chúng tôi đo được cao tới 25 bộ Anh [4]. Dinh thự của họ tỉ lệ với kích thước của họ với cấu trúc được xây bằng những viên đá khổng lồ.

Chư La hán trở thành các vị Thánh vương của những phân chủng sau này, các Minh vương trong thần thoại còn thật hơn cả lịch sử nữa. Một Minh vương tụ tập một số người xung quanh mình tạo ra một thị tộc để rồi dạy cho thị tộc này một số thuật văn minh, điều khiển và giúp đỡ chúng xây dựng một đô thị. Một đô thị lớn đã được dựng lên theo huấn lệnh ấy ở nơi mà hiện nay là đảo Madagascar, và nhiều đô thị khác cũng được xây dựng tương tự trên vùng đất Lưỡi liềm lớn. Như ta có nêu trên; phong cách của thuật kiến trúc là xây dựng bằng những tảng đá khổng lồ gây ấn tượng mạnh do sự hùng vĩ ấy.

Trong thời kỳ lâu dài có cư dân ở, dáng vẻ thể xác của người Lemuria đã thay đổi. Mắt ở giữa ngay trên đỉnh đầu bị triệt thoái (khi nó không còn hoạt động nữa) từ bề mặt vào phía bên trong đầu tạo ra tuyến Tùng trong khi hai mắt – thoạt tiên mỗi mắt ở một bên đầu – trở nên hoạt động. Huyền thoại Hi Lạp về người khổng lồ một mắt hiển nhiên là một truyền thuyết xuất phát từ thời sơ khai của Châu Lemuria.

Có một số con thú đã được trở thành gia súc; ta thấy một người Lemuria đầu hình trứng dắt đi một con quái vật có vảy, trông hầu như chẳng hấp dẫn gì giống hệt chủ của nó. Người ta ăn sống nuốt tươi cũng đủ loại thú vật - ở một số bộ tộc thì người ta cũng chẳng chê thịt người – và các tạo vật thuộc lớp sên, ốc và giun của chúng ta lớn hơn nhiều so với đám hậu duệ đã thoái hóa của chúng, được coi là món ngon vật lạ đặc sản.

.Trong khi phân chủng thứ sáu đang phát triển thì có một số lớn các Điểm đạo đồ và đệ tử được biệt phái từ cõi Niết bàn Liên hành tinh xuống Trái đất [5] để trợ giúp cho Đức Bàn Cổ của Căn chủng thứ Tư bằng cách nhập thể nơi những cơ thể tốt nhất mà các Ngài đã tiến hóa được cho tới lúc đó.

[1] - Trong khi đoạn này đang được đưa in thì trên báo chí có xuất hiện một bài tường trình về việc phát hiện một số những xương sọ thuộc loại này nhưng chưa sẵn có những đặc điểm chi tiết. Xem Tạp chí nhà Thông Thiên Học số tháng 8 năm 1912 ở mục Trên Tháp canh, trang 631.

[2] Việc sử dụng những biểu tượng huyền bí nào khiến cho các bạn đọc của bộ Giáo Lý Bí Truyền (có lẽ ngay cả tác giả nữa) cũng hiểu lầm rằng "Cực" và "Ngôi Sao" mà phần Bình luận Huyền bí đề cập tới chính là Bắc cực và sao Bắc đẩu trong vật lý học. Tôi cũng mắc phải ý kiến sai lầm này trong tác phẩm Dòng dõi con người của mình (Annie Besant).

[3] Giáo Lý Bí Truyền quyển II, trang 294-295, ấn bản năm 1897; quyển III trang 282-283 ấn bản Adyar.

[4] Có điều thú vị khi người ta tò mò muốn biết chúng tôi đo người khổng lồ bằng cách nào: trước hết bằng cách đứng kế bên y khi chúng tôi lần lượt chỉ thấp hơn một chút hoặc ngang tới đầu gối của y; kế đến chúng tôi đặt y sát vào bao lơn tầng một của Tổng hành dinh, ở đó y có thể đưa cánh tay vươn lên tới tận lan can và đặt cằm vào trên đấy. Sau đó chúng tôi đo chiều cao của lan can. Cái hình tướng khốn khổ ấy chẳng hề được hoan nghênh khi y dựa đầu vào bao lơn; chủ sở hữu của bao lơn thét lên " Mang hắn đi", hắn xấu quá chỉ làm cho thiên hạ sợ hãi. Có lẽ hắn là một sinh vật tồi tệ.

[5] Ta có thể lưu ý thấy rằng trong khi qui tắc chung là những kẻ kém tiến hóa sẽ được biệt phái tới Trái đất trước hết, vẫn có những ngoại lệ khi cần tới những sự trợ giúp, chẳng hạn như trường hợp này có chuyến thuyền đặc biệt. Những cơ thể tốt nhất được dành cho những kẻ đã trả hết nghiệp để cho những người cư ngụ trong đó có thể cải tiến được chúng và rút ra được từ đó mọi thứ mà chúng có thể giao nộp. Chư La hán và đệ tử này làm việc dưới quyền các Nguyệt tinh quân và Đức Bàn Cổ của các Giống dân thứ Ba và thứ Tư, phân chủng thứ bảy có nước da màu trắng và hơi xanh xanh, được triển khai do sự trợ giúp của các Ngài cung ứng những người nam nữ thuộc loại tốt hơn để cho Đức Bàn Cổ của Giống dân thứ Tư un đúc thêm nữa.

CHƯƠNG VIII

CĂN CHỦNG THỨ TƯ

Trích từ CON NGƯỜI: Từ đâu tới, Sinh hoạt ra sao và rồi sẽ Đi về đâu

(MAN: Whence, How and Whither)

Tác giả C. W. Leadbeater - Bản dịch www.thongthienhoc.com

CĂN CHỦNG THỨ TƯ

Hầu như ngay sau khi giáng lâm, vị lãnh đạo Quần tiên hội đã sắp xếp để thành lập Căn chủng thứ tư, sử dụng Đức Bàn Cổ tương lai để lượm lặt các loại hình người Lemuria sẵn có nhỏ nhất, rắn chắc nhất và tốt nhất, trong khi việc thành lập và làm tăng trưởng nền văn minh của các vị Minh vương đang tiếp diễn trong đám người Lemuria thì Đức Bàn Cổ của Giống dân sắp tới cần mẫn mưu tìm những chơn ngã nào phù hợp với mục đích của mình để tuyển lựa chúng nhằm có những sự nhập thể thích hợp. Có trường hợp Ngài tụ tập lại cả ngàn người rồi rốt cuộc chỉ tuyển lựa được một người sau khi đã trắc nghiệm trải qua nhiều năm, hiển nhiên là Ngài cũng nếm mùi khó khăn gian khổ mới tìm thấy được những tổ tiên đang mong muốn dành cho giống dân của Ngài. Các bộ tộc được cách ly để cho các thành viên của nó kết hôn lẫn nhau trong những thời kỳ dài và giúp Đức Bàn Cổ chọn ra được những kiểu mẫu đầy triển vọng để rồi lại ghép chúng; Ngài và các đệ tử lại nhập thể nơi đám con cháu những kiểu mẫu này để nâng cao trình độ thể chất của chúng. Ngài tiến hành đủ thứ cuộc thí nghiệm đồng thời ở các đỉnh của Ngôi sao, sử dụng sự khác nhau về khí hậu. Thoạt tiên thì đây có vẻ là một nhiệm vụ tuyệt vọng, dường như thể người da đen và người lai đen trắng kết hôn với nhau để tạo ra giống dân da trắng; nhưng, sau hằng thế hệ tuyển trạch trong nội bộ của một bộ tộc, Ngài cũng lọc lựa ra được một hai người rồi ghép cặp nó với một người khác cũng được tuyển lựa tương tự từ một bộ tộc khác. Đức Bàn Cổ của Giống dân thứ ba đã triển khai ra một loại hình nước da xanh lơ cho phân chủng thứ sáu của Ngài và nước da trắng hơi xanh xanh cho phân chủng thứ bảy, mặc dù đại khối dân Lemuria vẫn là da đen; một số người thuộc phân chủng thứ tư cũng trộn lẫn với giống dân màu xanh lơ và loại hình Lemuria nói chung được cải tiến chậm chạp, rất từ từ. Ta có thể lưu ý thấy rằng khi ở nơi nào khác trên thế giới có xuất hiện một

loại hình tốt hơn hoặc nước da màu lợt hơn thì nó bèn được gởi tới cho Đức Bàn Cổ và Ngài cố gắng tìm cho nó một người phối ngẫu (môn đăng hộ đối); chúng tôi quan sát thấy một người đã được gửi như vậy xuất phát từ đô thị ở Madagasca và những người khác cũng đến đó tương tự từ nơi khác.

Sự tiến bộ trở nên nhanh hơn sau khi các Điểm đạo đồ tới nơi mà ta đã đề cập ở cuối chương vừa qua, những cơ thể tốt nhất được người ở trong đó cải tiến bèn được Đức Bàn Cổ tiếp thu để hình thành nên phân chủng thứ nhất của Ngài, như vậy rốt cuộc là Giống dân thứ tư có được một nền tảng ươm trồng rất tinh vi do một số lớn những người tiên tiến lãnh đạo và hối thúc sự việc. Cuối cùng thì Đức Bàn Cổ có thể tiếp thu các cơ thể của phân chủng thứ bảy (được các Điểm đạo đồ cải tiến sau khi sử dụng) dùng làm hạt nhân của phân chủng thứ nhất, giống dân Rmoahal của Căn chủng thứ tư. Tất cả những vị được tiếp thu vào Căn chủng thứ tư đều là Điểm đạo đồ và các đệ tử ở trong những cơ thể ấy và không một ai ở trình độ này lại được tiếp nhận từ những người trước kia đã tiến hóa trên Dãy Địa cầu.

Subba Rao phân biệt dân Lemuria da màu xanh lơ đen, dân Atlant da màu đỏ vàng, còn dân Aryan da màu nâu trắng. Chúng tôi thấy Đức Bàn Cổ của Giống dân thứ tư loại bỏ màu xanh lơ ra khỏi màu da của dân tộc mình, trải qua màu đỏ tía để biến thành màu đỏ của phân chủng Rmoahal, để rồi bằng cách trộn lẫn với màu trắng xanh lơ của phân chủng thứ bảy Căn chủng Lemuria; Ngài thu được phân chủng thứ nhất vốn dường như trọn vẹn là con người mà ta có thể tưởng tượng là còn sống động trà trộn giữa chúng ta. Sau khi loại hình của giống dân đã được xác lập trọn vẹn, vậy là Ngài đã có vật liệu cho màu đỏ nâu rực rỡ của dân Toltec, tức phân chủng thứ ba, phân chủng huy hoàng nhất thuộc vương tộc của giống dân Atlant vốn cai trị thế giới trong cả chục ngàn năm. Sau một thời kỳ dài kiên nhẫn làm việc phải mất vào khoảng một triệu năm chăm sóc và mất công rất nhiều thì Ngài mới đạt được một mức độ giống như loại hình mà Ngài đảm nhiệm việc tạo ra; bấy giờ Ngài mới dứt khoát lập nên Giống dân ấy, bản thân Ngài cũng nhập thể, hiệu triệu các đệ tử cùng nhập thể trong gia đình của chính Ngài. Vậy là đám hậu duệ của Ngài đã tạo thành Giống dân ấy. Theo sát nghĩa đen nhất thì Đức Bàn Cổ của một Giống dân là Thủy tổ của nó vì toàn thể Giống dân ấy nhận Đức Bàn Cổ là tổ tiên về hình dáng của mình.

Tuy nhiên, ngay cả các hậu duệ trực hệ của Đức Bàn Cổ cũng là một đám người chẳng lấy gì hấp dẫn lắm xét theo tiêu chuẩn hiệnnay của ta, mặc dù dân chúng quanh đó đã được cải thiện nhiều. Họ nhỏ con hơn nhưng không có tổ chức thần

kinh đáng kể và thể cảm dục của của họ chưa có hình tướng. Thật là phi thường khi Ngài tạo cho chính mình một hình thể, uốn nắn và định hình nó theo thể vía và thể trí của chính mình, biến đổi màu da cho đến khi Ngài biến chế nó thành ra một màu đáng mong muốn dành cho Giống dân của mình.

Sau đó thì nhiều thê hệ trải qua trước khi Giống dân còn non trẻ chiếm hữu lục địa của nó là Châu Atlantis, nhưng từ mức này trở đi thì các chuyến tàu chở các Chơn ngã bắt đầu cập bến xuất phát từ cõi Niết Bàn Liên hành tinh để cư ngụ trong các thể xác của Giống dân thứ tư. Đức Bàn Cổ dàn xếp với Đức Căn Bàn Cổ để gửi tới cho Ngài một số lớn Chơn ngã đã sẵn sàng nhập thể: những người xuất phát từ bầu D của Dãy Nguyệt tinh đã có thể Thượng trí hoàn chỉnh và đã biệt lập ngã tính trong Cuộc tuần hoàn thứ tư và thứ năm của Dãy Nguyệt tinh. Một số người đến nhập vào phân chủng Tlavatli, còn một số đến sau nhập vào phân chủng Toltec, khi nó đã tiến hóa rồi; sau đó Ngài lại nhập thể trong phân chủng Toltec lập nên Kim môn thành, vốn là thành thị đầu tiên trong số nhiều thành thị liên tiếp mang tên đó. Sự thành lập ấy bắt đầu từ một triệu năm trước đây, tức là một trăm năm mươi ngàn năm trước khi đại thảm họa thứ nhất xé toạc Châu Atlantis ra.

Vào lúc đó người Toltec là Giống dân thống trị vì họ rất ưu việt. Đó là một giống dân chinh chiến, đi khắp nơi trên thế giới để chinh phục các cư dân, song những loại người thuần chủng của nó chẳng bao giờ làm giai cấp hạ lưu ở bất cứ nơi đâu. Ngay cả ở Kim môn thành thì chỉ có giai cấp quí tộc và giai cấp trung lưu là người Toltec, còn giai cấp hạ lưu thì mang dòng máu lai, phần lớn bao gồm những người nam nữ bị bắt làm tù binh cùng với những phân chủng khác và bị những kẻ chinh phục đẩy xuống hàng nô tì.

Vào lúc đó có một chuyến tàu cập bến Trái đất chở các Chơn ngã theo một nhóm (hầu hết vẫn còn quây quần bên nhau) mà chúng tôi dặc biệt chú ý vì nó bao gồm nhiều người bạn cũ: Sỉrius, Orion, Leo và những người khác; một số những người này khi đến nơi được Đức Bàn Cổ Vaivasvata (Bàn Cổ của Giống dân thứ năm) dành riêng làm một phần cho vật liệu tương lai của mình. Chính vì thế mà H. P. Blavatsky, bảo rằng việc sáng lập Giống dân thứ năm xảy ra cách đây một triệu năm, mặc dù nó chỉ được dẫn dắt đào thoát khỏi châu Atlantis vào năm 79.997 trước Công nguyên. Sau này thì những người ấy tạo thành một nhóm có khoảng cách trung bình giữa lúc chết và lúc tái sinh từ 1.000 tới 1.200 năm [1].

Vào lúc này thời khoảng giữa lúc chết và lúc tái sinh dĩ nhiên là khá ngắn hơn vì vật liệu thu thập được trong các kiếp nguyên thủy không đủ để tạo ra thời khoảng

dài cho dù nó được dàn trải mỏng đi. Người ta chưa có được những xúc cảm sâu sắc mặc dù vẫn đào luyện ra được một thứ gì đó từ sinh hoạt trên cõi trời. Các Chơn ngã này qui tụ lại với nhau trên cõi trời và những thực thể có dạng màng mỏng liên kết với chúng trên cõi trực giác tỏ ra có ái lực mạnh với nhau. Ở các cõi thấp hơn, xét theo biểu kiến thì có một ý thức "thiếu thốn", mò mẫm một cách tẻ nhạt dường như thể họ cũng lờ mờ cảm thấy sự vắng mặt của những người bạn cũ trong những kiếp trước kia và thời khoảng vẫn còn trong cõi Niết Bàn liên hành tinh vì vẫn còn yên ngủ nơi đó chưa chịu giáng lâm xuống Trái đất trong vòng 400.000 năm. Ở cõi trực giác, những người thuộc nhóm 700 năm này có tiếp xúc với nhóm 1.200 năm, nhưng chỉ khi nhóm 700 năm giáng lâm xuống Trái đất thì mới có một lúc nói chung là hân hoan trong đám các Chơn ngã trên cõi Thượng trí chủ yếu là do có sự giáng lâm của những người được yêu kính sâu sắc nhất tức là các Chơn sư tương lai. Những vị này ngay tức khắc liên lạc với một số người trong nhóm trước kia vẫn còn ở cõi Niết Bàn, mặc dù những người khác đã giáng lâm xuống Trái đất cùng với nhóm 1.200 năm, trong số đó có hai vị Chơn sư tương lai hiện nay mang xác người Anh [2].

Người ta đã phải cầu viện tới việc để cho có nhiều sự tái sinh hơi chậm trễ hoặc hơi sớm hơn một chút để giữ cho nhóm này cùng nhau nhập thể.

Trong một kiếp trước kia, Corona [3]. – một chiến sĩ rất thiện nghệ - đã từ Kim môn thành tới chinh phục bộ tộc Tlavatli mà các bạn của chúng tôi đã nhập thể ở trong đó. Mặc dù không có ý thức về mối liên hệ giữa những người này, Corona vẫn chịu ảnh hưởng của nó và đối xử tử tế với bộ tộc ấy: thay vì bắt chúng đi làm nô lệ thì y lại du nhập đủ thứ sự cải tiến rồi sáp nhập bộ tộc ấy vào Đế quốc Toltec. Sirius tái sinh nhiều lần trong phân chủng Tlavatli, rồi chuyển sang phân chủng Toltec. Khi liếc nhìn về tương lai thì chúng tôi thấy y đã từng một lần nhập thể trong đám dân Rmoahal để sống chung với Ursa và những người khác, rồi có nhiều kiếp chuyển sang giống dân Tourania, tức là phân chủng thứ tư (giai đoạn người Trung hoa) rồi một số kiếp là dân Akkad, tức phân chủng thứ sáu; người ta còn giám sát thấy y buôn bán trong đám người giống như người Phœnicia sau này. Y không sinh trưởng trong các phân chủng theo một thứ tự đặc biệt nào cho nên hiện nay thật khó mà tổng quát hóa vấn đề ấy.

Các chuyến tàu chở Chơn ngã tiếp tục đến và nguyên nhân chính phân cách nhau dường như là phương pháp biệt lập ngã tính. Các Chơn ngã thuộc đủ mọi Cung tức mọi tính khí có mức phát triển chung giống nhau đều được trộn lẫn lại, nhưng các

Chơn ngã có thời khoảng giữa lúc tái sinh khác nhau vẫn không được trộn lẫn. Thậm chí cũng chẳng có sự hòa lẫn nào giữa các giai cấp lớn là Người trên Dãy Nguyệt tinh và Người Thú. Nếu một cá nhân không trải qua cuộc Nội Tuần Hoàn để chịu sự chín dú đặc biệt nhằm chuyển sang lớp người tiến bộ ngay trước mình thì những đường phân giới tổng quát ấy vẫn còn và một lớp người này không tiếp quản lớp người kia. Ngay cả khi nhóm Rỗ lưới đã hoàn chỉnh thể Thượng trí của mình thì ta vẫn còn có thể phân biệt được nguồn gốc Rỗ lưới.

Chuyến tàu đầu tiên chở nhóm 700 năm cập bến Trái đất vào khoảng 600.000 năm trước Công nguyên, tức là chừng 250.000 năm sau khi đại thảm họa thứ nhất đã xé toạc châu Atlantis ra. Chuyến tàu đó đưa tới các Chơn sư tương lai là Mars và Mercury, và những người khác; Mars sinh ra ở miền Bắc trong Căn chủng Tlavatli có bố mẹ là Surya và Mercury, Herakles cũng thuộc về gia đình này với vai trò là chị cả. Surya là tù trưởng của bộ tộc, còn Mars là con trai cả của Surya, chẳng bao lâu trở thành chiến sĩ tiên tiến của bộ tộc [4]. Khi mới được 15 tuổi, y đã bị bỏ mặc chờ chết nơi chiến trường, nhưng được chị mình đi tìm và kiếm thây, người chị này đã tận tụy hết lòng vì y, nuôi dưỡng y cho đến khi khỏe mạnh trở lại. Y kế vị cha làm thủ lĩnh tù trưởng và đó là kinh nghiệm đầu tiên cai trị trên trần thế.

Có một nhóm nhỏ thôi nhưng thật thú vị, chỉ 105 người giáng lâm cũng vào thời kỳ 600.000 năm trước Công nguyên, nhưng không xuất phát từ Mặt trăng. Đó là một nhóm người đặc biệt dàn xếp bởi vị thủ lĩnh của Quần tiên hội. Và dường như bao gồm một số người khi còn ở Kim tinh đã từng là những con thú cưng của các Hỏa đức Tinh quân đã đặc biệt quyến luyến các Ngài đến mức nếu không có các Ngài thì họ không tiến hóa được. Họ đã biệt lập ngã tính trên Kim tinh và được đưa xuống đây để cho Ngài bố trí tất cả vào Cung một và Cung hai. Có những nhóm nhỏ khác tiến hóa bất bình thường. Chẳng hạn như một nhóm nhỏ thuộc về Cuộc tuần hoàn thứ ba được biệt phái sang Thủy tinh để được huấn luyện đặc biệt chỉ khả hữu trong tình huống của Thủy tinh để rồi lại được đưa trở về đây. Một số được huấn luyện theo kiểu này để chuẩn bị cho Căn chủng thứ năm. Ta có thể lưu ý thấy rằng H. P. Blavatsky có nói một số người từ Thủy tinh giáng lâm xuống Trái đất.

Kiếp sống thứ ba của Herakles trên Trái đất cũng thuộc về bộ tộc ấy nơi mà nhiều thành viên trong nhóm được tái họp với nhau. Họ đã đạt được một mức độ văn minh nào đó nhưng nhà cửa vẫn lụp xụp và quần áo thiếu thốn (thời tiết lại ấm áp). Kiếp này được đánh dấu bởi việc nối lại mối liên hệ bất hảo với Scorpio và do đó có tầm quan trọng nào đó với kẻ hữu quan. Bộ tộc mà Herakles là chiến sĩ bị một bộ

tộc rất dã man (Scorpio thuộc về bộ tộc này) tấn công; kế hoạch của bộ tộc Scorpio là đánh úp bộ tộc kia và tàn sát nó để hiến tế cho thần linh, còn nếu thất bại thì sẽ tự tử để nhờ vậy có được quyền năng hành hạ kẻ thù mình từ bên kia cửa tử. Họ cử hành những nghi thức pháp thuật có bản chất giống như Obeah và mặc dù làm lén lút nhưng dường như Herakles cũng biết kế hoạch cuối cùng tự tử vốn cốt yếu cho sự thành công của trọn cả kế hoạch hoạt động bên kia cửa tử, vì lúc bấy giờ những loại bùa quái đản với nhiều "lời nguyền rũa" và "thề thốt" khủng khiếp mới có hiệu lực: xét theo biểu kiến thì kết quả ấy càng khủng bố được kẻ thù bao nhiêu thì càng được họ đánh giá cao bấy nhiêu. Cuộc tấn công thất bại cho nên họ xúc tiến việc thi hành phương án thay thế cho sự chiến thắng tức là tự tử tập thể với những nghi thức dễ sợ. Một phần vì tôn giáo của mình không cho phép tự tử, một phần vì xúc động với những nỗi sợ hãi mê tín dị đoan, một phần vì nghĩ rằng đám người dã man ấy có thể trở thành những kẻ nô lệ vạm vỡ, đắc lực, cho nên Herakles đã can thiệp cứu được một số người bắt làm nô lệ cho mình. Về sau này thì đám người ấy lại âm mưu ám sát Herakles, cho nên y phải đem chúng ra hành huyết; thế là lại bắt đầu một chuỗi dài những sự chống đối nhau của những kẻ thù truyền kiếp lần này diễn ra trên trái đất.

Xét về sự mật thiết trong mối liên hệ giữa các cá nhân kéo dài trong nhiều trăm kiếp, ta có thể lưu ý thấy rằng từ lúc này trở đi, một số người trong nhóm lớn hơn nhóm 1.200 năm và nhóm 700 năm (số người mà ta có thể gọi là "Thị tộc" để phân biệt với nhóm lớn hơn); trong khi đã đi khắp mọi xứ sở trên thế giới thì nói chung vẫn tụ tập với nhau và nhất là Sỉrius thì ta thấy hiếm khi nào chịu kết hôn bên ngoài vòng nhóm nhỏ ấy. Xét tổng quan thì ta lưu ý thấy rằng đôi khi có sự qui tụ của trọn cả Thị tộc ấy chẳng hạn như ở Kim môn thành khi Mars làm vua, ở Peru khi Mars là Hoàng đế, ở vùng lục địa gần Bạch đảo dưới quyền cai trị của Đức Bàn Cổ, trong các phân chủng thứ hai và thứ ba lúc khởi nghiệp và lúc di dân – ta chỉ kể ra vài ví dụ trong số nhiều ví dụ, Herakles té ra là một loại người ưa chinh chiến đeo bám theo Mars; Sirius là loại người hiếu hòa hơn liên tục theo gót Mercury, Alcyone cũng giống như vậy cùng với Mizar. Tuy nhiên có nhiều người thuộc về nhóm lớn hơn mà chúng ta rất quen thuộc trong thời sơ khai thì dường như đã bị rơi rớt dọc đường cho nên chúng tôi không gặp họ trong kiếp này; một số người có thể hiện nay còn đang ở trên cõi trời. Hội Thông Thiên Học là một ví dụ khác về việc qui tụ cũng các Thị tộc này, những người nào đến với nó vào mọi lúc thì đều là bạn cũ. Lại có một số người như Corona mãi tới nay còn đang chờ dịp thuận tiện để được lâm phàm.

Các chuyến tàu tiếp tục cập bến trong một thời gian dài, chỉ ngưng lại khi xảy ra thảm họa năm 75.000 trước Công nguyên; như vậy việc phát biểu đóng cửa không cho loài thú ngoi lên thành người chỉ hiển nhiên áp dụng cho trường hợp chúng chưa phát triển được thể Thượng trí. Những con khỉ có hình người mà H. P. Blavatsky bảo là vẫn còn được phép nhập vào xác người vốn thuộc về giới động vật của Mặt trăng chứ không phải giới động vật của Trái đất; chúng chiếm hữu những cơ thể do loài người "không có trí gây ra tội lỗi", chúng chính là những con khỉ đột, hắc tinh tinh, đười ươi, khỉ lớn và vượn. Ta có thể tìm thấy chúng ở châu Phi và chúng có thể nhập thể nơi những giống dân thuộc loại Lemuria rất thấp kém hiện nay vẫn còn tồn tại.

Khi trở về tới năm 220.000 trước Công nguyên nơi Kim môn thành thì ta thấy Mars cai trị ở đó trên cương vị là Hoàng đế được kế thừa tước hiệu "Minh Vương" vốn được truyền thừa từ các bậc đại Điểm đạo đồ thời sơ khai đã cai trị trong quá khứ. Mercury là bậc Đạo trưởng đứng đầu Quốc giáo. Thật đáng lưu ý khi ta thấy hai đấng này cùng bên nhau trải qua nhiều thời đại; người luôn luôn là nhà Cai trị, Chiến sĩ, người kia luôn luôn là nhà Giáo dục, Tu sĩ. Có một sự kiện cũng rất đáng lưu ý là chúng tôi chưa bao giờ thấy Mars chiếm một xác nữ trong khi Mercury thỉnh thoảng có mang xác nữ.

Vào lúc đó Thị tộc đã qui tụ được nhiều người. Hoàng thái tử bây giờ là Vajra, còn quan chỉ huy đội Cấm vệ quân là Ulysses, xưa kia đã từng thành công khi trấn đóng nơi biên ải. Đội cấm vệ quân này là một đạo binh được ưu tuyển ngay cả lính thường cũng thuộc giới thượng lưu và có trách nhiệm bảo vệ cung đình; người ta giả định rằng chúng không phải đi xa chinh chiến mà đúng hơn là chỉ nghênh ngang trong những bộ đồng phục lộng lẫy, hộ tống bậc quân vương trong khi có nghi lễ để cho thêm phần huy hoàng. Tuy nhiên sau này khi Ulysses chết đi thì Vajra lại trở thành thủ lĩnh của Cấm vệ quân, y thuyết phục vua cha cho phép mình đem quân đi tuần tiểu và tham gia chiến dịch; vốn luôn luôn là một kẻ hiếu động, ngồi yên một chỗ không được, y không bằng lòng sống cảnh xa hoa phô trương cho nên đám lính dưới quyền y vốn ngưỡng mộ y vì lòng can đảm và máu phiêu lưu cũng sẵn lòng đánh đổi những tấm hộ tâm kính bằng vàng lấy những chiếc áo giáp chinh chiến hà khắc hơn. Trong số đó ta thấy có một nhóm người thuộc Thị tộc: Herakles có mặt cùng với Pindar, Beatrix, Gemini, Capella, Lutetia, Bellona. Apis, Arcor, Capricorn, Theodoros, Scotus và Sappho. Herakles có ba tên thị đồng là ba thanh niên Tlavatli bị cha của mình bắt làm tù binh và giao cho y coi sóc là Hygeia, Bootes và Alcmene. Đám lính rõ rệt là rất quậy, buông thả trong những cuộc chè

chén hoan lạc, rồi phá phách khắp thành thị, nhưng chúng có công là biết tôn trọng học thức, biết kính trọng các vị tu sĩ và hộ pháp cho những nghi lễ tôn giáo coi đó là một phần trong bổn phận đối với Cung đình. Chúng có một bộ luật danh dự nào đó trong nội bộ và giữ rất nghiêm nhặt, bao gồm cả việc bênh vực người yếu. Nhà chúng cũng thanh nhã theo kiểu thời thượng mặc dù chưa xứng hợp với các ý tưởng thời nay. Cái chết của Ulysses tức thủ lĩnh đội Cấm vệ quân không thể diễn ra mà không ai chú ý, vì nó liên quan tới những sự ràng buộc không thể xóa bỏ được giữa ba nhân vật chính yếu hữu quan. Hoàng đế Mars đã giao phó cho vị thủ lĩnh Cấm vệ quân việc chăm sóc con trai của mình là Vajra, một chàng trai liều mạng và táo bạo; lúc bấy giờ ở Kim môn thành đã chín muồi những âm mưu nguy hiểm và việc bắt cóc được bản thân Hoàng Thái tử ắt là một chiến công hiển hách đối với những kẻ âm mưu. Vì thế cho nên Ulysses không cho phép Hoàng Thái tử đi ra khỏi phạm vi Cung đình, điều mà chàng thanh niên này rất ghét. Có một ngày, vị thủ lĩnh Cấm vệ quân và Hoàng Thái tử đang ngồi cách không xa Cung đình bao nhiêu thì một nhóm kẻ âm mưu rất liều lỉnh bò vào núp đằng sau một số bụi rậm và đột nhiên nhảy bổ vào hai người trên. Hoàng Thái tử bị đánh cho bất tỉnh, nhưng Ulysses đứng giang chân chiến đấu dũng cảm chống lại những kẻ tấn công rồi kêu cứu. Người ta đã nghe thấy tiếng kêu của y cho nên khi y máu me đầm đìa gục xuống trên xác của người chủ còn trẻ tuổi sau khi bị đâm nhiều vết thương thì một số lính trong đám Cấm vệ quân ùa tới và đám âm mưu co giò bỏ chạy. Hai cái xác mê man được để lên cáng khiên vào ngay trước tận Ngai vàng trong Cung điện nơi Hoàng đế đang ngự và đặt dưới chân ngài. Vị thủ lĩnh Cấm vệ quân đang hấp hối nhướng mắt lên nhìn Hoàng đế thều thào: “Tâu bệ hạ, xin tha lỗi cho tôi, thần đã làm hết sức mình”.

Đức Vua cúi xuống, nhúng ngón tay vào máu đang trào ra từ ngực của người thủ lĩnh Cấm vệ quân, ngài dùng ngón tay thấm máu ấy dí vào trán của người đang hấp hối, vào trán của chính mình và bàn chân của mình rồi vang vang thốt lên lời nói sau đây trong im lặng : “Nhờ vào máu đã được chảy ra phục vụ cho ta và con của ta, sự ràng buộc giữa chúng ta sẽ chẳng bao giờ bị cắt đứt. Hỡi kẻ tôi tớ và người bạn trung thành, ngươi hãy an tâm lìa trần”.

Những lời ấy khi lọt đến tai của người hấp hối đã trở thành nghễnh ngãng cũng đủ làm cho Ulysses mỉm cười từ giả cõi đời. Hoàng Thái tử còn trẻ tuổi chỉ bị bất tỉnh cho nên sau đó lại hồi sinh. Và sự ràng buộc ấy đã kéo dài hết thiên niên kỷ này tới thiên niên kỷ khác để trở thành sự ràng buộc giữa Chơn sư và đệ tử, mãi mãi không thể chia lìa được.

Trong một thời kỳ dài thì cuộc đời của Herakles chẳng có gì đáng chú ý. Khi y mang xác đàn ông thì đó là những cuộc đời đầy chinh chiến, còn khi mang xác đàn bà thì cuộc đời ấy sinh đẻ biết bao nhiêu đứa con.

Việc tà thuật lan tràn ở châu Atlantis đã dẫn tới cuộc đại thảm họa thứ nhì vào năm 200.000 trước Công nguyên, chỉ để lại di tích là một hòn đảo khổng lồ Ruta và Daitya của một đại lục đã từng nối liền châu Âu, châu Phi với châu Mỹ. Các hòn đảo này còn tồn tại mãi cho tới tai biến vào năm 75.025 trước Công nguyên, tai biến ấy đã nhận chìm chúng dưới mặt nước của đại dương mà giờ đây ta gọi là Đại tây dương. [5].

Trong vòng 100.000 năm sau thời điểm 200.000 năm trước Công nguyên, châu Atlantis rất thịnh vượng, xây dựng nên một nền văn minh hùng mạnh nhưng rất xa hoa. Trung tâm của nó ở Kim môn thành – tên này vẫn còn được duy trì – nhưng nó đã bành trướng ra khắp thế giới tới cả tận Phi châu lẫn phương Tây. Khốn thay, tiếp theo cùng với sự bành trướng văn minh này cũng có sự phổ biến kiến thức giúp người ta kiểm soát được thiên nhiên mà khi được dùng vào mục đích ích kỷ thì lại trở thành tà thuật.

Các thành viên của Thị tộc cũng ít nhiều giáng lâm trong giống dân này, đôi khi sinh ra trong những gia đình dính mắc sâu vào đó rồi lại ly khai, đôi khi nấn ná cùng với nó để bị ô nhiễm thêm một chút. Ở đây ta có thể ghi chép lại một số kinh nghiệm của Alcyone đã thường làm cho y đau khổ dưới dạng những giấc mơ trong những kiếp sau này [6].

Chúng xảy ra vào một kiếp ở thời điểm khoảng 100.000 năm trước Công nguyên. Lúc bấy giờ Corona là Minh vương ở Kim môn thành; Mars là tướng dưới quyền của Corona, còn Herakles là vợ của Mars. Người ta có âm mưu một cuộc nổi loạn, một người có kiến thức kỳ lạ độc ác – một vị Hắc diện Tinh quân kết bè với đám Tinh linh hắc ám trên Trần thế tạo thành "Vương quốc Pan" gồm những sinh linh nửa người nửa thú vốn là nguyên bản của thần Dê trong thần thoại Hi Lạp – dần dần tụ tập được xung quanh mình một đội quân hùng hậu tôn y lên làm Vua, Vua của Mặt trời Nửa đêm, Vua U minh nổi loạn chống lại Minh vương. Tục thờ cúng mà y lập nên với bản thân y là ngẫu tượng trung tâm – những ảnh tượng lớn của chính y được đặt trong đền thờ vốn đầy tham dục và quậy phá khiến cho người ta tha mãn được những cơn đam mê đầy thú tính. Ngược lại với Hang động Chính đạo để được Điểm đạo nơi Kim môn thành, y lại lập nên Hang động Tối đen để cử hành những

bí pháp của Pan, tức là vị thần Trần tục. Tất cả đều diễn ra hướng tới một cuộc đại thảm họa khác.

Cách đây chừng 120 kiếp, Alcyone là con của một người theo những nghi thức quái đản ấy của phái thờ cúng hắc ám, nhưng bản thân Alcyone lại lãnh đạm vì cảm thấy dội lại trước những cuộc hoan lạc đầy thú tính đã ràng buộc đa số những tín đồ. Nhưng tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa, y lại rơi vào cái bẫy mồi chài do sắc đẹp của phụ nữ và chuốc lấy một số phận bi thảm. Ta có thể tường thuật lại câu chuyện ấy vì nó soi sáng cho tình huống sau này khi Quần tiên hội đã tuyên cáo một số phận nặng nề cho châu Atlantis.

[1] Các thời khoảng này phải chỉ được xem là lâm thời, thời khoảng giữa lúc chết và lúc tái sinh trong nhóm này và nhóm nêu dưới đây chỉ tương đối vào khoảng những con số ấy.

[2] Các Đấng này đã từng một lần là Ngài Thomas More và Thomas Waughan thuộc phái Philalethe.

[3] Trong lịch sử sau này ta biết đó là Julius Cæsar.

[4] Xem lời nói đầu về các tên gọi này và những tên gọi khác.

[5] Người ta thường cho rằng đó là tai biến xấp xỉ vào năm 80 ngàn trước Công nguyên.

[6] Xem Vén màn Bí mật thời gian, tạp chí nhà Thông Thiên Học số tháng 5 năm 1910.

CHƯƠNG IX

TÀ THUẬT Ở CHÂU ATLANTIS

Trích từ CON NGƯỜI: Từ đâu tới, Sinh hoạt ra sao và rồi sẽ Đi về đâu

(MAN: Whence, How and Whither)

Tác giả C. W. Leadbeater - Bản dịch www.thongthienhoc.com

Trích đoạn 1 hồi đoạn

Alcyone đang nằm lim dim trên một bờ suối cỏ xanh mướt thoai thoải dốc xuống một con suối nhỏ chảy róc rách. Khuôn mặt chàng thẩn thờ thậm chí đăm chiêu phản ánh tâm trí chàng đang rối bời. Chàng là con trai trong một gia đình giàu có và đầy thế lực giai cấp tăng lữ, tu sĩ của dòng "Mặt trời Nửa đêm" đã khấn nguyện phục vụ cho các Thần linh của Thế giới U minh mà các tu sĩ mưu tìm trong bóng đêm tối mịt, trong những hang động tối đen dưới mặt đất mà cửa hang dẫn xuống những hành lang càng ngày càng đi xuống những độ sâu chẳng ai biết là bao nhiêu.

Vào lúc này các quốc gia văn minh nhiều nhất ở Châu Atlantis đã chia thành hai phe đối lập: Một phe qui phục cựu Kim môn thành mà họ coi là Thánh đô, duy trì truyền thống thờ cúng của dân tộc mình tức là thờ cúng Mặt trời – Mặt trời đẹp đẻ trong lúc mọc lên, khoác lấy những màu sắc rực rỡ của buổi bình minh, vây quanh là đám thanh niên thiếu nữ rạng rỡ đi theo tùy tùng, Mặt trời ở thiên đỉnh lộng lẫy với sức mạnh chói lòa khi ở ngay đỉnh đầu giữa trời, tỏa những tia sáng rực rỡ đầy sức sống và sức nóng; Mặt trời ngay khi lặn cũng vẫn tưng bừng chạm vào những đám mây với những màu sắc dịu dàng hiếm có nhất và chia tay bằng lời hứa hẹn rồi sẽ trở lại. Dân chúng thờ cúng Mặt trời bằng những vũ điệu đồng ca, bằng hương hoa, bằng những bài hát vui tươi, bằng những đồ hiến tế vàng và đá quí, bằng nụ cười và những bài đồng dao, bằng những trò chơi và những môn thể thao vui thú. Minh vương cai trị đám con của Mặt trời Chói lọi và vẫn duy trì sự cai trị ấy không bị thách đố trong nhiều thiên niên kỷ dài dằng dặc. Nhưng dần dần các vương quốc ngoại biên do những vị phụ tá minh vương cai trị đã trở nên độc lập và chúng bắt đầu liên kết với nhau thành một liên bang, tụ tập xung quanh một người đã xuất hiện trong đám thần dân, một nhân vật đáng chú ý nhưng đầy ác ý.

Người này tên là Oduarpa có bản chất đầy tham vọng và quỉ quyệt; y đã nhận thức được rằng để cho liên bang được ổn định ngỏ hầu đương đầu với Minh vương thì

mình cần phải cầu viện tới tà thuật, giao ước với cư dân của Thế giới U minh và lập nên một tục thờ cúng thu hút thiên hạ bằng những khoái lạc của giác quan và những quyền năng quỉ quái âm u mà nó đặt vào trong tầm tay của các cao đồ tà đạo. Do giao ước ấy, bản thân y có thể kéo dài tuổi thọ tới một thời kỳ bất bình thường và khi lâm chiến y khiến cho gươm đao không đâm thủng được mình bằng cách làm hiện ra một áo khoác kim loại phủ lên trên thân hình, nó gạt phắc những vũ khí đi chẳng khác nào một áo giáp bằng kim loại. Y nhắm tới quyền lực tối cao và đang ngon trớn đạt tới mức ấy, y mơ ước mình sẽ ngồi chễm chệ trên ngai vàng trong Cung điện của Kim môn thành.

Cha của chàng thanh niên mà ta đang nói tới là một trong những người bạn thân cận nhất của Oduarpa, biết được các âm mưu của y và cả hai đều hi vọng rằng chàng thanh niên ấy sẽ hiến mình để xúc tiến tham vọng của cha ông. Nhưng chàng trai lại có những mơ ước hi vọng của riêng mình được âm thầm ấp ủ trong nội tâm; qua linh ảnh vào ban đêm, chàng đã thấy khuôn mặt uy nghi của Mars, một vị tướng dưới quyền của Hoàng đế Corona; Mars nhìn đăm đăm bằng đôi mắt đầy ý khuất phục và sâu sắc khiến cho chàng nghe vọng được từ xa những lời lẽ sau đây: “Alcyone, con thuộc về phe ta, là thần dân của ta và chắc chắn con sẽ đến với ta khi biết con thuộc về phe ta. Đừng cam kết thệ nguyện với những kẻ thù của ta vì con thuộc về phe ta”. Và chàng đã thệ nguyện là thần dân, là chư hầu cho vị chúa tể ấy.

Alcyone đang nghĩ tới điều đó khi chàng nằm mơ màng bên bờ suối thì lại có một ảnh hưởng khác tác động lên chàng, làm cho dòng máu của chàng nóng lên chạy rần rần trong huyết quản. Bất mãn với việc chàng thờ ơ về sự thờ cúng – thậm chí còn dội lại với việc ấy, ngay cả với những nghi thức bề ngoài là hiến tế thú vật và dâng rượu lễ - cha chàng và Oduarpa đã lên kế hoạch lôi kéo chàng vào các bí pháp ấy qua sự quyến rũ của một cô gái tên là Cygnus; cô xinh đẹp và da ngâm ngâm đen như bầu trời nửa đêm rải rác ánh sao, cô yêu chàng say đắm nhưng cho đến nay chưa chinh phục được trái tim của chàng trai trẻ bằng những trò mồi chài của mình. Giữa đôi mắt long lanh đầy tham dục của cô với ánh mắt đã bị si tình hết một nửa của chàng vẫn lượn lờ cái khuôn mặt rực rỡ trong linh ảnh của chàng và chàng lại nghe văng vẳng tiếng thì thào gây xao xuyến: “Con thuộc về phe ta”.

Tuy nhiên, về lâu về dài thì cho đến nay cô cũng đã chinh phục được chàng – cô đã bị mẹ của mình, quả thật là một mụ phù thủy, thuyết phục về nhiệm vụ ấy khi bảo cô rằng chỉ mỗi một mình cô mới có thể chiếm trọn được tình yêu của chàng trai

ấy – bằng cách khiến chàng hứa hẹn là phải đi theo cô xuống các hang động dưới đất trong đó người ta cử hành các nghi thức pháp thuật thu hút đám cư dân ở cõi U minh xuất đầu lộ diện để thu thập được kiến thức bị cấm đoán biến hình người thành ra hình thú, như vậy tạo cơ hội để cho buông thả những cơn đam mê đầy thú tính tiềm ẩn nơi con người, những nỗi đam mê dâm dục và sát sinh. Cygnus đã tác động lên tâm hồn chàng với tài khéo mà chính nỗi đam mê của cô nghĩ ra đã quạt lửa cho sự lãnh đạm của chàng, quả thật nó chẳng được bền lâu nhưng cũng đủ ấm theo kiểu lửa rơm trong khi đang tồn tại. Và cho đến nay thì cơn đam mê ấy đang bùng cháy nơi chàng và khả năng cám dỗ của cô đã lôi cuốn được chàng. Đó là vì cô vừa mới chia tay với chàng sau khi dụ dỗ chàng hứa hẹn sau khi mặt trời lặn sẽ đến gặp cô gần hang động nơi cử hành các bí pháp; và chàng đang trăn trở giữa nỗi ao ước đi theo cô và sự dội lại trước những quang cảnh mà chàng phỏng đoán là người ta trông mong chàng sẽ tham gia vào. Mặt trời đã lặn dưới đường chân trời và bầu trời đã tối đen trong khi Alcyone vẫn còn nằm mơ màng; chàng nhún vai bắt đầu lê chân nhưng giờ đây chàng đã quyết định và quay gót hướng về nơi hò hẹn.

Chàng rất đổi sửng sốt khi thấy một đám đông đáng kể đã tụ tập ở địa điểm ấy; cha chàng đã ở đó cùng với các tu sĩ bằng hữu, còn Cygnus trên đầu có một vầng trăng lưỡi liềm là biểu hiệu của cô dâu và một đoàn phù dâu vây quanh, tất cả đều mặc xiêm y mỏng bằng the có đính các ngôi sao mà người ta có thể nhìn thấy xuyên qua đó đôi tay chân mềm mại màu ngâm ngâm sáng bóng lên; một đoàn thanh niên bằng tuổi chàng trong số đó chàng nhận ra có những người bạn thân thiết nhất của mình cũng đang chờ đợi, mặc quần áo bằng da thú có lốm đốm, dùng những cái chủm chọe bạc vỗ vào nhau khi họ nhảy múa xung quanh chàng giống như đám thần đồng quê.

Họ reo vang: “Hoan hô Alcyone, con cưng của Mặt Trời Tối Đen, con cháu của Đêm đen! Xem này, Mặt trăng và các Ngôi sao đang chờ đợi mi. Nhưng trước hết mi phải đoạt được nàng từ tay chúng ta là những người đang bảo vệ nàng”.

Thình lình nàng vuột ra khỏi tầm tay của đám vũ sinh rồi chui tọt vào trong bóng tối âm u của cái hang động đang há hốc miệng ra trước mặt; còn Alcyone bị người ta túm lấy, lột hết quần áo rồi quẳng cho chàng một lớp quần áo bằng da giống như những người khác; đê mê, điên dại, chàng ù té chạy đuổi theo nàng giữa tiếng cười la và tiếng reo hò: “Hay quá, chàng thợ săn trẻ tuổi hãy nhanh chân lên kẻo những con chó săn sẽ quật ngã con nai của chàng”.

Sau vài phút, Alcyone cùng với đám đông hò reo bám theo chàng sát gót đã chạy ùa ra những hang động phía ngoài để đi tới một sảnh đường rộng lớn chói lòa ánh sáng đỏ như son. Giữa sảnh đường nhô lên một cái tán khổng lồ màu đỏ lốm đốm những vết lớn phản xạ ánh sáng giống như những tia máu lửa lóe lên; bên dưới cái tán ấy là một ngai bằng đồng có cẩn vàng, phía trước đó là một vực sâu há hoác miệng ra từ đó lóe lên những lưỡi lửa nhợt nhạt gầm gừ. Những đám khói nhang kỳ quặc nặng nề lấp đầy bầu không khí làm đê mê điên dại.

Đám đông đẩy chàng tới trước và chàng lọt vào một cơn lốc các vũ công đang say sưa cuồng loạn hò reo, quẳng vào bầu không khí những tiếng lượn lờ xung quanh cái ngai có che tán và kêu rống lên: “Oduarpa! Oduarpa! Xin hãy xuất hiện, chúng tôi đang ngóng trông ngài!”.

Một tiếng sấm nho nhỏ bắt đầu gầm lên trong hang động rồi càng ngày càng lớn lên và chấm dứt bằng một tiếng sấm dễ sợ ngay trên đỉnh đầu; những ngọn lửa bốc lên và ngay giữa những ngọn lửa ấy hiện ra hình dáng uy nghi của Oduarpa với pháp y màu xám như thép, oai vệ, nghiêm trang với khuôn mặt long trọng, thậm chí ủ rủ như gương mặt của một vị Tổng thiên thần sa đọa nhưng đầy uy dũng với lòng kiêu hảnh bất khuất và sự quả quyết cứng như sắt thép. Oduarpa ngồi chễm chệ trên ngai trong suốt diễn trình sau đó, im lặng và ủ rủ không tham gia vào đám náo nhiệt; y vẫy tay và thế là cơn hoan lạc cuồng dại bắt đầu, những vũ công man dại nhất tắm mình trong ngọn lửa đang táp qua bờ vực thẳm tung họ lên cao trên không trung. Alcyone đã nhác thấy Cygnus giữa đám thanh niên và thiếu nữ, chàng điên cuồng kích động chạy ùa về hướng của nàng; nàng lẫn trốn, đám hộ tống nàng cản trở chàng khiến cho chàng chỉ mới chạm vào nàng thì nàng đã lách người vuột khỏi tay chàng. Cuối cùng thì vừa thở hổn hển vừa nổi cơn hoang dại, chàng tuyệt vọng lao vào nàng, còn đám đông hộ tống chạy cười như nắc nẻ; mỗi chàng trai ôm lấy một cô gái, chàng nhảy bổ vào Cygnus ôm gọn nàng trong vòng tay mình.

Cơn hoan lạc càng ngày càng trở nên man dại, đám nô lệ xuất hiện mang theo những vại khổng lồ chứa rượu mạnh cùng với một đám khác mang theo những chiếc ly uống rượu. Đã say vì men rượu lại thêm hóa dại vì chạy lồng lên cho nên người ta bị ánh sáng nhợt nhạt nhận chìm vào trong cơn nhá nhem của dục vọng cháy rực. Tốt hơn là ta không nên kể tiếp cảnh hoan lạc ấy nữa.

Nhưng xem này, từ cái hành lang mà Oduarpa xuất hiện lại có một đám rước man rợ; những con vật hai chân lông lá xồm xoàm, tay dài nhưng chân có móng vuốt,

đầu thú nhưng tóc lại lòa xòa xỏa xuống vai ghê tởm, gây khiếp hãi, không phải là người thế nhưng làm cho con người phải rùng mình. Chúng cầm trong bàn tay có móng vuốt của mình những ve thuốc và những hộp dầu xoa; và khi hòa lẫn vào đám vũ công man dại nhất chúng chìa những thứ ấy ra cho đám khách mua vui đang nổi cơn lên vì đã uống nhiều rượu và thỏa cơn dâm dục. Những người này thoa dầu xoa trong hộp lên tay chân của mình, uống nước trong ve và xem này họ nằm lăn ra bất tỉnh ngổn ngang trên mặt đất; nhưng từ mỗi đống người ngổn ngang ấy bốc lên một hình thú vật, gầm gừ như đang vồ mồi, bay vút ra khỏi hang động biến dạng vào đêm đen của bầu trời bên ngoài.

Những vị Thần linh chánh đạo giúp cho người đi bộ du lịch gặp gỡ những sự hiện hình của trung giới này y như ma quỉ, dữ tợn và vô lương tâm như loài thú, độc ác và quỉ quyệt như loài người! Nhưng những vị Thần linh chánh đạo đang yên ngủ cho nên chỉ có đám chư hầu của Mặt Trời Nửa Đêm, loài ma quái, yêu tinh và đủ thứ tà vạy khác là được xổng chuồng. Khi đám tạo vật ấy quay lại thì mép của chúng nhỏ những giọt máu, da của chúng lấm lem những vết dơ; trước khi buổi bình minh ló dạng thì chúng lại phủ phục lên những hình người đang nằm ngổn ngang trên sàn của hang động, chìm vào trong đó rồi biến mất.

Thỉnh thoảng Oduarpa lại tổ chức những cuộc truy hoan như thế và dùng chúng để gia tăng sự thống trị của mình đối với thần dân; y lập nên những nghi thức tương tự ở nhiều nơi, ở đâu bản thân y cũng là nhân vật trung tâm, trở thành một đối tượng thật sự được sùng bái và dần dần qui tụ lại thần dân trung thành với mình cho đến khi được thừa nhận là Vua. Y quan hệ với các cư dân của thế giới U minh – như ta có nói trước kia – thời ấy nó được gọi là 'Vương quốc Pan' khiến cho y có thêm nhiều quyền lực, y có những người phụ tá đáng tin cậy - gắn bó với y vì cùng chung sự hiểu biết và có tham gia vào những điều ghê tởm ma quái của cõi ấy – họ sẵn sàng nhanh chóng thi hành mệnh lệnh của y.

Cuối cùng thì y cũng thành công, tụ tập được một đạo quân hùng mạnh và bắt đầu một cuộc trường chinh chống lại Minh vương, tiến công về phía Kim môn thành. Y hi vọng sẽ chinh phục và làm người ta khiếp sợ chẳng những bởi các cuộc tấn công dữ dội với những vũ khí mà còn bởi sự khủng khiếp gieo rắc qua đám đồng minh ác ôn cùng với việc đám phù thủy tà đạo biến hình như ma quỉ thành ra dạng thú vật. Bản thân y có một đội vệ binh là những con thú pháp thuật vây quanh mình, là những hình tư tưởng dục vọng đầy quyền năng làm hiện hình ra thể xác, canh gác y và nuốt chửng bất cứ ai đến gần y với ý đồ thù nghịch. Khi chiến cuộc đang

hồi bất phân thắng bại thì Oduarpa đột nhiên tháo củi xổ lồng cho đám đồng minh ma quỉ này tấn công kẻ thù mình, chúng sẽ ùa ra nhe nanh giương vuốt gieo rắc sự hoảng loạn trong đám đối thủ đang bị sửng sốt như trời trồng. Khi quân thù bỏ chạy thì y phái những loài ma quỉ nhanh chân này đuổi theo và đội quân phù thủy cũng biến thành những hình dạng thú ngấu nghiến xác người chết.

Thế là y cứ thẳng đường tiến bước lên chinh phục miền bắc cho đến khi y tới gần Kim môn thành nơi đồn trú cuối cùng của đạo quân Minh vương. Alcyone chiến đấu trong quân đội như một người lính, một phần là do bùa mê thuốc lú, thế nhưng vẫn tỉnh táo để đau nhói trong lòng trước những cảnh xung quanh; còn Cygnus với những người phụ nữ khác cũng đi theo đám binh lính để hỗ trợ. Khi đến ngày chiến đấu quyết định đã ló dạng thì đạo quân triều đình do chính Minh vương Corona dẫn đầu, và cánh quân bên tay phải dưới quyền chỉ huy của vị tướng thân tín nhất của Minh vương là Mars. Đêm hôm trước, một lần nữa Alcyone lại thấy linh ảnh và nghe thấy tiếng nói thân thương: "Alcyone, con đang chiến đấu chống lại vị chúa tể thật của mình, ngày mai con sẽ gặp ta, mặt đối mặt. Bấy giờ con hãy bẻ gãy thanh gươm phản loạn của mình rồi qui phục theo ta; con sẽ chết bên cạnh ta và như vậy lại tốt hơn".

Và điều ấy quả thật đã xảy ra. Đó là vì trong trận chiến khốc liệt, khi quân đội của triều đình phải qui hàng, Minh vương bị giết chết thì Alcyone nhìn thấy tướng Mars (khuôn mặt hiện ra trong linh ảnh của mình) dũng cảm chiến đấu nhưng mãnh hổ nan địch quần hồ. Chàng kêu thét lên, bẻ gãy thanh gươm của mình, chụp lấy một ngọn giáo lao mình vào phía sau lưng Mars, hung tợn thọc ngay ngọn giáo xuyên qua một tên lính đang đánh tập hậu Mars. Vào lúc đó Oduarpa giận điên lên bèn đột kích Mars từ sau lưng và bằng một tiếng kêu vang vọng qua suốt chiến trường, y triệu tập Cygnus, dùng bùa mê nhanh chóng biến nàng thành một con thú dữ tợn, nhe nanh xông vào Alcyone đang bất tỉnh vì mất máu. Nhưng ngay khi hành động như vậy tình yêu suốt đời nàng đã lộ ra từ trong linh hồn Cygnus để cứu nàng vì tình yêu dào dạt ấy đã biến hình dạng một con thú thù ghét về mồi trở lại thành một phụ nữ đang yêu say đắm và với nụ hôn tiều tụy sắp lâm chung trên khuôn mặt hấp hối của Alcyone nàng trút hơi thở cuối cùng.

Herakles (vợ của Mars) bị Oduarpa bắt làm tù binh trong trận tấn công Kim môn thành để hoàn tất chiến công; nàng đã công phẩn đẩy lùi sự tiến bước của y và chụp lấy một con dao găm dùng hết sức bình sinh đâm vào y. Con dao găm trượt qua cái áo giáp kim loại của y khiến y cười khanh khách, quật nàng xuống đất làm nhục

nàng trong khi nàng đang nằm bất tỉnh: khi nàng hồi tỉnh thì y triệu tập những con thú khủng khiếp và chúng xé toạc nàng ra từng mảnh rồi nuốt nàng ngấu nghiến.

Oduarpa đăng quang trên một đống xác chết, vây quanh là đám vệ binh thú vật và nửa người nửa thú, y lên ngôi hoàng đế ở Kim môn thành, tiếm đoạt tước hiệu Minh vương đã bị ô uế. Nhưng chiến thắng của y chẳng được bao lâu vì Đức Bàn Cổ Vaivasvata đã tổ chức một đạo quân hùng hậu mở cuộc trường chinh chống lại y; chỉ nội sự có mặt của Ngài cũng khiến cho đám công dân của vương quốc Pan phải co giò bỏ chạy, trong khi Ngài hủy diệt những hình tư tưởng nhân tạo do tà thuật tạo ra. Một cuộc chiến thắng áp đảo đã làm tan tác đạo quân của hoàng đế Oduarpa, bản thân y bị nhốt trong một cái tháp mà y đã trốn vào đó trong cuộc tháo chạy tán loạn. Tòa tháp bị nổi lửa đốt, y chết khốn khổ, theo sát nghĩa là y bị đun nóng tới chết bên trong chiếc áo giáp bằng kim loại mà y đã làm hiện hình ra.

Đức Bàn Cổ Vaivasvata tẩy trược cho Kim môn thành, tái lập quyền cai trị cho Minh vương ở đó, giao chức vụ này cho một người đáng tin cậy để phục vụ Quần Tiên Hội. Mọi chuyện cũng chỉ tốt đẹp được một thời gian rồi dần dần phe tà lại chiếm được quyền lực và trung tâm phía nam một lần nữa lại mạnh lên cho đến khi cuối cùng thì cũng chính vị Hắc diện tinh quân tái sinh một lần nữa, lại chiến đấu chống vị Minh vương đương thời rồi tiếm vị ngai vàng. Thế là vị Thủ lĩnh của Quần Tiên Hội phải phán truyền lệnh tận diệt và phần Bình Luận Huyền Bí có tường thuật như sau: “Bậc Đại vương có Khuôn Mặt Sáng Ngời” – Minh vương – gửi thông điệp cho các vị thủ lĩnh anh em: “Hãy chuẩn bị, các Con của Chánh pháp, hãy đứng lên băng ngang qua đất liền khi nó vẫn còn khô ráo”. “Thần trượng của bốn Đấng Thiên tôn” đã được giơ lên. “Đã đến giờ, đêm đen đã sẵn sàng”. “Những đấng phục vụ cho bốn vị Thiên tôn” cảnh báo dân chúng của mình và nhiều người đã trốn thoát. “Các vị vua đến với thần dân trong những chiếc Vimanas [4] và chở họ tới xứ sở của lửa và kim loại (ở phía đông và phía bắc)” [5]. Những đợt hơi nổ, lụt lội và động đất đã hủy diệt Ruta và Daitya tức là những hòn đảo lớn của Châu Atlantis vốn là di tích của đại thảm họa năm 200.000 trước Công nguyên, chỉ có đảo Poseidonis là còn sống sót, đó là di tích cuối cùng của một lục địa đã từng một thời khổng lồ tức Châu Atlantis. Hai đảo Ruta và Daitya bị hủy diệt năm 75.025 trước Công nguyên khi nó cuối cùng bị chôn vùi trong lòng đại dương.

CHƯƠNG X

NỀN VĂN MINH ATLANTIS [1]

Trích từ CON NGƯỜI: Từ đâu tới, Sinh hoạt ra sao và rồi sẽ Đi về đâu

(MAN: Whence, How and Whither)

Tác giả C. W. Leadbeater

www.thongthienhoc.com

Các phân chủng của dân ATLANTIS cư trú ở nhiều xứ và đã xây dựng được nhiều nền văn minh rực rỡ. Ai Cập, Mesopotania, Ấn Độ, Bắc và Nam Mỹ, đều biết tới dân Atlantis; cáic Đế quốc mà họ dựng nên trường tồn rất lâu và đạt tới một trình độ huy hoàng mà dân Aryan chưa từng đạt tới. Các Chương từ XI tới XIII viết về Peru và xứ Chaldea trong tác phẩm này trình bày di tích của nền văn minh rực rỡ ấy và có thể thêm vào một số chi tiết bổ sung.

Ông Scott Elliot miêu tả Kim môn thành lừng danh như sau:

" Vây quanh thành thị là một lâm viên quốc gia đẹp vô cùng. Rải rác trên một vùng rộng lớn có những biệt thự của lớp người giàu có. Ở phía Tây là một rặng núi nơi người ta lấy ra nước cung cấp cho thành thị. Bản thân thành thị được xây dựng trên dốc của một ngọn đồi vươn cao hơn vùng bình nguyên khoảng chừng 500 bộ Anh. Trên đỉnh đồi là cung điện của Minh vương cùng với những khu vườn ở giữa có một suối nước không bao giờ cạn phun lên, trước hết là cung cấp cho cung điện và các vòi nước trong vườn, rồi từ đó chảy theo bốn hướng rớt xuống những cái thác chảy vào một con kênh hoặc một hào nước xung quanh đất đai của cung điện, do đó ngăn cách đất đai với thành thị nằm ở phía bên dưới về mọi hướng. Từ con kênh lớn này có bốn con kênh nhỏ dẫn nước quanh bốn khu phố của thành thị, đến lượt chúng lại chảy xuống thác cung cấp nước cho một kênh dẫn khác chảy vòng quanh ở một độ cao thấp hơn. Có ba kênh dẫn như thế tạo thành các vòng tròn đồng tâm, kênh ngoài cùng và thấp nhất vẫn còn ở cao độ so với vùng bình nguyên. Con kênh thứ tư ở độ cao thấp nhất nhưng ở trên một bình nguyên hình chữ nhật tiếp nhận

nước thường xuyên chảy xuống và đến lượt nó lại xả nước ra biển. Thành thị trải rộng trên một phần của bình nguyên, mãi cho tới bờ mép của hào nước lớn phía ngoài cùng, hào nước này chạy xung quanh nó và bảo vệ nó bằng một đường dẫn nước chảy dài khoảng 12 dặm trên diện tích 10 dặm vuông.

Như vậy, ta ắt thấy rằng thành thị được chia làm ba vành đai lớn, mỗi vành đai có những con kênh viền xung quanh. Đặc trưng của vành đai trên (vốn nằm ngay bên dưới mặt đất của cung điện) là một đường vòng tròn để chạy đua và các công viên rộng lớn. Hầu hết nhà cửa của các quan chức thuộc triều đình cũng nằm trên vành đai này, và ở đây ta cũng có một định chế mà thời nay không có điều gì tương ứng. Thuật ngữ "Nhà của người lạ' gợi ý cho ta thấy dáng vẻ tối tàn và môi trường xung quanh dơ dáy, nhưng đây lại là một dinh thự mà mọi khách xa lạ đến thăm thành thị có thể cư trú tùy ý bao lâu cũng được – lúc nào cũng được tiếp đải như là thượng khách của Chính quyền. Biệt thự của cư dân và các đền thờ khác rải rác khắp thành thị ở trên hai vành đai khác. Vào thời dân Toltec rất thịnh vượng thì dường như thật ra không có người nghèo khó – ngay cả bầu đàn thê tử của dân nô lệ phục vụ cho hầu hết gia đình cũng đều được cơm no áo ấm – nhưng có một số nhà tương đối nghèo ở vành đai thấp nhất về hướng Bắc cũng như phía bên ngoài của con kênh ngoài cùng hướng ra biển. Cư dân ở vùng này hầu hết là làm nghề liên quan tới tàu bè, nhà cửa của họ mặc dù riêng rẽ nhưng được xây dựng gần kề nhau hơn so với những vùng khác.

Có những thị trấn lớn khác được xây dựng trên vùng bình nguyên được bảo vệ bằng những con đê đất khổng lồ thoai thoải hướng về thị trấn và đôi khi được đắp thành nền trong khi ở mặt bên ngoài thì chúng đối diện với những phiến kim loại dài kẹp vào nhau. Những phiến này được nâng trên các đà gỗ lớn mà cột thẳng đứng xuyên sâu vào trong lòng đất, khi đã định vị được những thứ này, liên kết nó với những xà ngang nặng nề thì người ta gắn vào đó những phiến kim loại lợp chồng lên nhau giống như lớp vảy, thế rồi khoảng trống giữa công trình bằng đất và hàng rào được đổ đầy đất rồi đầm nén chặt. Toàn thể tạo thành một hàng rào hầu như không xuyên thủng được đối với gươm giáo, cung tên vốn là những vũ khí thông dụng thời đó. Nhưng một thành thị như thế tất nhiên chỉ chịu sự tấn công từ bên trên và dân Atlante tiến hành việc chế tạo ra các phi thuyền – ngày nay ta gọi là máy bay – đạt mức đỉnh cao tuyệt diệu; và nếu một đô thị như vậy bị tấn công thì người ta phóng những con chim sắt này lên bay lượn trên không, thả bom xuống thành thị, nó bung ra giữa không trung, phun ra một trận mưa hơi độc nặng nề hủy diệt sự sống của con người. Người ta có nói bóng gió tới những thứ này trong các cuộc xung

đột được tường thuật lại nơi các anh hùng thi vĩ đại và kinh Puranas của người Ấn độ. Họ cũng có những vũ khí phóng ra những chùm tên đầu bốc lửa, rải rác đó đây khi chúng bay vèo vèo qua không trung giống như các hỏa tiển gây sát thương và nhiều vũ khí khác thuộc loại tương tự, tất cả đều được kiến tạo bởi những con người am tường về các ngành tri thức khoa học, cao cấp. Nhiều thứ vũ khí được miêu tả trong những quyển sách rất cổ nêu trên và người ta bảo rằng một số các Đấng cao cả đã ban cấp chúng. Kiến thức cần thiết để kiến tạo vũ khí chẳng bao giờ được công khai.

Chế độ điền địa của người Toltec sẽ được miêu tả ở các chương viết về Peru và việc không có đói nghèo, dân chúng nói chung an cư lạc nghiệp chủ yếu là do được cung cấp bởi một nền giáo dục sơ cấp phổ cập. Toàn thể hệ thống chính quyền đều được đấng Minh triết hoạch định vì lợi ích của tổng thể chứ không do các giai cấp đặc biệt vun vén cho lợi ích của riêng mình. Vì thế cho nên phúc lợi nói chung vô cùng cao hơn các nền văn minh hiện đại.

Khoa học đã tiến xa, vì việc sử dụng thần nhãn là chuyện bình thường, các quá trình trong thiên nhiên mà hiện nay hầu hết mọi người không thấy được thì thời đó dễ dàng quan sát. Việc ứng dụng vào nghệ thuật và tiểu thủ công nghiệp cũng thật là phong phú và hữu dụng. Các tia nắng đi xuyên qua kính màu được dùng để kích thích sự tăng trưởng của thực vật và động vật; việc trồng trọt theo khoa học được tiến hành cẩn thận để cải thiện các giống đầy triển vọng; người ta có làm thí nghiệm về việc lai giống; nghĩa là cho lúa mì lai giống với đủ thứ loại cỏ để tạo ra các loại mễ cốc khác nhau; còn việc toan tính tạo ra loài ong tò vò từ ong thường; và kiến trắng từ kiến thường tỏ ra không được như ý muốn [2] .

Quả chuối không có hột được tiến hóa ra từ loài tổ phụ giống như dưa gang cũng có rất nhiều hột chẳng khác nào dưa gang. Khoa học thời đó đã biết tới các lực mà hiện nay kiến thức về chúng đã thất truyền; một trong các lực ấy được dùng đẻ đẩy cả phi thuyền lẫn tàu thủy; một lực khác được dùng để biến đổi mối quan hệ của các vật thể nặng với trái đất sao cho trái đất sẽ đẩy chúng chứ không hút chúng, nhờ vậy khiến cho việc nâng những tảng đá khổng lồ lên một độ cao chót vót là chuyện dễ như trở bàn tay. Các lực tinh vi hơn những lực này không được ứng dụng theo kiểu máy móc mà được kiểm soát bằng quyền năng ý chí và sử dụng cơ chế đã được phát triển và hiểu biết đầy đủ về cơ thể con người vốn là “một cái đàn vina có cả ngàn dây”.

Người ta sử dụng nhiều kim loại và rèn đúc chúng được rất đáng hâm mộ; vàng bạc và hợp kim vàng đồng là những thứ được dùng nhiều nhất để trang sức và làm đồ gia dụng. Người ta thường chế tạo ra chúng bằng khoa luyện kim đan thay vì tìm kiếm trong vỏ trái đất; người ta cũng rất thường dùng nghệ thuật du nhập chúng vào các hệ thống trang trí nội thất để cho thêm phần phong phú, tiến hành với những màu sắc rực rỡ. Người ta dùng chúng để cẩn vào các áo giáp đủ thứ màu sặc sỡ; quần áo được diện trong những bộ đồ vía mặc đi đám rước hoặc trong những nghi lễ thường làm bằng kim loại quí, vào dịp đó người ta đội mũ bằng vàng, mặc áo giáp che ngực và bộ giáp che chân lên trên những chiếc áo thụng và những đôi vớ có màu sắc rực rỡ nhất – màu đỏ thắm, màu cam và một màu đỏ tía rất đẹp.

Thức ăn khác nhau đối với những giai cấp khác nhau. Đại khối quần chúng ăn thịt, cá và ăn cả loài bò sát – có lẽ người ta không nên nói ngay cả loài bò sát khi nhớ tới con rùa của các vị tổ phụ trong Thành thị. Xác của một con thú với bộ đồ lòng được xẻ ra ở vùng ngực và vùng bụng rồi treo lủng lẳng trên một đám lửa lớn; khi người ta đã nướng chín nó thì nó được lấy ra khỏi lửa, moi bộ đồ lòng ra đặt trên đĩa cho đám người tương đối thanh nhã hơn, còn đám dân hạ tiện hơn thì tụ tập xung quanh đám xương xẩu còn lại; thọc tay vào trong chọn lựa những món ngon – kiểu làm ăn này đôi khi xảy ra cãi nhau; phần còn lại được vứt đi hoặc quẳng cho gia súc, thịt thú được coi là đồ cúng tế. Các giai cấp cao hơn cũng ăn uống tương tự như vậy, nhưng đám trực tiếp thuộc về Triều đình thì chè chén bí mật hơn. Vị Minh vương và những người thân cận với Ngài dĩ nhiên chỉ ăn thực phẩm gồm có mễ cốc nấu theo đủ kiểu, rau, quả và sữa; người ta uống sữa dưới dạng chất lỏng hoặc chế biến thành nhiều thứ kẹo. Người ta cũng dùng nước trái cây phần lớn là làm đồ uống. Chúng tôi quan sát thấy một số vị cận thần và chức sắc trong triều đình, nơi chốn công khai cũng tham gia ăn uống đạm bạc như vậy, nhưng rồi lại lén lút lặng lẽ chuồn vào phòng riêng thưởng thức những món ăn ngon hơn, trong số đó có cá cũng ngon miệng không kém gì thời nay, đóng vai trò nổi bật.

Chính quyền vốn chuyên chính và vào thời oanh liệt của nền văn minh Toltec dưới triều Minh vương thì không có một hệ thống nào hay hơn đối với dân chúng; nhưng khi quyền năng không bị kiểm soát mà các Ngài vận dụng được trao vào tay những linh hồn non trẻ hơn thì bắt đầu có sự lạm dụng và nhiều chuyện rắc rối xảy ra, bởi vì ở đây cũng như bất cứ nơi nào khác dột từ trên nóc dột xuống, thượng bất chính hạ tắc loạn. Hệ thống này gồm những vị Thống đốc chịu trách nhiệm về phúc lợi và hạnh phúc cho tỉnh của mình, nếu có tội ác hoặc nạn đói xảy ra thì coi như là do họ sơ xuất hoặc bất lực. Họ được tuyển dụng chủ yếu từ giai cấp thượng lưu, nhưng

những đứa trẻ đặc biệt có triển vọng được nhà nước biệt phái đi học các trường cao cấp để được huấn luyện phục vụ Quốc gia, bất cứ khi nào chúng được phát hiện ra. Bất kỳ chức vụ nào trong nhà nước cũng không phân biệt giới tính như hiện nay [3]. Sự giàu có và xa xỉ gia tăng tột bực dần dần đã làm phương hại cho nền văn minh rực rỡ nhất mà thế giới đã từng chứng kiến. Tri thức bị bại hoại để phục vụ cho lợi ích cá nhân và việc kiểm soát những quyền năng thiên nhiên thay vì để phục vụ cho con người thì té ra lại dùng để áp bức con người. Vì thế cho nên Châu Atlantis mới bị sa đọa mặc dù những thành tựu của nó thật là huy hoàng và những Đế quốc của nó thật là hùng mạnh. Thế là việc lãnh đạo thế giới lại được trao cho Giống dân sinh sau đẻ muộn của nó là dân Aryan; mặc dù trong quá khứ giống dân này có uy tín đã đạt được nhiều thành tựu hoành tráng nhưng nó vẫn chưa đạt tới tột đỉnh vinh quang và quyền lực cho nên trong vòng vài thế kỷ sắp tới, nó sẽ vươn lên cao hơn cả Châu Atlantis lúc đạt được thời oanh liệt.

Chúng tôi đã chọn hai nền văn minh sinh sau đẻ muộn: cách xa trung tâm chính yếu của Căn chủng thứ tư – một là hậu duệ của phân chủng thứ ba Toltec, còn một là phân chủng thứ tư Turania – để trình bày một bức tranh tỉ mỉ và sinh động hơn về mức thành tựu của dân Atlante. Những nền văn minh này không phải là một phần trong cuộc khảo cứu thực hiện vào mùa hè năm 1910 rồi ghi thành biên niên sử trong quyển sách này; chúng được thực hiện vào thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ 19 do sự hợp tác của những tác giả quyển sách này với một số hội viên khác nữa Hội Thông Thiên Học mà chúng tôi xin được phép giấu tên. Một trong những tác giả quyển sách này trình bày chúng dưới dạng các bài báo trên *Tạp chí Thông Thiên Học* và ở đây là in lại những bài báo này vào đúng chỗ coi như một phần của một tác phẩm bao quát hơn.

---

[1] Ta có thể đọc thấy phần tường trình rất hay về đề tài này trong *Câu chuyện Atlantis* của W. Scott Elliot. Các tác giả của quyển sách ta đang đọc cũng thuộc nhóm người hợp tác với W. Scott Elliot để thu thập tài liệu trong đó đã được sắp xếp và trình bày rất hay; vì vậy chúng tôi rất quen thuộc với vùng đất này.

[2] Lúa mì, ong và kiến được các Hỏa đức Tinh quân mang từ Kim tinh sang, và việc lai giống các giống này với các giống đã tồn tại trên trái đất tao ra những kết quả nêu trên. Tình hình thiên nhiên phụ trách về một số bộ môn tiến hóa trong giới động vật và thực vật cũng tự thân toan tính bắt chước với những tài nguyên thuần túy trên trái đất trong tầm tay của mình mô phỏng theo những thứ được nhập

khẩu từ một hành tinh khác. Nỗ lực của chúng chỉ thành công có một phần và chịu trách nhiệm về một số kết quả không thỏa đáng nêu trên.

[3]Ta nên nhớ rằng việc loại phụ nữ ra khỏi quyền lực chính trị ở nước Anh chỉ bắt đầu khi nền dân chủ tăng trưởng do hệ quả của ý niệm nền tảng của chình quyền nên ở nơi sức mạnh thể chất chứ không phải là trí thông minh hoặc tính tình. Đây là điểm thấp nhất trong sinh hoạt chính trị cũng như hệ thống huyền bí là điểm cao nhất

CHƯƠNG XI

HAI NỀN VĂN MINH ATLANTE [1].
Nền văn minh Toltec ở Peru thời xưa năm 12.000 trước Công nguyên.

Nền văn minh của Peru vào thiên niên kỷ thứ 13 trước Công nguyên vốn gần giống với nền văn minh của Đế quốc Toltec lúc cực thịnh đến nỗi mà sau khi đã nghiên cứu kỹ lưỡng thời kỳ ấy thì ở đây chúng tôi sử dụng nó làm thí dụ điển hình cho nền văn minh Atlante. Vào thời châu Atlantis thì Ai cập và Ấn độ cũng là những ví dụ khác, nhưng nói chung là các đặc điểm chính yếu của Đế quốc Toltec được mô phỏng chính xác nhất ở Peru mà ta miêu tả nơi đây. Chính quyền vốn chuyên chế - vào thời đó không thể có chính quyền nào khác.

Muốn chứng minh tại sao như vậy, ta phải hồi tưởng lại một thời kỳ xa xưa hơn nữa tới lúc bắt đầu phân ly Căn chủng lớn thứ tư. Rõ rệt là khi Đức Bàn Cổ và các vị phụ tá của Ngài - các bậc Cao đồ xuất phát từ một cơ tiến hóa cao hơn hẳn – nhập thể trong đám Dân non trẻ mà các Ngài vất vả lắm mới phát triển được, thì đối với đám Dân ấy các Ngài hoàn toàn là chư Thần linh về tri thức và quyền năng, bởi vì các Ngài tiến hóa hơn họ về mọi mặt có thể nghĩ ra được. Trong tình huống như thế thì không thể có một dạng Chính quyền nào khác ngoài dạng chuyên chính, vì đấng Cai trị là người duy nhất thật sự biết mọi chuyện cho nên Ngài phải kiểm soát mọi chuyện. Vì vậy các Đấng Cao cả trở thành những nhà cai trị và dẫn dắt tự nhiên của đám nhân loại còn ấu trĩ, sẵn lòng nghe lời các Ngài, vì người ta công nhận minh triết mang lại quyền lực và đối với kẻ vô minh thì sự trợ giúp lớn lao nhất chính là việc dẫn dắt và huấn luyện họ. Vì thế cho nên mọi trật tự trong xã hội mới đến từ bên trên đi xuống chứ không thể từ dưới đi lên, đó âu cũng là mọi sự trật tự chân chính; khi Giống dân mới lan tràn thì nguyên tắc này vẫn trường tồn và dựa trên cơ sở ấy các vương quyền hùng mạnh của thời xa xưa nhất đã được tạo dựng, trong hầu hết trường hợp – bắt đầu dưới quyền các vị đại Thánh vương với quyền năng và sự minh triết dẫn dắt các Nhà nước còn ấu trĩ trải qua mọi khó khăn khởi đầu.

Thế rồi ngay khi các Đấng Cai trị Thánh vương nguyên thủy đã nhường ngôi cho đệ tử thì vẫn có chuyện xảy ra là người ta vẫn còn hiểu nguyên lý cai trị chân chính cho nên khi một Vương quốc mới được thành lập thì trong hoàn cảnh mới người ta vẫn luôn luôn bắt chước càng giống càng tốt, những định chế huy hoàng mà Minh triết Thiêng liêng đã ban ra cho thế giới. Chỉ khi lòng ích kỷ dâng lên nơi cả đám

dân chúng lẫn nhà cai trị thì dần dần trật tự cũ mới thay đổi và những chỗ cho những cuộc thí nghiệm chẳng lấy gì làm Minh triết, các Chính quyền được gợi hứng bằng lòng tham và sự tham vọng thay vì được linh hứng bằng sự chu toàn bổn phận.

Vào thời kỳ này chúng ta phải bàn tới (12.000 năm trước Công nguyên), các Kim môn thành trước kia đã chìm xuống dưới đáy biển từ nhiều ngàn năm rồi, và mặc dù thủ lĩnh của các vị Vua thuộc Hòn đảo Poseidonis vẫn còn tiếm đoạt cho bản thân cái tước hiệu đẹp đẽ thuộc về họ, nhưng ông không còn giả vờ bắt chước theo các phương pháp Cai trị cho đến nay đã bảo đảm cho họ có sự ổn định vượt ngoài mức số phận thông thường trong phạm vi an bài của con người. Tuy nhiên trước đó vài thế kỷ thì đã có một toán lính làm sống lại – mặc dù dĩ nhiên là trên một qui mô nhỏ hơn nhiều – sinh hoạt của cái hệ thống cổ truyền mà các Vương triều của xứ sở sau này gọi là xứ Peru, và vào lúc mà chúng ta đang nói tới thì sự hồi sinh này đang ngon trớn, có lẽ đã đạt tới tột đỉnh vinh quang mặc dù nó còn duy trì được sự hữu hiệu ấy trong nhiều thế kỷ sau này. Do đó bây giờ ta đang quan tâm tới sự hồi sinh ấy của xứ Peru.

Ta hơi khó lòng trình bày một ý niệm về dáng vẻ bên ngoài của giống dân cư ngụ nơi xứ này, vì không một giống dân nào hiện nay còn tồn tại trên trái đất giống nó đến mức chỉ để gợi ý so sánh mà không khiến cho bạn đọc bị lạc theo hướng này hoặc hướng kia. Ta vẫn còn thấy các đại diện của phân chủng vĩ đại thứ ba thuộc Căn chủng Atlante sinh hoạt trên trần thế nhưng nó bị thoái hóa và lạc hậu so với Giống dân ấy thời oanh liệt. Dân Peru có xương gò má (lưỡng quyền) cao, dáng vẻ chung của khuôn mặt có liên quan tới loại hình cao nhất của dân da đỏ, thế nhưng y đã biến đổi đường nét ấy khiến cho mình hầu như tương tự dân Aryan hơn là dân Atlante; dáng vẻ của y căn bản là khác với hầu hết những người da đỏ thời nay vì y nói năng thành thực, vui vẻ và hòa nhã, còn giai cấp thượng lưu thường tỏ ra nhanh trí và rất tốt bụng. Y có nước da màu đồng thau đo đỏ, nói chung là sáng hơn trong đám giai cấp thượng lưu và sẫm màu hơn trong giai cấp hạ lưu, mặc dù sự lẫn lộn giữa các giai cấp này khiến cho ta khó lòng có thể phân biệt được đến mức ấy.

Bẩm tính của dân Peru nói chung là thoải mái, an phận và hiền hòa. Luật lệ không có bao nhiêu, rất thích nghi và được quản trị khéo léo cho nên dân chúng tự nhiên là tuân thủ pháp luật; khí hậu ở hầu hết đa số mọi nơi đều dễ chịu khiến cho họ có thể không tốn nhiều sức lực cho công việc cày cấy đất đai mà vẫn có được một vụ mùa bội thu khi chỉ cần ra sức vừa phải – khí hậu này khiến cho dân tộc ấy lúc nào

cũng vừa lòng và có bẩm tính tận dụng được hết sinh hoạt của mùa. Rõ rệt là một tâm trạng như thế trong đám thần dân khiến cho những vị cai trị xứ sở này được thuận lợi rất nhiều khi bắt đầu công việc.

Như ta có nhận xét, Vương quyền là tuyệt đối, thế nhưng nó khác hẳn bất cứ thứ gì hiện nay tồn tại cho đến nỗi chỉ nói khơi khơi như vậy không giúp ta hình dung được sự thật ra sao. Mấu chốt của toàn bộ hệ thống này là tinh thần, trách nhiệm. Vừa chắc chắn là có quyền lực tuyệt đối, nhưng cũng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi chuyện; ngay từ những khi mới bắt đầu lên ngôi, Vua đã được rèn luyện để hiểu ra rằng bất cứ nơi đâu trong Đế quốc rộng lớn của mình nếu có xảy ra một loại điều ác nào đó không tránh được – nếu người ta sẵn lòng làm việc mà không kiếm được loại việc nào thích hợp với mình, thậm chí nếu một đứa con nít bị đau mà không được chăm sóc đúng mức – thì nền cai trị của minh bị mất thể diện, sự trị vì của mình mang một vết nhơ và danh dự cá nhân của mình bị hoen ố.

Vua có một giai cấp thống trị lớn phụ giúp mình trong công trình vất vả ấy và chia nhỏ quốc gia khổng lồ ra thành một hệ thống tinh xảo nhất để cai trị cho dễ. Trước hết, Đế quốc được chia thành các tỉnh dưới quyền cai trị của một loại Phó vương, dưới quyền Phó vương lại có cái mà ta có thể gọi là các lãnh chúa ở các quận rồi dưới quyền họ lại có các Thống đốc ở các thành thị hoặc các huyện nhỏ hơn. Mỗi một trong các quan chức này đều chịu trách nhiệm trực tiếp với thượng cấp ngay trên mình về phúc lợi của mọi người dân thuộc quyền cai trị của mình. Sự tế phân trách nhiệm này tiếp diễn mãi cho đến khi tới một loại Bách nhân đội trưởng; một quan chức chăm lo 100 hộ dân và phải chịu trách nhiệm hoàn toàn. Đây là thành viên thấp nhất trong giai cấp thống trị; nhưng về phần mình y cũng thường kiếm người phụ ta bằng cách bổ nhiệm, cứ 10 hộ lại có một người tự nguyện phụ giúp y, cung cấp cho y tin tức sốt dẻo về bất cứ thứ gì cần thiết hoặc bất cứ thứ gì sai trái.[2]

Nếu bất cứ ai trong cái mạng lưới tinh vi ấy của các quan chức mà lơ là bất cứ phần việc nào thì chỉ cần tố cáo với cấp trên trực tiếp của y là tức khắc sẽ bị điều tra vì danh dự của chính cấp trên ấy cũng dính líu tới sự hài lòng và phúc lợi hoàn hảo của mọi người trong phạm vi quản hạt của mình. Thế mà cái sự cảnh giác ngày quên ăn đêm quên ngủ ấy để chu toàn bổn phận công, không hề bị áp đặt bởi luật pháp nhiều (mặc dù dĩ nhiên phải có luật pháp) mà chủ yếu là do ý thức cộng đồng của giai cấp thống trị - một ý thức gần giống như danh dự của một nhà quí tộc quân tử, một sức mạnh lớn lao hơn mệnh lệnh của bất cứ luật lệ bên ngoài nào từng đạt tới được, bởi vì thật ra đó là sự triển khai của một luật lệ cao siêu hơn trong nội bộ

- đây là mệnh lệnh của chơn ngã đã thức tỉnh đối với phàm ngã về một đề tài nào đó mà mình *thừa biết.*

Ta ắt thấy rằng như vậy là ta được giới thiệu về một hệ thống xét theo mọi mặt hoàn toàn trái ngược với mọi ý tưởng đã được tiếm đoạt nhân danh cái gọi là sự tiến bộ hiện đại. Yếu tố khiến cho một chính quyền dựa trên cơ sở ấy hoạt động hữu hiệu chắc là sự tồn tại một công luận sáng suốt trong mọi giai cấp của cộng đồng – công luận này mạnh mẽ và dứt khoát thâm căn cố đế đến nỗi khiến cho bất cứ ai hầu như cũng không thể lơ là bổn phận của mình với Nhà nước. Bất cứ kẻ nào lơ là bổn phận sẽ bị coi là kẻ thiếu văn minh, không xứng đáng với đặc quyền đặc lợi làm công dân trong đại "Đế quốc" những Đứa Con của Mặt trời mà dân Peru bước sơ khai đã tự xưng như vậy; người ta sẽ coi y là một thứ gì đó cũng dễ sợ và đáng thương như một kẻ bị rút phép thông công ở Âu Châu thời trung cổ.

Do tình trạng sự việc này – vốn xa lạ với bất cứ thứ gì hiện nay đang tồn tại đến nỗi ta khó lòng mà quan niệm nổi – mới nảy ra một sự kiện khác mà hầu như ta cũng khó lòng ngộ ra được. Ở xứ Peru thời xưa hầu như không có luật lệ, do đó cũng không có nhà tù; thật vậy hệ thông trừng phạt và chế tài của ta dường như hoàn toàn vô lý đối với quốc gia mà ta đang nghĩ tới. Dưới mắt các công dân của Đế quốc thì cuộc sống ở đây là cuộc sống duy nhất đáng sống; nhưng ta phải hoàn toàn hiểu rõ rằng mọi người giữ địa vị trong cộng đồng này chỉ với điều kiện là y hoàn thành bổn phận đối với nó. Nếu một người không chu toàn bổn phận về bất cứ phương diện nào (một diễn biến hầu như ít nghe nói tới vì áp lực của công luận mà ta đã miêu tả như trên), quan chức phụ trách về địa phương ấy sẽ phải giải trình theo như mong đợi, và nếu khi được khảo sát mà người ấy tỏ ra đáng trách thì quan chức ấy sẽ chê trách người đó. Bất cứ điều gì giống như việc triền miên lơ là bổn phận ắt được xếp vào hàng những điều vi phạm quỉ quái chẳng hạn như giết người hoặc trộm cắp; và đối với tất cả những điều ấy thì chỉ có sự trừng phạt duy nhứt là lưu đày.

Thuyết mà sự qui định này dựa vào đó vốn cực kỳ đơn giản. Người Peru chủ trương rằng dân văn minh khác dân dã man chủ yếu ở chỗ y thừa hiểu và chu toàn một cách thông minh các bổn phận của mình đối với Nhà nước mà y tạo thành một đơn vị; nếu một người *không* chu toàn bổn phận thì y tức khắc trở thành một nguy cơ đối với Nhà nước, y tỏ ra là mình không xứng đáng tham gia vào phúc lợi của nó, do đó y bị trục xuất khỏi xứ ấy để bị bỏ mặc sống trong những bộ lạc dã man bên rìa Đế quốc. Thật vậy, có lẽ đặc trưng cho thái độ của dân Peru về vấn đề này chính

là lời lẽ mà ngôn ngữ của họ biểu thị các bộ lạc ấy khi ta dịch theo nghĩa đen là "đám sống ngoài vòng pháp luật".

Tuy nhiên chỉ hiếm khi mới cần phải cầu viện tới biện pháp cực đoan là lưu đày, trong hầu hết trường hợp thì các quan chức đều được kính yêu cho nên chỉ một quan chức nói gần nói xa, nói bóng nói gió cũng đủ khiến cho kẻ có đầu óc nổi loạn ấy trở về với đường ngay lẽ phải. Ngay cả một số ít bị lưu đày cũng không có nghĩa là vĩnh viễn bị trục xuất ra khỏi quê hương, sau một thời kỳ nào đó, họ lại được phép trở về tập sự ở địa vị lẫn lộn trong đám người văn minh và một lần nữa được hưởng mọi quyền công dân ngay khi đã tỏ ra là xứng đáng.

Trong số nhiều chức năng của các quan chức (họ được gọi là cha) có bao gồm cả chức năng thẩm phán, mặc dù hầu như không có luật lệ theo nghĩa mà ta thường gán cho từ ngữ này; có lẽ họ tương ứng gần gũi hơn với ý niệm của ta về trọng tài. Mọi sự tranh cãi nảy sinh giữa người và người đều được di lý lên họ; và trong trường hợp này cũng như mọi trường hợp khác, bất cứ ai cảm thấy bất mãn với một quyết định đều có thể kháng án lên viên chức cấp cao hơn, sao cho trong phạm vi có thể được thì một vấn đề gút mắc có thể được đệ trình lên chính đức Vua.

Người ta làm hết sức mình để cho dân chúng có thể dễ dàng tiếp cận với các quan chức cao cấp và một phần kế hoạch được an bài cho một mục đích này côt ở việc tạo ra một hệ thống kinh lý tinh xảo. Cứ mỗi 7 năm một lần thì chính đức Vua lại vi hành trên khắp Đế quốc mình vì mục đích ấy; cũng như vậy Thống đốc của một tỉnh phải tuần du trên địa bàn tỉnh mỗi năm, và đến lượt các thuộc cấp phải thường xuyên tận mắt xem xét tất cả những gì diễn tiến tốt đẹp đối với những người thuộc thẩm quyền của mình và tạo mọi cơ hội cho bất cứ ai muốn tham khảo ý kiến hoặc kháng án với mình. Đủ thứ sự tiến bộ của các quan chức và triều đình được thực hiện một cách đáng kể và luôn luôn là dịp để cho thần dân hết sức vui mừng.

Ít ra thì hệ thống này của Chính quyền cũng khá giống như hệ thống thời nay bằng cách chọn theo một hệ thống hoàn chỉnh tỉ mỉ đăng ký bao gồm khai sinh, hôn thú và khai tử được xếp thành mục lục một cách chính xác cẩn trọng với những thống kê biên tập thời đó hoàn toàn theo kiểu thời nay. Mỗi bách nhân đội trưởng có bản ghi chép chi tiết tên của tất cả những người do mình phụ trách, mỗi người có kèm theo một biển nho nhỏ trên đó ghi lại những diễn biến chính trong cuộc đời lúc mới xảy ra. Đến lượt y báo cáo cho cấp trên không phải là tên tuổi mà là con số - bao nhiêu người bệnh, bao nhiêu người khỏe mạnh, bao nhiêu người sinh ra, bao nhiêu người chết đi v.v ... - và những báo cáo nhỏ này dần dần tích tụ lại, được tổng kết

khi chúng được chuyển càng ngày càng lên cao theo cái tôn ti trật tự viên chức ấy mãi cho tới khi bảng tóm lược tất cả cứ định kỳ được dâng lên hết cho nhà vua; như vậy vua là một người thường xuyên kiểm kê Đế quốc của mình lúc nào cũng sẵn có trong tầm tay.

Còn một điểm tương tự nữa giữa hệ thống thời xưa và hệ thống thời nay; đó là việc đất đai được đo đạc, phân chia và nhất là phân tích một cách cực kỳ cẩn thận – mục đích chính yếu của mọi sự điều tra này là khám phá thành phần cấu tạo chính yếu của đất đai ở mọi nơi trong xứ sở để cho ta có thể trồng trọt loại hoa màu thích hợp nhất và nói chung tận dụng được đất đai nhiều nhất. Thật vậy ta có thể nói rằng hầu như việc nghiên cứu đó gắn liền một cách quan trọng hơn với cái mà nay ta gọi là nền nông nghiệp hợp khoa học hơn hẳn bất cứ đường lối công tác nào khác.

Điều này đưa ta trực tiếp tới việc xét có lẽ là định chế đáng chú ý nhất trong mọi định chế của giống dân cổ xưa này, đó là hệ thông đất đai của nó. Những sự an bài độc nhất vô nhị này thích hợp tuyệt vời với xứ sở đến nỗi giống dân thấp hơn nhiều mà hàng ngàn năm sau này đi chinh phục và bắt làm nô lệ đám hậu duệ bị thoái hóa của dân Peru, cũng cố gắng tiến hành nó càng nhiều càng tốt và đám người xâm lược Tây ban nha cũng bị kích động thán phục trước những di tích của nó vẫn còn hoạt động hữu hiệu vào lúc họ tới xứ sở này. Cho dù ta có thể hoài nghi việc một hệ thống như thế có thể được tiến hành thành công ở những xứ sở đông dân hơn hẳn và đất đai kém phì nhiêu, nhưng dù sau đi nữa nó vẫn hoạt động chủ yếu vào cái thời và cái nơi mà ta thấy nó đang tác động. Bây giờ chúng tôi phải cố gắng giải thích hệ thống này; để cho được rõ ràng, trước hết chúng tôi chỉ bàn tới những nét đại cương của nó thôi và dành nhiều điều có tầm quan trọng sinh tử sẽ được bàn tới trong những đề mục khác.

Vậy là mọi thị trấn hoặc làng mạc đều được qui định sẽ được cày cấy một số lượng nào đó đất đai canh tác được ở địa phận xung quanh số lượng này tỉ lệ chính xác với số dân. Trong đám dân số thì bất cứ trường hợp nào cũng có một số lớn người làm việc được chỉ định để cày cấy đất đai, quả thực đó là cái mà ta có thể gọi là giai cấp nông dân; chẳng phải mọi người khác đều không biết cày bừa, nhưng những người này được dành riêng cho cái loại công việc đặc biệt ấy. Sau này ta sẽ giải thích cách tuyển dụng giai cấp nông dân; bây giờ ta chỉ cần nói rằng mọi thành viên đều là những người trong độ tuổi còn sung sức từ 25 tới 40 tuổi, không có người già hoặc con nít, người đau ốm trong hàng ngũ những người ấy.

Đất dai được dành cho canh tác đối với bất kỳ làng mạc cho sẵn nào trước hết được chia thành hai nửa mà chúng ta có thể gọi là tư điền và công điền. Cả hai nửa này đều phải được giới nông dân canh tác, tư điền vì lợi ích cá nhân chính họ, còn công điền vì lợi ích cộng đồng. Điều này có nghĩa là việc canh tác công điền có thể được coi như thay thế cho việc đóng thuế và nộp tô trong Nhà nước hiện đại. Dĩ nhiên người ta ngay tức khắc nảy ra ý tưởng cho rằng thuế gì mà tương đương với một nửa lợi tức của con người hoặc chiếm dụng một nửa thời gian hoặc năng lượng của y (trong trường hợp này thì đằng nào cũng thế); thật đúng là sưu cao thuế nặng một hệ thống bất công nhất. Xin bạn đọc hãy chờ cho đến khi mình biết được thuế thu được dùng để làm gì và nó đóng vai trò thế nào trong sinh hoạt quốc gia trước khi y kết án nó là một sự áp đặt đầy áp bức. Y cũng nên nhận thức được rằng kết quả thực tế của qui tắc ấy tuyệt nhiên không hề khắc khe; việc canh tác cả công điền lẫn tư điền không có nghĩa là làm việc quần quật nhiều hơn nhà nông ở nước Anh; đó là vì trong khi ít nhất hai lần mỗi năm nó đòi hỏi phải có một số tuần làm việc đều đặn từ sáng bảnh mắt cho tới nửa đêm thì cũng có những thời khoảng dài khi mọi điều cần thiết có thể dễ dàng được thực hiện bằng cách mỗi ngày chỉ làm việc hai tiếng đồng hồ.

Tư điền mà chúng ta bàn tới trước hết được chia cho cư dân một cách công bằng nghiêm ngặt nhất. Mỗi năm sau khi đã gặt hái xong, một số lượng đất đai nhất định được phân bổ cho người lớn bất kể là nam hay nữ, mặc dù mọi việc trồng trọt đều do đàn ông thực hiện. Vậy là một người đàn ông đã kết hôn nhưng không có con ắt có được hai lần nhiều hơn người đàn ông độc thân; một góa phụ cũng với chẳng hạn như hai cô con gái đã lớn chưa gả chồng ắt được gấp ba lần người đàn ông còn độc thân; nhưng khi một trong các cô con gái được gả chồng thì phần của cô cũng được vu qui theo cô, nghĩa là nó được lấy đi của cha cô để chuyển sang cho chồng cô. Đối với mỗi đứa trẻ sinh ra từ một cặp vợ chồng thì người ta dành cho chúng thêm một phần nhỏ bổ sung, số lượng này tăng dần khi đứa trẻ lớn lên – ý định của lộ trình này là mỗi gia đình luôn luôn có được số đất đai cần thiết để tự túc được.

Một người có thể làm bất cứ thứ gì mình chọn với miếng đất của mình ngoại trừ trường hợp bỏ hoang đất. Y phải bắt nó sinh ra một loại hoa màu nào đấy, nhưng chừng nào y còn mưu sinh được từ đất đai thì mọi chuyện khác là chuyện riêng của y. Đồng thời lời khuyên ân cần nhất của giới chuyên gia luôn luôn phục vụ cho y khi cần thiết để cho y không thể biện bạch là mình dốt nát nếu việc chọn giống của y tỏ ra không thích hợp. Một người không thuộc về giai cấp nông dân chuyên nghiệp – nghĩa là người này không mưu sinh bằng cách trồng trọt mà mưu sinh

bằng cách khác – có thể hoặc là canh tác mảnh đất của mình vào lúc rảnh rỗi hoặc dùng một thành viên của giai cấp nông dân làm phụ với mình để canh tác đất đai; nhưng trong trường hợp mướn người làm ruộng thì hoa màu không thuộc về người được cấp đất nguyên thủy mà thuộc về người thực sự canh tác. Sự kiện qua việc này một người nông dân thường xuyên tự nguyện làm việc gấp đôi, là một bằng chứng nữa cho thấy số lượng lao động qui định thực ra là một nhiệm vụ rất nhẹ nhàng.

Thật là thú vị khi ta có thể ghi chép lại nhiều cảm xúc tốt đẹp và phúc lợi luôn luôn biểu hiện qua công trình nông nghiệp này. Người nào gia đình đông con do đó có một mảnh đất khác thường ắt luôn luôn trông cậy được vào sự trợ giúp tử tế của những người láng diềng ngay khi họ đã hoàn thành nhiệm vụ nhẹ nhàng hơn của chính mình, và bất cứ ai có lý do xin nghỉ phép đều chẳng bao giờ thiếu một người bạn thế chỗ cho mình trong khi vắng mặt. Ta không đề cập tới việc đau ốm vì những lý do sẽ xuất hiện ngay đây thôi.

Còn về phần xử lý nông sản thì chẳng có khó khăn gì cả. Hầu hết mọi người chọn việc trồng ngũ cốc, rau quả mà bản thân họ có thể dùng làm thực phẩm; số còn dư họ sẵn lòng bán hoặc đổi chác lấy quần áo hoặc những hàng hóa khác; cùng lắm thì chính quyền luôn luôn sẵn sàng mua bất cứ số lượng ngũ cốc nào được rao bán, theo giá cố định, hơi thấp hơn giá thị trường một chút, để trử nó trong những kho lúa khổng lồ luôn luôn thóc đầy bồ trong trường hợp đối phó với nạn đói hoặc trong trường hợp khẩn cấp.

Nhưng bây giờ ta hãy xét tới cách xử dụng nông sản của nửa kia đất trồng trọt mà chúng ta đã gọi là công điền. Bản thân công điền lại được chia thành hai phần bằng nhau (do đó mỗi phần biểu diễn 1/4 lượng đất đai canh tác được trong xứ sở) một phần được gọi là đất của Vua, một phần được gọi là đất của Mặt trời. Và theo luật thì đất của Mặt trời phải được cày cấy trước nhiên hậu người ta mới được rẩy cỏ trong tư điền của mình; khi cày cấy đất Mặt trời xong thì người ta được trông mong canh tác trên mãnh đất riêng của mình và chỉ sau khi mọi chuyện còn lại đã được thực hiện an toàn thì y mới bị yêu cầu đóng góp phần canh tác đất của Vua. Điều này để cho nếu thời tiết xấu bất ngờ làm trì trệ vụ mùa thì phần thiệt hại trước hết là Vua lãnh hết trừ phi có một vụ mùa cực kỳ bất lợi đôi khi cũng ảnh hưởng tới phần đất riêng của người ta; trong khi đó đất của Mặt trời được bảo đảm an toàn nhất trong hầu hết mọi tình huống khả dĩ có thể bị thiếu hụt trong vụ gặt.

Đối với vấn đề tưới tiêu nước (luôn luôn là một vấn đề quan trọng ở xứ này vì một phần lớn đất đai rất khô cằn) người ta cũng luôn luôn tuân thủ thứ tự nêu trên nếu đất của Mặt trời chưa được cấp nước đầy đủ thì không một giọt chất lỏng quí báu nào được dẫn sang bất cứ nơi khác, nếu tư điền của mọi người chưa có đủ lượng nước cần thiết thì đất của Vua sẽ không có nước. Sau này ta sẽ hiểu rõ lý do tại sao lại an bài như thế, khi ta biết được nông sản của đủ thứ cách phân chia này được sử dụng ra sao.

Như vậy ta ắt thấy rằng nhà vua thu tóm một phần tư toàn thể tài sản của xứ sở (bởi vì trong trường hợp tiền bạc bắt nguồn từ chế biến công nghiệp hoặc chế biến hầm mỏ thì việc ăn chia cũng như thế; trước hết là 1/4 dành cho Mặt trời rồi tới 1/2 dành cho công nhân rồi tới 1/4 còn lại dành cho Vua. Thế thì Vua làm gì với cái lợi tức khổng lồ ấy?

Một là Vua duy trì toàn bộ guồng máy Chính quyền mà ta đã đề cập tới. Vua trả lương cho toàn bộ giai cấp quan chức – từ những vị Phó vương oai vệ ở các tỉnh lớn xuống mãi tới các Bách nhân đội trưởng tương đối hèn mọn – chẳng những trả lương mà còn bao cấp luôn cho đủ thứ cuộc kinh lý và vi hành.

Hai là từ mớ lợi tức ấy Vua thực thi mọi công trình công chánh của Đế quốc mà di tích của một số công trình này mãi 14.000 năm sau vẫn còn làm cho chúng ta hiện nay phải trầm trồ ca ngợi. Những con đường tuyệt vời nối liền thành thị này với thành thị khác, nối liền thị trấn này với thị trấn khác xuyên suốt Đế quốc, được đào xuyên qua núi đá hoa cương, có cả những chiếc cầu khổng lồ bắc ngang qua những rảnh nước hầu như không thực hiện nổi, hàng loạt những cống dẫn nước nguy nga – những chiến công về sự khéo léo kỹ thuật này tuyệt nhiên không thấp hơn trình độ thời nay, chúng khiến cho người ta có thể đưa dòng nước mang lại sự sống lan tràn tới tận những ngóc ngách xa xôi nhất ở một xứ sở thường xuyên bị hạn hán – tất cả những công trình ấy đều được kiến tạo và duy tu bằng những lợi tức do đất đai của nhà Vua đóng góp.

Ba là Vua xây dựng rồi luôn luôn giữ cho thóc đầy bồ với hàng loạt kho thóc khổng lồ được lập nên ở những thời khoảng thường xuyên khắp nơi trong Đế quốc. Đó là vì đôi khi có xảy ra trường hợp không được mưa thuận gió hòa khiến cho nạn đói đe dọa đám nhà nông bất hạnh; do đó có qui tắc là phải luôn luôn tích trữ hai năm lương thực cho toàn quốc – một sự tích trữ lương thực có lẽ chẳng một dân tộc nào khác trên thế giới đã từng toan tính thực hiện. Thế nhưng cho dù nhiệm vụ này thật vĩ đại thì nó vẫn được trung kiên thực hiện bất chấp mọi khó khăn; có lẽ mặc

dù ngay cả quyền lực hùng mạnh của Vua Peru cũng không thể thành tựu được điều ấy, nhưng có một phương pháp để cô đặc thực phẩm vốn là một trong những khám phá của các nhà hóa học đương thời – một phương pháp mà sau này ta sẽ nói tới.

Bốn là từ phần chia ấy Vua dùng để nuôi quân, bởi vì Vua có một quân đội rất thiện chiến mặc dù Vua xoay sở sử dụng quân vì nhiều mục đích khác hơn là việc chỉ chinh chiến mà thật ra có đánh chác gì mấy đâu, vì các bộ tộc kém văn minh hơn xung quanh Đế quốc đều học biết và kính trọng quyền uy của Vua.

Tốt hơn bây giờ ta không nên dừng lại để miêu tả công việc đặc biệt của quân đội mà thay vào đó trong phần còn lại của bản phác họa chính thể Nhà nước cổ xưa này ta cần nêu ra địa vị của Giáo đoàn khổng lồ các tu sĩ Mặt trời, xét về khía cạnh dân sự của công trình giáo sĩ ấy. Đoàn thể này sử dụng mớ lợi tức lớn lao tương đương với số lượng của Vua khi đạt tới mức cao nhất và chắc chắn hơn Vua vì lúc đói kém hoặc trường hợp khan hiếm thì cũng không bị giảm mà đoàn thể này dùng nó làm việc gì?

Quả thật Vua đã tạo được nhiều công đức và phân chia tài sản quốc gia của mình, nhưng thành tựu của Vua chẳng thấm vào đâu so với công lao của các tu sĩ. Một là họ duy trì những đền thờ Mặt trời lộng lẫy trên khắp xứ sở, duy trì chúng ở qui mô sao cho nhiều làng nhỏ cũng có đền thờ với đồ trang sức và trang trí nội thất bằng vàng hiện nay tương đương với nhiều ngàn cân Anh, trong khi những nhà thờ chính ở các thành thị lớn hơn chói lòa vẻ hào nhoáng mà bất cứ nơi đâu trên trái đất cũng chưa bao giờ bì kịp.

Hai là giới giáo sĩ giáo dục miễn phí cho toàn thể tuổi trẻ trong Đế quốc, dù là nam hay nữ - chẳng những là giáo dục sơ cấp mà còn là huấn luyện kỹ thuật chuyên môn khiến cho chúng đều đặn trải qua năm tháng được ứng dụng gắt gao mãi cho tới tuổi đôi mươi và đôi khi còn vượt qua mức đó rất nhiều nữa. Sau này ta sẽ trình bày chi tiết về giáo dục.

Ba là (và đối với các bạn đọc điều này có lẽ dường như chức năng phi thường nhất của giới giáo sĩ) họ chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi người đau ốm. Điều này không có nghĩa là họ chỉ là y sĩ vào thời ấy (mặc dù họ cũng chính là giới người ấy) mà còn có nghĩa là bất cứ lúc nào một người nam nữ hoặc trẻ con bị đau ốm theo bất cứ kiểu gì, thì ngay tức khắc các tu sĩ sẽ chịu trách nhiệm hoặc cách diễn tả dễ thương hơn thì người ấy trở thành khách quí của Mặt trời. Bệnh nhân ngay tức khắc được hoàn toàn miễn khỏi mọi bổn phận đối với Nhà nước; cho đến khi được

hồi phục thì chẳng những thuốc men cần thiết mà ngay cả thực phẩm cũng được qui cấp miễn phí cho y từ đền thờ Mặt trời gần nhất, còn trong trường hợp bệnh nặng thì y thường được nhận vào đền thờ giống như nhập viện để được chăm sóc cẩn thận hơn. Nếu bệnh nhân là cột tru chính của gia đình về sinh kế thì vợ con y cũng trở thành khách quí của Mặt trời cho đến khi y hồi phục. Thời nay mà có sự an bài nào thậm chí chỉ hơi hơi giống như thế ắt hẳn sẽ dẫn tới sự dối trá và giả vờ ốm; nhưng đó là vì cho đến nay các quốc gia hiện đại còn thiếu cái loại công luận sáng suốt và phổ biến khắp nơi khiến cho mọi thứ ấy không thể có được ở xứ Peru thời xưa.

Bốn là – có lẽ phát biểu này được coi là còn gây sửng sốt hơn phát biểu nêu trên – toàn thể dân chúng trên 45 tuổi (ngoại trừ giới quan chức) cũng là khách quí của Mặt trời. Ta nên biết rằng một người đã làm việc 25 năm, từ khi tròn tuổi đôi mwoi – khi lần đầu tiên người ta trông mong y bắt đầu đóng góp vào gánh nặng của Nhà nước – có quyền được nghỉ ngơi thoải mái cho đến hết cuộc đời, cho dù ra sao đi chăng nữa. Do đó khi đã đến tuổi 45, nếu muốn mọi người đều có thể gắn bó với một trong các đền thờ, sống đời tu học hoặc nếu muốn vẫn cứ ở lại với thân nhân như trước kia và tùy ý sử dụng thời giờ nhàn rỗi của mình. Nhưng trong bất cứ trường hợp nào thì y cũng được miễn mọi việc phục vụ cho Nhà nước mà vẫn được giới giáo sĩ Mặt trời cấp dưỡng. Dĩ nhiên người ta tuyệt nhiên không cấm y tiếp tục làm việc bằng bất cứ cách nào như y muốn và thực tế là hầu hết mọi người đều thích làm việc theo một cách nào đó cho dù đấy chỉ là trò tiêu khiển. Thật vậy nhiều công trình khám phá và phát minh có giá trị nhất đều được thực hiện bởi những kẻ được miễn mọi nhu cầu thường xuyên canh tác, tha hồ theo đuổi ý tưởng của mình, thực nghiệm vào giờ nhàn rỗi theo cách mà không một người bận rộn nào có thể làm được.

Tuy nhiên các thành viên của giai cấp quan chức không được nghỉ hưu ở tuổi 45, ngoại trừ trường hợp bị đau ốm; bản thân các tu sĩ cũng không được nghỉ hưu. Ở hai giai cấp này người ta cảm thấy rằng việc có thêm minh triết và kinh nghiệm lão luyện khi tuổi đời chồng chất thật là quá quí báu cho nên không dùng thì uổng; vì vậy trong hầu hết trường hợp thì các tu sĩ và quan chức đều từ trần khi còn đương chức.

Giờ đây ta ắt thấy rõ rằng tại sao công việc của giới tu sĩ lại được coi là quan trọng nhất và tại sao thiếu đến đâu thì thiếu, phần đóng góp vào kho bạc của Mặt trời

không được thiếu hụt vì chẳng những tôn giáo của đân chúng mà công trình giáo dục giới trẻ, việc chăm sóc người đau ốm và già nua cũng đều trông cậy vào đó.

Thế thì hệ thống kỳ diệu này đã có từ lâu rồi thành tựu được như sau: Bảo đảm cho mỗi người nam và nữ được giáo dục rốt ráo, có đủ mọi cơ hội để phát triển đến bất cứ tài năng đặc biệt nào mà mình vốn có, rồi sau đó là 25 năm làm việc – quả thật là đều đặn nhưng chẳng bao giờ có tính cách không phù hợp hoặc làm việc quần quật quá sức – sau đó lại sống một đời được bảo đảm về tiện nghi và thời giờ rảnh rổi, trong đó con người hoàn toàn khỏi phải lo âu hoặc băn khoăn bất cứ điều gì. Cố nhiên là một số người nghèo hơn những người khác, nhưng không có chuyện nghèo khổ như hiện nay ta biết và càng không thể thiếu thốn, hơn nữa tội ác hầu như không có. Có điều kỳ diệu nho nhỏ là việc lưu đày khỏi xứ này bị coi là hình phạt tồi tệ nhất trên trần thế đến nỗi những bộ tộc dã man ở ngoại biên đều muốn sáp nhập vào Đế quốc ngay khi chúng có thể hiểu ra được cái hệ thống kỳ diệu ấy.

Thật thú vị khi ta khảo sát những ý tưởng tôn giáo của người thời xưa. Nếu ta bắt buộc phải xếp loại tín ngưỡng của họ trong số những tín ngưỡng mà giờ đây ta quen thuộc, thì ta ắt phải gọi nó là một loại thờ cúng Mặt trời, mặc dù dĩ nhiên họ chưa bao giờ nghĩ tới việc tôn thờ mặt trời hồng trần. Song le họ coi đó không hẳn chỉ là một biểu tượng; nếu ta cố gắng diễn tả xúc cảm của họ theo thuật ngữ của Thông Thiên Học thì có lẽ ta diễn tả gần đúng nhất khi bảo rằng họ coi mặt trời là thể xác của THƯỢNG ĐẾ; mặc dù điều đó khiến cho họ bị gán cho ý tưởng chính xác mà có lẽ bị coi là bất kính. Họ ắt bảo một người điều tra là họ tôn thờ Tinh thần của Mặt trời mà mọi thứ đều bắt nguồn từ đấy rồi lại trở về đấy – đây tuyệt nhiên trình bày không thỏa đáng được một sự thật vĩ đại.

Dường như họ cũng chẳng có ý niệm rõ rệt nào về thuyết luan hồi. Họ hoàn toàn tin chắc rằng con người vốn bất tử và họ chủ trương rằng số phận cuối cùng của y là đi tới tinh thần Mặt trời – có lẽ để hiệp nhất với Ngài, mặc dù trong giáo huấn của họ không nêu rõ như vậy. Họ biết rằng trước khi đạt được thành tựu tối hậu ấy thì phải có nhiều thời kỳ tồn tại dài dằng dặc nữa, nhưng chúng tôi không thể tìm ra chứng cớ họ nhận thức chắc chắn được rằng bất cứ bộ phận nào của kiếp sống tương lai cũng đều phải được diễn ra trên trần thế trở lại.

Đặc trưng nổi bất nhất của tôn giáo này là tính hoan lạc của nó. Sự phiền não hoặc đau buồn thuộc bất cứ loại nào cũng bị coi là hoàn toàn độc ác và vô ơn, vì người ta dạy nó rằng Đấng thiêng liêng muốn các con của mình được hạnh phúc và Ngài ắt hẳn rất buồn nếu thấy chúng phiền não. Sự chết được coi không phải là dịp khóc

lóc mà đúng hơn là một loạt niềm vui và kính cẩn vì Tinh thần Vĩ đại đã chấp nhận một đứa con khác của mình xứng đáng tiến gần hơn tới mình. Mặt khác cũng theo đuổi ý tưởng ấy, tự tử được coi là cực kỳ khủng khiếp, là một hành vi tự đắc thô bỉ nhất; kẻ nào tự tử đã lao mình vào các cõi cao siêu mà chẳng ai mời gọi và đấng có thẩm quyền duy nhất vì có đủ kiến thức để quyết định vấn đề này xét thấy y chưa xứng đáng với các cõi đó. Nhưng thật ra vào lúc chúng tôi đang viết thì tự tử hầu như chẳng ai biết đến vì dân tộc này xét chung là một giống dân mãn nguyện nhất.

Việc phụng tự công khai của họ có tính cách đơn giản nhất. Hằng ngày người ta tán dương Tinh thần Mặt trời nhưng chẳng bao giờ cầu nguyện, vì họ được dạy cho biết rằng Đấng thiêng liêng biết nhiều hơn hẳn họ về những điều mà họ cần cho phúc lợi của mình – đây là giáo lý mà người ta muốn thấy thiên hạ ngày nay hẳn trọn vẹn hơn nữa. Người ta dâng hoa quả trong các đền thờ, không phải với ý cho rằng Thần Thái dương muốn được phụng tự như thế, mà chỉ là dấu hiệu cho thấy mình chịu ơn tất cả nơi Ngài; đó là vì một trong những thuyết nổi bật nhất thuộc tín ngưỡng của họ làm mọi ánh sáng, sự sống và quyền năng đều xuất phát từ Mặt trời – một thuyết mà những khám phá của khoa học hiện đại đã chứng minh đầy đủ. Vào những dịp đại lễ thì người ta tổ chức những đám rước hoành tráng, các tu sĩ đặc biệt khích lệ và giáo huấn dân chúng; nhưng ngay cả trong những bài giảng này thì đặc điểm chính yếu vẫn là tính đơn giản, giáo huấn được trình bày dưới dạng hình vẽ và dụ ngôn.

Trong quá trình khảo cứu về cuộc đời của một nhân vật đặc biệt, chúng tôi có dịp một lần đi theo y tới một trong những nơi hội họp này, cùng nghe với y một bài giảng mà một vị tu sĩ già tóc bạc phơ thuyết pháp nhân dịp ấy. Bấy giờ người ta thốt ra một vài lời đơn giản có lẽ giúp ta có được ý niệm rõ ràng hơn về cái thần trong cốt cách tôn giáo thời xưa này so với bất kỳ sự miêu tả nào mà chúng tôi có thể đưa ra. Nhà thuyết pháp mặc một loại áo tu sĩ màu hoàng kim vốn là biểu tượng cho chức vụ của mình đứng trên những bực thềm của đền thờ nhìn ra xung quanh đám thính giả. Thế rồi ông bắt đầu nói chuyện với họ bằng một giọng ôn tồn nhưng rổn rảng nói hoàn toàn thân mật giống như cha kể chuyện cho con hơn là một người đăng đàn thuyết pháp.

Ông nói với họ về Đấng Thái dương, kêu gọi họ hãy nhớ mọi thứ mà họ cần dùng cho sự thoải mái của cuộc sống trên cõi trần đều do Ngài cung cấp; nếu không có ánh sáng và sức nóng huy hoàng của Ngài thì thế gian ắt lạnh lẽo và chết cóng rồi, không thể có được mọi sinh linh, tác động của Ngài giúp cho sự tăng trưởng của

hoa trái và ngũ cốc tạo thành thực phẩm chủ lực của họ, ngay cả nước tưới mát vốn là tài nguyên quí báu nhất và cần thiết cho mọi người. Kế đó ông giải thích cho họ biết những người minh triết thời xưa đã dạy rằng đằng sau tác động mà mọi người có thể thấy, có một tác động khác luôn luôn vĩ đại hơn nhưng vô hình, chỉ có thể cảm nhận được bởi những người sống hài hòa theo ý Chúa; Mặt trời xét về một phương diện đã mang lại sự sống cho thể xác thì xét về phương diện khác lại còn hoàn thành một chức năng kỳ diệu hơn nữa đối với sự sống của linh hồn. Ông nêu rõ rằng cả hai tác động này đều hoàn toàn liên tục – mặc dù Mặt trời đôi khi khuất bóng đối với các con của mình trên trần thế, song le nguyên nhân của sự mờ tối đi tạm thời ấy là do tình hình trên trái đất chớ không phải do Mặt trời bởi vì người ta chỉ cần leo lên cao tới đỉnh núi để vượt qua những đám mây che khuất thì lại thấy Ngài bao giờ cũng chói sáng rực rỡ, hoàn toàn không chịu ảnh hưởng của bức màn che dường như dày đặc xiết bao khi ta ngước lên nhìn từ bên dưới.

Do điều này ta mới dễ dàng chuyển sang đề tài sự ngã lòng hoặc nghi ngờ về tâm linh đôi khi dường như làm ta khép kín với những ảnh hưởng cao siêu của linh hồn; và vị thuyết pháp nhấn mạnh niềm tin nhiệt thành của mình chắc chắn rằng mặc dù bề ngoài có trái ngược lại thì ở đây dụ ngôn vẫn có ý nghĩa; các đám mây luôn luôn do chính con người gây ra và y chỉ cần nâng cao mình lên đủ đến mức ngộ ra rằng Ngài không thay đổi thì sức mạnh và sự thánh thiện tâm linh lúc nào cũng vẫn đều đều tuôn đổ xuống như thông lệ. Do đó sự ngã lòng và nghi ngờ phải bị vứt bỏ đi coi là sản phẩm của sự vô minh và phi lý, phải bị qui trách là tỏ ra bội bạc đối với Đấng ban cấp mọi điều tốt đẹp.

Phần thứ nhì của bài giảng cũng rất thực tế. Vị tu sĩ tiếp tục nói rằng chỉ những người nào bản thân hoàn toàn khỏe mạnh thì mới có thể trải nghiệm được trọn vẹn lợi ích trong tác động của Mặt trời. Thế mà dấu hiệu hoàn toàn khỏe mạnh trên mọi mức độ chính là việc con người giống như đấng Thái dương. Người nào hưởng được sức khỏe thể chất trọn vẹn thì bản thân y là một loại mặt trời nho nhỏ tuôn đổ sức mạnh và sức sống cho mọi người xung quanh mình sao cho nhờ có sự hiện diện của y, người yếu đuối được mạnh hơn còn kẻ ốm đau được hổ trợ. Người thuyết pháp khăng khăng cho rằng cũng giống hệt như vậy, người nào có sức mạnh đạo đức hoàn toàn cũng là một mặt trời tâm linh tỏa ra tình thương, sự thuần khiết và sự thánh thiện cho mọi người đủ hân hạnh để tiếp xúc với y. Người thuyết pháp bảo rằng đây là bổn phận của con người: tỏ ra biết ơn đối với những tặng phẩm tốt đẹp của Đấng Mặt trời, trước hết bằng cách dọn mình tiếp nhận trọn vẹn ân huệ ấy, kế đó truyền chúng cho các đồng loại mà không bị hao tổn đi. Và cả hai mục đích này

đều cùng nhau đạt được một đường lối chung duy nhất bằng cách thường xuyên bắt chước sự ban ân huệ của Tinh thần Mặt trời vốn chỉ có nó mới thu hút con mình càng ngày càng tiến gần tới mình.

Đó là bài giảng cách đây 14.000 năm và cho dù nó có thể đơn giản thì chúng ta cũng có thể công nhận rằng giáo huấn của nó chủ yếu là mang tính Minh triết thiêng liêng, nó vạch ra một sự hiểu biết lớn lao hơn về những sự kiện trong cuộc sống so với nhiều bài diễn thuyết hùng hồn hơn mà người ta trình bày thời nay. Đó đây chúng tôi nhận thấy có những điều nho nhỏ đặc biệt có ý nghĩa; chẳng hạn như việc biết chính xác bức xạ sinh lực dư thừa từ một người khỏe mạnh dường như cho thấy tổ tiên của họ có năng khiếu thần nhãn mà truyền thuyết được truyền thừa từ đó.

Ta nên nhớ rằng ngoài việc có thể gọi là công tác tôn giáo thuần túy thì các vị tu sĩ Mặt trời còn hoàn toàn chịu trách nhiệm về nền giáo dục trong xứ sở này. Mọi sự giáo dục đều hoàn toàn miễn phí và các giai đoạn sơ cấp giống hệt như nhau đối với mọi lớp và dành cho cả hai giới tính. Trẻ con đi học những lớp sơ cấp ngay từ lúc còn ấu thơ và ở những lớp này thì con trai con gái học chung với nhau. Có một điều nào đấy tương ứng với cái mà ta nay gọi là giáo dục Tiểu học, được trình bày ở các lớp này mặc dù các môn học khác đáng kể. Người ta dạy đọc, viết và quả thật một loại số học nào đó và mọi đứa trẻ phải nhuần nhuyễn được về những môn học này; nhưng hệ thống ấy còn bao gồm nhiều hơn mức mà ta khó lòng xếp loại; đó là một loại kiến thức thô thiển nhưng đã sẵn có bao gồm những qui tắc chung chung mang tính lợi ích chung trong sinh hoạt, sao cho không một đứa trẻ nam nữ nào khi lên 10 hoặc 11 tuổi mà lại không biết cách tìm được những điều nhu yếu thông thường trong cuộc sống hoặc cách làm bất cứ việc thông thường nào. Quan hệ của thầy và trò nổi bât lên vì hoàn toàn tử tế và quyến luyến nhau, tuyệt nhiên không có gì tương ứng với hệ thống điên rồ áp đặt và trừng phạt vốn chiếm một địa vị nổi bật và độc hại xiết bao trong sinh hoạt nhà trường thời nay.

Giờ đi học cũng kéo dài nhưng các môn học thay đổi nhiều đến mức chúng tôi không nghĩ đó là việc đi học vì trẻ con chẳng bao giờ cảm thấy mệt mỏi quá sức. Chẳng hạn như mọi đứa trẻ đều được dạy cách chuẩn bị và nấu nướng một vài món ăn đơn giản, cách phân biệt trái cây độc hại với trái cây lành mạnh, cách tìm kiếm thực phẩm và chỗ trú nếu bị lạc trong rừng, cách xử dụng những dụng cụ đơn giản và cần thiết cho nghề mộc, nghề nề và nông nghiệp, cách đi đứng từ nơi này sang nơi khác dựa theo vị trí của mặt trời và các ngôi sao, cách lái ca nô cũng như bơi, leo

trèo và nhảy cao một cách vô cùng khéo léo. Người ta cũng dạy chúng cách xử trí các vết thương hoặc khi gặp tai nạn và giải thích cho chúng công dụng của một vài loại thảo dược. Đủ thứ chương trình học đáng chú ý này không chỉ là vấn đề lý thuyết đối với chúng; người ta thường xuyên yêu cầu chúng phải đem toàn bộ vấn đề đó ra thực hành sao cho chúng trước khi tốt nghiệp trường tiểu học thì chúng đã trở thành những công dân nho nhỏ rất cực kỳ tháo vát, có thể tự mình ứng phó đến một chừng mực nào đó trong hầu hết mọi trường hợp khẩn cấp có thể đột nhiên xuất hiện.

Người ta cũng dạy kỹ càng cho chúng về hiến pháp của xứ sở, giải thích cho chúng đủ thứ qui định và phong tục. Mặt khác chúng lại dốt đặc cán mai về lý do của nhiều điều mà trẻ con Âu Tây được học; chúng không quen biết bất kỳ ngôn ngữ nào khác ngôn ngữ bản địa của mình; mặc dù người ta nhấn mạnh tới việc nói chính xác và đơn thuần nhưng việc nói dễ dàng chủ yếu là do thường xuyên thực tập hơn là do tuân theo những qui tắc ngữ pháp. Chúng chẳng biết gì về đại số, hình học hoặc lịch sử, cũng chẳng biết gì về địa lý bên ngoài lãnh thổ của tổ quốc mình. Khi tốt nghiệp trường học đầu đời này, chúng có thể xây dựng cho bạn một căn nhà đầy đủ tiện nghi nhưng không thể vẽ cho bạn được một sơ đồ kiến trúc; chúng chẳng biết gì về hóa học nhưng lại được giáo dục kỹ lưỡng về những nguyên tắc chung về vệ sinh thực hành.

Trước khi trẻ con tốt nghiệp trường tiểu học thì chúng phải đạt được một tiêu chuẩn nhất định nào đó về đủ mọi loại điều kiện để trở thành công dân tốt. Hầu hết dễ dàng đạt được mức này khi chúng đạt được vào khoảng 12 tuổi; một ít đứa trẻ kém thông minh hơn phải cần nhiều năm hơn nữa. Các vị thấy giáo chủ nhiệm lớp của những trường tiểu học này có trách nhiệm nặng nề là xác định nghề nghiệp tương lai cho học trò, hoặc có lẽ nói cho dúng hơn là cố vấn cho nó về điều ấy, vì người ta chẳng bao giờ ép buộc đứa trẻ phải dồn sức làm việc mà nó không thích. Tuy nhiên nó phải chọn một nghề nghiệp tương lai xác định nào đó và khi nó đã quyết định rồi thì nó được tuyển vào một loại trường trung cấp dạy nghề đặc biệt dự tính chuẩn bị nó cho đường lối sinh hoạt mà nó đã chọn lựa. Ở đây nó trải qua 9 – 10 năm còn lại ngồi trên ghế nhà trường, chủ yếu lo thực tập thuộc các loại mà nó dồn hết năng lượng vào đó. Đặc trưng này xuyên suốt cả hệ thóng giáo huấn; tương đối có ít việc dạy lý thuyết; nhưng sau khi được chỉ cho thấy một sự việc vài lần thì đứa trẻ trai hoặc gái luôn luôn bắt đầu tự mình làm việc ấy, cứ làm đi làm lại mãi cho đến khi năng khiếu ấy nhuần nhuyễn.

Có rất nhiều sự linh động đối với mọi sự an bài này; chẳng hạn như một đứa trẻ sau khi được trắc nghiệm thỏa đáng, thấy mình không hợp với công việc đặc biệt mà mình đã đảm nhiệm, thì nhờ vào sự tư vấn của các thầy cô có thể chọn một nghề khác và được chuyển sang một trường khác thích hợp với mình. Tuy nhiên những sự chuyển trường này dường như hiếm có vì trong hầu hết trường hợp thì trước khi đứa trẻ tốt nghiệp trường tiểu học nó đã tỏ ra có năng khiếu nhất định về một đường lối sinh hoạt nào đó mở ra trước mắt mình. Cho dù khi sinh ra thuộc giai cấp nào thì mọi đứa trẻ cũng đều có cơ hội được huấn luyện để gia nhập giai cấp trị vì xứ sở nếu nó muốn và nếu thầy cô giáo tán thành. Tuy nhiên việc huấn luyện để có được vinh dự này là cực kỳ khắc khe và tiêu chuẩn cần thiết rất cao đến nỗi số ứng viên chẳng bao giờ lớn quá.Thật ra thầy cô giáo luôn luôn theo dõi những đứa trẻ có năng khiếu phi thường đó cho chúng có thể cố gắng thích hợp với địa vị vinh hạnh nhưng gian lao này nếu chúng sẵn lòng đảm nhiệm.

Ngoài giai cấp cai trị và giai cấp tu sĩ thì đứa trẻ có thể chọn đủ thứ nghề nghiệp. Có nhiều loại xưởng chế biến – một số xưởng cũng khá lớn đang phát triển năng khiếu nghệ thuật theo đủ mọi phương hướng, có những dây chuyền sản xuất khác để gia công kim loại, chế tạo máy và cải tiến máy móc hoặc công trình kiến trúc thuộc đủ loại. Nhưng có lẽ nghề nghiệp chính của xứ sở này là nông nghiệp theo khoa học. Phúc lợi của quốc gia tùy thuộc phần lớn vào ngành mà do đó người ta luôn luôn quan tâm nhiều tới nó. Nhờ một chiều dài những cuộc thí nghiệm được tỉ mỉ và kiên nhẫn thực hiện xuyên suốt nhiều thế hệ, người ta đã hoàn toàn nhận biết được khả năng của đủ loại đất đai trong xứ sở sao cho vào lúc mà chúng tôi đang bàn luận ở đây, đã có một truyền thuyết rộng lớn về đề tài này. Những bản tường trình chi tiết về mọi cuộc thí nghiệm được lưu trử ở cái mà ta gọi là Thư khố của Bộ Nông nghiệp, nhưng kết quả nói chung được tổng kết để cho nhân dân xử dụng qua hàng loạt những câu ngạn ngữ ngắn gọn, được bố trí để cho học sinh dễ thuộc lòng.

Tuy nhiên những kẻ nào đã chọn nghề là nông nghiệp thì tuyệt nhiên người ta cũng chuyên trông mong chúng hoàn toàn lệ thuộc vào ý kiến của cha ông. Trái lại, người ta khuyến khích mọi sự thí nghiệm mới mẻ, và bất cứ ai thành công khi phát minh ra một loại phân bón mới mẻ hữu dụng, hoặc một loại máy móc tiết kiệm lao động thì đều được Chính quyền tưởng thưởng và long trọng tôn vinh. Rải rác khắp xứ có một số lớn Nông trại Quốc doanh nơi người ta đào tạo kỹ lưỡng đám thanh niên; ở đây cũng giống như ở trường tiểu học, việc huấn luyện cũng lại nặng về thực hành hơn là lý thuyết, mỗi học viên đều học rốt ráo cách tự mình làm hết mọi việc mà sau đó mình phải giám sát.

Chính nơi những nông trại huấn luyện này mà người ta tiến hành thử nghiệm những cuộc thử nghiệm mới do chính quyền đài thọ chi phí. Nhà phát minh chẳng phải bận tâm kiếm người tài trợ để trải nghiệm khám phá của mình, đây thường là một trở ngại chí tử cho thành công của việc phát minh thời nay, y chỉ cần đệ trình sáng kiến của mình lên vị Quận trưởng, khi cần thiết thì có một hội đồng chuyên gia phụ tá cho Quận trưởng, và nếu họ không thể vạch ra được một khuyết điểm rành rành nào đó trong lý luận của y, thì kế hoạch của y sẽ được thử nghiệm hoặc máy móc của y sẽ được chế tạo thử do chính y giám sát mà bản thân chẳng hề mất công bỏ tiền ra! Nếu thí nghiệm chứng tỏ rằng phát minh xưa y có một điều gì đó dùng được thì nó sẽ tức khắc được Chính quyền chọn dùng và sử dụng ở bất cứ nơi đâu có thể dùng được.

Nông dân đã vắt óc nghĩ ra những thuyết để cho đủ thứ phân bón thích ứng với đủ thứ đất đai. Chẳng những họ sử dụng loại vật liệu mà hiện nay chúng ta nhập khẩu từ chính xứ sở ấy để bón phân mà còn thử nghiệm hết đủ loại hóa hợp mà một số loại thành công đáng kể. Họ có một hệ thống tài tình mặc dù cồng kềnh để sử dụng nước thái; tuy nhiên hệ thống này cũng hoàn toàn hữu hiệu như bất cứ loại nào khác mà ta có hiện nay.

Họ cũng đã tiến bộ đáng kể về xây dựng và sử dụng máy móc, mặc dù hầu hết máy móc đều thô sơ hơn máy móc của chúng ta. Và họ chẳng hề có nền cơ khí cực kỳ chính xác nhằm ghép lại những bộ phận nhỏ xíu vốn là đặc trưng nổi bật của nên cơ khí hiện đại. Mặt khác, mặc dù máy móc của họ thường to lớn và cồng kềnh nhưng nó vẫn hữu hiệu và xét theo bề ngoài thì tuyệt nhiên không hề bị trục trặc. Có một ví dụ mà chúng tôi lưu ý, đó là một loại máy kỳ diệu để gieo hạt, bộ phận chính của nó trông giống như thể phỏng theo mô hình bộ phận định vị trí của một loài côn trùng nào đó. Ấy là một thứ gì đó có hình dạng một cái xe kéo thấp chủng nhưng rộng bè bè; khi người ta kéo nó băng ngang qua cánh đồng thì nó tự động đào 10 hàng lỗ cách quãng đều đặn, thả một hạt giống vào trong mỗi lỗ, tưới nước rồi cào đất xung quanh cho bằng phẳng trở lại.

Hiển nhiên là họ cũng hiểu biết về môn thủy lực vì nhiều máy móc của họ dò áp lực nước gây chuyển động – nhất là máy được dùng trong hệ thống tinh xảo để tưới nước vốn hoàn hảo và tinh xảo phi thường. Có nhiều đất đai ở trên đồi và ở trạng thái tự nhiên ấy thì việc trồng trọt chẳng có lợi bao nhiêu; nhưng dân thời xưa đã cần cù đẽm nó ra thành những lớp đất rất giống như ở vùng đồi núi tại Tích lan ngày nay. Bất cứ ai có dịp du lịch bằng xe lửa từ Rambukkana tới Peradeniya đều

không thể không chú ý tới nhiều ví dụ thuộc loại công trình này. Ở Peru thời xưa, mọi khoảnh đất gần trung tâm đô thị lớn có nhiều dân cư đều được tận dụng.

Họ có nhiều kiến thức khoa học nhưng khoa học của họ đều thuần là khoa học thực dụng. Họ không có cái kiểu nghiên cứu khoa học trừu tượng như trong đám chúng ta thời nay. Chẳng hạn như họ nghiên cứu tỉ mỉ về thực vật học nhưng tuyệt nhiên không theo quan điểm của chúng ta. Họ chẳng biết mà cũng chẳng buồn quan tâm tới việc phân loại thực vật thành ra hiển hoa và ẩn hoa, cũng chẳng biết gì về số nhụy trong một đóa hoa hoặc cách sắp xếp lá trên một cành cây; chọ chỉ muốn biết về cái cây đó là nó có những tính chất gì, có công dụng ra sao để làm thuốc, làm thực phẩm hay để làm phẩm nhuộm. Chuyện này thì họ biết rành rọt lắm.

Về hóa học thì cũng vậy; họ chẳng biết gì về số nguyên tử và cách sắp xếp các nguyên tử trong một hợp chất Carbon; thật ra họ có nghĩ gì tới về nguyên tử và phân tử đâu theo như chúng ta hiểu. Họ chỉ quan tâm tới các hóa chất xem chúng có công dụng ra sao: hóa chất này có thể được hòa hợp thành ra loại phân bón có giá trị hoặc loại thực phẩm nguồn gốc thực vật, hóa chất này có thể sử dụng trong đủ thứ chế biến để sản xuất ra một chất nhuộm rất đẹp hoặc một axit hữu dụng. Mọi việc nghiên cứu khoa học đều được thực hiện theo một quan niệm thực dụng nào đó. Bao giờ họ cũng cố gắng tìm ra một điều gì đó nhưng luôn luôn với một mục đích xác định liên quan tới nhân sinh chứ không bao giờ vì lợi ích của việc nghiên cứu điều trừu tượng.

Có lẽ khảo hướng gần gủi nhất của họ đối với khoa học trừu tượng là nghiên cứu về thiên văn học; nhưng môn học này đúng ra được coi là thuộc về tôn giáo hơn là chỉ thuần về kiến thức trần tục. Nó khác với những môn học kia ở chỗ nó thuần túy là theo truyền thống và người ta chẳng hề nỗ lực thêm thắt vào kho thông tin ấy theo chiều hướng đó. Kho thông tin không lớn mặc dù đủ chính xác đến mức cần thiết. Họ hiểu rằng các hành tinh không giống như các ngôi sao và bảo các hành tinh là chị em của trái đất – vì họ công nhận rằng trái đất là một trong các hành tinh – hoặc đôi khi là những đứa con cả của Mặt trời. Họ biết rằng trái đất có hình cầu, sở dĩ có ngày đêm là vì trái đất quay xung quanh trục của mình và sở dĩ có bốn mùa là vì trái đất hằng năm quay vòng quanh mặt trời. Họ cũng biết rằng các định tinh bên ngoài Thái dương hệ và họ coi các sao chổi là sứ giả của các Đấng cao cả khác đến với Đấng Mặt trời; nhưng ta cũng hoài nghi chẳng biết họ có quan niệm thỏa đáng hay chăng về kích thước thật sự của bất kỳ thiên thể nào liên quan.

Họ cũng có thể tiên đoán được cả nhật thực lẫn nguyệt thực một cách hoàn toàn chính xác, nhưng điều này không phải là do quan sát mà là do sử dụng một công thức theo truyền thống; họ hiểu được bản chất của chúng và dường như không gán cho chúng nhiều tầm quan trọng lắm. Có nhiều bằng chứng cho thấy rằng những đấng mà họ được kế thừa truyền thống ắt phải là hoặc có thể tiến hành quan sát khoa học trực tiếp hoặc là có năng khiếu thần nhãn khiến cho không cần phải quan sát khoa học; nhưng những người Peru vào thời kỳ mà chúng tôi khảo sát đều không có được những ưu điểm ấy. Ta thấy toan tính duy nhất khiến cho họ thực hiện một điều gì đó giống như là việc quan sát cá nhân, đó là việc họ tìm ra giờ khắc chính xác của buổi giữa trưa bằng cách cẩn thận đo lường bóng râm của một cây cột cao vút dưới mặt đất của đền thờ; một tập hợp những cái chốt nhỏ được di chuyển dọc theo những đường rãnh trên đá để đánh dấu chính xác giờ chính ngọ. Dụng cụ thô sơ ấy cũng được dùng để tìm ra ngày tháng hạ chí và đông chí vì họ có những nghi thức tôn giáo đặc biệt liên quan tới những thời kỳ này.

---

[1] Những trang mở đầu của phần miêu tả về Peru thời xưa vốn được trình bay trong *Tạp chí Thông Thiên Học* sẽ xuất hiện ở Phụ lục III cùng với một phát biểu ngắn gọn về hoàn cảnh mà thoạt tiên người ta đã viết ra nó.

[2] Bạn đọc kho tài liệu văn chương cổ Ấn độ ắt nhận ra ngay hệ thống này giống như hệ thống thịnh hành trong đám dân Aryan vào thời sơ khai. Điều này cũng tự nhiên thôi vì các đấng Bàn Cổ nối tiếp nhau đều là thành viên của Quần Tiên hội và dấn thân vào cùng một công việc.

CHƯƠNG XII

HAI NẾN VĂN MINH ATLANTIS
Toltec ở cổ Peru năm 12.000 trước Công nguyên (tiếp theo)

HAI NẾN VĂN MINH ATLANTIS

Thuật kiến trúc của giống dân cổ sơ này có nhiều mặt khác với bất kỳ nền kiến trúc nào khác mà chúng tôi đã từng quen thuộc và việc nghiên cứu nó ắt vô cùng thú vị đối với bất cứ nhà thần nhãn nào có hiểu biết chuyên môn về đề tài này. Vì bản thân chúng tôi không được hiểu biết nhiều về thuật ấy cho nên chúng tôi khó mà mô tả được các chi tiết một cách chính xác, mặc dù có lẽ chúng tôi cũng hi vọng truyền đạt được một điều gì đó với cảm tưởng chung khi ta thoạt nhiên quan sát nó ở trình độ thế kỷ thời nay.

Khoa kiến trúc ấy thật đồ sộ nhưng không khoa trương, trong nhiều trường hợp, nó minh chứng cho những năm tháng kiên trì lao động, nhưng rõ rệt là được thiết kế để sử dụng chứ không phải để khoe mã. Nhiều tòa nhà rất mênh mông nhưng dưới con mắt người thời nay thì dường như khá lệch lạc về tỉ lệ, trần nhà hầu như luôn luôn quá thấp so với kích thước của căn phòng. Chẳng hạn như trong nhà của một viên Thống đốc ta thường thấy có nhiều tòa nhà bằng kích thước của sảnh đường Westminster thế nhưng không có tòa nhà nào cao hơn 12 bộ tính từ sàn nhà lên tới trần nhà. Ta chẳng thấy có các cột trụ vốn rất ít được sử dụng và cái mà ta gọi là một hàng cột thanh nhã thì ở cổ Peru thường là một bức vách với những lỗ rỗng khoét trong đó. Những cột trụ như thế thật là nguy nga và thường là kết thành một khối duy nhất.

Xét theo biểu kiến thì họ không biết tới mái vòm với đá tảng mặc dù tuyệt nhiên chẳng hiếm gì những cửa sổ hoặc những cửa ra vào mà mái hình bán nguyệt. Trong những kiểu mẫu rộng lớn hơn thì ta thấy có một cửa hình bán nguyệt nặng nề bằng kim loại đôi khi được chế tạo ra gắn vào bên cạnh chỗ bị khoét rỗng, nhưng người ta thường hoàn toàn trông cậy vào loại chất kết dính rất có hiệu quả để sử dụng thay cho vữa. Chúng tôi không biết chính xác bản chất của vật liệu này nhưng chắc chắn là nó hữu hiệu. Họ cắt những khối đá khổng lồ ra một cách rất chính xác ăn khớp với nhau sao cho ta khó lòng nhận thấy được những chỗ nối; thế rồi họ dùng đất sét trát bên ngoài các chỗ nối và đổ vữa của mình vào đó dưới tình trạng đang nóng chảy lỏng. Cho dù những vết nứt giữa hai khối đá nhỏ đến đâu đi nữa thì chất

lỏng ấy cũng mò vào được chất đầy vết nứt. Đến khi nguội lại nó đông cứng như đá lửa và quả thật nhìn bề ngoài rất giống đá lửa. Bấy giờ người ta cạo bỏ lớp đất sét bên ngoài thì bức tường đã hoàn chỉnh, và sau khi hàng thế kỷ trôi qua nếu có một vết nứt trong công trình thợ nề này xuất hiện thì chắc chắn vết nứt ấy không phải ở chỗ nối, vì chỗ nối còn kiên cố hơn chính tảng đá nữa.

Đa số nhà ở nông thôn được xây bằng cái mà ta phải gọi bằng gạch bởi vì nó được chế tạo bằng đất sét, nhưng gạch là những khối vuông lớn mỗi bề có lẽ đo được tới một thước Anh; đất sét không được nung lên mà được trộn lẫn với một số hóa chất nào đó rồi phơi ngoài trời trong vài tháng cho rắn chắc lại, khiến cho xét về sự cố kết và hình dáng bên ngoài thì chúng trông giống như những khối xi măn hơn là gạch xây. Nhà xây bằng gạch hiếm khi nào kém chất lượng hơn nhà xây bằng đá về bất cứ phương diện nào.

Mọi căn nhà cho dù nhỏ nhất đều được xây trên bình diện cổ điển và về hướng đông của sân vườn trung tâm, tất cả đều có những bức vách mà giờ đây ta xét thấy là có bề dày rất lớn. Túp lều đơn giản nhất và nghèo nàn nhất chỉ có được bốn phòng, mỗi phòng ở một bên cửa sân vườn nhỏ xíu đâu mặt vào nhau, vì cái phòng này thường không có cửa sổ nhìn ra ngoài cho nên từ ngoài nhìn vào, dáng vẻ của những căn nhà ấy trông thật tẻ nhạt trần trụi. Người ta rất ít toan tính trang trí ngoại thất nơi những bộ phận nghèo nàn của thành thị hoặc thôn quê, có một loại đường viền theo kiểu mẫu rất đơn giản thường là tất cả những gì phá vỡ sự tẻ nhạt của những bức vách trơ trơ ra đó của cái túp lều.

Lối đi vào luôn luôn ở một góc của hình vuông, thời xưa cửa ra vào chỉ là một phiến đá khổng lồ, nó được kéo lên theo những cái rãnh nhờ vào các đối trọng giống như các cửa thành bằng sắt hoặc cửa sổ đẩy thời nay. Khi cửa bị đóng lại thì đối trọng có thể dựa trên những cái kệ tách rời ra khiến cho cửa ra vào hầu như vẫn như là một khối bất di bất dịch rõ ràng làm cho kẻ trộm phải nãn chí nếu như có một kẻ nào đó muốn trộm cắp trong cái Nhà nước đã được tổ chức một cách hoàn hảo đến mức đó. Ở nhà của các giai cấp thượng lưu hơn thì phiến đá dùng làm cửa ra vào được khắc chạm công phu và sau này thường được thay thế bằng một phiến kim loại dày. Tuy nhiên phương pháp gia công cửa chẳng thay đổi bao nhiêu mặc dù ta quan sát thấy một vài ví dụ có những cửa bằng kim loại nặng nề xoay trên cái bản lề.

Những căn nhà lớn hơn thoạt tiên cũng được xây dựng theo bản sơ đồ thiết kế ấy,mặt dù được trang trí nội thất nhiều hơn, chẳng những bằng cách khắc chạm

các viên đá theo nhiều kiểu mẫu mà còn làm cho bề mặt những viên đá khác nhau qua những dãy kim loại rộng lớn. Ở một khí hậu như thế thì nhà cửa xây dựng qui mô lớn hầu như là vĩnh cữu và đa số nhà có sẵn lúc ấy đang có người ở vào thời kỳ chúng tôi viết ra đều thuộc loại này. Tuy nhiên một số nhà sau này – hiển nhiên được xây dựng vào những thế kỷ mà dân chúng tin chắc rằng hệ thống chính quyền là ổn định và có đủ quyền lực khiến nhân dân phải thượng tôn pháp luật – thì nhà cửa có một tập hợp kép các phòng xung quanh sân vườn giống như bất cứ căn nhà hiện đại nào, một tập hợp quay mặt vào sân vườn (trong trường hợp này là một vườn cây được tỉa tóp rất đẹp mắt) còn một tập hợp phòng khác quay mặt ra bên ngoài hướng vô bối cảnh xung quanh. Chính tập hợp phòng hướng ngoại này mới có những cửa sổ lớn – hoặc nói cho đúng hơn là những cửa trổ ra ngoài, vì mặc dù người ta chế tạo ra được nhiều loại thủy tinh nhưng thủy tinh không được dùng làm cửa sổ - những cửa sổ ấy cũng có thể được đóng lại theo nguyên tắc giống như cửa ra vào.

Thế nhưng ta vẫn thấy rằng phong cách chung của thuật kiến trúc nội thất nơi những căn nhà, dù lớn hay nhỏ đều khá tẻ nhạt và nghiêm trang, mặc dù thích ứng rất tốt với khí hậu. Mái nhà hầu như rất nặng nề và phẳng, lúc nào cũng được làm bằng đá hoặc một phiến kim loại. Một trong những đặc điểm đáng chú ý nhất của thuật xây nhà là hầu như hoàn toàn không có gỗ, người ta tránh dùng gỗ vì nó có thể phát hỏa và do cẩn thận như vậy cho nên xứ Peru thời xưa không hề biết tới nạn hỏa hoạn.

Cách thức xây nhà cũng thật đặc biệt. Người ta không dùng dàn giáo mà khi căn nhà được xây nền thì người ta đổ đầy đất vào sao cho khi bức vách lên tới cao độ cần thiết thì bên trong đã có một bề mặt đất phẳng lặng. Những viên đá dùng làm mái được đặt trên nền đất ấy, thế rồi xi măn nóng chảy được đổ vào chúng như thường lệ. Ngay khi mọi chuyện xong xuôi thì người ta đào bỏ đất đi, lớp mái vẫn được nâng đỡ cái trọng tải khổng lồ của chính mình nhờ vào sức chịu đựng của loại xi măn kỳ diệu cho nên dường như luôn luôn an toàn tuyệt đối. Thật vậy khi đã hoàn tất thì xét về mọi mục đích và ý định, toàn thể kiến trúc mái và vách trở thành một khối rắn chắc dường như thể nó đã được khoét ra từ một khối đá sống động – nhân tiện xin nói đây là một phương pháp thật sự được chọn theo ở một số nơi trên triền núi.

Một vài nhà ở vùng thủ đô có thêm lầu một, nhưng ý tưởng này không được phổ biến lắm trong dân cư và những sự cải tiến táo bạo như thế là cực kỳ hiếm hoi. Quả

thật có một điều gì đó giống như tác dụng của một số tầng lầu, tầng này ở trên tầng kia đã được thực hiện một cách kỳ diệu nơi một số tòa nhà mà các tu sĩ thờ Mặt trời ở trong đó, nhưng người ta đã dàn xếp để cho nó không thể được chọn dùng phổ biến trong đô thị đông đảo người. Trước hết người ta làm một cái nền đất rộng mênh mông đại khái là hình vuông mỗi bề một ngàn bộ Anh và có chiều cao từ 15 tới 18 bộ Anh, thế rồi trên đó mỗi bề chỉ 50 bộ Anh thôi, người ta lại dựng nên một cái bệ khổng lồ khác là một hình vuông 900 bộ vuông, trên đó có những cái cạnh được đo tới 800 bộ và trên đó lại có một cái bệ thứ tư đo được 700 bộ và cứ thế chúng nhô lên với kích thước giảm đi dần dần cho tới khi đến tầng 10 thì chỉ còn 100 bộ vuông để rồi ở trung tâm của cái nền cuối cùng ấy người ta xây dựng một đền thờ nhỏ thờ Mặt trời.

Hậu quả của tổng thể giống như một thứ gì đó là một kim tự tháp phẳng rộng lớn vươn lên thành từng bậc rộng và tương đối không cao – một loại Đồi Primrose khắc vào trong những nền đất. Và từ mặt thẳng đứng của mỗi một trong những cái bệ lớn này người ta khoét những căn phòng - có thể nói là những biệt thất mà các tu sĩ và khách đến thăm sống trong đó. Mỗi biệt thất có một phòng trong và một phòng ngoài, phòng trong được chiếu sáng nhờ vào phòng ngoài, phòng ngoài hoàn toàn thông khí ở phía đối diện ra bên ngoài; thật vậy nó chỉ gồm có ba vách và một mái. Cả hai phòng đều được lát gạch và lát nền bằng những phiến đá được trét xi măn để cho rắn chắc theo cách thông dụng. Những nền đất ở phía trước được bố trí thành ra vườn và lối đi cho nên các biệt thất là những nơi cư trú rất dễ chịu. Có nhiều trường hợp thì một vùng đất cao tự nhiên được khoét ra thành những nền đất theo kiểu này nhưng hầu hết các kim tự tháp đều được dựng nên nhân tạo. Thường thường người ta nối một đường hầm vào tâm của từng lầu thấp nhất trong một kim tự tháp như thế, rồi xây những phòng dưới đất như thể được dùng làm kho chứa ngũ cốc và những nhu yếu phẩm khác.

Ngoài những kim tự tháp đáng chú ý theo hình dẹt ra, còn có những đền thờ thông thường để thờ Mặt trời, một số có kích thước lớn bao phủ một mảnh đất lớn mặc dù dưới mắt người Âu Tây thì tất cả đều có khuyết điểm chung là quá thấp so với chiều dài. Chung quanh chúng luôn luôn có những vườn cây thoải mái, bên dưới gốc cây người ta giảng đạo khiến cho các đền thờ này rất nổi tiếng.

Nên phía ngoài đền thờ đôi khi không được tôn nghiêm như mong muốn thì dù sao đi nữa phía bên trong đền thờ cũng có ít khuyết điểm khả hữu hơn. Kim loại quí được xài thoải mái để trang trí nội thất là một đặc điểm của sinh hoạt Peru ngay

cả hàng ngàn năm sau này khi một dúm người Tây ban nha thành công chinh phục được giống dân tương đối đã thoái hóa vốn thế chỗ cho giống dân mà chúng ta đang cố gắng miêu tả phong tục của họ. Vào lúc chúng tôi đang viết tài liệu này thì cư dân ở đây không quen với thuật mạ vàng của chúng ta, nhưng họ vô cùng khéo léo khi rèn kim loại ra thành những miếng mỏng lớn và các đền thờ lớn thường được dát bằng vàng và bạc theo đúng nghĩa đen. Những miếng kim loại che phủ trên vách thường dày tới 1/4 phân Anh, thế nhưng chúng được định hình thành ra phù điêu tinh vi trên đá dường như thể là một lớp giấy sao cho theo quan điểm thời nay của ta thì một đền thờ như vậy thường là kho chứa vô số tài sản.

Giống dân xây dựng các đền thờ ấy không coi mọi thứ đó là của cải theo nghĩa chúng ta thường hiểu mà chỉ coi là vật trang sức thích hợp thỏa đáng. Ta nên nhớ rằng việc trang sức theo kiểu này tuyệt nhiên không chỉ hạn chế vào các đền thờ, mọi căn nhà có kích thước đáng kể đều lát trên tường một thứ kim loại nào đó cũng giống như hiện nay ta dán giấy lên tường khiến cho đá trần trụi phô ra ở phía bên trong tương đối với họ giống như tường quét vôi trắng đối với chúng ta – hầu như chỉ hạn chế vào những chái nhà phụ hoặc nơi ở của giới nông dân. Nhưng chỉ có cung điện của nhà Vua và các vị Thống đốc chính yếu là được dát bằng vàng ròng giống như các đền thờ; còn đối với thường dân thì người ta dùng đủ thứ hợp kim đẹp đẽ dễ sử dụng và tạo ra những hiệu quả phong phú mà tương đối chẳng tốn kém bao nhiêu.

Khi nghĩ tới thuật kiến trúc của họ ta không được quên chuỗi thành lũy mà đức Vua đã dựng nên quanh biên giới Đế quốc của mình để kiểm soát các bộ tộc man di mọi rợ ở ngoại biên. Ở đây muốn miêu tả chính xác và phê phán cho đáng đồng tiền bát gạo thì chúng tôi cần có sự phục vụ của một chuyên gia; nhưng ngay cả một người bình dân nhất cũng có thể thấy rằng trong hầu hết trường hợp người ta đã chọn lựa tình huống của cái thành lũy này một cách đáng hâm mộ và nếu không có pháo binh thì hầu như không thể xuyên thủng được chúng. Trong một số trường hợp chiều cao và chiều dài của bức tường rất lớn; chúng có đặc điểm quả thật mọi bức tường cao ở xứ này đều có đặc điểm ấy là dần dần được làm thuôn lên từ bề dày nhiều bộ Anh ở dưới đáy tới một kích thước thông thường hơn nhiều ở một độ cao 20 – 30 thước Anh. Có những lô cốt với lỗ châu mai nhìn ra ngoài và những lối đi bí mật dược đào khoét vào trong tận tâm khảm của những bức vách kỳ diệu này; phía trong thành lũy được bố trí và cất đầy đủ quân nhu sao cho lính đồn trú có thể chịu đựng được một cuộc bao vây lâu dài mà không nao núng. Người quan sát đặc biệt choáng váng trước sự bố trí tài tình của một loạt những cánh cổng, cổng này bên

trong cổng kia ăn thông với nhau bằng những địa đạo ngoằn ngoèo hẹp, chúng đã được bố trí khiến cho bất cứ lực lượng nào toan tính đột kích vào thành lũy sẽ bị quân phòng vệ hoàn toàn khống chế.

Nhưng các công trình kỳ diệu của giống dân kỳ lạ này chắc chắn là đường sá và cầu cống. Đường sá chạy hàng trăm dặm vắt qua xứ sở (một số đường dài hơn 1000 dặm) ngang nhiên coi thường những khó khăn của thiên nhiên khiến cho những kỹ sư táo bạo nhất thời nay cũng khâm phục. Mọi thứ đều thực hiện trên qui mô khổng lồ và mặc dù trong một số trường hợp số lượng lao động cần thiết hầu như không tính toán nổi, nhưng thành quả của chúng thật là nguy nga và trường tồn. Toàn thể con đường được lát bằng những phiến đá phẳng giống như lề đường trên đường phố Luân Đôn; nhưng ở mỗi bên dọc theo đường đi đều có trồng cây để che bóng mát và những cây con tỏa ngát hương thơm cho bầu không khí; xứ sở được cắt ngang cắt dọc bằng một mạng lưới đại lộ được tráng nền đường rất huy hoàng, các sứ giả của nhà Vua hằng ngày đều đi lại trên những con đường ấy. Những người này thực ra cũng hành nghề bưu diện vì một phần nhiệm vụ của họ là đưa thư miễn phí cho bất cứ ai muốn gửi thư.

Chỉ khi những người xây dựng đường sá gặp phải một rãnh nước hoặc một dòng sông thì ta mới thấy hết tột đỉnh thiên tài kiên nhẫn và sự kiên trì bất khuất của giống dân này. Như chúng tôi có nói, họ không biết nguyên tắc làm một mái vòm thật sự và họ chỉ có thể bắt chước gần nhất với nó trong khi xây cầu là khiến cho mỗi lớp gạch nhô ra ngoài một chút bên dưới nó cho đến khi bằng cách này hai đê bao cuối cùng hợp long và loại xi măn kỳ diệu của họ làm cho toàn thể kết cấu ấy rắn chắc lại giống như một khối đá. Họ chẳng biết gì về đập tạm và thường dằn nền cho nên họ thường tốn biết bao công phu để tạm thời chuyển dòng một con sông ngõ hầu có thể xây cầu qua đó; hoặc trong những trường hợp khác họ xây dựng một đập ngăn dưới dòng nước cho đến khi họ đạt tới chỗ có đê bao thế rồi khi đê bao đã hoàn tất thì họ lại phá bỏ đập tạm. Vì những khó khắn này cho nên họ thích đắp đê để bắc cầu bất cứ khi nào có thể được; và họ thường đưa một con đường hoặc một cống dẫn nước băng ngang qua một rãnh nước sâu với dòng sông chảy cuồn cuộn, bằng cách đấp một cái đê khổng lồ trong đó có nhiều đường hầm hơn là bằng cách bắc cầu thông thường.

Hệ thống dẫn nước vào ruộng của họ vô cùng hoàn chỉnh và ngay cả giống dân sau này cũng tiến hành điều đó ở qui mô lớn sao cho nhiều nơi trong xứ sở giờ đây lại bị sa mạc hóa sau khi đã được xanh tươi phì nhiêu chỉ vì hệ thống cung cấp nước

lọt vào tay những kẻ xâm lược Tây ban nha bất tài hơn nhiều. Có lẽ trên thế giới không có một thành tích kỹ thuật nào vĩ đại hơn việc xây dựng cầu cống ở Peru thời xưa. Và mọi thứ này được thực hiện chẳng phải bằng lao công khổ sai là những kẻ nô lệ hoặc tù binh mà là do nông dân của xứ này làm việc được trả lương chính thức lại được quân đội trợ giúp phần lớn.

Nhà Vua duy trì một số quân đội lớn lao để lúc nào cũng sẵn sàng đối phó với các bộ tộc ở ngoại biên, nhưng vì vũ khí chỉ thô sơ thôi cho nên họ cũng cần tương đối thay bất cứ loại thao luyện nào đó; vì vậy phần lớn thời giờ của họ có thể dùng để phục vụ công ích theo một kiểu nào đó. Toàn bộ trách nhiệm sửa chữa đủ loại công trình công cộng chính được giao phó cho họ và họ cũng phải cung cấp được bưu điện viên thường xuyên mang các phúc trình và công điện cũng như thư riêng đi tới khắp nơi trong Đế quốc. Việc duy tu bất cứ thứ gì đều được giả định là trong phạm vi của quân đội, nhưng khi người ta cần phải làm một con đường mới hoặc cần được trợ giúp để xây dựng một thành lũy mới thì phải nói chung là thuê mướn quân đội.

Dĩ nhiên đôi khi cũng bùng nổ chiến tranh với những bộ tộc kém văn minh ở ngoại biên, nhưng vào lúc chúng tôi đang viết tài liệu này thì hiếm khi nào có một vụ xáo trộn nghiêm trọng. Các bộ tộc man di mọi rợ dễ dàng bị đánh lùi rồi bị trừng trị; đôi khi nếu chúng có vẻ chịu qui phục nền văn minh cao hơn thì đất đai của chúng được sáp nhập vào Đế quốc và chúng phải tuân theo luật lệ của Đế quốc. Dĩ nhiên là thoạt đầu thì cũng gặp một số khó khăn nào đó với các công dân mới, họ không hiểu phong tục cho nên cũng chẳng hiểu tại sao mình phải tuân theo phong tục; nhưng chỉ sau một thời gian ngắn là hầu hết đều sẵn sàng chấp nhận theo thói quen thường nhật ấy, còn những người không cải tạo được thì bị lưu đày sang các xứ sở khác chưa sáp nhập vào Đế quốc.

Khi chiến tranh xảy ra thì người Peru cũng nhân đạo vì họ hầu như lúc nào cũng chiến thắng đám bộ tộc man di mọi rợ, cho nên đối với họ việc này tương đối dễ thôi. Họ có một châm ngôn: “Bạn không bao giờ được độc ác với kẻ thù bởi vì ngày mai y sẽ trở thành bạn của mình”. Khi chinh phục các bộ tộc xung quanh, họ luôn luôn cố gắng càng ít giết người càng tốt để cho dân chúng có thể sẵn lòng qui phục Đế quốc, tạo ra mối quan hệ công dân hữu hảo trong tình cảm anh em đối với những người đi chinh phục mình.

Vũ khí chính là giáo, gươm và cung tên, họ cũng dùng khá nhiều bolas là một khí cụ mà người da đỏ Nam mỹ thời nay vẫn còn sử dụng. Nó bao gồm hai cục đá hoặc

hai viên kim loại nối liền với nhau bằng một sợi dây thừng để khi quăng nó ra sẽ ngăn cản một người hoặc ngựa, khiến cho y ngã nhào xuống đất. Khi phòng thủ một thành lũy thì họ luôn luôn lăn những viên đá lớn xuống áp đảo kẻ tấn công và thành lũy đá đặc biệt xây dựng nhằm khiến cho quân phòng thủ có thể làm được điều ấy. Người ta dùng một loại gươm ngắn giống như mã tấu và chỉ dùng gươm khi giáo mác đã bị gãy hoặc khi đã bị giải giáp. Họ cũng thường ưa làm xuống tinh thần quân địch bằng việc bắn tên như mưa rào rồi xung phong tấn công bằng giáo mác trước khi quân địch kịp trở tay.

Vũ khí được chế tạo tinh vi vì thiên hạ rất thuần nghề gia công kim loại. Họ dùng sắt nhưng không biết biến nó thành thép cho nên đối với họ không có giá trị bằng đồng và đủ thứ đồng thau, đồng đỏ, vì tất cả những thứ này có thể được làm cho cực kỳ rắn chắc bằng cách hợp kim với một dạng xi măn đáng chú ý, còn sắt không thể hòa hợp hoàn hảo như vậy. Kết quả của qui trình làm rắn chắc này thật đáng kể vì ngay cả đồng nguyên chất mà được hợp kim thì cũng có thể ít ra có lưỡi sắc như là thép tốt nhất của ta, và hầu như chắc chắn là một số hợp kim của họ còn cứng rắn hơn cả bất cứ kim loại nào mà ta chế tạo được thời nay.

Có lẽ đặc điểm kỳ diệu nhất trong việc gia công kim loại của họ là nó cực kỳ tinh vi và tinh xảo. Một số công trình điêu khắc của họ quả thật tuyệt vời hầu như quá tinh vi cho nên mắt trần không thấy được ít ra là cũng theo cặp mắt thời nay của ta. Có lẽ hay hơn hết là loại đồ trang sức tuyệt hảo giống như tơ nhện mà họ đã đạt được đến mức nhất nghệ tinh; chẳng hiểu làm thế nào mà họ chế tạo được như vậy khi không có kính lúp. Nhiều đồ trang sức tinh vi khôn tả đến nỗi nó không thể được làm sạch theo phương thức thông thường. Nếu ta vò nó hoặc phủi bụi cho dù kỹ lưỡng đến đâu thì nó sẽ bị hủy hoại ngay; vì vậy muốn làm sạch nó thì phải cần tới một loại ống thổi.

Có một thuật chế biến khác đạt đến mức chuyên môn khá cao là nghề đồ gốm, bằng cách trộn lẫn một hóa chất nào đó với đất sét, họ biến nó ra thành một màu đỏ thắm như son rất dễ thương thế rồi họ dùng vàng bạc cẩn vào nó theo một cách thức tạo ra những hiệu quả mà chúng tôi chưa từng thấy ở nơi nào khác. Ở đây những đường nét cực kỳ tinh xảo lại là một chuyện làm cho chúng tôi say mê. Người ta cũng có được những màu sắc tinh vi khác và chế biến thêm loại xi măn đá lửa thường dùng khi đem trộn với đất sét đã được nhào nặn thì khiến cho nó trong suốt hầu như chẳng kém gì pha lê trong suốt của ta. Nó cũng có ưu điểm lớn là ít dòn hơn thủy tinh thời nay; thật vậy nhiều đặc điểm của nó khiến ta nghĩ tới cái

loại thủy tinh dẻo mà chúng tôi đôi khi đọc thấy trong truyện hoang đường thời trung cổ. Chắc chắn họ có được thuật tạo ra một loại gốm sứ mỏng nào đó có thể uốn cong mà không bị gãy, ta sẽ thấy điều này khi đến lượt bàn về văn chương của họ.

Vì xứ sở này có phong tục rất ít dùng đồ gỗ cho nên đồ kim loại và đồ gốm sứ đã thay thế đồ gỗ phần lớn và người ta thực hiện thành công hơn nhiều so với mức thời nay ta có thể nghĩ ra được chắc chắn là người Peru thời xưa khi thường xuyên khảo cứu về hóa học đã khám phá ra một số qui trình mà các nhà chế tạo thời nay còn chưa biết tới. Nhưng khi thời gian trôi qua thì Giống dân thứ Năm sẽ tái khám phá ra điều ấy, và một khi điều này đã xảy ra thì nhu cầu cạnh tranh khốc liệt thời nay sẽ buộc họ phải thích ứng với mọi loại đồ vật mà người Peru thời xưa chưa hề mơ ước tới.

Thuật hội họa đã được thực hành tới mức đáng kể và bất cứ đứa trẻ nào tỏ ra có năng khiếu đặc biệt về hội họa đều được khuyến khích trau dồi tài năng tối đa. Tuy nhiên phương pháp chọn theo khác hẳn phương pháp của chúng ta, và bản chất đặc thù của chúng làm cho công việc này thêm phần khó khắn ghê gớm. Người ta không dùng vải vẽ, giấy vẽ hoặc ván vẽ mà thay vào đó dùng một phiến mỏng của một loại vật liệu bằng silic. Ta khó lòng truy nguyên được thành phần cấu tạo chính xác của vật liệu này, nhưng nó có một bề mặt tinh vi bóng láng khá giống với dáng vẻ của loại gốm sứ tinh vi chưa tráng men. Nó không dòn mà có thể uốn cong được nhiều giống như một phiến làm bằng thiếc, bề dày của nó thay đổi tùy theo kích thước từ một tờ giấy viết bền dai cho tới một tờ giấy bìa nặng nề.

Người ta dùng một cọ vẽ do chính thiên nhiên cung cấp để vạch lên chính bề mặt này những màu sắc hết sức thuần khiết và sáng chói. Đó chỉ là một thanh dài cắt ra từ một cọng hình tam giác của một loại cây thông dụng có thớ. Ở đầu mút của cọng cây này người ta đập dẹp một phân Anh cho đến khi chẳng còn gì ngoại trừ lớp xơ mịn như lông tóc mà lại hầu như bền dai như dây kẽm, thế là người ta sử dụng cái cọ vẽ với phần chưa đập dập được dùng làm cán cọ. Dĩ nhiên ta có thể tân trang cái cọ vẽ ấy khi nó mòn đi bằng một qui trình na ná như chuốt bút chì; người họa sĩ chỉ cần cắt bỏ lớp xơ đã phô ra rồi lại đập dập một phân Anh khác trên phần cán cọ. Cái dạng hình tam giác sắc sảo của công cụ này khiến cho người họa sĩ tài hoa có thể dùng nó hoặc là để vẽ một đường mịn hoặc là quẹt một bệt màu rộng; trường hợp muốn vẽ đường nét mịn thì họa sĩ dùng góc cọ, còn trường hợp muốn quẹt một bệt thì dùng cạnh hình tam giác.

Màu vẽ luôn luôn dưới dạng bột và tùy trường hợp cần thiết mà pha trộn với không phải nước cũng chẳng phải với dầu, song pha trộn với một dẫn chất nào đó khô ngay tức khắc khiến cho một khi đã vẽ rồi thì không còn thay đổi được nữa. Họa sĩ không phác họa gì hết mà phải tự rèn luyện mình để vẽ hữu hiệu, chắc chắn bằng những nét vẽ rất nhanh, lĩnh hội được chính xác sắc thái cũng như hình dạng qua một nỗ lực bao quát giống như khi việc vẽ bích họa hoặc trong một tác phẩm Nhật bản nào đó. Màu sắc cực kỳ hữu hiệu và sáng sủa, một số màu có mức thuần khiết và tinh vi vượt xa bất cứ thứ nào mà hiện nay ta đang sử dụng. Có một màu xanh lơ tuyệt vời trong sáng hơn cả màu da trời đẹp đẽ nhất cũng có một màu tím và màu hường không giống bất cứ màu nào thời nay, nhờ đó ta có thể mô phỏng lại sự huy hoàng khôn tả của bầu trời lúc mặt trời lặn gần giống như thật hơn bất cứ lúc nào dường như đạt được vào thời nay. Trong một bức tranh, người ta biểu diễn đồ trang sức bằng vàng, bạc và đồng thau cũng như bằng một kim loại màu đỏ thắm như son mà hiện nay khoa học không biết, người ta diễn tả bằng cách dùng bụi của chính kim loại giống như cách minh họa thời trung cổ, đây là một phương pháp dường như kỳ quặc đối với con mắt thẩm mỹ thời nay, nhưng ta không thể chối bỏ được việc nó tạo ra một ấn tượng dã man, phong phú cực kỳ theo đường lối riêng của nó.

Phép vẽ phối cảnh là chính xác và hoàn toàn phóng khoáng không có sự thô thiển vụng về đặc trưng cho nghệ thuật thời kỳ sau này ở Trung Mỹ và Nam Mỹ. Mặc dù thuật hội họa vẽ phong cảnh rất thịnh hành vào thời đó nhưng vào lúc chúng tôi đang nghiên cứu thì nó không được dùng làm một cứu cánh mà chỉ được dùng làm bối cảnh cho những hình vẽ. Các đám rước tôn giáo thường được chọn làm đề tài hội họa, đôi khi những phong cảnh có Vua hoặc một vị Thống đốc địa phương nào đó đóng vai trò nổi bật.

Khi người ta đã vẽ tranh xong (những họa sĩ chuyên nghiệp vẽ tranh rất nhanh) thì người ta lại tô lên một lớp vẹc ni nào đó, lớp vẹc ni này cũng có tính chất hầu như khô ngay tức khắc. Bức tranh được xử lý như vậy hầu như không thể phai mờ và có phơi ra nắng mưa trong một thời gian dài thì cũng không gây ra được một hậu quả đáng kể nào đối với nó.

Có liên quan mật thiết với nghệ thuật của xứ sở này chính là môn văn chương, vì sách vở được viết ra hoặc nói cho đúng hơn là minh họa trên cùng một vật liệu và dùng cùng một loại màu sắc như các bức tranh. Một quyển sách bao gồm một số tờ giấy mỏng thường thường có kích thước khoảng 18 phân Anh cho sáu tờ, đôi khi

được dán lại bằng sáp nhưng thường hơn chỉ được bảo trì trong một cái hộp sâu từ 3 tới 5 phân Anh. Những cái hộp này được làm bằng đủ thứ vật liệu được ít nhiều trang trí phong phú, nhưng thường được làm bằng kim loại giống như bạch kim và trang hoàng bằng cái sừng khắc vào đó; bằng cách nào đó nó đã được dán cứng vào bề mặt kim loại qua một quá trình làm mềm khiến cho nó dính chặt mà không cần dùng tới đinh tán hoặc xi măn.

Theo chỗ chúng tôi thấy thì không hề có một loại bản chất in ấn nào, cách tiếp cận gần nhất với nó là dùng một loại giấy stencil để tạo ra nhiều bản sao của một loại thông tri chính thức nào đó để nhanh chóng phân phối cho các Thống đốc trên khắp Đế quốc. Tuy nhiên chúng tôi chưa quan sát thấy có trường hợp nào toan tính mô phỏng lại một quyển sách theo kiểu này và quả thật hiển nhiên là một cuộc thí nghiệm như thế ắt bị coi là phạm thượng, vì quốc gia nói chung rất tôn kính sách vở và xử lý chúng cũng trân trọng như bất kỳ tu sĩ nào thời trung cổ. Sao chép lại một quyển sách được dứt khoát coi là một công trạng và nhiều quyển sách được viết tay chép lại đẹp đẽ hơn mang tính nghệ thuật hơn.

Phạm vi văn chương của họ khá hạn hẹp. Có một vài bộ khảo luận có thể được xếp loại dứt khoát mang tính tôn giáo hoặc dù sao đi nữa cũng mang tính luân lý, và chúng đi theo những đường lối giống như các bài giảng của tu sĩ thời xưa mà phần tóm tắt đã được trình bày ở chương trước. Hai ba bộ khảo luận này dứt khoát có khuynh hướng thần bí, nhưng chúng ít được đọc và được lưu truyền hơn những bộ khảo luận được trực tiếp coi là mang tính thực tiễn hơn. Sách thần bí thú vị nhất là sách gần giống như *Thanh tịnh kinh* của Trung quốc và hầu như chắc chắn đó là một phiên bản của nó hơi biến cải đi một chút.

Kho tài liệu văn chương đại khái có thể chia thành hai phần: thông tin khoa học và truyện kể có mục đích. Có những bộ khảo luận hoặc cẩm nang bàn về mọi thuật kinh doanh hoặc thủ công nghiệp hoặc nghệ thuật đang được thực hành trong xứ sở, chúng có bản chất là những quyển sổ tay chính thức thường thường không phải là công trình của bất cứ ai mà đúng hơn là ghi chép lại kiến thức tồn tại về đề tài ấy vào lúc chúng được viết ra. Người ta thường xuyên phát hành những bản phụ lục của những quyển sách này khi có thêm những khám phá mới hoặc sửa đổi những ý kiến cũ và bất cứ ai có một bản sao đều giữ cho nó được thay đổi về mặt tôn giáo và chú thích cập nhật. Vì các vị Thống đốc có trách nhiệm phổ biến thông tin như thế cho nên hầu như họ luôn luôn bảo đảm nó đến tay bất cứ ai quan tâm tới nó; như vậy sách chuyên khảo của Peru về bất cứ đề tài nào là một bản tóm tắt thật sự

kiến thức hữu ích về đề tài ấy, cung cấp cho học viên dưới dạng cô đọng kết quả khảo nghiệm của các tiền bối theo một đường lối đặc thù nào đó.

Các chuyện kể hầu như đều thuộc một loại tổng quát và như tôi có nói, rõ rệt là chuyện kể có mục đích. Nhân vật anh hùng bao giờ cũng là vị Vua, Thống đốc hoặc viên chức cấp dưới và chuyện kể cách mà nhân vật ấy thành công đối phó với đủ thứ trường hợp khẩn cấp xảy ra trong quá trình làm việc của mình. Nhiều chuyện kể mang tính cổ điển là những lời gia huấn cho mọi người mà họ thuộc lòng giống như những chuyện kể trong kinh thánh đối với chúng ta, thường xuyên được tham chiếu và trích dẫn nêu gương phải làm gì và không được làm gì. Như vậy trong hầu hết bất cứ tình huống nào có thể xảy ra được mà con người phải giáp mặt thì trong tâm trí y đã có một loại tiền lệ nào đó để dẫn dắt hành động mình. Không chắc gì tất cả những chuyện kể này đều mang tính lịch sử - chỉ biết chúng đều là chuyện kể về những điều thực sự xảy ra hay một số chỉ là hư cấu – nhưng chắc chắn nói chung người ta chấp nhận chúng là sự thật.

Khi bối cảnh của một câu chuyện như thế xảy ra ở một tỉnh biên cương thì có nhiều chuyện phiêu lưu thường len lỏi vào đó; nhưng may thay (cho các bạn Peru của chúng ta) cái điều ghê tởm chán nản của những người đọc tiểu thuyết thời nay tức là chuyện tình yêu chưa hề xuất hiện trong đó. Nhiều tình huống xuất hiện trong cái chuyện kể đâu phải là không hài hước vì quốc gia này vốn vui nhộn và ham vui; thế nhưng chuyện rõ rệt là tấu hài không hề có chỗ đứng trong khoa văn chương. Còn một chỗ trống đáng tiếc khác là hoàn toàn không có thể như ta biết. Người ta biết rõ và thường trích dẫn một vài câu cách ngôn và thành ngữ gói ghém bằng ngôn từ nhịp nhàng êm tai khá giống như một số câu thơ trong thuật thi ca của chúng ta; tuy nhiên cho dù một số quan niệm ấy thật là thơ mộng thì phong cách của chúng chẳng có gì rõ ràng là nhiều âm điệu. Trong trường hợp đủ thứ câu ngắn gọn thì có những điệp vận để trợ giúp trí nhớ cho trẻ con có thể học thuộc lòng và trong việc phụng trợ tôn giáo thì có vài câu được hát lên dưới dạng âm nhạc; nhưng ngay cả những câu này cũng chỉ thích hợp với việc ngâm lên cũng giống như chúng ta đã thích ứng lời lẽ trong một bài thánh ca với cung bậc Gregoria để hát lên, chứ chúng không được viết ra để thích hợp với một loại âm nhạc nhất định như các bài thánh ca của ta.

Điều này khiến ta phải xét tới môn âm nhạc của người Peru thời xưa. Họ có nhiều loại nhạc cụ trong số đó đáng kể là một ống sáo và một loại hạc cầm để tạo ra được một loại nhạc du dương thoang thoảng, mơ màng, dịu dàng dã man. Nhưng nhạc

cụ chính và phổ biến nhất của họ khá giống về bản chất như một loại dương cầm. Âm thanh được tạo ra do một lưỡi kim loại rung động, nhưng luồng hơi được nén vào trong nhạc cụ không phải do tác động của bàn chân mà do một sự bố trí cơ khí tài tình. Thay vì là những phím đàn như của ta, lại có đỉnh của một cụm những cột kim loại nhỏ mà ngón tay của người chơi đàn ấn vào đó sao cho thao tác này dứt khoát khiến ta nhớ tới thao tác của một người đánh máy thời nay. Nhạc cụ này có thể tạo ra khả năng đáng kể để diễn đạt những điều rất đẹp đẽ, nhưng âm giai của người cổ Peru cũng giống như âm giai của người Atlantis và khác hẳn âm giai của chúng ta đến nỗi ta hầu như không thể đánh giá đúng đắn được những tác dụng tạo ra bằng phương tiện này. Theo chỗ chúng tôi thấy thì không có chuyện bất cứ ai cũng tùy ý viết ra hoặc sao chép lại một bản nhạc, mà những người này hình như không biết; mỗi người chơi nhạc đều là ngẫu hứng tự biên tự diễn; tài năng âm nhạc của họ không phải là năng lực thuyết minh công trình của một bậc thầy mà chỉ là ngẫu hứng phong phú.

Thuật điêu khắc cũng là một thuật phát triển mạnh mẽ trong dân chúng, mặc dù có lẽ ta nên đặc trưng phong cách của họ là táo bạo, hữu hiệu và xông xáo chứ không được tuyệt diệu về mặt thành bại. Hầu như mọi pho tượng đều có vẻ kính thước khổng lồ, một số chắc chắn là những tác phẩm nghệ thuật hùng vĩ; nhưng đối với ai quen mắt thưởng ngoạn nghệ thuật Hi lạp, thì trong cái sức mạnh áp đảo ấy của khoa điêu khắc cổ Peru có một hơi hám gì đó thô lỗ. Tuy nhiên mỹ thuật được thực hiện dưới dạng phù điêu và hầu như luôn luôn được che phủ bằng kim loại vì dân tộc này đặc biệt có khuynh hướng thiên tài về công trình kim khí, là một đường lối thường xuyên tạo ra những đồ trang trí nội thất tuyệt diệu nhất.

Xét về sinh hoạt hằng ngày của quốc gia này cùng với phong cách và phong tục của nó thì có một số điều mà chúng tôi ngay tức khắc chú ý là bất thường và thú vị. Chẳng hạn như phong tục kết hôn của họ dứt khoát là đặc thù vì hôn lễ chỉ diễn ra mỗi năm có một ngày. Công luận đều trông mong là mỗi người đều có đôi có lứa, trừ phi y có lý do chính đáng để sống đơn độc, nhưng về vấn đề này thì chẳng điều gì có thể được coi là cưỡng chế. Tệ nạn tảo hôn bị nghiêm cấm nhưng ngay khi thanh niên thiếu nữ đến tuổi cập kê thì họ được toàn quyền chọn lựa người phối ngẫu của mình chẳng khác nào phong tục của chính chúng ta. Tuy nhiên hôn lễ chỉ có thể diễn ra vào một ngày thích hợp khi quan chức chủ trì một thị trấn hoặc một quận huyện chính thức viếng thăm; lúc bấy giờ tất cả thanh niên thiếu nữ đã đến tuổi có thể kết hôn trong một năm trước kia đều được triệu tập tới trước mặt y để được chính thức thông báo là bây giờ họ được tự do đăng ký kết hôn. Một số tỉ lệ

thanh niên nam nữ thường quyết định lợi dụng ngay cơ hội ấy; do đó họ bước tới trước mặt vị Thống đốc để nêu thỉnh nguyện và sau khi được phỏng vấn vài câu thì được trải qua một nghi thức đơn giản tuyên hôn cho họ thành vợ chồng. Quan chức cũng ra lệnh sửa lại việc phân phối đất đai cho thích ứng với hoàn cảnh mới vì tân lang và tân giai nhân giờ đây không còn được coi là thành viên trong gia đình cha mẹ ruột của mình mà tự thân đã là các chủ gia đình đủ lông đủ cánh. Vì vậy người có gia đình được cấp đất đai nhiều gấp đôi người độc thân, nhưng ngay cả khi đó thì hiếm khi y thấy công việc cày cấy là quá sức mình.

Ta quan sát thấy một điều đặc biệt liên quan tới thức ăn chính của nước này. Dĩ nhiên dân thời đó cũng ăn đủ thứ thức ăn giống như người thời nay. Chúng tôi chẳng biết thịt thú vật có bị cấm hay chăng nhưng chắc chắn vào thời chúng tôi khảo sát thì không thấy người ta ăn thịt. Người ta trồng khoai tây, khoai mài; chế độ ăn của họ phần lớn là đủ thứ tổ hợp, bắp, lúa gạo và sữa, tuy nhiên họ có một loại thực phẩm nhân tạo rất kỳ diệu có thể coi là lương thực cấp dưỡng cho họ, đối với họ nó có vị trí giông giống như bánh mì đối với chúng ta, vì đó là nền tảng chính của hầu hết bữa ăn. Cơ sở của món này là bột bắp được pha trộn với đủ thứ thành phần hóa học sau đó được nén chặt lại để cho đến cuối dây chuyền sản xuất thì ta có một loại bánh cứng với nồng độ thực phẩm rất cao. Thành phần cấu tạo của nó được bố trí cẩn thận để có thể bao gồm mọi thứ cần thiết cho việc dinh dưỡng hoàn hảo thuận tiện đến mức tối đa; và cho đến lúc đó thì cuộc thử nghiệm ấy đã thành công đến nỗi chỉ cần một lát mỏng cũng đủ cấp dưỡng cho trọn cả một ngày và người ta có thể mang nó theo dùng làm lương thực trong cuộc du hành dài ngày mà chẳng bất tiện chút nào.

Cách dùng đơn giản nhất là mút nó chầm chậm giống như thuốc ngậm nhưng nếu có thời giờ thì ta có thể nấu nướng chiên xào nó, những phương thức chế biến này làm cho nó nở ra gấp bội. Tự thân nó hầu như chẳng có mùi vị gì, nhưng người ta có thói quen ướp mùi vị theo đủ kiểu trong quá trình chế biến và đủ thứ mùi vị này được biểu thị bằng nhiều màu sắc khác nhau. Chẳng hạn như một bánh màu hường có mùi lựu, bánh màu xanh lơ có mùi va ni, bánh màu vàng có mùi vị cam, bánh màu hường sọc trắng có mùi vị ổi v.v… sao cho thích ứng được với đủ mọi khẩu vị của mọi người.

Cái loại kẹo nén kỳ diệu này là thực phẩm chính của xứ sở và đa số người ta hầu như chẳng ăn gì khác cho dù họ có nhiều món ăn khác để chọn lựa. Nó được chế biến với số lượng khổng lồ đến nỗi vô cùng rẻ và mọi người đều dễ dàng mua được

cho nên những người bận rộn thấy nó có nhiều ưu điểm hiển nhiên. Người ta trồng nhiều trái cây, ai thích trái cây thì cứ ăn thêm kèm vào loại kẹo ngâm, nhưng mọi món ăn thêm này chỉ là vấn đề khẩu vị chứ không cần thiết.

Toàn thể giống dân này rất thích những con thú cưng đủ loại, trải qua thời gian họ đã chuyên môn phát triển những tạo vật này tới mức phi thường. Những con khỉ nhỏ và mèo con có lẽ là những con thú nói chung được ưa thích nhất và có nhiều loại khỉ mèo được lai giống từ hầu hết mọi loài nguyên thủy cũng giống như những loài biến chất mà chúng ta hiện nay gọi là chó lùn. Xét về loài mèo thì chúng đặc biệt có màu lông rất bất thường vì thậm chí chúng thành công lai giống đến mức có được một số màu lông rõ rệt là không có trong đám thú bốn chân: một màu xanh lơ rực rỡ chắc chắn là đẹp mắt

Nhiều người cũng thích chim nữa, ta có thể trông mong như vậy nơi một lục địa có biết bao nhiêu mẫu chủng loại màu sắc rực rỡ; thật vậy tuyệt nhiên ta không thể không biết ơn họ đã lai giống được một số loài chim lộng lẫy hiện nay vẫn còn ở trong những khu rừng nguyên sinh lưu vực sông Amazon. Một số mệnh phụ quí phái có những chuồng chim khổng lồ làm bằng các dây vàng ở trong sân vườn nhà và dành hết thời giờ rỗi rảnh để cố gắng vun bồi trí khôn và tình thương cho những thú cưng ấy.

Y phục của dân tộc này thật là đơn giản và nghèo nàn: chỉ là một loại quần áo lụng thụng giống như một số quần áo mà thời nay người Đông phương thường mặc, ngoại trừ việc người Peru thời xưa ít mặc quần áo trắng hơn và thường nhuộm màu sắc sặc sỡ hơn người Ấn độ thường dân thời nay. Một đám đông người Peru vào dịp lễ hội là một phong cảnh cực kỳ rực rỡ có lẽ hiện nay chỉ người Miến điện mới bì kịp họ. Theo thông lệ thì quí bà lẽ ra việc ưu ái những chiếc áo dài màu xanh lơ, loại y phục này gần giống như y phục mà các họa sĩ thời trung cổ thường gán cho Đức Mẹ Đồng Trinh Maria, đây là loại thông dụng nhất vào thời chúng tôi đang viết tài liệu. Vải may quần áo thường làm bằng bông mặc dù đôi khi người ta cũng dùng một loại vải len mềm và mịn của loài lạc đà và loài lạc đà không bướu. Có một loại vải rất bền chắc được làm bằng sợi cây được chế biến bằng hóa chất theo một kiểu nào đó khiến cho chúng thích dụng với việc ấy.

Quốc gia này cũng có đủ phương tiện sử dụng những phương pháp thuần túy cơ học để tính toán nhanh chóng, đó là đặc trưng của giống dân Atlantis. Họ dùng một loại bàn tính gần giống như loại mà người Nhật thời nay sử dụng rất khôn khéo, họ cũng tạo ra một vật thay thế rẻ hơn dùng làm một cái khung có một loại

viền gồm sợi dây được thắt nút có lẽ là nguyên bản của *quipus* mà người Tây ban nha hàng ngàn năm sau đó còn thấy thổ dân sử dụng ở nơi chính xứ sở này.

Khi nghiên cứu một nền văn minh xưa như thế thì có biết bao nhiêu điều thú vị nảy sinh ra – những điểm tương tự hoặc tương phản với sinh hoạt thời nay của ta – khiến cho thật khó lòng quyết định xem nếu muốn tường thuật thì phải bỏ bớt đi cái gì hoặc bao gồm cái gì. Chúng tôi không thể truyền đạt cho bạn đọc cái ý thức về thực tại sống động vốn tác động lên tất cả chúng tôi khi có dịp chứng kiến, nhưng chúng tôi tin rằng ít ra đối với một số bạn đọc thì chúng tôi cũng đâu phải hoàn toàn thất bại trong việc khiến cho quá khứ đã từng chết đi lâu rồi của họ bừng sống trở lại trong những phút giây ngắn ngủi. Và xin các bạn nhớ cho rằng bản thân chúng tôi – nhiều người hiện nay đang sống và làm việc ở Hội Thông Thiên Học – đã sinh ra trong đám dân cổ Peru vào chính cái thời ấy; nhiều người bạn thân mà hiện nay chúng tôi biết rất rõ và rất yêu mến thì vào cái thời xa xưa ấy cũng là thân bằng quyến thuộc của chúng tôi. Điều này khiến cho ký ức về mọi thứ mà chúng tôi cố gắng miêu tả ắt phải nằm sâu yên nghỉ bên trong thể nguyên nhân của nhiều bạn đọc và biết đâu nơi một số bạn đọc cái ký ức ấy có thể dần dần sống lại khi lặng lẽ suy nghĩ về những điều được miêu tả. Nếu có ai thành công như thế, thì họ ắt ngộ ra được thật kỳ diệu và thú vị xiết bao khi xem xét trở lại những kiếp sống đã bị lãng quên từ lâu rồi để xem từ đó đến nay chúng ta đã thu lượm được gì và thất bại chẳng thu hoạch được gì (xem phụ lục IV).

Thoạt tiên thì dường như thể xét về nhiều mặt quan trọng ta đã thoái hóa nhiều hơn là tiến bộ. Từ đó đến nay, sinh hoạt trên cõi trần với mọi môi trường xung quanh theo như chúng tôi biết dứt khoát là đã được quản lý tốt hơn bao giờ hết. Các cơ hội để làm việc vị tha và tận tụy với bổn phận dành cho giai cấp thống trị có lẽ chưa bao giờ đã được thực hiện tốt hơn; thế nhưng ta phải công nhận rằng những giai cấp kém khôn ngoan hơn chẳng cần phải phấn đấu hoặc nỗ lực động não, mặc dù khi họ tỏ ra như vậy thì sẽ được tưởng thưởng xứng đáng.

Chắc chắn là thời nay, tình hình công luận không được cao trào, mà ý thức bổn phận cũng không được mạnh mẽ như thời xưa. Nhưng thật ra khó mà so sánh một cách công tâm. Cho đến nay chúng ta tương đối vẫn còn là một Dân tộc non trẻ trong khi cái mà ta đang khảo sát là một dòng dõi huy hoàng nhất của một Dân tộc từ lâu rồi đã đạt thời oanh liệt. Bây giờ chúng ta mới đang trải qua một thời kỳ thử thách, bão táp và cảm thông bởi vì chúng ta còn vô minh nhưng khi ra khỏi tình huống ấy rồi thì đến lúc chúng ta phát triển được một chút lương tri, chúng ta sẽ

gặt hái được một mùa thành công an nghỉ để khi cờ đến tay theo đúng luật tiến hóa thì chúng ta sẽ phất cờ đạt tới một mức còn cao hơn họ nữa.

Ta phải nhớ rằng cho dù tôn giáo của họ thật hay ho thì theo chỗ chúng tôi biết nó chẳng có chút gì thực sự có thể được gọi là Huyền bí học; họ chẳng hề lĩnh hội được cái hệ thống tiến hóa lớn lao của vũ trụ mà chúng ta biết được khi có đặc quyền nghiên cứu Thông Thiên Học. Khi Căn chủng thứ Năm của chúng ta đã đạt tới trình độ giống như vậy thì chúng tôi chắc chắn có thể hi vọng rằng việc phối hợp môi trường vật lý xung quanh cũng tốt như họ với giáo huấn hình học chân chính, với sự phát triển tâm linh và trí tuệ cao hơn mức chúng ta có thể đạt được khi chúng ta tham gia vào cái di tích xa xưa oanh liệt của nền văn minh Atlantis cách đây 14.000 năm.

CHƯƠNG XIII

Hai nền văn minh Atlantis
Dân Turanie, Cổ Chaldea năm 19.000 trước Công nguyên.

Hai nền văn minh Atlantis

Dân Turanie, Cổ Chaldea năm 19.000 trước Công nguyên.

Một nền văn minh cổ khác làm chúng tôi chú ý theo cách của riêng nó hàu như cũng chẳng kém gì nền văn minh Peru, đó là nền văn minh phat khởi ở vùng châu Á mà sau này ta gọi là Babylon hay Chaldea. Có một điều kỳ diệu mà 2 Đế quốc lớn này thời xưa lại giống nhau, đó là một trong thời kỳ suy đồi nhiều thập kỷ sau này so với thời oanh liệt lúc mà ta nghiên cứu chúng thuân lợi nhất, mỗi một Đế quốc đều bị chinh phục bởi đám dân thấp hơn mình nhiều về qui mô văn minh; tuy nhiên họ lại ra sức chọn theo càng nhiều càng tốt những phong tục, về mặt dân sự và tôn giáo của giống dân cổ hủ mà họ đã khống chế được. Cúng giống như xứ Peru mà Pizarro khám phá ra được về hầu hết mọi phương diện đều chỉ là một bản sao nhợt nhạt của Peru cổ xưa hơn mà chúng tôi đã cố gắng miêu tả; cũng vậy xứ Babylon mà người nghiên cứu khảo cổ học biết tới thì xét về nhiều phương diện là một loại phản ánh suy đồi của một Đế quốc xưa hơn và lớn hơn.

Xét về nhiều mặt nhưng có lẽ không phải là mọi mặt. Có thể là khi đạt tột đỉnh vinh quang, vương quốc sau này có thể vượt qua tiền bối của mình về sức mạnh quân sự, về qui mô lãnh thổ hoặc về nền thương mại; nhưng xét về việc sống đơn giản, việc nhiệt thành sùng tín đối với những giáo điều của tôn giáo đáng chú ý mà họ theo đuổi và thực sự biết được những sự kiện trong thiên nhiên thì giống dân thời xưa hầu như chắc chắn là ưu việt hơn.

Có lẽ ít có sự tương phản nào lớn lao hơn giữa hai xứ sở mà chúng tôi đang xét là Peru và Babylon. Ở Peru, hệ thống chính quyền rất đáng chú ý là đặc điểm nổi bật, còn tôn giáo tạo thành một bộ phận tương đối nhỏ của sinh hoạt trong nhân dân – thật vậy chức năng trong chính quyền của các tu sĩ là giáo dục, y tế, nhân viên trong hệ thống vĩ đại cấp dưỡng cho người già, đã lồ lộ ra ngay trước mắt của kẻ biết suy nghĩ lấn áp hẳn công việc đôi khi mới có một lần của họ là ca ngợi hoặc rao giảng liên quan tới với việc phụng tự trong đền thờ. Mặt khác, ở Chaldea hệ thống chính quyền tuyệt nhiên không ngoại lệ, tác nhân chính trong đời sống ở đó chủ

yếu là tôn giáo, vì không có công trình thuộc bất cứ loại nào được khởi sự mà không đặc biệt đề cập tới nó. Thật vậy tôn giáo của nhân dân thấm nhuần và khống chế sinh hoạt của họ tới mức độ chỉ giai cấp Bà la môn ở Ấn độ mới sánh kịp.

Ta nên nhớ rằng trong đám người Peru thì tục thờ cúng tôn giáo chẳng qua chỉ là một hình thức tôn thờ Mặt trời cực kỳ hay ho hoặc nói cho đúng hơn là tôn thờ Tinh thần Mặt trời; các giáo điều của nó chẳng có bao nhiêu và rõ ràng, còn đặc trưng chủ yếu của nó là tinh thần hoan hỉ thấm nhuần tất cả. Ở Chaldea, đức tin vốn nghiêm túc hơn và thần bí hơn, nghi lễ phức tạp hơn nhiều. Ở đó người ta chẳng những tôn thờ Mặt trời mà còn tôn thờ Đội binh Thiên giới; tôn giáo ở đây quả thật là một hệ thống thờ cúng hết sức cầu kỳ đối với các Tinh quân vĩ đại, bao gồm trong đó có một qui tắc thực hành về đời sống hàng ngày là một hệ thống Chiêm tinh học bao quát và được triển khai kỹ lưỡng.

Hiện nay ta hãy tạm thời trì hoản việc mô tả những đền thờ nguy nga của họ cùng với nghi thức lộng lẫy mà trước hết chỉ xem xét mối quan hệ của tôn giáo kỳ lạ này với sinh hoạt của nhân dân. Muốn hiểu được tác dụng của nó, ta phải cố gắng tìm hiểu quan điểm của họ về Chiêm tinh học; và tôi nghĩ rằng chúng ta ắt thấy nó xét chung là một quan điểm rõ rệt mang tính lương tri – quan điểm có thể được những bậc thầy về nghệ thuật ấy thời nay chọn theo một cách rất có lợi.

Dĩ nhiên bất cứ vị tu sĩ hoặc thầy giáo nào đều chưa bao giờ chủ trương ý tưởng cho rằng bản thân các hành tinh vật lý có ảnh hưởng gì tới những sự việc của con người; thậm chí theo chỗ chúng tôi biết thì ngay cả những người dốt nát nhất trong đám thường dân vào thời kỳ ban sơ mà hiện nay chúng tôi nói tới cũng không nghĩ như vậy. Lý thuyết dành cho các tu sĩ là một thuyết toán học hết sức cầu kỳ, có lẽ được truyền thừa lại cho họ qua một truyền thống liên tục từ các bậc thầy thời sơ khai vốn có kiến thức trực tiếp ngay tức khắc về những sự kiện vĩ đại trong thiên nhiên. Ý tưởng chung về hệ thống của họ cũng không khó hiểu lắm, nhưng dường như trong không gian ba chiều của ta không thể xây dựng được một hình vẽ toán học nào thỏa mãn được những yêu cầu trong giả thuyết của họ về mọi chi tiết – ít ra theo kiến thức mà chúng tôi có được hiện nay.

Thế là toàn thể Thái dương hệ với mọi thứ phức tạp trong đó đều chỉ được coi là một Thực thể vĩ dại, còn các bộ phận của nó là những biểu hiện riêng phần của Ngài. Mỗi thành phần cấu tạo vật lý của nó – mặt trời cùng với vành nhật hoa rực rỡ, mọi hành tinh cùng với các vệ tinh, đại dương, bầu khí quyển và đủ thứ chất ether vây quanh chúng – mọi thứ này xét chung hợp thành thể xác của Ngài tức là

biểu hiện của Ngài trên cõi trần. Cũng giống như vậy, tập thể các cõi trung giới (chẳng những là cõi trung giới thuộc về các hành tinh vật lý, mà còn là các bầu hành tinh thuần túy bằng chất trung giới của tất cả hành tinh trong thái dương hệ; (chẳng hạn như các hành tinh B và F trong các dãy hành tinh trái đất) tạo thành thể vía của Ngài; còn tập thể các thế giới trên cõi trí tuệ tạo thành thể trí của Ngài, tức hiện thể mà Ngài dùng để biểu lộ trên cõi đặc thù ấy.

Cho đến đây thì ý tưởng thật là rõ ràng và tương ứng khắng khít với điều mà chính chúng tôi đã được giảng dạy về Đức Thượng Đế vĩ đại của Thái dương hệ chúng ta [1]

Bây giờ ta hãy giả sử rằng trong cơ thể của Ngài ở nhiều mức khác nhau có các lớp hoặc loại hình vật chất khác nhau được phân phối đều trên khắp Thái dương hệ. Các loại hình này tuyệt nhiên không tương ứng với việc ta phân chia một cõi ra thành các cảnh – việc phân chia này được thực hiện theo mức độ trọng trược của vật chất sao cho trên cõi trần chẳng hạn ta có các trạng thái vật chất ở thể đặc, thể lỏng, thể hơi và dạng dĩ thái. Trái lại việc phân chia nêu trên cấu thành một loạt những sự phân chia chéo khác hẳn, mỗi phần phân chia chéo bao gồm vật chất thuộc đủ mọi trạng thái vật chất khác nhau sao cho nếu ta biểu thị đủ thứ loại hình này bằng những con số thì ta ắt có vật chất thể đặc, thể lỏng và thể hơi thuộc loại vật chất thể đặc, thể lỏng, thể hơi thuộc loại hai, cứ thế mà tiếp diễn.

Trường hợp này xảy ra ở mọi mức, nhưng để cho rõ ràng hiện nay ta hãy hạn chế tư tưởng của mình vào chỉ một mức thôi. Có lẽ ta dễ dàng lĩnh hội được ý tưởng nhất khi xét về cõi trung giới. Người ta thường giải thích rằng trong thể vía của một người đều có vật chất thuộc về mỗi một trong các cảnh trung giới và tỉ lệ giữa các loại thô và loại tinh cho thấy thể vía có thể đáp ứng được bao nhiêu với những ham muốn thô trược hoặc thanh bai và như vậy trong một chừng mực nào đó mức độ mà người này tiến hóa được ắt biểu thị như thế. Tương tự như vậy trong mỗi thể vía thì vật chất cũng có những loại phân chia chéo, và trong trường hợp này tỉ lệ giữa những loại phân chia chéo ấy biểu thị bẩm tính của con người liệu y dễ bị kích động hay thanh thản, hâm hở hay điềm đạm kiên nhẫn hay sốt ruột v.v…

Thế mà thuyết của Chaldea cho rằng mỗi một loại hình vật chất trong thể vía của Thái dương Thượng Đế - đặc biệt là khối lượng tinh hoa ngũ hành hoạt động thông qua loại hình ấy đều có những ái lực riêng biệt đối với một hiện thể riêng biệt – hầu như là một thực thể riêng biệt – trong một chừng mực nào đó có thể rung động theo ảnh hưởng mà có lẽ những loại hình khác không đáp ứng. Các loại hình này khác

nhau bởi vì vật chất cấu tạo nên chúng nguyên thủy phát xuất qua các trung tâm lực khác nhau của Thái dương Thượng Đế và vật chất thuộc mỗi loại hình này vẫn còn đồng cảm khắng khít với trung tâm lực có dính dáng tới nó sao cho sự biến đổi nhỏ nhất thuộc bất cứ loại nào trong tình huống của trung tâm lực ấy sẽ được phản ứng ngay tức khắc dưới một dạng nào đó qua mọi vật chất thuộc loại hình tương ứng.

Vì mọi người đều có nơi bản thân vật chất thuộc đủ mọi loại hình cho nên rõ rệt là bất cứ sự biến thái nào hoặc tác động nào của bất kỳ trung tâm lực nào cũng đều ảnh hưởng tới mọi sinh linh trong Thái dương hệ ở một mức độ nào đó; và tầm mức mà bất cứ người đặc thù nào chịu ảnh hưởng vốn tỉ lệ với hình vật chất mà y chịu ảnh hưởng vốn có sẵn trong thể vía của y. Điều này có nghĩa là chúng ta có nhiều loại hình người cũng như nhiều loại hình vật chất và bởi vì chúng được cấu tạo để hợp thành thể vía của con người cho nên một số chịu ảnh hưởng thuộc loại này nhiều hơn, còn một số chịu ảnh hưởng loại khác nhiều hơn.

Khi xem xét từ một cõi cao cấp đúng mức thì ta thấy toàn thể Thái dương hệ bao gồm các trung tâm lực lớn này, xung quanh mỗi trung tâm lực là một phạm vi ảnh hưởng bao la, biểu thị giới hạn mà thần lực tuôn đổ qua trung tâm lực đặc biệt tác động trong giới hạn ấy. Mỗi một trung tâm lực này có một loại thay đổi trật tự định kỳ hoặc chuyển động của riêng mình, có lẽ trên một cõi nào đó vô cùng cao thì nó tương ứng với nhịp đập đều đặn của quả tim vật thể của con người. Nhưng bởi vì một số sự thay đổi định kỳ này nhanh hơn hẳn những sự thay đổi khác, cho nên nó tạo ra một loạt những tác dụng kỳ diệu và phức tạp; ta đã quan sát thấy rằng chuyển động của các hành tinh vật lý tương quan với nhau ắt cung ứng được manh mối cho sự bố trí các phạm vi ảnh hưởng này vào bất cứ một thời điểm cho sẵn nào. Ở Chaldea người ta chủ trương rằng khi bầu tinh vân cháy đỏ nguyên thủy dần dần ngưng tụ lại để cho Thái dương hệ hình thành ra từ đó thì vị trí của các hành tinh vật lý được xác lập do sự tạo thành các xoáy lực ở một vài giao điểm của các phạm vi ảnh hưởng này đối với nhau cũng như đối với một cõi cho sẵn.

Các ảnh hưởng này thuộc về những phạm vi ấy khác hẳn nhau về tính chất và đó là cách thức khiến cho sự khác nhau này biểu lộ tác động xuyên qua tinh linh ngũ hành nơi con người cũng như xung quanh con người. Ta nên nhớ rằng ảnh hưởng này được giả định là tác động trên *mọi* cõi chứ không phải chỉ trên cõi trung giới, mặc dù vừa mới đây thôi để cho được đơn giản. Chúng ta đã hạn chế việc chú ý vào cõi ấy. Ảnh hưởng có thể và ắt hẳn phải có những đường lối tác động khác quan

trọng hơn mà hiện nay chúng ta không rõ; nhưng ít ra thì điều này cũng buộc người quan sát phải lưu ý là mỗi phạm vi ảnh hưởng gây tác động đặc biệt lên đủ thứ tinh hoa ngũ hành.

Chẳng hạn như một ảnh hưởng kích thích mạnh mẽ hoạt động và sức sống của các loại tinh hoa ngũ hành vốn đặc biệt thuộc về trung tâm lực mà nó thoát thai từ đó trong khi xét theo biểu kiến lại kiểm soát và khống chế các loại tinh linh ngũ hành khác, ảnh hưởng của một phạm vi khác vốn mạnh mẽ đối với một loại tinh hoa ngũ hành khác thuộc về trung tâm lực ấy, trong khi xét theo biểu kiến lại tuyệt nhiên không ảnh hưởng tới các tinh hoa ngũ hành nêu ở ví dụ trước. Có đủ loại tổ hợp và hoán vị thuộc các ảnh hưởng này, trong một số trường hợp tác động của ảnh hưởng được tăng cường rất nhiều, còn trong những trường hợp khác hầu như lại bị hóa giải cho sự có mặt của một ảnh hưởng khác.

Ở đây tất nhiên ta sẽ thắc mắc chẳng biết các tu sĩ Chaldea có tin vào thuyết số mệnh hay chăng: sau khi đã khám phá ra và tính toán được tác dụng chính xác của những ảnh hưởng này đối với đủ thứ loại người thì chẳng biết họ có tin hay chăng việc những kết quả này là không thể tránh khỏi và ý chí của con người cũng bất lực không chống lại được. Đối với thắc mắc vừa nêu thì lời giải đáp của họ luôn luôn là nhấn mạnh: ảnh hưởng này tuyệt nhiên chắc hẳn là không có khả năng khống chế được ý chí của con người; trong một số trường hợp chúng có thể làm cho dễ dàng hơn hoặc gây khó khăn hơn đối với ý chí đang tác động theo một đường lối nào đó. Vì thể vía và thể trí của con người hầu hết đều bao gồm loại vật chất linh hoạt được cấp sinh lực mà hiện nay ta gọi là tinh hoa ngũ hành, cho nên bất kỳ sự kích động bất thường nào của bất cứ lớp tinh hoa ngũ hành nào hoặc là một sự gia tăng đột ngột hoạt động của nó chắc chẳng phải ảnh hưởng trong một chừng mực nào đó tới xúc động và trí tuệ của y hoặc là cả hai; và cũng hiển nhiên là những ảnh hưởng này phải tác động lên những người khác nhau không giống như nhau bởi vì tinh hoa ngũ hành cấu tạo nên các hạ thể của họ theo những tỉ lệ không giống nhau.

Nhưng ta có thể đoán chắc rằng trong bất kỳ trường hợp nào thì con người cũng không thể bị chúng lôi cuốn vào bất cứ đường lối hoạt động nào nếu ý chí của y không phê chuẩn, mặc dù rõ ràng y có thể bị chúng ngăn cản hoặc được chúng trợ giúp trong bất cứ nỗ lực nào mà y có cơ hội thành đạt. Các tu sĩ dạy rằng những người thật sự dũng mãnh hầu như chẳng quan tâm bao nhiêu tới ảnh hưởng xảy ra cho mình đối với cung mệnh, nhưng đối với người thường thì tốt hơn nên biết lúc nào thì lực này hay lực nọ có thể được ứng dụng thuận lợi nhất.

Họ giải thích cặn kẽ rằng giống như bất kỳ lực nào khác trong thiên nhiên (mà hiện nay ta có thể nói tới, chẳng hạn như điện hoặc bất cứ lực thiên nhiên nào khác), tự thân những ảnh hưởng ấy chẳng tốt mà cũng chẳng xấu, chúng có thể trợ giúp hoặc gây hại tùy theo cách sử dụng của con người đối với chúng. Cũng giống như chúng ta có thể nói rõ khi bầu không khí được tích đầy điện thì một vài cuộc thí ngiệm dễ thành công hơn, còn cũng trong tình huống ấy một vài thí nghiệm khác có lẽ sẽ thất bại; cũng vậy các tu sĩ bảo rằng một nỗ lực cần phải vận dụng tới các lực thuộc bản chất trí tuệ hoặc xúc động của ta ắt ít nhiều dễ dàng thành tựu được mục tiêu tùy theo ảnh hưởng đang khống chế vào lúc nỗ lực ấy.

Vì vậy ta nên hiểu rằng các yếu tố này có thể được một con người với quyết tâm sắt đá hoặc một người nghiên cứu Huyền bí học thực sự dẹp qua một bên coi là không đáng kể; tuy nhiên bởi vì đại đa số loài người vẫn còn chấp nhận thân phận bèo dạt mây trôi theo những sức mạnh của ham muốn chứ chưa chịu phát triển bất cứ điều gì đáng gọi là ý chí của riêng mình, cho nên cũng đúng thôi khi sự yếu đuối của họ khiến cho các các ảnh hưởng này đóng một vai trò quan trọng đến nỗi tự thân họ không tự quyết được.

Sự kiện một ảnh hưởng đặc biệt vào vốn đang tác động không bao giờ khiến cho một biến cố *tất nhiên* phải xảy ra, nhưng nó khiến cho biến cố ấy có nhiều khả năng xảy ra. Chẳng hạn như nhờ vào cái mà Chiêm tinh học hiện đại gọi là ảnh hưởng của Hỏa tinh thì một số rung động trong tinh hoa ngũ hành của thể vía bèn được xác lập với khuynh hướng điều động sự đam mê. Như vậy ta có thể an toàn tiên đoán rằng một người bản chất có khuynh hướng đam mê và dâm dục, đến khi ảnh hưởng ấy khống chế rõ rệt tác động của y thì rất có thể y sẽ phạm phải một tội ác nào đó liên quan tới sự đam mê hoặc dâm dục; tuyệt nhiên không phải là y *bắt buộc* phải gây ra tội ác ấy, nhưng có điều là một tình huống đã xuất hiện khiến cho y khó lòng duy trì được sự thăng bằng của mình. Đó là vì tác động này ảnh hưởng tới y theo cả hai mặt nội công ngoại kích.Chẳng những tinh hoa ngũ hành *bên trong* thể vía của y bị kích động hoạt động mạnh mẽ hơn mà loại vật chất tương ứng ở nơi cõi trung giới bên ngoài cũng gia tăng hoạt động nhanh hơn để rồi phản tác động lên y.

Người ta thường nêu ra một ví dụ là có một loại ảnh hưởng nào đó đôi khi gây ra tình huống sự việc trong đó mọi dạng kích động thần kinh đều được tăng cường ghê gớm, hậu quả nói chung là gây ra một ý thức nhốn nháo lan tràn. Trong tình huống ấy, những cuộc cãi cọ bùng nổ dễ dàng hơn lúc bình thường, ngay cả với

những cái cớ lặt vặt nhất và đại đa số mọi người luôn luôn hầu như mất bình tĩnh không còn tự chủ nổi nữa ngay cả đối với một sự khiêu khích kém bình thường.

Đôi khi nghe đâu có xảy ra những ảnh hưởng như thế tác động lên mối bất mãn âm ỉ với sự ganh tị ngấm ngầm, có thể được thổi bùng cháy lên thành một cơn điên dại của quần chúng rồi từ đó lan tràn ra như dịch bệnh. Hiển nhiên là lời cảnh báo đưa ra cách đấy hàng ngàn năm cho đến nay vẫn còn được nghiệm đúng; chính theo kiểu đó mà dân Paris năm 1870 đã bị kích động tràn ra đường phố hò hét "Bá linh!" và cũng chính vì thế mà biết bao nhiêu lần những tiếng gào thét ma quỉ "Din! din!" đã dễ dàng kích động được sự cuồng tín điên dại của đám đông người Hồi giáo kém văn minh.

Vì vậy khoa Chiêm tinh học của các tu sĩ Chaldea chủ yếu tập trung vào sự tính toán vị trí và tác động của các phạm vi ảnh hưởng sao cho chức năng chính của nó chủ yếu là tạo thành một qui tắc sinh hoạt chứ không phải để tiên đoán tương lai hoặc ít ra nếu có tiên đoán thì chỉ nói khuynh hướng chứ không nhắc tới những diễn biến đặc biệt; trong khi đó khoa Chiêm tinh học thời nay dường như chủ yếu đi theo đường lối tiên tri các diễn biến đặc biệt.

Tuy nhiên người Chaldea chắc chắn là đúng khi khẳng định rằng quyền năng của ý chí con người thay đổi số phận của mình được thể hiện qua nghiệp của y. Nghiệp có thể đưa y vào một môi trường xung quanh nào đó hoặc khiến y chịu một ảnh hưởng nào đó, nhưng nó không bao giờ có thể buộc y phạm phải một tội ác nào đó, mặc dù nó có thể thử thách y đến nỗi y cần phải quyết tâm sắt đá mới tránh được tội ác ấy. Vì vậy chúng tôi thấy dường như có khi khoa Chiêm tinh học có thể cảnh báo được con người vì những tình huống mà vào một lúc nào đó y nên tìm cách an trú nơi ấy, nhưng bất cứ lời tiên tri nào về hành động của y trong tình huống ấy thì xét về mặt lý thuyết chỉ mang tính xác suất thôi cho dù chúng tôi thừa biết rằng xác suất ấy hầu như là chắc chắn trong trường hợp kẻ phàm phu lang thang trên đường phố.

Những tính toán của các tu sĩ thời xưa này giúp cho họ mỗi năm có thể lập ra được một loại niên lịch chính thức nào đó khiến cho nói chung chi phối được trọn cả sinh hoạt của dân chúng. Họ quyết định lúc nào là thời điểm tối ưu để mọi việc nhà nông có thể được tiến hành an toàn nhất, họ tuyên bố lúc nào thích hợp để dàn xếp phải chọn giống cho thú vật và cây cối. Họ là thầy thuốc cũng như thầy giáo đối với nhân dân và họ biết chính xác đủ thứ loại thuốc men của họ có thể được uống hữu hiệu nhất trong những bối cảnh ảnh hưởng nào.

Họ chia tín đồ ra thành từng lớp, gán cho mỗi tín đồ cái mà nay ta gọi là tinh quân của y để rồi trong niên lịch có đầy những lời cảnh báo đối với những lớp người khác nhau chẳng hạn như: "Vào ngày thứ bảy thì những người nào thờ Hỏa tinh nên đặc biệt cảnh giác coi chừng sẽ cáu kỉnh vô cớ"; hoặc là: "Từ ngày thứ 12 tới 15 có nguy cơ bất bình thường liều lĩnh về vấn đề liên quan tới tình ái, nhất là những kẻ thờ Kim tinh" v.v... Chúng tôi không thể nghi ngờ việc những lời cảnh báo này có ích lợi rất nhiều cho đại khối quần chúng, mặc dù đối với một số người trong chúng ta thời nay thì sự phòng ngừa đối với những trường hợp bất ngờ lặt vặt như thế quả là một hệ thống cầu kỳ lạ lùng.

Do việc phân chia người ta đặc biệt như thế ra thành các loại hình tùy theo hành tinh được chỉ định là chiếm vị trí trung tâm ảnh hưởng mà họ dễ chịu ảnh hưởng nhất, đã nảy sinh ra một sự bố trí cũng kỳ lạ không kém đối với cả việc phụng tự ở các đền thờ công cộng lẫn sự sùng tín riêng tư của các tín đồ - một vài giờ trong ngày dùng để cầu nguyện, được điều chỉnh theo chuyển động biểu kiến của mặt trời, thì ai ai cũng phải tuân theo; lúc mặt trời mọc, giữa trưa và mặt trời lặn thì các tu sĩ ở đền thờ hát những bài thánh ca hoặc thánh thi, còn những người sùng đạo nhiều hơn trong đám quần chúng thì có mặt đều đặn trong những buổi phụng tự ngắn; trong khi đó những kẻ nào không tiện tham dự vào các nghi lễ ấy có thể tùy ý tuân theo điều đó vào mỗi một trong những giờ này bằng cách chỉ niệm một vài câu mộ đạo ngắn ngủi gồm lời cầu nguyện và tán tụng.

Nhưng ngoài những diều tuân thủ này ra vốn dường như chung cho mọi người, mỗi người lại có những câu cầu nguyện đặc biệt riêng tư để dâng lên Đấng thiêng liêng đặc thù mà mình đã gắn bó từ lúc ra đời; và thời gian thích hợp cho chúng thường xuyên biến thiên theo chuyển động của hành tinh. Lúc nó băng ngang qua đường kinh tuyến dường như được coi là lúc thích hợp nhất, kế đó là lúc một vài phút ngay sau khi nó mọc trên đường chân trời hoặc trước khi nó lặn dưới đường chân trời. Tuy nhiên người ta có thể cầu khấn tới nó và bất cứ lúc nào ở trên đường chân trời; và ngay cả khi ở dưới đường chân trời thì vị Tinh quân của hành tinh cũng không hoàn toàn ngoài tầm với, mặc dù trong trường hợp này người ta chỉ ngỏ lời với Ngài trong trường hợp hết sức khẩn cấp nào đó và trọn cả nghi thức được sử dụng là khác hẳn.

Những lịch riêng biệt mà các tu sĩ soạn ra để cho những người tôn thờ mỗi một trong các Tinh quân hành tinh này có nhiều chi tiết đặc biệt về giờ thích hợp để cầu nguyện và những câu thơ thích hợp để được ngâm tụng vào mỗi giờ. Điều ta có thể

miêu tả là một loại kinh cầu nguyện định kỳ đều được phát hành dành cho mỗi hành tinh và tất cả những ai gắn liền với hành tinh ấy đều cẩn thận tự trang bị những bản sao của kinh ấy. Thật ra những lịch này là một điều gì đó còn hơn cả mức chỉ nhắc nhở tới giờ cầu nguyện. Chúng được soạn ra trong những tình huống tinh tú đặc biệt (mỗi tình huống chịu ảnh hưởng của Đấng Tinh quân riêng) và người ta giả sử, chúng có đủ mọi tính chất bùa ngải sao cho người nhiệt thành với bất kỳ hành tinh đặc biệt nào luôn luôn mang theo mình quyển lịch mới nhất.

Do đó suy ra rằng người mộ đạo thời cổ Chaldea không có giờ cầu nguyện hoặc giờ cúng đều đặn lúc nào cũng vào giờ ấy, hết ngày này sang ngày khác giống như trường hợp hiện nay; nhưng thay vì vậy, thời giờ tham thiền và phụng tự tôn giáo của y lại linh động, ba hồi xảy ra vào buổi sáng, ba hồi vào buổi trưa, ba hồi vào chiều tối hoặc ngay cả vào lúc nửa đêm. Nhưng khi đến giờ thì y không được bỏ sót, cho dù giờ giấc này có thể bất tiện cho công việc kinh doanh, vui chơi hoặc sự ngơi nghỉ của y thì y cũng phải coi đó là một sự khiếm khuyết nghiêm trọng về bổn phận nếu y lờ đi không lợi dụng cơ hội ấy. Theo như chúng tôi biết thì không có tư tưởng nào trong tâm trí y mà Tinh linh hành tinh lại không cảm thấy bực bội nếu y lơ là giờ cầu nguyện hoặc quả thật Tinh linh hành tinh cỏ thể cảm thấy giận dữ; nói cho đúng hơn thì vào lúc ấy Tinh quân đang tuôn đổ ra một sự ban phước và chẳng những là điên rồ mà còn là bội bạc nếu ta bỏ lở cơ hội được hiến ra một cách tử tế như thế.

Tuy nhiên những điều này chỉ là những sự sùng bái riêng tư của nhân dân; họ còn có những nghi lễ công khai lớn lao và tưng bừng nữa. Mỗi một hành tinh đều gán cho mình ít nhất hai lễ hội lớn trong năm, còn Mặt trời và Mặt trăng có nhiều lễ hội hơn hẳn. Mỗi Tinh quân hành tinh đều có các đền thờ ở khắp nơi trong xứ sở và có những dịp bình thường thì các tín đồ chỉ cần thường xuyên tới thăm nơi gần nhất; nhưng vào những lễ hội lớn mà chúng ta đang đề cập tới thì các đám đông khổng lồ tụ tập ở vùng bình nguyên sông lớn lân cận thủ đô nơi có một nhóm đền thờ lộng lẫy hoàn toàn độc nhất vô nhị.

Bản thân những dinh thự này cũng đáng chú ý được coi là những ví dụ điển hình của một phong cảnh kiến trúc tiền sử; nhưng điều thú vị nhất lại ở nơi sự kiện, sự bố trí chúng rõ rệt được dự tính để biểu diễn sự bài trí của Thái dương hệ; và khi người ta hiểu rõ nguyên tắc bày trí này thì nó chắc chắn cho thấy những người thiết kế hiểu biết đáng kể về đề tài này, cho đến nay đền thờ lớn nhất và rực rỡ nhất trong tất cả là đền thờ Mặt trời khổng lồ mà bây giờ ta cần miêu tả khá chi tiết hơn.

Những đền thờ khác được dựng nên ở những khoảng cách càng ngày càng xa dần chỗ ấy, thoạt nhìn dường như được xây dựng chỉ theo sự thuận tiện chứ không theo trật tự kế hoạch nào.

Tuy nhiên việc xét kỹ cho ta thấy rằng có một kế hoạch và là một kế hoạch đáng chú ý – chẳng những khoảng cách tăng dần của những đền thờ nhỏ này so với đền thờ chính có một tỉ lệ nhất định và một ý nghĩ nhất định mà ngay cả kích thước tương đối của một vài bộ phận quan trọng trong đền thờ đều không phải là ngẫu nhiên vì chúng lần lượt tiêu biểu cho kích thước của các hành tinh và khoảng cách từ chúng tới mặt trời. Thế mà đối với bất cứ ai biết chút ít điều gì về thiên văn học cũng đều thấy rõ rằng việc toan tính xây dựng một mô hình Thái dương hệ theo thang bậc đó trong các đền thờ ắt bị tiền định là thất bại – nghĩa là nếu các đền thờ phải được dùng để cho việc thờ cúng bình thường. Sự khác nhau về kích thước giữa Mặt trời và các thành viên nhỏ hơn trong gia đình thật là bao la và khoảng cách giữa chúng cũng thật là vĩ đại cho đến nỗi nếu các dinh thự không được làm theo kiểu chỉ là nhà búp bê thì ta thấy không một xứ sở nào đủ diện tích để bao gồm toàn Thái dương hệ.

Vậy thì làm thế nào mà các vị Thánh triết Chaldea vốn thiết kế nhóm đền thờ kỳ diệu này lại phấn đấu để khắc phục những khó khắn ấy? Chính xác cũng như những nhà minh họa trong các sách hiện nay về Thiên văn học – bằng cách dùng hai thang đo khác hẳn nhau nhưng giữ cho tỉ lệ tương đối ăn khớp với nét phác họa của mỗi bên. Trong tòa nhà kỳ diệu này không có điều gì với những tài khéo thời xưa chứng tỏ cho ta biết rằng người thiết kế biết được kích thước tuyệt đối và khoảng cách của các hành tinh, mặc dù dĩ nhiên y có thể làm như vậy; điều này là chắc chắn vì y hoàn toàn quen thuộc với những kích thước và khoảng cách *tương đối* của chúng. Y hoặc là được dạy, hoặc là tự mình khám phá ra Định luật Bode, làm thế nào mà kiến thức của y về những dinh thự ấy càng ngày càng được bổ sung thì chúng ta chỉ biết phỏng đoán, ngoại trừ việc y chắc chắn phải có một thông tin nào đó về biên độ của các hành tinh, mặc dù tính toán của y về những điều này khác với điều nay được chấp nhận ở một số phương diện nào đó.

Những bàn thờ dành cho các hành tinh nội giới tạo thành một loại cụm dinh thự không đều vốn dường như rất gần bên dưới những bức vách của Đền thờ Mặt trời vĩ đại trong khi đền thờ của các thành viên khổng lồ nơi ngoại vi thuộc gia đình Thái dương hệ lại rải rác cách quãng càng ngày càng lớn ở vùng bình nguyên cho đến khi đại biểu của Hải vương tinh xa tít mù hầu như khuất dạng ở xa xa. Những

dinh thự này khác nhau về mặt thiết kế và ta hầu như chắc chắn rằng mọi sự biến thiên đều có ý nghĩa đặc biệt cho dầu trong nhiều trường hợp chúng tôi không thể phân biệt được. Tuy nhiên có một đặc điểm mà tất cả đều chia xẻ; mỗi đền thờ đều có một mái vòm trung ương hình bán cầu mà hiển nhiên được dự định để có một quan hệ đặc biệt với tinh cầu mà nó tiêu biểu.

Mọi bán cầu này đều được sơn phết rực rỡ, mỗi bán cầu có màu sắc mà truyền thống Chaldea gắn liền với hành tinh đặc biệt của nó. Chúng tôi không rõ lắm với nguyên tắc chọn lựa màu sắc này, nhưng sau này chúng tôi sẽ trở lại vấn đề ấy khi chúng tôi khảo sát việc phụng tự trong những lễ hội lớn. Các mái vòm này tuyệt nhiên không có cùng tỉ lệ với kích thước của các đền thờ riêng biệt, nhưng khi so sánh với nhau thì chúng tỏ ra tương ứng mật thiệt với kích thước của những hành tinh mà chúng tiêu biểu. Đối với Thủy tinh, Kim tinh, Mặt trăng và Hỏa tinh thì số đo của người Chaldea về kích thước tương đối của chúng tương ứng chính xác với số đo của ta; nhưng Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên vương tinh và Hải vương tinh mặc dù vô cùng lớn hơn nhóm bên trong song dứt khoát nhỏ hơn kích thước mặc định nếu chúng được kiến tạo theo cùng một thang đo mà chúng ta đã tính toán theo đó.

Điều này có thể là do người ta dùng một tiêu chuẩn khác đối với các bầu hành tinh khổng lồ, nhưng chúng tôi thấy rất có thể là tỉ lệ của người Chaldea lại chính xác, còn tỉ lệ trong khoa thiên văn học hiện đại đã đánh giá quá lớn kích thước của các hành tinh ngoài rìa mãi đến nay thì người ta mới xác lập được sự việc bề mặt mà người ta thấy trong trường hợp Thổ tinh hoặc Mộc tinh vốn là bề mặt của một lớp vỏ mây sâu và dày đặc chứ tuyệt nhiên không phải là cơ thể của hành tinh; nếu quả thật như vậy thì phép biểu diễn của người Chaldea về những bầu hành tinh này cũng chính xác như những thứ khác trong hệ thống ấy. Một điều khác nữa ủng hộ cho điều gợi ý như thế nếu ta chấp nhận nó, đó là việc các thiên văn gia thường gán cho các hành tinh ngoài rìa tỉ trọng vô cùng thấp. Điều này ắt khiến cho chúng gần như ăn khớp với tỉ trọng của những thế giới khác trong tầm hiểu biết của chúng ta.

Có một số chi tiết kỳ lạ phối hợp lại cho ta thấy rằng người thiết kế ra những bàn thờ đẹp đẽ này ắt phải hiểu biết rốt ráo về Thái dương hệ. Người ta đã biểu diễn thích đáng Hỏa vương tinh là hành tinh gần Mặt trời hơn Thủy tinh; còn vị trí trong hệ thống mà trái đất lẽ ra phải chiếm thì lại có đền thờ Mặt trăng; một đền thờ lớn mặc dù bán cầu che mái vòm cho nó dường như nhỏ, không đúng theo tỉ lệ nhưng được kiến tạo chính xác với cùng bậc thang đó như những thứ kia. Kế cận đền thờ Mặt trăng này lại nổi lên một mái vòm đơn độc làm bằng đá hoa cương màu đen do

những cột trụ chống đỡ, kích thước của nó rõ rệt là được dự tính để tiêu biểu cho trái đất, nhưng không có điện thờ nào thuộc loại gắn liền với nó.

Trong khoảng trống (được tính toán hoàn toàn chính xác) ở giữa Hỏa tinh và Mộc tinh không thấy có đền thờ nào; nhưng số cột, mỗi cột tận cùng bằng một mái vòm nho nhỏ có dạng bán cầu thông thường; chúng tôi giả định rằng những mái vòm này được dự tính để biểu diễn các tiểu hành tinh. Mọi hành tinh có vệ tinh đều được biểu thị kỹ lưỡng bằng những mái vòm phụ có kích thước đúng mức bố trí xung quanh mái vòm sơ cấp và các vành đai của Thổ tinh cũng được biểu thị rõ rệt.

Vào ngày lễ hội chính yếu của bất kỳ hành tinh nào thì mọi kẻ tôn thờ Tinh quân tương ứng (hiện nay ta bảo là những người ấy sinh ra dưới hành tinh đó) mang ở trên bộ quần áo mặc thường ngày của mình một áo khoác hoặc một đạo bào có màu sắc được coi là linh thiêng đối với hành tinh ấy. Những màu này đều cực kỳ chói sáng và vải mặc là một loại sa tanh bóng láng sao cho tác dụng của nó thường nổi bật nhất là nhiều màu sắc đều có một sắc thái khác ẩn bên dưới giống như cái mà ta gọi là lụa có sắc thái lốm đốm. Mặc dù danh sách của những màu sắc này ắt là thú vị như ta đã nhận xét trước kia, song lý do khiến họ chọn như vậy đâu phải lúc nào cũng rõ ràng.

Y phục mà những kẻ thờ Mặt trời khoác lấy là những loại vải lụa tế nhị rất đẹp. Tất cả đều dệt bằng chỉ màu hoàng kim sao cho nó có vẻ quả thật là một tấm vải bằng vàng. Nhưng ta biết hiện nay vải bằng vàng có kết cấu thô dày không uốn cong được, còn vải này linh hoạt đến nỗi nó có thể gấp lại như muslin.

Sác thái của Hỏa vương tinh là màu lửa, nổi bật, sặc sỡ và cá biệt, có thể tiêu biểu cho việc Hỏa vương tinh rất gần Mặt trời và ở đó ta phải có tình huống vật lý bốc lửa.

Thủy tinh được tiêu biểu bằng một sắc cam óng ánh đệm thêm màu vàng chanh – sắc thái này thường được thấy trong hào quang của các tín đồ cũng như y phục của họ; mặc dù trong một số trường hợp màu sắc nổi bật trong hào quang dường như có thể giải thích được những sự chọn lựa này, song có những trường hợp khác ta khó lòng áp dụng được như vậy.

Những người thờ Kim tinh xuất hiện với bộ đồ màu xanh da trời thuần khiết dễ thương được thêu bằng chỉ ẩn bên dưới màu xanh lá cây lợt, điều này khiến cho toàn bộ có vẻ óng ánh ngũ sắc khi người mặc quần áo ấy di chuyển.

Y phục của Mặt trời dĩ nhiên là vải trắng, nhưng được dệt thêm những sợi chỉ màu bạc cho nên thực tế ta có thể gọi đó là vải bằng bạc cũng như vải Mặt trời là vải bằng vàng.Tuy nhiên khi có mặt vải loại ánh sáng thì bộ y phục Mặt trăng này phô ra những sắc thái đẹp đẽ màu tím lợt vốn làm tăng cường tác dụng của nó thêm nhiều.

Hỏa tinh khiến cho tín đồ phải mặc quần áo thích đáng màu đỏ thẩm rực rỡ lộng lẫy nhưng ẩn bên dưới là sắc thái đỏ như son và sắc thái này hầu như thay thế cho nó khi ta nhìn theo một vài góc độ nào đó. Màu này hoàn toàn không thể nhầm lẫn được và khác hẳn màu của Hỏa vương tinh hoặc Thủy tinh. Nó có thể gợi ta nhớ tới dáng vẻ của hào quang hoặc sắc thái đỏ hung hung của bầu hành tinh vật lý.

Mộc tinh khoác lấy cho các con của mình một loại vải kỳ diệu óng ánh màu xanh da trời và màu tím, lốm đốm ở mọi chỗ là những vết nho nhỏ màu bạc không dễ gì gán cho điều này bất cứ lý do nào ngoại trừ việc quả thật nó lại có thể do sự liên tưởng tới hào quang.

Những người thờ Thổ tinh mặc quần áo màu xanh lá cây trong trẻo như lúc Mặt trời lặn, ẩn bên dưới có sắc thái màu xám như ngọc trai. Còn những người sinh dưới Thiên vương tinh mặc quần áo màu xanh da trời sẫm huy hoàng, đó là một màu không thể tưởng tượng được ở miền nam Đại tây dương, mà ai chưa từng thấy thì không thể biết được. Quần áo dành cho Hải vương tinh ít đáng chú ý hơn hết vì nó là màu chàm sẫm trông cũng thường thường, mặc dù dưới ánh sáng rực rỡ thì nó cũng phô ra một sự phong phú, bất ngờ.

Vào mỗi kỳ lễ hội chính của bất kỳ hành tinh nào thì các tín đồ đều xiêm y lộng lẫy diễn hành thành từng đám rước tới tận đền thờ được trang điểm bằng những vòng hoa, mang theo cờ xí và gậy gộc dát vàng hát vang lừng bầu không khí. Những sự phô trương lực lượng hào hùng nhất là vào một trong các đại lễ của thần Mặt trời khi dân chúng tụ tập lại, mỗi người mặc quần áo diêm dúa theo vị Tinh quân giám hộ của mình, đám đông rồng rồng rắn rắn đi diễn long trọng quanh đền thờ Mặt trời. Vào dịp như thế thì những người thờ Mặt trời tràn ngập dinh thự lớn trong khi sát tường là băng nhóm Hỏa vương tinh đang diễn hành, kế tiếp bên ngoài họ là nhóm Thủy tinh rồi tới những người thờ Kim tinh v.v… Mỗi hành tinh được đại diện theo thứ tự vị trí của nó đối với Mặt trời. Toàn khối dân chúng ấy xếp hàng thành những vòng tròn đồng tâm màu sắc chớp lóe xoay chầm chậm đều đều vòng tròn giống như một bánh xe sống động khổng lồ và dưới ánh sáng sống động tràn ngập tuôn ra từ Mặt trời vùng nhiệt đới, có lẽ họ tạo thành một phong cảnh rực rỡ mà thế gian đã từng chứng kiến.

Để cho ta có thể tường thuật những nghi thức còn thú vị hơn nữa xảy ra vào những dịp ấy bên trong đền thờ lớn của Mặt trời, ta cần thử toan tính miêu tả dáng vẻ và sự bày trí của nó – bình diện chính có hình chữ thập với một khoảng trống rộng hình tròn (được che phủ bằng mái vòm hình bán cầu) nơi các cánh tay đòn của hình chữ thập giao nhau. Ta sẽ có được một hình ảnh chính xác hơn nếu thay vì nghĩ tới nhà thờ hình chữ thập thông thường với gian giữa, cánh nhà thờ phía đông và cánh ngang nhà thờ thì ta lại hình dung ra một phòng lớn hình tròn có mái vòm giống như phòng đọc sách ở bảo tàng viện nước Anh để rồi hình dung ra bốn gian giữa khổng lồ mở ra bốn hướng, trên la bàn vì mọi cánh tay đòn của chữ thập đều dài bằng nhau. Sau khi đã ổn định bộ phận ấy trong bức tranh thì ta phải thêm vào bốn lối ra lớn giữa các cánh tay đòn của chữ thập dẫn vào những sảnh đường rộng lớn có các bức vách uốn cong và gặp nhau ở tận điểm mút, sao cho sàn của chúng có hình dạng một chiếc lá khổng lồ hoặc cánh của một đóa hoa. Thật vậy, mặt đất bình diện của đền thờ có thể được miêu tả là một chữ thập có tay đòn bằng nhau cẩn trên một đóa hoa đơn giản có bốn cánh sao cho các cánh tay đòn nằm bên giữa các đóa hoa.

Vì vậy một người đứng ở trung tâm bên dưới mái vòm ắt thấy được những viễn cảnh trải dài từ phía mình ra mọi hướng. Toàn thể cấu trúc này được định hướng cẩn thận sao cho các cánh tay đòn của chữ thập nhằm chính xác vào các phương chính. Đầu mút ở phía nam vẫn được mở rộng tạo thành lối vào chính đối diện với bàn thờ lớn đặt ngay đầu mút của cánh tay đòn phía bắc. Các cánh tay đòn phía đông và phía tây cũng có bàn thờ với kích thước khổng lồ theo quan điểm của chúng ta mặc dù nhỏ hơn nhiều so với kết cấu chính ở đầu mút phía bắc.

Những bàn thờ ở phía đông và phía tây này dường như hoàn thành một mục đích giống như các bàn thờ được hiến cho Đức Mẹ Đồng trinh và thánh Joseph trong nhà thờ chính Công giáo, vì một bàn thờ để dành cho Mặt trời, còn bàn thờ kia dành cho Mặt trăng và một số việc phụng tự hằng ngày có liên quan tới hai tinh cầu này được cử hành ở những bàn thờ ấy; tuy nhiên bàn thờ lớn ở phía bắc là chỗ mà mọi đám đông lớn nhất tụ tập lại, nơi cử hành những nghi thức lớn nhất, sự bài trí đồ đạc của nó thật là kỳ lạ và thú vị.

Trên bức vách đằng sau nó ở chỗ có "cửa sổ phía đông" trong nhà thờ thông thường – ngoại trừ nhà thờ ở phương bắc – có treo một tấm gương lõm khổng lồ lớn hơn hẳn so với bất cứ thứ gì chúng tôi đã tìm thấy trước đó. Nó làm bằng kim loại, rất có thể là bằng bạc và được đánh bóng tới mức tối đa. Quả thật người ta nhận xét

rằng việc chăm sóc nó, giữ cho nó được sáng bóng không vướng một chút bụi nào, việc này được coi là một bổn phận tôn giáo có tính cách bắt buộc nhất. Cái mỏ vịt khổng lồ ấy được cắt ra hoàn hảo như thế nào, làm thế nào mà trọng lượng khổng lồ của chính nó lại không làm nó méo mó, đây là những vấn đề nghiêm trọng đối với các nghệ nhân thời nay của chúng ta, nhưng cổ nhân đã giải quyết thành công những vấn đề ấy từ lâu rồi.

Dọc theo trung tâm của mái vòm che phủ tay đòn khổng lồ phía bắc của thập tự giá có một khe hẹp mở ra trên bầu trời sao cho ánh sáng của bất kỳ ngôi sao nào tình cờ chính xác ngay trên đường kinh tuyến sẽ rọi thẳng vào trong đền thờ và rớt xuống cái gương lớn. Gương lõm có một tính chất mà ai cũng biết là nó tạo thành ở tiêu điểm trong không khí phía trước mặt nó một ảnh của bất cứ điều gì được phản chiếu trong nó; các vị tu sĩ đã khéo dùng nguyên tắc này (có lẽ họ đã sử dụng nó) để thu thập và ứng dụng ảnh hưởng của mỗi hành tinh vào lúc nó đạt quyền năng lớn nhất. Một cái bệ đỡ một lò than hồng được gắn vào dưới nền nhà bên dưới tiêu điểm của cái gương, và ngay khi một hành tinh đi ngang qua kinh tuyến (nghĩa là ở trên đỉnh đầu) và do đó rọi xuống qua cái khe ở trên mái thì người ta ném vào than hồng một lượng hương trầm tỏa ngát hương thơm. Một cột trụ ánh sáng gồm có khói màu xám lợt ngay tức khắc bốc lên và ở giữa đó lóe lên hình ảnh sống động của ngôi sao. Thế rồi những kẻ thờ cúng cúi đầu. Còn tiếng hát hân hoan của các tu sĩ vang lên; thật vậy nghi lễ này nhắc ta nhớ tới khá nhiều việc dâng bánh thánh trong nhà thờ công giáo.

Khi cần thiết thì người ta lại đưa một bộ phận máy móc đi vào hoạt động tức là một cái gương tròn phẳng có thể được hạ thấp xuống từ trên mái theo những đường sao cho nó chiếm chính xác vị trí tiêu điểm của cái gương lớn. Gương này bắt được hình ảnh phản chiếu của hành tinh và khi ta cho nó nghiêng đi thì ánh sáng tập trung mà ta nhận được từ gương lõm có thể được tuôn xuống một vài điểm trên sàn của đền thờ. Ở trên những điểm này người ta đặt sẵn những người đau ốm mà xét ra ảnh hưởng đặc biệt ấy có lợi trong khi người tu sĩ cầu nguyện Chơn linh hành tinh tuôn đổ sự chữa trị và sức mạnh xuống cho bệnh nhân; chắc chắn là những sự chữa trị thường tưởng thưởng cho nỗ lực của họ mặc dù đức tin có thể đóng một vai trò lớn trong việc đạt được kết quả ấy.

Việc thắp sáng một vài loại lửa thiêng khi chính Mặt trời băng ngang qua kinh tuyến cũng được thành tựu nhờ vào cơ cấu ấy mặc dù một trong những nghi thức thú vị nhất có bản chất này luôn luôn được cử hành ở bàn thờ phía tây. Trên bàn

thờ này luôn luôn bốc cháy cái gọi là lửa thiêng của Mặt trăng và lửa này chỉ được phép tắt ngúm mỗi năm một lần vào đêm trước kỳ Xuân phân. Sáng hôm sau, các tia nắng Mặt trời khi đi qua lỗ hở bên trên bàn thờ phía đông sẽ rớt thẳng xuống lỗ hở ở đầu mút phía tây và nhờ vào một bầu thủy tinh chứa đầy nước treo lủng lẳng trên đường đi và đóng vai trò một thấu kính, chính Mặt trời sẽ thắp sáng trở lại cho lửa thiêng của Mặt trăng; bây giờ nó được canh chừng cẩn thận và giữ cho cháy mãi một năm nữa.

Bề mặt phía trong của mái vòm lớn được sơn vẽ để biểu diễn bầu trời ban đêm và nhờ vào một cơ cấu phức tạp nào đó người ta khiến cho các chòm sao chính di chuyển bên trên nó đúng hệt như những ngôi sao có thực đang di chuyển ra phía ngoài, sao cho vào bất cứ lúc nào trong ngày, hoặc vào một đêm trời phủ mây, một người thờ cúng luôn luôn có thể nói vị trí chính xác trong đền thờ của bất kỳ cung hoàng đạo nào cùng với đủ thứ hành tinh liên quan tới chúng. Các tinh cầu được dùng để biểu diễn các hành tinh và vào thời ban sơ của tôn giáo này cũng đúng như vào thời ban sơ của các Bí pháp, các tinh cầu này là những thứ hiện hình thật sự mà các vị Đạo sư Cao đồ khiến cho tồn tại và di chuyển thoải mái trên không trung, nhưng trong cả hai trường hợp vào thời buổi sau này khi những người kém tiến hóa hơn đã thế chỗ cho các Đấng cao cả ấy thì thật là khó lòng hoặc không thể nào tiến hành việc hiện hình đúng mức, do đó vị trí của chúng được lấp đầy bằng những khí cụ cơ giới tinh xảo – một loại hành tinh hệ giả tạo ở qui mô khổng lồ. Phía ngoài của mái vòm khổng lồ này có dát vàng mỏng và thật đáng chú ý là trên bề mặt đó có một tác dụng lốm đốm kỳ lạ hiển nhiên được dự tính để biểu diễn cái gọi là những "lá liểu" hoặc "hạt thóc" (đốm đen trên Mặt trời).

Có một đặc điểm thú vị nữa trong đền thờ này là một phòng dưới đất hoặc hầm kín vốn được dành cho các tu sĩ độc quyền sử dụng, hiển nhiên là để tham thiền và tu dưỡng. Ánh sáng duy nhất chấp nhận được phải đi qua những lớp dày một chất giống như pha lê có đủ màu sắc khác nhau vốn được để cho đi vào nền nhà trong nhà thờ, nhưng chúng được bố trí để phản chiếu các tia sáng mặt trời qua môi trường ấy khi cần thiết, vị tu sĩ đang thực hành tham thiền để cho ánh sáng phản chiếu rớt xuống đủ thứ trung tâm lực trong cơ thể - đôi khi rớt vào giữa hai mắt, đôi khi rớt vào chót xương sống v.v... Điều này rõ ràng tự giúp cho sự phát triển quyền năng bói toán, thần nhãn và trực giác; hiển nhiên việc sử dụng một màu ánh sáng đặc thù nào đó tùy thuộc chẳng những vào mục đích mà người ta mưu cầu, mà còn tùy thuộc vào hành tinh hoặc loại hình của vị tu sĩ nữa. Ta cũng lưu ý thấy

rằng ở đây có sử dụng cây thyrsus tức là thần trượng trống rỗng có tích đầy lửa điện hoặc lửa sinh động giống như lửa trong các Bí pháp Hi lạp.

Một bộ phận thú vị của việc nghiên cứu tôn giáo nơi thế giới xưa cũ này là nỗ lực tìm hiểu chính xác các vị đạo sư ngụ ý muốn nói gì khi nhắc tới Tinh quân tức là Chơn linh của một ngôi sao. Chỉ cần khảo cứu kỹ lưỡng một chút thì cũng chứng tỏ rằng các thuật ngữ này mặc dù đôi khi đồng nghĩa với nhau nhưng không luôn luôn như thế vì chúng dường như bao gồm ít ra là ba quan niệm khác hẳn nhau bên dưới cùng một tiêu ngữ "Chơn linh của hành tinh".

Một là họ tin tưởng vào sự tồn tại của một thực thể kém phát triển bán thông tuệ, thế nhưng cực kỳ hùng mạnh liên quan tới mỗi hành tinh mà theo thuật ngữ Thông Thiên Học của ta thì có lẽ diễn tả tốt nhất là tinh hoa ngũ hành tập thể của hành tinh ấy, được coi như một tạo vật khổng lồ. Trong trường hợp con người, ta biết rằng tinh hoa ngũ hành cấu tạo thành thể vía của y thực ra đã trở thành một thực thể riêng biệt đôi khi được gọi là tinh linh dục vọng. Nhóm loại hình và lớp khác nhau tổ hợp thành một đơn vị tạm thời có thể hành động dứt khoát để tự vệ chẳng hạn như chống lại quá trình tan rã bắt đầu sau khi thể xác chết. Nếu cũng giống như thế, chúng ta có thể quan niệm ra toàn thế giới tinh hoa ngũ hành trong một hành tinh đặc biệt đang cấp năng lượng nói chung, thì ta sẽ lĩnh hội được chính xác thuyết mà người Chaldea thời xưa chủ trương đối với biến thái đầu tiên của Chơn linh hành tinh này mà nếu ta gọi là "tinh linh hành tinh" thì ắt thỏa đáng hơn nhiều. Họ cố gắng tập trung ảnh hưởng (hoặc có lẽ là từ khí) của tinh linh hành tinh này lên trên những người bị mắc một bệnh nào đó, hoặc là nhốt ảnh hưởng ấy vào trong một lá bùa để dùng trong tương lai.

Các tu sĩ chủ trương rằng các hành tinh vật lý mà ta thấy được dùng để biểu thị vị trí hoặc tình huống của các trung tâm lực lớn trong cơ thể chính THƯỢNG ĐẾ; thông qua mỗi một trong những trung tâm lực lớn này có trào dâng ra một trong mười loại tinh hoa ngũ hành, nhờ đó vạn vật mới được xây dựng bằng tinh hoa ấy. Mỗi một trong các loại tinh hoa này khi xét tự thân nó cũng được đồng nhất hóa với một hành tinh và điều này cũng thường được gọi là Chơn linh hành tinh, như vậy khiến cho thuật ngữ ấy có một nghĩa khác hẳn, theo ý nghĩa này thì người ta bảo Chơn linh của mỗi hành tinh vốn hiện diện khắp nơi trong Thái dương hệ, hoạt động bên trong của mỗi con người và biểu lộ qua những hành động của họ, biểu lộ qua một vài loại cây cỏ hoặc khoáng vật ban cho chúng những đặc tính riêng biệt nào đó. Dĩ nhiên là ta có thể tác động lên Chơn linh hành tinh này bên trong con

người dựa vào tình huống của trung tâm lực lớn có liên quan tới nó và chính mọi lời cảnh báo chiêm tinh học đều được đưa ra liên quan tới Chơn linh này.

Tuy nhiên khi người Chaldea cầu khấn sự ban phước của Chơn linh hành tinh tức là nhờ vào tham thiền tha thiết và kính cẩn cố gắng vươn lên hướng về phía Ngài thì họ lại dùng thành ngữ ấy theo nghĩa khác nữa. Họ nghĩ rằng mỗi một trong các trung tâm lực lớn này khai sinh ra và hoạt động thông qua trọn cả một huyền giai các đại Chơn linh, đứng đầu mỗi một trong các huyền giai này là một Đấng cao cả chủ yếu được gọi là Chơn linh hành tinh hoặc thường được gọi là Tinh quân. Những người đặc biệt sinh ra dưới ảnh hưởng của Ngài thường mưu cầu sự ban phước của Ngài và họ coi Ngài giống như các vị Tổng thiên thần vĩ đại giống như một Kitô hữu thuần thành sùng bái "bảy Chơn linh trước ngai Thượng đế" - đó là một thừa tác viên hùng mạnh nắm giữ quyền năng thiêng liêng của THƯỢNG ĐẾ, một kinh dẫn mà sự rực rỡ không nguôi biểu lộ thông qua đó. Người ta xì xào bàn tán rằng khi lễ hội của một hành tinh đặc biệt nào đó được cử hành trong đền thờ lớn, khi đến đúng lúc lúc quyết định hình ảnh của ngôi sao chói sáng giữa đám mây hương trầm thì những kẻ nào nhiệt thành sùng tín đến nỗi mắt thần mở ra đôi khi thấy được hình tướng uy nghi của tinh quân lượn lờ bên dưới bầu tinh cầu cháy rực sao cho nó chói sáng lên trán y giống như khi ngài nhìn xuống ban phước cho những kẻ sùng bái có liên quan mật thiết với Ngài trong cơ tiến hóa.

Một trong những giáo điều của tín ngưỡng thời xưa cho rằng trong những trường hợp hiếm có, những người tiến hóa cao vốn đầy lòng sùng tín với Tinh quân có thể nhìn vào sự căng thẳng trong lúc tham thiền kéo dài liên tục mà nâng mình lên vượt ra khỏi thế giới phàm tục nhập vào thế giới của Ngài; nghĩa là thay đổi toàn bộ lộ trình tiến hóa của mình để cho kiếp tới không tái sinh trên hành tinh này nữa mà tái sinh trên hành tinh của Ngài; tài liệu ghi chép trên đền thờ có ghi nhận trường hợp những tu sĩ làm như thế và chuyển qua mức vượt tầm hiểu biết của con người. Người ta chủ trương rằng trong lịch sử đã từng xảy ra một hai lần liên quan tới cấp độ còn cao hơn nữa là các Đấng thiêng liêng Thái dương vốn được coi là thuộc về những định tinh xa tít mù ngoài tầm Thái dương hệ hoàn toàn. Nhưng người ta coi những điều ấy là những chuyến bay mạo hiểm vào vùng chẳng ai biết và ngay cả những tu sĩ cao cấp vĩ đại nhất cũng lặng thinh không dám khuyên người khác làm như vậy.

Mặc dù hiện nay ta thấy các phương pháp này dường như kỳ lạ vì khác hẳn bất cứ thứ gì được dạy dỗ cho ta trong khi nghiên cứu Thông Thiên Học, ta cũng thật dại

khờ khi chỉ trích họ hoặc nghi ngờ điều đó vì xét về những điều hấp dẫn họ thì chúng cũng có thể hữu hiệu như đối với những điều hấp dẫn chính chúng ta. Ta biết rằng trong Quần tiên hội có nhiều Chơn sư và mặc dù những phẩm tính cần thiết cho mỗi bước trên Thánh đạo đều giống nhau đối với mọi ứng viên, thế nhưng mỗi bậc đại đạo sư đều chọn cho học trò của mình phương pháp dọn mình nào mà ngài thấy là thích hợp với họ nhất; và bởi vì mọi con đường ấy đều dẫn lên đỉnh núi giống như nhau, cho nên ta không thể nói được đâu là con đường ngắn nhất hoặc tốt nhất cho người lân cận của mình. Đối với mỗi người đều có một con đường ngắn nhất, nhưng con đường nào thì còn tùy thuộc vào vị trí mà y khởi hành từ đó. Trông mong rằng mọi người đều tụ tập tới xuất phát điểm của ta rồi sử dụng con đường của ta, ắt rớt vào ảo tưởng nảy sinh từ lòng kiêu mạn, và vô minh vốn làm mờ mắt của người mộ đạo ngu tín. Chúng ta không được dạy dỗ để tôn thờ các đại Tinh quân hoặc đặt ra trước mắt ta mục tiêu có thể gia nhập đường tiến hóa Thiên thần vào một giai đoạn tương đối sơ khai; nhưng chúng ta nên luôn luôn nhớ rằng có những đường lối khác về Huyền bí học vượt ngoài hình thức đặc biệt mà Thông Thiên Học đã giới thiệu với chúng ta và ta biết rằng ngay cả trong đường lối của chính mình thì ta cũng chẳng biết được bao nhiêu.

Có lẽ ta nên tránh dùng từ ngữ "sùng bái" khi miêu tả xúc cảm của người Chaldea đối với Tinh quân, vì ở phương Tây từ ngữ này luôn luôn gây ra hiểu lầm; nói cho đúng hơn thì đó là lòng quyến luyến sâu sắc sự kính ngưỡng và trung kiên mà chúng ta cảm thấy đối với các Chơn sư Minh triết.

Tôn giáo Chaldea này rất gần gũi với tấm lòng của người dân và chắc chắn trong trường hợp đa số mọi người nó đã sản sinh ra những sinh hoạt tốt đẹp và ngay thẳng. Các tu sĩ là những người rất có học thức theo kiểu của riêng mình về một vài đường lối nào đó, cho nghiên cứu rất sâu về lịch sử và thiên văn học, tự nhiên là họ gộp cả hai khoa học này lại với nhau, luôn luôn xếp loại các diễn biến trong lịch sử theo mối quan hệ giả định của chúng với đủ thứ chu kỳ thiên văn học. Họ cũng rất tinh thông hóa học và sử dụng một số tác dụng của nó trong nghi lễ. Chúng tôi lưu ý thấy trường hợp một tu sĩ đứng trên mái phẳng của một trong các đền thờ, cầu khẩn với lòng sùng tín riêng tư một trong các Chơn linh hành tinh. [2]

Ông cầm trên tay một cây gậy dài, đầu mút có một chất nào đó trông giống như nhựa đường, ông bắt đầu cầu khẩn bằng cách dùng cây gậy vẽ những ký hiệu chiêm tinh học của hành tinh ấy trên lớp lát đá ở phía trước mặt mình, chất này để lại một dấu sáng chói theo kiểu lân quang bên trên tảng đá hoặc bề mặt thạch cao.

Theo thông lệ thì mỗi tu sĩ đều tiến hành nghiên cứu đặc biệt qua đường lối mà mình đặc biệt chuyên tâm. Một nhóm rất tinh thông về y học thường xuyên nghiên cứu tính chất của đủ thứ dược thảo và thuốc men khi được điều chế qua sự tổ hợp của các ảnh hưởng tinh tú; một nhóm khác đặc biệt chú ý tới nông nghiệp quyết định xem loại đất nào thích hợp nhất với loại hoa màu nào, làm sao cải tiến được điều ấy – họ cũng làm việc để trồng trọt đủ loại cây có ích, tạo ra những loại mới, trắc nghiệm tính nhanh chóng và sức mạnh của sự tăng trưởng của chúng bên dưới những lồng kính có màu sắc khác nhau v.v... Ý tưởng dùng ánh sáng màu để khuyến khích sự tăng trưởng vốn chung cho nhiều giống dân Atlantis thời xưa và là một phần của giáo huấn thoạt tiên được rao giảng ở chính châu Atlantis. Một bộ môn khác tự tổ chức thành một loại văn phòng thời tiết và dự báo vô cùng chính xác cả những thay đổi thời tiết thông thường lẫn bất kỳ sự xáo trộn đặc biệt nào như bão, gió lốc hoặc mây bị tan biến. Về sau thì bộ môn này trở thành một loại bộ trong chính phủ và các tu sĩ dự báo thời tiết không chính xác đều bị bãi nhiệm vì thiếu khả năng.

Người ta coi là rất quan trọng đối với những ảnh hưởng trước khi sinh ra, một sản phụ được lệnh phải sống ẩn dật theo một loại giống như một nửa tu viện trong một vài tháng trước và sau khi sinh. Giống như ở Peru việc bố trí giáo dục của quốc gia không trực tiếp nằm trong tay giới tu sĩ, mặc dù chính họ tính toán – hiển nhiên trong một số trường hợp nhờ vào thần nhãn – quyết định xem đứa trẻ thuộc về hành tinh nào. Những đứa trẻ gắn liền với một hành tinh dặc thù phải theo học ở trường của hành tinh đó, thụ giáo với những thầy giáo thuộc loại giống như mình sao cho những đứa trẻ Thổ tinh tuyệt nhiên không được phép đi học ở một trường Mộc tinh hoặc những đứa trẻ Kim tinh lại được dạy dỗ bởi một người sùng bái Thủy tinh. Việc huấn luyện cho đủ loại hình này khác nhau rất nhiều, trong mỗi trường hợp thì mục đích là để phát triển những đức tính cũng như đối trị với các khuyết điểm mà kinh nghiệm lâu dài đã chuẩn bị sẵn cho các thầy cô mong đợi là loại trẻ trai trẻ gái đặc biệt ấy sẽ bộc lộ ra.

Mục tiêu giáo dục đối với họ hầu như hoàn toàn là đức dục; trí dục hoàn toàn chiếm vị trí thứ yếu. Mọi đứa trẻ đều được dạy dỗ loại chữ tượng hình kỳ lạ của xứ mình, toán học đơn giản sơ cấp và ngoài những thứ ấy ra thì chúng tôi nhận thấy chẳng còn môn học nào khác ở nhà trường. Nhiều giáo điều hoặc nói cho đúng hơn huấn điều luân lý phải học thuộc lòng, tất cả đều nêu rõ cách ứng xử người ta trông mong nơi "một đứa con của Hỏa tinh", hành tinh – hoặc tùy trường hợp có thể là Kim tinh hoặc Mộc tinh – vốn có thể được khơi dậy trong đủ thứ tình huống khác nhau;

người ta chỉ học văn học dưới dạng một phần bình luận đồ sộ vô tận về những tình huống này, đầy dẫy những câu chuyện vô tận về các cuộc phiêu lưu và tình huống mà vị anh hùng phải ứng phó đôi khi khôn ngoan, đôi khi dại khờ. Người ta dạy cho đám trẻ phải biết phê bình, dạy hết lý do tại sao mình có ý kiến như thế và miêu tả mình sẽ hành động theo kiểu nào khác với cách ứng xử của vị anh hùng trong những tình huống giống như thế.

Mặc dù lũ trẻ phải đi học nhiều năm, nhưng trọn cả thời gian của chúng đều mất công làm quen với (chẳng những về mặt lý thuyết mà còn có thể là về mặt thực tiễn nữa) các giáo huấn của điều có thể gọi là *Quyển sách Bổn phận* cồng kềnh này. Để gây ấn tượng của các bài học ấy minh tâm khắc cốt nơi đứa trẻ, người ta trông mong chúng sẽ đóng vai đủ thứ nhân vật chính trong các câu chuyện này và diễn tuồng như thể trên sân khấu. Bất cứ thiếu niên nào tỏ ra có năng khiếu về lịch sử, toán học, nông học, hóa học hoặc y học thì khi tốt nghiệp có thể xin học việc với bất cứ tu sĩ nào là chuyên viên thuộc một trong các đề tài ấy; nhưng chương trình học không bao gồm bất cứ chuyên ngành nào cũng không chuẩn bị cho chúng nghiên cứu vượt quá mức chuẩn bị tổng quát mà giả định rằng mọi người đều thích ứng với bất cứ điều gì có thể xảy ra.

Nền văn học của dân tộc này không phát triển lắm. Tàng thư chính thức được giữ kỹ, việc chuyển nhượng đất đai được đăng ký trước bạ. Những sắc lệnh và tuyên cáo của nhà Vua luôn luôn được lập hồ sơ để tham chiếu; nhưng mặc dù các tài liệu này cung cấp được cho sử gia tư liệu tuyệt vời cho dân khá khô khan thì vẫn không có một vết tích nào cho thấy người ta đã từng viết ra bất kỳ lịch sử mạch lạc nào. Lịch sử được truyền khẩu theo truyền thuyết và một vài giai đoạn lịch sử được lập thành bảng biểu liên quan tới những chu kỳ thiên văn nhưng các sử liệu này chỉ là các bảng niên đại học chứ không phải là lịch sử theo đúng nghĩa mà ta dùng.

Thi ca được biểu diễn bởi một loạt các thánh thư vốn tường trình rất biểu tượng và bóng gió về nguồn gốc của các thế giới và loài người, cũng như một số thơ trữ tình và chuyện anh hùng biểu dương nghĩa cử của các anh hùng thần thoại. Tuy nhiên những truyện thơ này không được viết ra mà chỉ được trao truyền từ người kể chuyện này sang người kể chuyện kia. Người dân cũng giống như nhiều dân tộc Đông phương khác rất thích nghe và ứng khẩu sáng tác những chuyện này cũng như nhiều đề tài truyền thống thuộc loại này đã được lưu truyền qua các thế kỷ từ điều hiển nhiên là một thời kỳ xa xăm của nền văn minh thô thiển hơn nhiều.

Từ một số huyền thoại thời sơ khai, ta có thể xây dựng lại phần phác họa thô sơ về lịch sử thời xưa của loài người. Đại đa số quốc gia này rõ ràng là thuộc dòng dõi dân Turania thuộc về giống dân phụ thứ tư của Căn chủng Atlante. Xét theo biểu kiến, họ có nguồn gốc là một số bộ tộc nhỏ nhoi luôn luôn thù địch với nhau, sống bằng nông nghiệp thuộc loại sơ khai nhất và chẳng biết bao nhiêu về bất cứ loại kiến trúc văn hóa nào. [3]

Trong tình huống bán dã man này vào năm 30.000 trước Công nguyên, có một lãnh tụ lớn từ phương Đông là Theodoros, một người thuộc giống dân khác sau khi dân Aryen chinh phục Ba tư và vùng Mesopotania cũng như Đức Bàn Cổ đã xác lập quyền cai trị đối với các vùng này thì ngài gửi tới đâyTheodoros giữ chức Thống đốc, dưới quyền Corona là cháu của Ngài vốn nối nghiệp ngài để cai trị xứ Ba tư [4].

Theodoros là thủy tổ của dòng dõi hoàng gia xứ cổ Chaldea, một dòng dõi khác nhiều với các thần dân về dáng vẻ bên ngoài: khuôn mặt cương nghị, nước da màu đồng thau, đôi mắt lóng lánh lõm sâu vào. Thuật điêu khắc của Babylon mãi sau này mà chúng ta thường biết tới ắt giúp ta có được một ý niệm chính xác về loại hình hoàng gia này, mặc dù vào thời điểm đó, dòng máu Aryen đã thấm nhuần gần hết giống dân này trong khi vào thời mà ta đang nói tới thì nó hầu như chỉ thấm đượm chút ít.

Sau một thời kỳ dài vinh quang và phồn thịnh thì đế quốc Chaldea hùng mạnh này dần dần bị suy tàn và thoái hóa cho đến khi cuối cùng nó bị hoàn toàn tiêu diệt do sự xâm nhập của đội quân những kẻ dã man cuồng tín; những kẻ này có một tín ngưỡng thô thiển hơn và rất ghét mọi bằng chứng của một xúc cảm tôn giáo cao thượng và đẹp đẽ hơn chính mình với sự hăm hở quả thật mang tính thanh trừng cho nên họ tiêu diệt mọi dấu vết của những đền thờ vinh quang đã được dựng nên ân cần chăm sóc nhằm thờ phụng các đấng Tinh quân mà chúng ta đã ra sức miêu tả. Đến lượt những kẻ phá hoại này lại bị người Akkads đẩy lui ra khỏi xứ sở nhiều đồi núi tại phía Bắc – người Akkad vẫn còn là dân Atlante nhưng thuộc giống dân phụ thứ 6, và những người này dần dần trộn lẫn với đám tàn dư của giống dân cổ xưa cùng với các bộ tộc khác thuộc loại hình Turania để tạo nên quốc gia Sumiro Akkad mà Đế quốc Babylon sau này phát triển từ đó. Tuy nhiên khi nó lớn lên thì nó càng ngày càng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của sự pha trộn dòng máu Aryen, trước hết từ dân Ả rập (người Semite) rồi tới các giống dân phụ Ba tư cho đến khi ta đạt tới cái thường được gọi là thời kỳ hữu sử thì hầu như chẳng còn vết tích nào của

người Turania thời xưa lưu lại trên những khuôn mặt được khắc họa cho ta nơi các công trình điêu khắc và đồ khảm của dân Assyria.

Ít ra thì ngay từ đầu, giống dân mới sau này đã có một truyền thống mạnh mẽ của bậc tiền nhân oanh liệt cho nên nó luôn luôn cố gắng làm sống lại những tình huống và tục thờ cúng trong quá khứ. Các nỗ lực của nó chỉ thành công có một phần do thấm đượm một đức tin ngoại lai bị cản trở vì những hồi ức về một truyền thống khác mới gần đây hơn khi phải tổ hợp với một đối tác đang chiếm ưu thế thì nó chỉ tạo ra được một bản sao mờ nhạt và méo mó về tục thờ cúng nguy nga hoành tráng các Đấng Tinh quân vốn đã từng thịnh hành trong thời đại hoàng kim mà chúng ta vừa thử ra sức miêu tả.

Những bức tranh vẽ quá khứ này ắt phải là không giống thật và chỉ mờ nhạt thôi trừ phi người ta tận mắt chứng kiến, thế nhưng việc nghiên cứu chúng chẳng những có ích lợi sâu sắc cho người nghiên cứu huyền bí học mà còn có ích lợi lớn lao cho y. Nó giúp cho y mở rộng được tầm nhìn, thỉnh thoảng nó cho y thoáng nhìn thấy sự vận hành của một tổng thể lớn lao trong đó mọi điều ta có thể tưởng tượng là tiến bộ và tiến hóa thì chẳng qua chỉ giống như một bánh xe nhỏ xíu trong một cổ máy khổng lồ, giống như một đại đội nhỏ bé trong một quân đoàn lớn lao của nhà Vua. Đó cũng là một điều khích lệ cho y khi biết được một chút xíu về sự vinh quang và hùng vĩ vốn đã từng ngự trị trên vùng đất cổ xưa này của chúng ta và biết rằng đó chẳng qua chỉ là một điều dự báo mờ nhạt về sự vinh quang và mỹ lệ của điều vị lại.

Nhưng ta không được để cho cái bảng phác họa sơ sài này về hai bức hình trang trí trong thời Hoàng kim quá khứ được du nhập vào thành một phó bản trong bức tranh khổng lồ về lịch sử thế giới mà lại không đề cập tới một tư tưởng tất yếu phải nảy sinh ra đối với kẻ nào nghiên cứu chúng. Chúng ta vốn yêu thương nhân loại – chúng ta đang cố gắng trợ giúp nó trên con đường gian lao, cho dù sự trợ giúp này thật là yếu ớt – liệu ta có thể đọc biết về tình huống như ở Chaldea thời xưa và có lẽ còn nhiều hơn nữa ở Peru thời xưa, những tình huống mà trong cả một quốc gia sống cuộc đời hạnh phúc thấm đượm vị đạo, không hề bị tật sa đọa vô độ, cũng không có cảnh khủng khiếp nghèo rớt mồng tơi, liệu chúng ta có thể nào đọc biết về những tình huống ấy mà lại không có một nỗi nghi ngờ ngấm ngầm, không thắc mắc: “Liệu loài người có thể thực sự tiến hóa được như vậy chăng? Liệu loài người đã đạt tới một nền văn minh tốt đẹp như thế mà lại có thể nào bị sụp đổ tan tành không để lại dấu vết gì rồi sau đó chúng ta lại trở lại đạt đến tình trạng ấy?”.

Có chứ, bởi vì chúng ta biết rằng luật tiến hóa là luật thay đổi tuần hoàn, và theo luật tuần hoàn thì các phàm ngã, giống dân, đế quốc và các thế giới đều qua đi không trở lại nữa dưới dạng ấy vì mọi hình tướng đều phải bị tiêu diệt cho dù nó đẹp đẽ đến đâu đi nữa thì sự sống bên trong mới có thể tăng trưởng và phát triển được. Thế mà ta biết rằng định luật ấy lại là biểu hiện của Ý chí: Ý chí thiêng liêng của chính Đức THƯỢNG ĐẾ; do đó nó phải hoạt động đến mức tối đa vì ích lợi của loài người mà chúng ta yêu thương. Có ai đã từng yêu thương con người như Ngài chăng: Ngài đã xả thân để cho con người có thể tồn tại được, Ngài biết trọn cả cơ tiến hóa từ đầu chí cuối và Ngài đã mãn nguyện. Số phận con người nằm trong tay Ngài: bàn tay đang ban phước cho con người; liệu có tâm hồn nào trong đám chúng ta lại bỏ mặc số phận ấy, không bằng lòng với cốt lõi sâu xa nhất của nó khi nghe Ngài phán bảo như một bậc đại Đạo sư đã từng có lần dạy môn đồ: "Điều ta làm thì các con hiện nay không biết được đâu mà đến kiếp sau các con mới biết được"?

---

[1]Thật vậy chúng tôi có thể nói ngay rằng thuyết của Chaldea về những đề tài này hầu như cũng là thuyết mà nhiều nhà Thông Thiên Học thời nay chủ trương. Trong tác phẩm *Sách giáo khoa về Thông Thiên Học* và *Khía cạnh ẩn tàng của mọi Sinh vật*; do kết quả nghiên cứu của chính mình, Ông C.W. Leadbeater đã đưa ra một phát biểu về ảnh hưởng của các hành tinh với mọi ý định và mục đích giống hết như niềm tin mà hàng ngàn năm trước đây – do kết quả của những việc khảo cứu tương tự - Các tu sĩ ở Chaldea cũng chủ trương như thế.

tự - Các tu sĩ ở Chaldea cũng chủ trương như thế.

[2]Erato là một trong các hội viên Thông Thiên Học, một vài tiền kiếp của ông được trình bày trong loạt bài "Vén màn bí mật Thời gian" đang trên Tạp chí *Nhà Thông Thiên Học.*

[3]Đây là tình trạng của họ vào khoảng năm 75.000 trước Công nguyên khi Bàn Cổ Vaivasvata dẫn đầu đoàn lữ hành nhỏ đi ngang qua đó.

[4]Xem chương 18.